

Thư Quán

B ả n t h ả o

**Giới thiệu 3 người viết cũ với những
sáng tác hôm qua và bây giờ**



Nguyễn Lê Uyên Hoàng Ngọc Châu Nguyễn Minh

: Trò chuyện với nhà văn Nguyễn Lê Uyên/ 32
(Trần Hoài Thư & Phạm văn Nhân thực hiện)

Sưu tập:

Phạm Thiên Thư, Nguyễn Tất Nhiên,
Phan Huy Mộng, Ngy Do Thái

thơ Lâm Anh - Chiếc áo cũ/91

*...Có bóng chiều ải quan/ Có bóng
người thua trận/ Ôm bước về hoang
mang...*



**● Văn, thơ thân hữu trong và ngoài nước ■
đọc sách ■ viết chung**

Tập 31 năm thứ 7 tháng 4-2008



**Tủ sách Thư Ân quán
mới phát hành**

- Thơ Miền Nam trong thời chiến (tập I, tái bản)
- Thơ Miền Nam trong thời chiến (tập II)
- Một thời lục bát miền Nam, tháng 1-2008
- Vũ Trụ Thơ I của Đặng Tiến, tháng 2-2008
- Vũ Trụ Thơ II của Đặng Tiến, tháng 2-2008

Đang chuẩn bị:

Thơ tự do thời chiến

Vì phương tiện eo hẹp và hạn chế, sách chỉ được in theo yêu cầu. Muốn biết chi tiết xin liên lạc:

Thư Ân Quán

P.O Box 58

South Bound Brook, NJ 08880

Email: tranhuaithu@verizon.net

[http: //www.thuanquan.com](http://www.thuanquan.com)

Thư Quán Bản Thảo
Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật

Thư Quán Bản Thảo
TẬP BA MƯƠI MỐT, THÁNG TƯ, NĂM 2008

Trong số này:

■ *Viết chung* 5

■ *Giới thiệu những người viết cũ/ 30* :Nguyễn Lệ Uyên, Hoàng Ngọc Châu, Nguyễn Minh

■ *Thơ/87* : Đình Trầm Ca, Hải Phương, Cao Thoại Châu, Tô Mặc Giang, Lâm Anh, Trần văn Nam, Phan Ni Tấn, Vũ Hoàng Thư, Đỗ thị Minh Giang

■ *Truyện*: Lê Nam Phương (103), Lê Tạ Bích Đào (116), Đạm Thạch (128), Trần Bang Thạch (134), Thu Hương (143), Hoài Ziang Duy (150)

■ *Thơ* 158 : Cao vị Khanh, Khê Kinh Kha, Trần Mộng Tú, Hoàng Xuân Sơn, Kiều Mộng Hà, Vương Hồng Ngọc, Lãm Thúy, Trần Yên Hòa, Uyên Hà

■ *Truyện*: Trần Hoài Thư (170)

■ *Biên khảo/ 177* Mang Viên Long

■ *Sưu tập/187* : Phạm Thiên Thư, Nguyễn Tất Nhiên, Phan Huy Mộng

■ *Đọc sách/ 194*: Lương Thư Trung

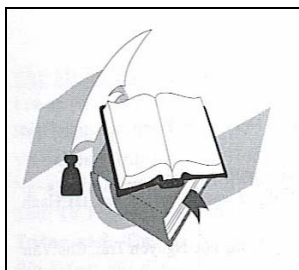
■ *Giới thiệu sách, Thư tín*: 208■

Trình bày bìa: THT

Tranh: Đề nhớ rừng cao su (Đình Cường)

Số 32 sẽ phát hành vào tháng 7-2008

Mọi trích đăng phải có sự đồng ý của TQBT



VIẾT CHUNG

PHẠM VĂN NHÂN * NG~ * CAO VỊ KHANH *
TRẦN HOÀI THU' * TRẦN BANG THẠCH *

VỀ TQBT

Phạm Văn Nhân

30 số liên tục được phát hành từ năm 2001. Bây giờ là số 31. Tháng 4 phát hành cho số báo hôm nay. Mùa xuân đến nhưng cái rét của mùa đông vẫn còn trên cái xứ nơi tôi ở. Tháng 4 tuyết vẫn còn rơi. Năm nào cũng vậy. Ngày nào có nắng xuân, có gió xuân là ngày ấy thấy khỏe trong người. Mây mù, sương giá, tuyết lạnh chỉ làm cho tôi thấy “mệt” vô cùng. Muốn đi về nơi nắng ấm, nhưng chưa được. “Cơm gạo áo tiền” vẫn còn đeo như đĩa đói. Phải bám nơi này mà sống. Chắc cũng vài năm nữa, rồi mới tính đến chuyện “đi nam”. Cứ phải dậm chân tại chỗ mà nhìn đất trời nóng lạnh, thay đổi. Và, cứ mãi làm TQBT, 31 số hôm nay, ít nhiều, cũng tạo được tiếng vang trong lòng người đọc. Một người bạn có dịp về VN (Sài gòn) gọi điện thoại cho THT, cho hay bạn bè trong nước đang “kháo nhau” về TQBT và tờ Khởi Hành. Sao không nói Hợp Lưu, Văn và những tạp chí khác. Mà lại có TQBT? Một tờ báo nghèo. Nghèo nhất hành tinh này! mà được anh em trong nước “kháo nhau” thì vui lắm đấy!

Vui lắm chứ! 31 số sống được là nhờ bạn bè cầm bút cũ và độc giả ủng hộ. Lúc đầu, những người viết còn ngại, đứng xa... nhìn tới, và nói: có lẽ, TQBT cũng chỉ là một Nhóm bạn bè hình thành nên, để rồi cùng viết cùng đọc. Ở đây xin thưa là: không có Nhóm nào cả. Một tạp chí hoàn toàn văn học, không mang xu hướng chính trị hay “mạ lì” một ai. Nếu có, chúng tôi loại ngay những bài viết ấy. Do đó, mà TQBT từ số 28 đã có nhiều cây viết mới gởi bài cho chúng tôi.

Trước hết chúng tôi xin thành thật cảm ơn những nhà văn, nhà thơ đã đóng góp để hình thành nên một tạp chí văn học hôm nay. Công sức đó của các anh chị đã làm cho bộ

mặt (chỉ về văn học) có nhiều sắc thái đổi mới hơn. Mong các anh chị tiếp tục cộng tác ở những số sau.

Với số 32 tới, phát hành vào tháng 7 năm 2008 tôi xin “thôi” không đảm trách bài vở nữa; vì sức khỏe không cho phép. Xin giao lại cho anh bạn Trần Hoài Thư tiếp tục làm. Tôi nghĩ, nhiều sáng tác sẽ hay hơn và có nhiều người cộng tác hơn; vì qua anh Trần Hoài Thư nhiều người biết.

Xin gửi bài về : tranhoaithu@verizon.net.

Lẽ tất nhiên là tôi đã thông báo đến những bạn bè tôi trong nước qua điện thư.

Tuy nhiên, dù tôi không còn đảm trách phần bài vở, nhưng tôi với anh THT luôn ở bên nhau để cùng nhau “góp ý” cho những số tiếp. Và, TQBT vẫn cố gắng tìm kiếm những bài tiểu luận văn học, hay những sáng tác thơ văn của những cây viết trước 1975 trên các tạp chí văn học, như: Thời tập, Văn, Tân văn, Văn Học, Khởi Hành, Bách Khoa cũ... để đi lại trên TQBT hòng gợi lại cho độc giả TQBT có một cái nhìn về một nền văn học miền nam đã qua. Đây cũng là một cách “sưu tầm – rất nên ” mà tôi nghĩ rất có giá trị trong kho tàng văn học hôm nay. Có điều không biết, giữa tôi với anh Trần Hoài Thư có đủ sức để “sưu tầm” hay không. Phải cố vậy!

Như trong số 31 này, sáng tác của Phạm Thiên Thư, Nguyễn Tất Nhiên, Phan Huy Mộng, Ngy Do Thái ...

Tán gẫu với NG~

Bây giờ là mùa xuân!

Nhớ hai năm về trước, nhà văn Nguyễn Lê Uyên có dịp ra Hà Nội, anh có hỏi tôi thích cái gì để anh mua gửi qua.

Tôi nói với người bạn văn năm xưa giờ vẫn còn giữ liên lạc thân tình như năm nào. Thích thì nhiều lắm. Nhưng Hà Nội có gì để cho tôi thích ? Vì HN không phải là quê tôi. Nhưng đã là con người, “hỉ, nộ, ái , ố” đây trong máu huyết thì cái gì tôi cũng thích cả, phải vậy không? Tôi nói với anh bạn cũ như thế. Tuy nhiên cái thích nhất của tôi là: Có dịp bạn qua bên làng Nhật Tân (nơi trồng Hoa Đào) bên bờ sông Hồng, hỏi và xin cho tôi ít hạt giống về loại hoa này. Xin càng nhiều càng tốt để tôi ương thành một vườn Hoa Đào, khác với loại Hoa Anh Đào của Nhật; Vì tôi thích Hoa Đào của VN hơn.

Bởi tại sao tôi thích? Vì có lần, tôi đọc trên một tờ báo phát hành bên Cali, tờ Hồn Việt thì phải? thấy có một người Việt định cư bên Pháp có giống hoa này, và ông ta sẽ vui vẻ phân phối hạt giống đến mọi nơi cho người Việt định cư bất kì ở đâu để tạo nên một vườn Hoa Đào từ giống hoa của ông. Vườn Hoa Đào của ông đã là một vườn hoa thật đẹp để cho nhiều người tới ngắm khi xuân về, theo lời ông nói như thế..

Thích qua, tôi gởi điện thư cho ông để xin những hạt giống hoa này. Nhận được điện thư của tôi, ông gởi ngay cho tôi những hạt giống từ vườn Hoa Đào của nhà ông. Và, chỉ xin trả lại cho ông một “ tem thư quốc tế” giá đâu khoảng hơn 1 đô la. Nhưng, tiếc quá, ông đã đập bỏ tất cả cái lớp vỏ bọc bên ngoài (vỏ cứng của hạt), chỉ giữ lại phần hạt bên trong. Mục đích (như ông đã nói) khi trồng mầm sẽ mọc mau hơn là để cái vỏ bọc bên ngoài. Mầm sẽ mọc lâu hơn. Nhưng, có lẽ, ông không hiểu...(xin lỗi)

Những hạt giống Hoa Đào, ông bỏ vào cái bao ni lông nhỏ rồi đựng trong bao thư lớn, mỏng. Bưu điện Mỹ đưa qua máy đóng dấu...và, những hạt bên trong mà ông ở bên trời Âu châu gởi cho tôi đã bị bể làm hai, làm tư. Mầm làm sao nảy !?. Nhưng dù gì đây cũng là tấm lòng của ông đã gởi những hạt giống Hoa Đào mà theo ông nói là giống Hoa Đào bắc VN để nhà nhà người Việt ai cũng có loại hoa

này.

Bạn biết, tôi phải mua loại tem quốc tế gửi qua cho ông, theo yêu cầu.

May quá, tôi nhờ Nguyễn lệ Uyên qua làng Nhật Tân xin hạt giống.

Ở bên này, công việc làm bù đầu, thời giờ không có mà bầy đặt... "vui thú điền viên- xem hoa ngắm cảnh". Nhiều người bạn nói với tôi như vậy. May ra, khi ông về hưu mới hưởng được cái thú ấy. Mà, khi ông đã có những hạt giống hoa Đào rồi, chờ nhìn xem những nụ hoa ấy...có lẽ ông đã xuống lỗ. Ai sẽ trồng cây đào nơi mộ của ông?

Bạn biết sao không? NLU sau khi ra Hà Nội, qua làng Nhật Tân, gặp mấy ông nghệ nhân chuyên trồng Hoa Đào, NLU hỏi họ xin ít hạt giống của hoa, gửi cho tôi, mấy ông cười: thời này ai mà gieo hạt nữa, chỉ chiết cành mới mau có hoa được. Mà chiết cành làm sao gửi qua cho bạn ông đây... Báo hại, NLU phải tìm đến cả phê internet gửi meo gấp cho tôi. Hạt giống Hoa Đào không có, ông bạn NLU lại gửi “măng khô” Hà Nội qua cho tôi để hầm măng ăn trong ba ngày Tết. Ăn măng khô HN, nghĩ tới măng khô Phan Thiết quê tôi. Măng PT ngon hơn.

Buồn vì không có giống hoa Đào, tôi phải tìm ra giống hoa này.

Hoa Đào, tôi chưa thấy, chỉ thấy hình trên báo. Còn Mai, là xứ sở của tôi. Nhiều người nói Mai phải là Mai Thủ Đức hay Bình Định. Nhưng tôi thì nói chỉ có xứ của tôi là...Mai vàng đẹp nhất. Mai Vĩnh Hảo. Một rừng Mai nở rộ vào mùa xuân. Cánh Mai to, 5 cánh. Không phải là loại Mai tứ quý, tầm thường.

Còn Hoa Đào? Nó đã có trong thơ...thích lắm.

Và, tôi đã toại nguyện, trồng những cây Hoa Đào trước nhà.

Mùa xuân bên Mỹ bắt đầu vào ngày 20 tháng 3 năm 2008.

Mùa xuân Hoa Anh Đào (của Nhật tặng cho Mỹ) nở rộ

bên Washington DC . Sắc hoa màu trắng. Nhiều người Mỹ và Việt mua vé máy bay về “thủ đô” để ngắm hoa Anh Đào nở. Chỉ ngắm thôi. Thế mà chật đường, nghẽn Riêng tôi không có nhiều thời giờ và cũng không có nhiều tiền dư để bay qua thủ đô ngắm loại hoa Anh Đào của Nhật. Có lẽ, cái dòng máu Việt của tôi. vẫn còn thích “made in VN” hơn chẳng??? Cho nên, ngoài hoa Mai của nắng ấm miền nam đã ấp ủ tôi trong mấy chục năm mỗi độ xuân về...thì hôm nay, xuân về trên cái xứ Mỹ lạnh lẽo này, tôi lại ngắm được Hoa Đào do tay tôi trồng...và sẽ là một vườn Đào như ông nào đó bên Pháp, mà tôi đang chiêm cảnh.

Thấy hoa nở, bạn bè đã đến thăm, nhâm nhi chén trà vào ngày chủ nhật, ngắm Hoa Đào sắt hồng thắm có, Sắc đỏ tươi có, cũng thấy vui vui.

Tôi khoe ngay với Nguyễn Lệ Uyên. Những cánh hoa nở rộ, từ gốc đến ngọn. NLU nói có lẽ, còn đẹp hơn Hoa Đào làng Nhật Tân...;vì: cái rét đậm rét hại vừa rồi ở quê nhà...làm cho nhiều loại hoa cũng không nở nổi.

Phân Ưu:

TQBT nhận được tin buồn từ các anh em cầm bút trong nước gởi đến chúng tôi. Báo tin thân phụ của nhà thơ HOÀNG LỘC là cụ ông Huỳnh Luyện tạ thế lúc 12 giờ 15 ngày 8-3-2008 tại Hội An- Quảng Nam. Hưởng thọ 93 tuổi.

Anh em trong TQBT và các bạn bè của nhà thơ Hoàng Lộc thành thật chia buồn cùng anh và gia đình. Nguyễn cầu Hương Linh Cụ Ông sớm về đất Phật.

Cà kê... khăn đóng áo dài

NG~

1*

Đà Lạt những ngày cuối năm đẹp như bức tranh thủy mặc: tiết trời se lạnh, mưa lất phất và hoa kín tràn những góc phố. Nóng Sài Gòn chỉ còn thoi thóp dưới đôi bàn chân. Ném hành lý lên phòng, việc đầu tiên là đi một vòng quanh phố dưới mưa, một mình. Nhớ lại một thời trai trẻ. Nhớ một thời long đong. Mọi thứ lướt thướt kéo qua đầu và phía dưới kia, con đường hoa lướt thướt kéo qua mắt tôi và bật nhớ nụ hôn đầu Rosa run rẩy mà ngọt lịm. Nhớ đôi bàn tay em mềm ẩm, đôi mắt em tròn ngơ ngác nhìn mỗi tình chìm chìm xuống đáy hồ Tuyền Lâm. Ngày trở lại, vợ chồng Phạm Cao Hoàng rủ tôi ngồi trước chợ Hoà Bình uống sữa đậu nành nóng nhìn phố đêm và nhìn cái lạnh từ những ngọn đèn tù mù trong sương dày. Lần này thì người bạn cũ không còn. Anh ta đã biệt xứ!

Quay về, đúng lúc tiệc cưới bắt đầu. Khách đông. Những “người muôn năm cũ” là tôi, Hoàng Ngọc Châu, Nguyễn Như Mây chọn một góc khuất nói chuyện riêng tư. Nhắc lại bữa rượu cuối cùng với Tư Đình bên bờ sông Cà Ty. Tôi đưa ly rượu vang lên nói: đây là ly rượu Phạm Văn Nhân từ A Mã Hỷ Lộ mời anh em... Rượu như liều thuốc thần moi mọi góc ngách trí nhớ còm cõi đặt lên miệng mọi người đến nỗi không rõ dung nhan cô dâu chú rể ở trên kia, rất hạnh phúc.

Tiệc tàn, chỉ còn vài anh em ngồi lại, có cả Bùi Minh Quốc, Hà Sĩ Phu. Quốc vẫn giọng rõ ràng, *cuộc đời vẫn đẹp sao*, Sĩ Phu thì râu bạc thành chòm! Tôi hỏi quốc vụ Quản lý thị trường chặn bắt xe anh ở Thanh Xuân hay anh em văn nghệ Hà Nội phóng chuyện. Quốc cười ha hả: có gì đâu, tớ đi chiếc xe honda 50 phân khối ra Cao Bằng,

Lạng Sơn coi lại ải Nam Quan, thác Bản Dốc mất còn, khi về chúng thấy tờ đềo sau chiếc túi to quá khổ tưởng dân buôn lậu, chặn lại, tới khi biết tờ là thằng Bùi bèn báo cho công an HN tới điệu tờ về đồn, giữ tờ rồi gọi vào Lâm Đồng xe công an ra di lý tờ về “chốn cũ”, khỏi tốn xăng, khỏi mất sức. Chuyện như đùa mà sao nghe buồn thắc ruột! Rượu tràn ly và tàn đêm. Chia tay.

Đêm giao thừa, Lư gọi điện báo tin vui, Lãm Thuý gửi quà với lời nhắn “hết tết hết tiền”. Nghĩa tình nào đẹp hơn thế giữa thời buổi nhiều nhưong này? Anh còn báo thêm, mừng 4 tết những Lê Văn Trung, Hạ Đình Thao, Uyên Hà, Phan Xuân Sinh, Đặng Tiến về Đà Nẵng du xuân, ông gác mọi chuyện ra chơi. Tôi hứa sẽ ra, nhưng cuối cùng thành lời hứa suông. Lư giận, Thao và những người khác giận, chắc thế. Nhưng biết sao được khi mới mừng hai đã húp cháo hoa, uống thuốc trong khi trời đất tù mù như sắp sắp đến nơi? Không gặp được bạn thì đọc thơ bạn vậy. Ở tập Mây Nổi Lư mới gửi tặng, anh nói đây là tập thơ do chính tay anh dàn trang, in và đóng bìa. Tập thơ tuy mừng mà đẹp. Và vẫn một giọng khắc khoải như Đan Tâm: *Diễn tiết đất trời mưa mưa mưa / Sông nghênh ngang nước nhảy lên bờ / Đêm ngồi canh nước chun qua cửa / Sờ soạn chân giường coi ướt khô / Ngó trước nhìn sau nghe động tĩnh / Lửa đèn run, bóng nước thập thò / Mưa xóc ngang hông nhà thót bụng... Gió tru tréo như bầy ma đói / Mưa vỗ mỗ ác quỷ hò reo / Đêm chìm chìm đen ngòm địa ngục / Bóng thấy đời ta nổi lều bều (Đêm nước lũ).*

Đọc thơ Lư xong lại chợt nhớ bài thơ Bác Năm Trì dân Quảng Ngãi: ... *Thôi đích bác là dân Quảng Ngãi / Con kẹc dài ba thước / Những lúc buồn bác vùng như cán cuốc / Những khi vui bác quán quanh lưng / Tầm lưng sẵn hơn đất làng Bình Thạnh / Tôi nhớ bác trán vòng như luống khoai / Tay chai bánh trắng sượng / Mắt bầm bầm lục tìm tám hướng / Cuốc vùng lên moi từng củ thơ / Thơ đan*

*rắn đất cục mùa phơi ải / Bắc năm Trì dân Quảng Ngãi /
Con kẹeeeeeeeeeeeeeeeeec!*

Hoá ra có ai đó nói rằng: tiểu thuyết miền Bắc, thơ miền Trung, nhật trình miền Nam là quá chi là đúng trăm lẻ một phần trăm! Tâm trạng đến thể, thân phận đến thể và hay đến làm vậy. Hết bàn!

2* Từ những bài thơ gan ruột của những nhà thơ ruột gan, lại nhớ: có một thời xa lắm rồi, xuất hiện thứ văn chương gào rống, tuyên ngôn, lập ngôn, lập phái... Nó chảy ào ào như nước lũ. Mọi người chẳng những hân hoan chào đón mà còn xúm nhau tí tởn nhảy vào dòng nước lũ với biết bao niềm phấn khích. Nước lũ cuốn trôi nhấn chìm toi bởi hoa lá... Hết trận lũ tìm vớt lên chỉ còn vài người thoi thóp. Đầu vêu, mắt sung, tay chun bầm dập... Người ngoài liếc mắt ngó vào, phán: lũ dị hợm! Kẻ đứng trong: trải qua một cuộc thử nghiệm xương tuỷ đầm đìa máu me nhưng đã để lại một thời kỳ văn học đáng nể trọng. Người chê, người khen; kẻ trong người ngoài sau khi mãn nguyện gào rống và xỉ vả đều hể hả quay đi hướng khác, tìm cái mới cái lạ hơn. Chẳng thù oán, giận hờn; chẳng đụng chạm chụp mũ mê, vo tròn bóp méo. Mọi người đều cười ha hả: ta bước tiếp!

Giờ lại xuất hiện một loại văn chương mới mà ông bạn già Ngilu đặt tên văn chương khăn đóng áo dài. Mới nghe qua Ng~ này cứ tưởng các cụ xưa sống lại dắt đám hậu duệ chạy theo, theo trường phái *Từ viết*! Nhưng coi kỹ, không phải vậy. Không có cụ nào sống dậy cả. Nhưng *Từ viết* thì đầy rẫy ra, đọc đến phát ngáy! Đọc một vài dòng còn chịu đựng nổi, xuống tới hết trang thấy miệng nhồm nhoàm mỡ chảy lòng thông như thăng dân đình đối năm Ất Dậu tới sân đình vớ được mâm mỡ lợn. Giữa văn hoá ăn và văn hoá đọc sao nó giống nhau làm vậy? Nhưng ăn là do đói, do ăn tham nhưng khi đọc đâu ai bắt? khổ nỗi nó cứ bày nhạn nhạn ra đấy, không khác. Nó đứng tồng ngồng, phơi

trần trường như nhộng, tô hô, tê hê ra. Không đọc thì chọt vào màng nhĩ bắt nghe đến thuộc lâu. Sướng vậy! Đầu như những xứ khác muốn đọc gì thì phải bỏ tiền túi ra mua về mà đọc. Còn nữa, xứ khác, mấy ai muốn làm nhà văn? Muốn sống, muốn đứng được phải viết cái gì thật lạ, thật hay, giật gân cũng được, nghĩa là phải mới, sáng tạo đích thực. Còn bên Thộn Thộn quốc thì ai cũng khoái tước nhà văn. Trong nước, ngoài nước nhà văn, nhà thơ mọc như nấm sau cơn mưa? Bạn không tin? Trong và ngoài xứ Thộn Thộn số lượng văn nhà, thơ nhà gấp ba lần xứ anh Mao xénh xáng, gấp năm lần xứ anh Mèo cờ huê, trong khi dân số chưa bằng phần trăm? Ủay, từ mệnh đề trên, người ta cố chen vào sân đình Hội Múa Bút. Anh hay anh dở chỉ cũng gắng xin xỏ vợ sắm cho chiếc áo dài khăn đóng đội lên đầu, sắp hàng chạy về đích. Cửa hẹp, người đông khiến xảy ra cảnh sập cầu dẫn đến thánh địa Mecca. Vào được tới sân đình chỉ còn lại mấy anh loe ngoe cầm đầu thờ hồng học: thờ bằng mắt, miệng, mũi, lỗ tai, hậu môn và... nghĩa là chỗ nào trống là thờ dốc cái “bĩ cực tồn lưu” (chữ của Bùi đại ca). Trút hết mọi cái tồn lưu ra rồi, lấy được cái thần hồn bèn dạn căng nhổ nước bọt vào ngón tay trở quẹt lên tóc chải ngay ngắn, miệng e hèm khệnh khạng đứng lên, khệnh khạng bước tới, gõ đôi guốc cùn kêu lộp cộp vang dội sân đình. Và cứ thế mà xúm nhau gào rống. Gó, tiếng động vang tận thiên đình, chui tọt tận âm phủ. Bàng dân thiên hạ có điếc cũng nghe thấu, hà cớ chi phải bỏ tiền ra mua? Khi có cái “mác” mấy anh áo dài khăn đóng vinh qui bái tổ. Không vòng lọng như thời xưa nhưng được chỗ này chỗ nọ đưa xe ô tô đời mới rước đi xin chữ. Giáp một vòng ba trăm sáu lăm ngày chưa hết chỗ mà anh khăn đóng bỗng béo phì, phồng phao, bước vào nhà vợ con không nhận ra. Sướng bỏ tía đi chứ? Ai đòi lồm bồm dăm câu mà cũng được phát lương hàng tháng, được điếu đóm thì ông cụ tổ ai không thích, không tìm cách chen vào? Mà phạm “đầu vào” đồng phục

thì “đầu ra” y chang một kiếu. Đố ở đâu ngoài xứ Thon Thộn có được?

3* Nói tới nói lui, nghĩ tới nghĩ lui ông bạn già: ông chẳng tây, ông chẳng đông; kẻ nam người bắc xa vời vạn dặm. Cứ như xưa thì phải căng treo ngoe ngồi uống trà hưởng nhàn vì tới tuổi hưởng thọ. Ấy vậy mà ngồi đứng không yên. Bồn chồn bực dọc, tay chân ngứa ngáy, bỏ công bỏ sức làm tờ báo. Tờ báo phát không cho thiên hạ đọc. Té ra văn chương nặng nợ đời quá ấy chứ? Không nặng nợ đời sao mang vào thân mà mặt mày hớn hờ đến thế? Xin choàng vòng bông vạn thọ vào cổ mấy ông bạn già nợ nặng đó!

Chuyện bốn người

Cao Vị Khanh

Gởi Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân và Trần Bang Thạch, sau 30 số báo.

Chùng gặp nhau cả bọn không ai còn trẻ. Cho dù tuổi tác chưa đến đôi quần vai nhưng sức tri của một quá khứ oan khuất vẫn trĩu trĩu sau lưng như một lực quán tính khó cưỡng. Cuộc chiến mà chúng ta đã sống trọn một tuổi thanh niên đã kéo dài quá sự cần thiết để tỏ ra cho hết cái vô nghĩa của nó. Rồi cái kết cuộc lằng nhách chỉ làm bề bàng thêm cho một sự dấn thân đã bị bội phản từ đầu. Thân xác chúng ta thì lạnh lặn sau những trận pháo tung tóe, nhưng hồn chúng ta lại tử thương khi tiếng súng đã im. Chính trong những trại cải tạo núp giấu đằng sau những chốn rừng thiêng nước độc, đã bày ra một cuộc thâm sát mới, thâm lặng nhưng không kém phần cuồng nộ, để tiêu diệt hồn tính con người. Bằng mọi cách, từ rào kẽm gai đến phen nứa tước nhọn, từ dây dọa khổ sai đến bỏ đói kiệt lực, cùm gông đến biệt giam, trói thúc ké đến

bò lét... từ con người đến con vật người...

Vài ba năm, năm bảy năm...

Thoát ra, mọi người còn cái xác xơ xơ vừng vừng, hồn thì vật vờ như lơ lửng chén cháo lú qua sông Nại Hà. Thoát ra, anh chạy đường anh, tôi chạy đường tôi. Chạy chết. Qua sông. Qua rừng. Qua biển...

Chùng gặp nhau, giữa một chỗ lạ lẫm đến ngỡ ngàng, cả bọn dù chưa già thì cũng đã cỗi, cỗi như chính cái dòng lịch sử bầm dập đã chảy ròng rã và đục khoét đêm ngày lên đời sống chúng ta.

Bằng cách nào thì sự sống sót qua cuộc sinh tử đó cũng có cái giá của nó.

Hơn 30 năm tranh sống với cái chết giữa đường tơ kẽ tóc, thêm năm mười năm cùng kiệt trong các trại tù ngục danh hay vật vờ giữa một xã hội đảo điên, còn lại gì nếu không là một sự chán chường tột độ và nghi ngờ hết mức về những giá trị được gọi là nhân bản.

Súng đạn thì giết người ngọt lịm mà lửa phản thư thì đốt người âm ỉ. Giản hóa thiêu sách vở là một cuộc tru di chậm nhưng chắc. Và mục đích của nó tồi tệ hơn bất cứ một hành vi man rợ nào. Lửa đốt từng trang sách là lửa đốt từng nếp văn hóa đã có thời rực rỡ, giữa lòng ta.

Nhiều năm sau, khi đã lang thang mòn mỏi trên xứ người, lớp tro than cũ như cứ còn âm ỉ... Nhật Tiến đã có lần viết « Trận đánh cuối cùng của một kẻ sĩ » kể lại cuộc chiến vô vọng của một kẻ thất thế muốn giành giữ lại mớ gia tài sách báo của một thời...

Dĩ nhiên sách vở cũng chỉ là những trang giấy, không đốt thì cũng có lúc mỗi mục ruỗng mòn. Chữ viết cũng chỉ là những dấu ký âm có lúc cũng sẽ phai lợt theo ngày tháng. Cái đáng nói chính là ý hướng phụng vụ trong hành động sáng tạo của bao người đã hiến mình cho một lý tưởng nghệ thuật hay khoa học được ghi chép lại trên những

trang giấy, qua những hàng chữ, những đêm những ngày, những tháng những năm, những cạm cũi, những nghiền ngẫm hết một đời, những suy tư qua nhiều kiếp... chất lọc, tích lũy, lưu truyền. Điều đáng nói nữa là cái dòng sống chính thống chân chất và hồn hậu của một dân tộc đã được nuôi dưỡng ở phần đất bên này vĩ tuyến 17, cái mạch nối liền lạc của tinh thần nhân văn của một dân tộc dù đã lấm bùn ba... thể hiện trong tầng tầng sách vở của miền Nam bỗng chốc bị đem ra phóng hỏa. Lửa cháy từ giàn hỏa cháy lan cả phận người. Để từ đó, cả nước là một cuộc hỏa thiêu toàn diện...

Nhiều năm sau nữa, cả anh cả tôi, có khi ngồi ngơ ngẩn. Những câu thơ đã một thời ưa thích vụt nhớ vụt quên. Những trang sách đã một thời gối đầu không còn tìm đâu thấy nữa...

Chùng gặp nhau trên đất khách, chúng ta như một giống người không có quá khứ, không có cả chiếc bóng để tự vỗ về mình. Chúng ta trần truồng dù quần áo đã thôi chấp vá, chúng ta trơ trọi dù phổ xá cứ đông nghịt người qua, chúng ta ngu ngơ dù sách báo phim ảnh tràn ngập. Mà điều quan trọng nhất còn là nỗi náo nê về một sự đảo lộn giá trị đến cùng cực, đã và đang được áp đặt trên cái quê hương khốn khổ mình đã bỏ đi. Cái đen thành trắng. Cái tốt thành xấu.

Quan trọng nhất là chính chúng ta, chúng ta lại không thể tin vào bảng giá trị mới đó.

Chùng gặp nhau ở xứ người, mỗi người trong chúng ta không ai không thấy một sự hụt hẫng nào đó trong lòng, ngay giữa một cuộc sống mới chẳng những không thiếu một thứ gì mà còn gần như có đến thừa mứa..

Có lẽ một trong những thú vui mà ai nấy không quên

được, từ cái thuở trần đóng tiền đồn trên một đỉnh núi ngập mây, hay dạy học ở một tỉnh lẻ, những thứ ba thứ năm hay thứ bảy, đón chuyến xe liên lạc lên từ hậu cứ hay chuyến xe liên tỉnh từ Sài-gòn về, lòng như có chút gì nôn nao khi chờ người ta bóc dỡ những gói báo, những thùng sách ... còn thơm y nguyên mùi giấy mực. Nhưng dù mua sớm hay mua trễ, sau đó, chính trong góc khuất của một quán vắng, hay trong góc kín của một giao thông hào, có khi bên cạnh một tách cà-phê đặc sệt hay chỉ là một hơi thuốc mỏng như sương, một mình, chỉ một mình, chúng ta đã sống những giây phút lâng lâng của một gặp gỡ thân tình bậc nhất. Khi bàn tay xòe ra vuốt sơ qua mặt bìa láng lẩy hay thô nhám, có khi là hình chụp một bức tranh hay chỉ là bảng liệt kê tên tác giả, khi ngón tay cọ lên góc giấy còn trắng bẽng chưa có một dấu gập, ngón tay ta sao cứ gượng nhẹ y như đang vuốt má một người tình, sợ giấy mực đau y như ngại làm đau đôi gò má mỏng tanh li ti những đường gân máu. Có cái gì đó trinh nguyên làm ta trân trọng. Có cái gì đó thăm thẳm làm ta ngại ngần. Cái gì như cái đầu đầu của trang giấy chờ mãi phút-linh-không-về, cái gì như cái thắc thỏm của ngòi bút ngần ngừ để lỡ một thoáng ý qua nhanh, cái gì như cái bóng gầy gáp của người viết đang làm chuyện dễ-dau chập chùng trên tay ta, giữa những trang chữ...

Sau những năm 60 với Hiện Đại của Nguyên Sa đem về hơi sương của sông Seine, Sáng Tạo của Mai Thảo, Văn Nghệ của Lý Hoàng Phong, rồi Văn Hóa Ngày Nay của Nhất Linh với thuở trồng lan bên suối Đạm Mê, Tân Phong, Đông Phương ... là những năm 70 với Văn, Bách Khoa, Khởi Hành... Nghệ Thuật, Vấn Đề, Thê Kỷ Hai Mươi, Thời Tập... chưa kể những tuần báo, nguyệt san hay bán nguyệt san có tính cách đại chúng như Văn Nghệ Tiền Phong, Phụ Nữ Diễn Đàn, Phụ Nữ Ngày Mai, Kịch Ảnh, Điện Ảnh, Thời Nay, Phổ Thông... chưa kể những

Tuổi Hoa, Tuổi Ngọc... mua hết không thừa. Những thơ, những văn, những truyện dài truyện ngắn, những bút chiến phê bình. Mơ mộng ở đó, vui buồn ở đó, mà nghĩ ngợi học hỏi cũng ở đó. Đọc ở đó để thấy cái lãng mạn tuyệt vời của những người đi đánh trận, để thấy cái hy vọng trong những chùm hoa nở trên sợi kẽm gai, để thấy có khi tiếng ca át cả tiếng súng, để thấy trong cùng khổ con người vẫn vươn lên như đám mạ non vươn lên từ một đêm tối. Đọc ở đó để thấy những cánh huyết hoa nở ra từ những bãi máu.

Thử nghĩ đến những người thấp ngọn điện câu leo lét mà viết. Thử nghĩ đến những người che poncho đốt ngọn đèn cây mà viết. Những cô học trò chưa rời ghế nhà trường. Những anh sinh viên lang thang giữa những hành lang đại học. Đủ hết. Người viết tha hồ viết, lạng lẽ hay huênh hoang. Người đọc tha hồ đọc, chấp nhận hay khích bác. Có điều phải nhận rằng dù thích hay không thích, không ai có thể phủ nhận cái đẹp đã thành tựu trong văn chương ở miền nam buổi đó. Câu văn có trau chuốt hay không cũng đã sáng sủa nhẹ nhàng trôi chảy biểu lộ sự trưởng thành của một thể loại chỉ vừa mới sinh ra từ đầu thế kỷ. Ngay cả cái kho ngữ vựng Hán-Việt cũng đã trong sáng và phổ quát không kém cái vốn liếng nô nê. Thơ buổi đó bay lượn trên đầu súng, tung hê thỏa thích. Văn buổi đó luôn lỏi giữa những đường bay của bom đạn mà vẫn thung dung tự tại, đủ sức khai triển đến nơi đến chốn những khái niệm trừu tượng và siêu hình nhất, bằng một văn phong trong sáng và hoàn chỉnh.

Chẳng bằng với cái loại tàn tích được « du nhập » từ « quê nhà » sang đây trong những năm 80, 90 và còn kéo dài cho đến bây giờ trên những « tờ báo » được tặng không trong những cửa hiệu chạp phô bán đủ thứ tiêu hành tỏi ớt và nước mắm kể từ khi có cái-gọi-là-giao-lưu-văn-hóa!

Đành rằng ngôn ngữ cũng có đời sống hẳn hoi (chẳng vậy mà có những loại chữ đã thành từ ngữ), nghĩa là cũng trải

qua một quá trình sinh tử, có sinh có hũy, có sự tiến hóa như mọi chủng loại khác. Nhưng tiến hóa phải có nghĩa là tiến từ thấp lên cao, từ tối tới sáng, từ dở tới hay chứ sao lại có sự tiến hóa ngược đời ? Cái tiếng gọi « nhà bảo sanh » thì ngay cho đến đứa nhỏ học lớp năm hồng chừng cũng hiểu được, thì nhân danh một sự tiến bộ nào mà đổi thành « nhà đẻ » cho đành. Cũng như cái lỗi viết với câu cú trực trặc, trặc trở, trặc tréo, trặc tẹo... nhan nhản trong sách báo ở miền nam sau năm 75, ở cái thời người ta gọi là thời giải phóng. Tưởng chạy thoát là thoát luôn cái nạn chữ sau cái nạn nước, ngờ đâu chừng gặp lại, không ai trong chúng ta không khô sở, khi ở quê người còn phải tiếp tục chịu đựng cái lỗi « ngây ngô hóa » mớ tiếng Việt đáng thương của chúng ta. Cái hay sao không bắt chước, bắt chước chỉ cái dở cho đành !

Trong cái bối cảnh bát nháo của chợ người chợ đời, không đâu mà xui chúng ta gặp nhau.

Chừng gặp nhau, hẳn là ngẫu nhiên. Nhưng uống với nhau ly rượu thứ hai đã là hạnh ngộ.

Đêm tháng 11, ở một nơi không có núi non sao lòng ta bỗng thấy cao son, ở một nơi không có sông nước sao lòng mình gặp nhau lưu thủy. Cả bọn lòng trải ra, tâm đặc. Có cái gì « riêng » mà « chung » rất lạ. Tâm sự anh, nổi lòng tôi.

Cùng một lửa bên trời lặn đạn. Gặp gỡ nhau lạ sẵn quen nhau. Từ xa kinh khuyết bấy lâu. Tâm Dương đất trích gói sầu hôm mai. ()*

Tàn đêm, bốn bên Tâm Dương nhập lại làm một, áo xanh tư mã gói cất lại hạt lệ riêng. Cả bọn làm một chuyện lên đường chung. Thư Quán Bản Thảo.

Tháng 11 năm 2001, THT viết : « Mục đích của TQBT là

giữ gìn và phổ biến những sáng tác của bạn bè thân hữu và những người làm văn học nghệ thuật của miền Nam trước 1975. Họ đã bị quên lãng. 25 năm qua, quá lâu, quá dài, để nói một lời tạ lỗi và cảm ơn của chúng tôi. Về những giữ gìn của họ, về khí phách của họ, nhọc nhằn của họ, để văn chương miền Nam ngày nào không bị đồng hóa và lai hóa. »

Và câu này nữa : « ... nếu quý bạn cần thêm TQBT, xin cho chúng tôi biết, chúng tôi sẽ in thêm gởi tặng »

In thêm gởi tặng. Nghe như lời rao quảng cáo sơn đồng mãi vớ. Nhưng 7 năm sau, sau 30 số báo, không phèn la cũng chẳng kèn trống, những số báo vẫn được gởi tới tay bạn đọc, đều đặn.

Thử tưởng đến con đường đi của số báo vừa nhận được trên tay...

Khởi đầu là một đôi câu thơ làm bên giàn máy bê bết dầu mỡ, rồi quên lửng trong tiếng động ỉ ầm, cũng có khi là một vài đoạn viết rời bỏ kẹt trong hộc tủ được lục ra, phủi bụi... thì ra suốt 20 năm im lặng vẫn là một nỗi tha thiết không ngại với mớ chữ nghĩa đã có lần là lẽ sống. Từ bên kia đầu giây viễn liên tiếp tục những lời nhắc nhở, thúc hối, khuyến khích, ... anh viết, tôi viết... Bỗng chốc rồi một cơn hứng khởi mới... Bỗng chốc rồi con tìm một môi bắt lại cái nhịp sáu tám của lục bát, bỗng chốc rồi thơ ở đâu ủa về, vẫn ở đâu đó tới, cả bọn sống lại cái say mê của một thời tuổi trẻ, thở lại cái hơi ngất ngưỡng trên đầu ngọn bút những năm 60, 70... mùi giấy mực từ một quá khứ thổi về làm căng lại lồng ngực... Rồi là những đêm miệt mài viết, xóa, viết, xóa...

Cuộc chơi bắt đầu. Tập 1 mỏng như một cái ngoắc tay rút rề. Cuộc chơi tiếp tục. Tập 2 dày thêm một ngón tay nín. Rồi những cánh tay choàng tới, ân cần... Bạn bè lần lượt

trở về càng lúc càng đông... Từ căn nhà nhỏ heo hút ở tuốt miệt Amarilo (TX), bài vở thu về , có khi phải gò mình đánh máy lại từ một bản viết tay, rồi sửa chữ, sắp trang... Những đêm sau một ngày vất vả ở hãng xưởng, những ngày thứ bảy chúa nhật sau một tuần lễ mưu sinh mệt dừ ... Vẫn vui, vẫn cặm cùi, vẫn cần nhần vì những trẻ nãi, ... mà vẫn vui, vẫn cặm cùi và vẫn cần nhần... Xong một chặng đường, bài vở lại theo đường điện thư gửi vèo qua một căn nhà khác ở Plainfield (NJ), chui xuống hầm và in thành tập bằng một loại máy in « duy nhất », thứ máy in được biến chế bằng đủ loại thập vật phế thải kê cả nồi niêu xoang chảo của vợ nhà. Giấy, mực thì rình mua trên E-bay hay bán tháo bán đồ ở những cửa tiệm phá sản. Báo in xong cắt dán bằng tay, keo nung nóng đốt phồng tay là thường... Vẫn vui, vẫn say mê, vẫn hơn hờ mỗi lần nhìn thấy từng tập báo hoàn thành. Rồi cột rồi bó rồi vác từng thùng chất lên xe chạy ra nhà bưu điện, gửi đi tám hướng. Vác mệt còng lưng, dán tem mệt nghỉ. Vẫn vui, vẫn mừng... Cám ơn, cám ơn vô vàn những tấm lòng đã làm một việc gần như « khùng khịu » nhất đời để cuộc chơi chung của bạn bè còn có cơ tiếp diễn, để người quen kẻ lạ còn có chỗ trải bày tâm sự, để văn chương khỏi bị « cách » cái « mạng » oan tình.

Vậy đó, từ sáu bảy năm nay, TQBT đã đi con đường quanh co vậy đó. Đi quanh co để tới thẳng những trái tim trung thực. Con đường vòng vo đó có phải là con đường ngắn nhất để nối lại những mảnh đời tứ tán, từ sau cơn tháo chạy mất hồn.

Chẳng vậy mà, ngay sau khi gửi đi đã có những đồng tình gửi lại. Dù ít dù nhiều vẫn là chút chất chiu của những tấm lòng đồng điệu.

Chẳng vậy mà sớm hơn ở đâu hết, trên TQBT, chúng ta

gặp lại những người-quen-cũ. Những người bị cố ý bỏ quên, dù vẫn còn có mặt tại cái nơi đang hô hào nghe đến thâm thiết cái chủ trương xóa-bỏ-hận-thù ? Những người chỉ có cái tội duy nhất là ca tụng cái đẹp muôn đời, mà thơ vẫn một thời đã làm dịu bớt bộ mặt cau có của chiến tranh, hay ít nữa cũng đã giúp người ta quên được đôi phút giây trần thế.

Chẳng vậy mà trên những trang giấy mới chúng ta tìm lại được mấy chút hương xưa.

Hoài Khanh, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Minh, Phạm Ngọc Lư, Võ Tấn Khanh, Tôn Nữ Hoài Mi, Trần Huyền Ân, Từ Thế Mộng, Phan Nhự Thức, Hà Nguyên Dũng, Hạc Thành Hoa, Nguyễn Lệ Uyên, Mang Viên Long, Tô Đình Sự, Hồ Thủy Giũ, Lữ Kiều, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Lê Văn Thiện, Lê Văn Trung, Hạ Đình Thao, Đinh Trầm Ca, Lâm Anh, Nguyễn Dương Quang ...

Dĩ nhiên là không đủ, còn thiếu rất nhiều, những người văn nghệ đã đóng góp một thời tuổi trẻ cho sự sáng tạo từ những tro than. Sự vắng mặt nào cũng là một thiệt thòi. Nhưng làm sao hơn nữa, cái chuyện sây đàn tan ghé !

30 số báo. Dẫu mang nhiều tâm ý vẫn là một cuộc chơi. Đã chơi thì có kẻ gì thành bại. Cái đáng nói là sau hết, đâu đây, vẫn còn đó... những con mắt xanh thấp thỏm... Cũng đủ rồi bạn hả.

(*) Tỳ bà hành

Đem Theo Bài Vọng Cổ

Trần Bang Thạch

Gần cuối năm 1980 trong cái lạnh cắt da, gia đình chúng tôi vừa chân ướt chân ráo rời trại tị nạn Bataan, tỉnh Morong, xứ Philippines đặt chân đến thành phố Houston, xứ cao bồi Texas. Chỗ ăn ở chưa yên thì nói chi đến cái tâm lý an bần lạc đạo. Âu lo và nhớ nhà vô kể. Cái Tết Âm Lịch lại sắp đến, càng thấy nhớ đủ mọi điều. Bây giờ không nhớ năm ấy là năm con Tí hay con Sửu, hay con Gị; chỉ nhớ mình là con chim ly xứ, một loại thiên di đi trốn lạnh. Quê nhà vùng nhiệt đới thì dĩ nhiên không lạnh, nhưng mình lạnh căng, lạnh chum giữa cái oi bức của những ngày ngột ngạt dưới một chế độ đỏ như than hồng. Tết đầu tiên năm ấy trên xứ người, trong cái tâm trạng u ám buồn lo cho số phận và cho những ngày sắp tới, tôi đã nghe “*Ghe chiếu Cà Mau đã cắm sào trên bờ kinh Ngã Bảy, sao cô gái năm xưa chẳng thấy ra...chào. Cổng nhà cô đã khép kín từ hôm nào. Tôi vác đôi chiếu bông từ ghe lên xóm rẫy để tô điểm loan phòng cho gái còn xuân...*” tại một buổi họp mặt tất niên của một hội đồng hương tại thành phố mới Houston. Bài hát là bài ca vọng cổ *Tình anh bán chiếu* của soạn giả Viễn Châu. Người hát là một anh bạn độ ấy chắc chỉ tròn trèm ba mươi. Giọng ca thật truyền cảm, ngọt ngào. Thật “mùi”! Có thể nói niềm thích thú đầu tiên của tôi trên xứ Mỹ này là được nghe lại bài ca vọng cổ hôm ấy. Tôi đã vừa sững sốt, ngỡ ngàng, vừa ngạc nhiên thích thú như người đi trên mây. Tiếng hát không có đờn, nhưng cần gì, âm thanh bỗng trầm đã xoắn vào từng lời, từng tiếng và trong từng hơi thở của ca sĩ. Và cả trong từng mạch máu, từng nhịp tim thốn thức của người nghe. Cái Hồn Tổ Quốc có phải là đây? Có phải là đây là những gì tôi vừa bỏ lại? Có phải đây khóm tre mái

lá, là cây cầu khi đông đưa của một xóm thôn nhỏ xíu nằm trên hai bờ rạch Bà Vèn của nhánh sông Cái Răng tuổi nhỏ?

Sau này tôi có nhiều dịp nghe anh hát tại những nơi họp đồng hương hay những sinh hoạt văn hóa. Bao giờ cũng là 6 câu vọng cổ. Nhiều khi không đờn, không máy vi âm, không ánh đèn màu. Nhưng bao giờ cũng “mùi”. Bao giờ tiếng vỗ tay cũng đầy hội trường. Nếu bây giờ có Giải Thanh Tâm Hải Ngoại, nhiều người sẽ đề nghị tên anh.

Tuổi nhỏ của tôi là những trưa, những chiều treo lơ lửng trên nhánh sầu riêng, măng cụt của vườn nhà với những điệu Xàng Xê, Thủ Phong Nguyệt, Đảo Ngủ Cung, Hướng Mã Hồi Thành, Bình Bán Vắn...bắt chước từ những tập bài ca 50 xu mỏng đánh, nhỏ như bàn tay. Đặc biệt là 6 câu vọng cổ thằng bé miệt vườn 10 tuổi là tôi cũng ca mùi rệu như ai để rót vào tai nhỏ bạn kẹp tóc. Biết nhỏ mít ướt, thằng bé cứ Mã Chiêm Sơn, Sầu Vương Biên Ải, Tôn Tản Giả Điền... mà gân cổ ca cho kẹp tóc chảy nước mắt chơi. Rồi lớn lên làm sinh viên Sài Thành, học đòi văn minh, bỏ rót văn minh miệt vườn bên kia bờ sông Bassac, và tự nhiên bỏ quên cổ nhạc, chỉ thích nghe The Beattles hay Elvis Presley, Sylvie Vartan. Chỉ ghé Arc-En-Ciel nghe Joe Marcel, Carrol Kim chớ nào có để mắt tới rạp Hưng Đạo xéo bên kia đường Trần Hưng Đạo với Thanh Nga, Thành Được.

Anh bạn làm rung động mãnh tim ly xú của tôi vào cái tết con Thiên Di năm ấy văn minh hơn chàng sinh viên Sài Thành năm xưa của tôi nhiều. Văn minh như vậy mà anh nào có quên bài ca vọng cổ! Tôi chỉ cách quê nhà một con sông nhỏ mà đã quên hết những cống, xự, xang, lú, hò. Còn anh thì cách quê hương cả một đại dương. Anh đi du học Hoa Kỳ trước 1975 và trở lại Hoa Kỳ ngay sau khi miền Nam đổi chủ. Ngoài cuộc sống nhiều năm trong cái văn minh tột đỉnh của nước ngoài, anh còn có học vị tiến sĩ Hóa Học, đã từng giảng dạy tại Trung Tâm Kỹ Thuật

Phú Thọ thuộc Viện Đại Học Sài Gòn; từ sau 1975 là chuyên viên cao cấp của City of Houston điều hành kỹ thuật hệ thống lọc nước đầy như mạng nhện cho toàn vùng Houston với 2.144.491 dân theo thống kê vào cuối năm 2006.

Trước đây tại quê nhà người ta coi cổ nhạc được rộng rãi phổ biến và được ưa thích nhiều trong giới bình dân. Giới học thức lắm khi còn có cái nhìn thiếu trân trọng ngành cổ nhạc. Xưa nữa người ta còn có câu “Xướng ca vô loại”. Cái khó bước đầu là người có ăn học như anh đã chịu làm quen với những bài ca vọng cổ, rồi lần lần “thắm” mùi vọng cổ, thương yêu vọng cổ, say mê vọng cổ. Đến cái khó nhất là đem vọng cổ đi theo mình suốt đời khắp nơi, khắp chốn, nhứt là tại Hoa Kỳ. Chỗ nào có anh là có Tỉnh Anh Bán Chiều, có Mần Tử Đội Gạo Nuôi Mẹ, có Bên Bờ Dệt Lụa.... Ba mươi mấy năm nay tiếng ca vọng cổ của anh đã bay khắp Houston và chắc cũng đã bay xa hơn nữa. Người trung niên năm ấy và người lão niên bây giờ nào có khác gì đâu: Tỉnh quê hương vẫn đeo mang trên người và vẫn ấp ủ trong lòng bài ca vọng cổ. Cái khó tột đỉnh là ý hướng đem tình quê hương vào lòng mọi người xa quê, nhứt là giới trẻ qua bộ môn cổ nhạc. Cho nên ngoài những nơi họp mặt cộng đồng, người ta còn nghe anh cùng các bạn trên làn sóng phát thanh hàng tuần. Các anh, các chị hát và mời thính giả nghe đài cùng hát. Hát hay, dở như thế nào cũng được. Hát hay không bằng hay hát. Có vọng cổ là có hơi hướm của quê hương, có hồn dân tộc, có tình quê, tình nước. Nghe những em bé năm bảy tuổi, nói tiếng Việt chưa thông mà xuống vọng cổ thì cũng như nghe giòng suối ngọt quê hương đang chảy êm đềm trong những con tim tuổi nhỏ. Có em còn độc tấu năm nam, sáu bắc bằng đàn độc huyền.

Đẹp quá những con chim non bay trong hồn dân tộc!

Năm nay tóc anh đã bạc nhiều, gánh càn khôn trên vai anh

chứa đầy những cung thương, cung oán nghe chừng đã nặng. Nhưng bước đường anh đi hình như toàn xanh màu lá cỏ.

Trần trọng cảm ơn anh, giải Thanh Tâm Trộn Đồi. Thân ái chúc anh thượng lộ bình an trên hành trình trở về vùng đồng cỏ quê nhà trong tiếng nhạc ngũ cung trầm bổng.

Rong bút

Trần hoài Thư

1. Trong những năm tháng trong trại khổ sai, tù tội đã dạy tôi bám những ngón chân trần trên con đường đê trơn trượt, hay hai chân làm bàn đạp để hai tay nâng đỡ những khối đất sét nặng trĩu mà chúng tôi quen gọi là cây nước đá. Những ngón chân bám vào đất như hơi thở bám vào đời, vì lúc này càng về già, tôi đã nghe rõ đời quá mong manh, mà hơi thở thì cũng đã đời về hưu như chủ nhân của nó.

Đêm đêm, giật mình thức giấc, nhìn đồng hồ, kim chỉ khoảng 2 giờ. Rồi đi tiểu. Rồi sau đó cố gắng dỗ dành giấc ngủ. Nhưng cũng chịu thua. Chỉ còn cách là bầu vịu vào việc làm để quên cõi đêm đang chậm chạp lặn dần bằng đôi dao giờ phút cắt từng nhát sát na thời gian. Việc gì. Không có việc thì cũng tìm ra việc. Thiếu gì việc. Những cuốn sách đang chờ đợi ta khâu chỉ, cắt, dán, đóng bìa. Thương đám bạn quê nhà cần sách để đọc, mà không biết làm sao. Như nội dung lá thư của một người bạn ở trong nước:

...Trong hoàn cảnh vẫn còn khó khăn, bạn bè chúng ta thường tuyên bố "chỉ cần có chữ để đọc" (Thơ Thời chiến 1, 2 và Vũ Trụ Thơ 1 và 2), ...Người có sách phải chịu hy sinh thảo sách rời ra, để photo rồi đóng lại như quyển sách vậy. Hỏi L. người có quyển thơ Miền Nam thời chiến do anh ĐT gửi về đã không

chịu HY SINH kiểu ấy vì sách dày quá, tháo hết ra để photo rồi đóng lại thì mất hết "gin" (trích điện thoại)

Vâng, tôi phải cảm ơn bạn đã giúp tôi qua những đêm mất ngủ này.

Tôi sẽ lên giường ngủ lại, và miệng sẽ mỉm cười, và lòng sẽ nở hoa, vì đời không phải quá vô tình đâu. Tám năm trời, bao nhiêu cuốn sách đã được chuyển về VN, để bạn bè nâng niu, rồi photo, để chuyển tay nhau đọc, chuyện không bao giờ có thể tin mà lại có thật. Cũng như một tạp chí nghèo nhất thế giới này nhưng rất giàu ở tình thương mến của bạn đọc, để càng ngày càng sống vững sống mạnh.

Có phải đó là niềm vui mà chúng ta đã chọn, như trong lời hát của TCS ?

Đời không phải vô tình đâu, phải không bạn xa?

2. Anh Phạm văn Nhân - người phụ trách bài vở - đã giao lại công việc cho tôi. Một số anh em hỏi thăm vì nghĩ đó là một biến cố quan trọng. Thật sự, chẳng quan trọng gì, vì từ trước đến nay, hai đứa chúng tôi vẫn liên tục làm việc với nhau rất mật thiết. Chúng tôi không tự ái vặt, chịu nghe nhau, luôn luôn nghĩ đến độc giả và theo đuổi mục đích từ trước đến bây giờ: cố tạo Thư Quán Bản Thảo trở thành một tạp chí văn học nghệ thuật có tầm vóc, là một mái nhà như thời xưa chúng tôi đã từng có mặt bên nhau..

Để giúp cho kẻ này được chu toàn nhiệm vụ, xin các bạn vui lòng tiếp tay đóng góp bài vở, sáng tác, sưu tập. Vui lòng đánh máy, gửi qua bằng Email hay CD. Vì ba tháng ra một kỳ, nên việc chọn bài vở hơi kỹ lưỡng, vậy xin quý bạn dành cho TQBT những "ưu ái" thay vì gửi những sáng tác đã gửi cho các báo, hay đã gửi trên mạng, tránh sự trùng lặp nhằm chán cũng như sự than phiền của độc giả. Mặt khác, chúng tôi rất vui mừng khi được quý bạn tiếp

tay phổ biết đến thân hữu bè bạn của quý bạn.. Đó là cách để phổ biến TQBT sâu rộng. Cần bao nhiêu cuốn cũng được. Việc này đối với chúng tôi rất dễ dàng. (*Printing on demand* mà !)
Hơn nữa gọi càng nhiều cước phí càng rẻ. Xin đừng ngại gì hết. Chúng tôi không đòi hỏi bất cứ một điều gì.

Một lần nữa, thay mặt nhóm chủ trương, xin được cảm ơn anh chị PVN với những hy sinh mà anh chị đã dành cho tạp chí TQBT trong suốt 31 số qua. Hẹn một ngày N giờ G sẽ về "đột kích" khu vườn đào của ông bạn già ở A Ma Rí lộ.



NHỮNG NGƯỜI VIẾT CŨ

NGUYỄN LỆ UYÊN * HOÀNG NGỌC CHÂU *
NGUYỄN MINH *



Ảnh tư liệu của TQBT

NGUYỄN LỆ UYÊN

Tên Thật: Đoàn Việt Hùng. Sinh năm 1948. Tại Tuy Hòa.
Bắt đầu viết văn rất sớm, vào cuối thập niên 50, đầu thập niên 60.

Tốt nghiệp ĐH/SP/Cần Thơ.

Khóa 6/70 Thủ Đức.

Độc giả không lạ gì với bút hiệu của anh, trên các tạp chí văn học ở miền nam trước năm 1975, như Văn, Khởi Hành, Chính Văn, Ý Thức, Nhà Văn, Thời Tập, Tuổi Ngọc..v..v..

Sau 2001 viết cho TQBT và một vài tạp chí trong nước.

Sách đã xuất bản:

* Sông Cháy Về Núi (tập truyện- 2003). Thư Ấn Quán in lại cùng năm và phát hành bên Mỹ.

*Mùa Hè Sang Trọng (tập truyện)

*Trò Chơi Dân Gian (biên khảo)

*Bài Chòi (biên khảo)

*Truyện Thuyết và Huyền Thoại Phú Yên Thời Mở Đất (biên khảo)

*Mưa Trên Sông ĐaKbla (tập truyện) Thư Ấn Quán in năm 2007

TQBT: Phỏng vấn Nhà văn Nguyễn Lệ Uyên

(Thực hiện: Trần Hoài Thu và Phạm văn Nhân)

- Bây giờ là 6:44AM mùng bốn Tết Mậu Tý ở bang New Jersey, Hoa Kỳ. Bạn cho biết ở VN mấy giờ, bạn đang làm gì, và một ngày "tùy nghi" của bạn.

* Chỗ tôi đang ngồi, trước máy tính là 7:16AM. Thời gian chẳng mấy khi có ý nghĩa đối với tôi, nhưng đôi lúc lại cực kỳ quan trọng: đó là khi nhà hết gạo, là khi chưa đủ tiền đóng học phí cho con, là khi ngã bệnh... Một ngày tùy nghi? Tôi không bị câu thúc bởi bất kỳ điều gì.

Một ngày tùy nghi rất chi là tự do: đọc báo trên mạng, đọc lại các thơ truyện cũ trên các trang web, viết “bậy bạ” vài trang tới khi thấy mỏi lưng thì ới vài anh nông dân tới nhà uống rượu nghe họ nói chuyện đời, đủ thứ chuyện bá láp... cuộc đất trồng rau, quét nhà, phụ vợ nấu cơm (tôi chế biến thức ăn ngon nhất xứ Xương Rồng!) v.v.

- Thời trẻ, bạn mình đã từng nuôi nhiều mộng. Mộng lớn mộng con. Riêng trong lãnh vực văn chương, bạn còn tiếp tục nuôi mộng này không?

* Năm tôi viết truyện ngắn đầu tiên và được chọn đăng ngay trên Văn là lúc tôi đang học lớp Đệ Nhất (ban C) tại trường trung học Võ Tánh (NT). Khởi viết tôi không nghĩ mình sẽ thành nhà văn. Đơn giản là tôi yêu cô bạn học (tình học trò) mà không làm sao giải bày, bèn viết truyện như một lá thư tình dài nhất nước được công khai bày tỏ trên mặt báo đảng hoàng, rằng anh yêu em điên cuồng (không phải kiểu yêu của Vệ Tuệ) (1)! Mộng của tôi thật nhỏ: là cầm được bàn tay em. Nhưng vì không cầm được

nên hoá thành mộng lớn chẳng bao giờ với tới!

-Nếu không, thì tại sao bạn lại viết, mà lại viết rất nhiều nữa?

* Hồi nhỏ có lần má tôi nói nhỏ với cha tôi: “Thằng này thầy tướng nói số đào hoa, sau sẽ khổ”. Tôi chẳng hiểu đào hoa là cái quái gì, và cũng không để ý. Chỉ tới chừng bị đá đít suýt té nhào xuống bến Ninh Kiều mới chợt “ngộ”: Té ra đào hoa là bị bồ đá. Buồn tình bỏ qua Sa Đéc với Hạc Thành Hoa, lại gặp con gái lại yêu vợ vẫn lại bị đá. Những cú tình đá và đời đá như những cú té lăn ngoan mục, không dám nói với ai bèn mượn chữ nghĩa công chạy dùm để trả nợ những em Cần Thơ, Sa Đéc, Long Xuyên; trả nợ đời thường và thường đời vậy mà... Nỗi tình thật dễ sợ anh nhỉ?

Nếu có, xin bạn hãy giải thích dùm. Và kết quả thế nào?

* Nói nhiều hay ít là định lương là con số. Nó vô cùng và không là gì hết. Những gì bên ngoài chui tọt vào mắt tôi, nhảy bổ vào đầu tôi cảm mấy sợi dây thần kinh cảm xúc giựt giựt là tôi viết. Tôi viết vì mấy cú giựt giựt đó, chứ không mang thông điệp gì ráo trọi. Đi lục lạo cuộc đời không thôi chỉ là mấy anh phá đám, đạo chích; chỉ khi nào cái đầu mình giải đáp những câu hỏi lục lạo đó, nó mới thành nghệ thuật?. Còn khi nó ra bên ngoài, thì chuyện đó là của người đọc. Tôi như anh chàng nhà quê đi mở tiệm nấu phở: có người ăn xong khen ngon, tạm tạm, có người chê dở ẹc. Nhưng ngon dở gì cũng là của tôi. Tôi yêu chúng. Chỉ thực sự mắc cỡ và hổ thẹn khi tôi tô hồng, chuốc lục, môi son má phấn đỏ lòm. May, tôi chưa uồn công lười hót véo von.

- Bạn đã được giải nhất cuộc thi sáng tác Ngày Nhà

Giáo với giải thưởng quá lớn và với sự tham dự của rất nhiều tên tuổi "lớn" trong nước. Xin bạn hãy nói rõ được không?

* Trong lời nói đầu của tập sách in những truyện được giải của nxb Giáo Dục, tôi thấy ghi: “3.500 tác phẩm của 3.254 tác giả ở 64 tỉnh thành và kiều bào nước ngoài dự thi...” làm tôi giật mình. Lớn thiệt. Nhiều, Và vô cùng biết ơn phu nhon của tôi. Số là buổi sáng đó đang loay hoay với cái computer 4.0 bị cháy thanh ram, mainboard cũng trục trặc thì phu nhon đi dạy về đưa cho tôi tờ giấy thông báo (bản sao của Sở GD&ĐT và Hội Văn nghệ địa phương) cuộc thi viết truyện ngắn về đề tài nhà giáo do Hội Nhà Văn và Bộ GD&ĐT tổ chức. Dòm thấy giải nhất 30tr, giải nhì 15tr, giải ba 7tr... khá hấp dẫn, nghĩ bụng kiếm cái giải khuyến khích để có tiền sửa lại cái máy tính. Rồi ngó tiếp thời hạn từ 19.5.2005 đến 30.9.2006 mới té ngựa, vì tại thời điểm biết được thông tin chỉ còn đúng 12 ngày là hết hạn, bèn ôm PC xuống phố sửa chịu, về cắm đầu gõ lóc cóc. Cả viết cả sửa lại đầu non tuần là xong, in và gửi phát nhanh ra Hà Nội, bụng bảo dạ chỉ cầu trúng cái khuyến khích 2tr là dư trả tiền máy và lai rai ba sợi với bạn bè vui vẻ là phúc đức ba đời nhà tôi rồi!. Sau đó quên phéng chuyện viết truyện dự thi. Cho tới buổi chiều nọ, mấy ông bạn nông dân kêu tới nhà nhậu món cá trê nấu lá giang măng vôi thì phu nhon đạp xe ra nói ông nhà văn VC Cao Duy Thảo (thành viên ban GK) từ NT gọi điện ra báo tin được giải nhất Tôi nghĩ anh ta đùa, tới chừng cầm được tờ thông báo và giấy mời đi HN nhận giải tôi mới dám tin là sự thật.

- Cái truyện ngắn này không có gì tính đảng, chẳng một hàng chữ đồng phục, trái lại lột trần những dằn vặt nội tâm, hay uẩn ức sinh lý của ba cô giáo trót tình nguyện dạy học miền cao. Tương tự, nhà thơ Cao Thoại Châu cũng được giải nhất trong cuộc thi thơ

vùng đồng bằng sông Cửu Long với hai bài thơ tình. Theo đó, một thành viên của ban chung khảo cho biết là toàn ban chung khảo bị thuyết phục và đã cho điểm tối đa.

Theo bạn, nghĩ thế nào về việc bị thuyết phục này. Có nghĩa là văn chương miền Nam, đã được trả lại danh dự?

Trên tạp chí Thế Giới Mới số 711, ông nhà thơ Đỗ Trung Lai có viết như vậy: *“Tác giả rất khéo, khi không cần một câu có tính chất “đường lối” hay “tuyên huấn” trực tiếp nào, thậm chí không một câu kể lể nào, mà lại “giấu” được vào trong khối núi mọi quang cảnh mùa đông miền núi học đường...”*. Những nhận xét này làm tôi khoái trá, đưa nguyên văn làm Chapeau của truyện đoạt giải: *Nơi Không Chỉ Có Khối Núi* mà tờ văn nghệ địa phương tôi sống xin được đăng lại, khiến mấy ông “cách mạng” nhần mặt, nhịu mày (Đơn giản chỉ vì xú tôi là Xô Viết Xương Rồng y như Xô Viết Cà Mau mà Talawas đã từng gọi vậy).

Trở lại câu anh hỏi. Anh có bao giờ nuốt mồi món muối ớt từ ngày này sang năm khác, hay thịt kho tàu cả năm mà vẫn thấy thích thú? Chắc là ngấy tới máng họng? Văn chương cũng thế thôi. Ở Việt Nam có cái lạ mà không nơi nào trên thế gian này có là mở trường *Dạy Viết Văn*. Cha mẹ ơi sao kỳ quái thế? Thắc mắc nhưng ngẫm ra hợp logic. Do sản xuất nhà văn nhà thơ theo phong cách “xưởng đẻ Từ Dũ” nên chỉ có dòng văn chương khăn đóng áo dài, dòng văn học lý tưởng, hương kiêu... mà hương kiêu lý tưởng đã tàn phai nhan sắc thì con dân đầu mận mà nữa, người đọc cũng ngán thầu lỗ mũi những thứ chữ nghĩa sớ tảo quân đó, nên chỉ người đọc tìm tới cái gì là chân thực, không xảo ngôn nguy tín! Tôi không nghĩ là “văn chương miền Nam đã được trả lại danh dự”, mà đơn giản là những anh cầm bút tử tế, có cái đầu tử tế, biết nhìn thấu cái xấu và cái đẹp, không chạy theo bầy đàn tung hê

kiểu “Ngô tổng thống... Ngô tổng thống muôn năm” thì đều làm nên chuyện. Chẳng Nam Bắc gì ráo trời. Nhiều thằng cha thấy mặc áo dài khăn đóng là được ăn, ngồi bậc tiên chỉ đình làng bèn xô áo chạy theo như bầy vịt nhưng không đẻ trứng vịt mà đẻ toàn trứng liu diu!

Dài dòng chút anh bạn hi? Cách đây chục năm, có một tay đào đãi vàng (mà tôi gặp trên bãi vàng Cheo Reo, ngồi uống rượu với hắn trong buổi chiều cuối năm trên bãi đá dày sương và lạnh) tình cờ gặp lại, thấy tôi mặt mũi bùn đất, vai vác cuốc, đầu nón cời giữa trưa nắng, hắn ta mới ngạc nhiên làm sao. Sau mấy lời hỏi han, hắn hạ một câu tôi nhớ đời “*Người ta có thể chế biến một anh nông dân thành anh nhà văn nhưng không thể xào nấu anh nhà văn thành anh nhà nông được!*”. Gớm, cái thằng cha đó chữ nghĩa ít mà sao hắn nói chí lý đến thế? Năm 2007 này, ở xứ Xô Viết Xương Rồng của tôi lại có một anh nông dân rặc Ngô Phan Lưu giật cái giải nhất cuộc thi truyện ngắn báo Văn Nghệ (Hội Nhà Văn). Cha này trước học triết Tây ở Văn Khoa Sài Gòn, sau bị động viên lên đòi Tăng Nhơn Phú. Triết Tây là thứ nô dịch, phản động, đòi truy, lại đèo cái 4.100 nên về cầm cây là đúng phép duy vật biện chứng; hay như anh Cao Thoại Châu mấy năm trước. Còn trước đó nữa là anh La Quốc Tiến (SQ tăng thiết giáp làm thơ hay quá mạng) đạt giải nhất cũng của báo Văn Nghệ VN. Sở dĩ như vậy là chúng tôi không có tiền và đức để sắm cái áo dài khăn đóng đó thôi.

- Có sự khác biệt gì trong sáng tác trước và sau 1975?

*Sau năm 75, những người cầm bút miền Nam gặp khó khăn về mọi mặt. Hầu như đa số đều bị hẫng hụt. Những ngón tay cầm bút lỏng lẻo, ngượng ngập hơn. Họ chẳng biết phải viết thế nào. Còn công chúng thì đồ xô tìm các sách dịch của Nga và các nước Đông Âu. Riêng sách văn học VN theo phép tắc luật giao thông đi trên đường một

chiều nên đọc một quyển coi như đã đọc hết các tác phẩm trong giai đoạn đó. Các nhân vật của họ viết về địch thì bộ mặt, hành động của địch luôn là hăm hiếp, cướp bóc, đốt nhà còn của ta thì cao cả ngời ngời. Hiếm thấy nhà văn miền Bắc nào viết được những câu như thể này: *“Nhớ hôm bắt được em Việt Cộng / Xinh đẹp như con gái Sài Gòn / Ta nổi máu giang hồ hảo hán / Gật đầu ra lệnh thả mỹ nhân”* (Linh Phương – Hành quân). Nhưng rất may là những khó khăn ban đầu qua đi. Họ tiếp tục viết, viết nhiều. Không chỗ nào in thì họ để đó, không mất giá trị.

Mới đây nhà văn Đào Hiếu, một gương mặt tiêu biểu của phong trào sinh viên tranh đấu miền Nam, từng là đảng viên CS, từng bị bắt đi tù rồi được thả về, bị bắt đi lính binh nhì quân đội VNCH... đã viết quyển tự truyện Lạc Đường gây dư luận đặc biệt trong và ngoài nước. Đào Hiếu đã nói lên sự thật “lạnh lùng” mà nhiều nhà văn khác luôn né tránh. Chất nhân văn là từ những điều rất thật đó khiến người đọc phải suy nghĩ và tự hỏi. Văn chương mà cứ uốn éo, véo von mãi thì cũng tựa như Ngô tổng thống... Ngô tổng thống muôn năm... vậy. Khác nhau là chỗ đó. Và không đâu như xứ này: mấy anh nhà văn được lừa vào căn nhà, ngồi tùm tùm viết văn làm thơ. Hay dờ mặc, miễn đừng viết “bậy bạ”, tháng tháng lãnh lương. Họ là công chức nhà văn đấy, mà Đào Hiếu gọi là “đám bồi bút”! Một hiện tượng nữa là nhà nhà làm thơ, người người viết văn. Số lượng nhà văn nhà thơ VN lên đến hàng triệu!? Có anh làm lãnh đạo hàng tỉnh, đương thời chỉ chột rất hung; khi về hưu quay ra làm thơ; viết nhiều vô kể nhưng đọc cứ như mùi trứng vịt ung!

Những đầu sách nào dễ dàng cho xuất bản. Số lượng và độc giả đọc những đầu sách đó?

*Sách nấu ăn, làm đẹp, trồng cây, vật nuôi, tình ái lãng nhãng, giết gân... vì nó không đòi hỏi tính gì hết. Còn các loại khác bạn cứ tưởng tượng như đang đứng trước đèn đỏ

ngả tư. Cách đây hơn 20 năm các ông GS Phong Lê, Như Phong... viết những quyển sách dày lên án nhóm Tự Lực Văn Đoàn, mạt sát hết lời, sau này cũng chính các ông ấy lại ca ngợi hết lời! Thế là thế nào? Đến cái “anh Lùn cạnh nhà thờ Đức Bà” nữa? Ở Tây, ở Tàu người ta cũng tranh luận, bút chiến, phê phán, nhưng đâu có kiểu “gâu gâu” hàng tôm cá chợ cầu Ông Lãnh vậy?

Những đầu sách văn học “có vấn đề” thì được các NXB in cỡ 1.000 bản, quá nữa là 3.000 còn đa số chỉ 500 bản là một ngát ngư. Đầu có như trước kia số lượng in từ 5 đến 10.000 bản? Mà cụ Tản Đà cũng bảo rồi: *Văn chương hạ giới rẻ như bèo...* mà, nhất lại là Việt Nam bây giờ.

- Bạn nghĩ thế nào về văn chương hải ngoại? Độc giả và người viết ?

* Sướng. Thích. Tuyệt Vời. Tôi nhớ trên Hợp Lưu số 31 tháng 10&11 có bài thơ *Linda mặt ngang* của Đỗ Kh. Bài thơ đã khiếp mà Phạm Thị Hoài còn tán một bài dài trên Talawas với cái nhan *Sờ Linda* thì đủ biết hải ngoại văn chương là thế nào rồi. Người viết tha hồ viết, người đọc tha hồ đọc. Có giá trị thì đọng lại, dở thì tự nó tiêu tán, rất đơn giản. Nguyễn Ngọc Ngạn mà ở VN thì sao có những tác phẩm văn học hay đến vậy? Còn nữa, một Nguyễn Đăng Mừng ở Quảng Trị cũng chỉ dám treo những *Đôi Ma*, *Mãi Hoài Như Rứa*, *Về Làng...* lên trời chứ nào có chỗ dưới đất? Đố ai dám về *Xô Viết Xương Rồng*, *Xô Viết Cà Mau* mà viết như vậy, ngay dưới đất? Bị nhúng vào sút đậm đặc để tẩy đầu óc ngay.

- Bạn nói rõ hơn về cuộc sống của bạn hôm nay. Hình như bạn là nông dân bất đắc dĩ ?

*Tại tôi cả. Nói cho ngay, trước tôi cũng là ông giáo quèn, chẳng danh giá gì nhưng được cái là cũng giúp cho đám bạn nhỏ dùm kiến thức quèn. Nhưng cái lưỡi của tôi đã

không dài mà còn cứng, phát âm không đúng, nói cả ngọng cả nghịu. Dạy văn mà âm giọng như thế thì khác chi tự vả vào mồm mình... nên tự ý rút êm, về cày sâu cuốc bẫm còn danh giá hơn nhiều.

Lũ con và bao tử là hệ trọng bậc nhất: sau vụ cái lưỡi trở chứng đi làm đủ nghề: lò gạch (thiếu bóng nàng Thị Nở mà thừa những anh Chí Phèo), xà bông thơm (làm bằng mỡ trâu chết vì kiệt sức trên những cánh đồng HTX+dầu dừa+ dầu bạc hà), nấu kẹo, buôn đường đen, bán bông (không phải bán hoa đâu nhé), viết báo cáo thuế...Tiền vào chẳng thấy đâu, chỉ biết sau mấy năm “kinh doanh” các đồ tể nhuyển của vợ không cánh mà bay (có lời khuyên cho các vị có máu nghề sĩ chó có đại đột đi kinh doanh!). Giờ thì làm trợ lý cho vợ trong ba cái chuyện sai vật. Rảnh ngồi viết lãng nhăng chơi, rảnh nữa thì đi nhậu mút chỉ, nhậu mát trời ông địa! Trâu già chẳng nệ dao phay mà?

Cảm ơn anh đã làm tôi bỏ mất bữa nhậu chuột đồng thiết là uống?

-Không, ngược lại

(1) Vệ Tuệ là nhà văn nữ của Trung Quốc, thuộc thế hệ trẻ có tập tiểu thuyết **Điên cuồng như Vệ Tuệ** bán rất chạy ở TQ cũng như VN ba năm trước đây..

(Chúng tôi giới thiệu một sáng tác cũ của nhà văn Nguyễn Lệ Uyên , trích lại trong số Văn. Số 125 ngày 1/3/1969. Chủ đề Đầu Xuân Lộc Mới).

T r ê n D ò n g S ô n g K h ô

tặng Tường Huân

Mới lờ mờ sáng, ông Năm đã hấp tấp vợ vội quang gánh theo đoàn người lũ lượt ra khỏi thành phố, vượt qua cây cầu hai một nhịp. Gió từ mặt sông đưa lên lạnh lạnh. Ông

cho tay vào túi áo tìm điều thuốc vắn. Khói thuốc phả vào mặt làm ông cảm thấy ấm lòng và yên tâm hơn. Bản tin cuối cùng của đài phát thanh địa phương loan đi từ tối qua đã làm ông Năm khắp khởi, vui mừng không ít.

Suốt đêm ông không tài nào nhắm mắt nổi. Ông nằm trên giường thao thức, suy nghĩ lao lung. Căn nhà cũ như hiện ra rõ ràng trước mắt ông với những thân cau cao suôn đuột. Nửa đêm về sáng, ông ra ngồi trên bộ ván đầu hiên chiêu từng ngụm trà nóng và mong trời mau sáng. Ông cố gắng chờ nghe tiếng chim Áo Già sau bãi hót lên một hồi dài như thường lệ. Nhưng rồi chỉ có tiếng chó sủa vu vơ và tiếng trẻ con khóc the thé ằng ặc ở gian nhà kế bên. Ông đoán thâm mờ mờ trong trí, chắc đàn chim không về đêm nay. Hình như linh tính báo cho chúng biết trước có đoàn người sắp về làng gặt lúa nên chúng nán lại ăn thêm, kiếm bờ bụi nào gần đó ngủ tạm, sáng thức dậy thật sớm mổ vôi ít hạt thóc chứa trong chiếc điều nhỏ xiu, đủ sức chịu đựng một ngày.

Chúng bay là là, xào xạc trong các ruộng lúa. Giang sơn của chúng hắt lên một màu vàng sáng rỡ. Ông mỉm cười và cho mình có bộ óc nhận xét thật tinh tế. Lúc này ông thật sung sướng, hoàn toàn, tưởng chừng có thể nhảy cẫng lên như trẻ con được. Ông như còn nghe rõ ràng giọng đọc lãnh lót của cô xướng ngôn viên. Dường như trong lúc đọc, cô ta cũng mỉm cười sung sướng, vui lây với niềm vui của những người như ông. Ồ, Ờ... đích thị rồi. Ông vỗ đánh đét vào đùi, quăng cây gậy ra góc nhà, vắn “la-dô” lớn hơn, kê sát vào mang tai như muốn thu trọn cả khối âm thanh đó vào màng nhĩ và giữ lại ở đó thật lâu. Ông mừng tượng cả đám người ồn ào, nét mặt rạng rỡ ríu rít hỏi thăm nhau như đàn chim, và cả đoàn xe nối đuôi nhau lao vùn vụt, vùn vụt. Từng lời, từng chữ của cô xướng ngôn trong bản tin lặp lại lần cuối như những giọt nước mắt len lỏi khắp cùng thân thể ông. Ông muốn ứa nước mắt vì sung sướng. Ông cảm động thật tình. Ông đầu ngơ

được có một ngày được trở về làng cũ. Bản tin chấm dứt đột ngột. Ông còn cổ vắn to hơn xem còn có gì khác không. Bản quốc ca hùng tráng trở lên vang vang. Tim ông đập mạnh cơ hồ nghe rõ từng mạch máu chảy dồn dập, liên tiếp. Ông khép cửa, khấp khểnh bước ra khỏi mảnh sân cát chật hẹp. Ông khập khểnh bước trên bãi cát lún và hút mất sau dốc cát. Thằng Sanh ôm bó rau đi về phía ông. Ông mỉm cười quơ quơ cây gậy trong không khí, xoa đầu thằng bé:

-Mai thứ dậy sớm, đi nghe con. Ông đợi ở cây xăng đỏ.

Thằng bé gật đầu, hỏi lại ông cho chắc ăn.

-Mờ sáng, thiết nghe ông? Má cháu chạy đi mua đôi gióng sắt đó. Thôi mờ sáng, nhưng ông nhớ cắt cây gậy đi nghe ông, cháu sợ.

Nó vừa nói vừa đi giật lùi về phía khu định cư. Ông xuống dốc. Ai như tiếng Cừ Cảnh trong nhà lão Đẹt. Ông chậm rãi môi thuốc rồi ung dung bước từng bước thật vững vào nhà như kẻ nhàn hạ.

-A, bác Năm, đi mua gióng gánh chưa bác? Thôi từ nay bác hết cầm gậy ra đứng ngoài bãi rồi đó nhé!

Tiếng lão Đẹt ồn ồn trong căn nhà tối.

-Chào ông Cừ, chắc ông vừa nghe “la-dô”?

Ông lắc lắc bờ vai gầy đét của ông Cừ hỏi, giọng đầy nhiệt tình nhưng ông Cừ chỉ trả lời khập khểnh làm ông hết hứng thú.

Ông buông tay nhìn ông Cừ hỏi lại:

-Ông không về làng sao?

-Đi chứ.

Nghe lời trả lời cụt và lười biếng của ông ta, ông thấy ông Cừ có vẻ thiếu nhiệt thành trong công việc không phải cho một kẻ nào khác ngoài bản thân, gia đình ông. Ông Cừ không muốn về làng sao? Có quả là ông Cừ không muốn nhìn lại ngôi nhà do chính bàn tay mình xây cất? Có sao thì đó cũng là quê hương, nơi sinh đẻ của mình. Ông ta ở trên trời rơi xuống sao? Tình-ruột-thịt-làng-xóm dễ gì

phai mờ nhanh chóng trong tâm trí ông. Mới hai năm đầu có lâu la gì. Con chim còn có tổ dù rách nát huống chi loài người. Ông đâm ra nghi ngờ thật tình cái khả năng và chức phận của ông ta. Ông thay đổi tâm tính nhanh chóng quá. Ông Năm nghĩ sao lại có những người quái gở đến nước đó. Khuôn mặt ai cũng tươi tỉnh khi nghe được về làng, chỉ riêng mình ông thích chui đụt trong thành phố phung phí và căn nhà tôn cất đùm đụp trên bãi cát nóng bỏng. Làng quê rộng thênh thang không có gì lôi cuốn, hấp dẫn lũ họ được. Lạ thật. Ông lắm nhảm. Mặc kệ. Mai ta cứ về. Về dưới đó như thấy cha mẹ, vợ con, họ hàng cùng một lượt sống lại. Ông nhắm tính lại từng bụi cam, gốc mít, gốc xoài... không biết bây giờ có còn hay đã gãy gục, nghiêng ngả, chết khô?

Ngày nào ông cũng nhắc tới chuyện về làng. Ngày nào ông cũng vác gậy ra bãi cát quơ quơ hát nghêu ngao cho voi nổi sầu chông chất kể từ khi vợ ông chết trong trận giặc năm kia. Vợ ông chết banh xác ở xóm Chụt ba ngày vẫn chưa mang về được. Lũ chó, heo đói tranh nhau từng cánh tay, ống chân lòi đi xoắn xoạt. Ông khóc ngất khi nhìn thấy bộ xương sườn rồng huyệt và chiếc đầu trắng hếu. Ông vừa sợ hãi vừa tủi thân. Nhưng rồi ông cũng lo được cho vợ một nắm mộ thơm tất, chu đáo trước khi theo đám dân làng xuôi về tỉnh. Từ đó về mặt ông thật lầm lì, dừ dừ. Suốt ngày ông chỉ ngồi soi mặt mình vào cốc rượu và cầm gậy ra bãi nhảy múa quơ quơ. Ông xa lạ với tất cả mọi người. Ngay cả đứa con gái ông cũng nhìn nó như nhìn một nhân vật nào lạ hoắc. Đứa con gái đi về như cái bóng ông chẳng để ý... Người ta đồn đãi rất nhiều về con ông, nhưng ông còn có nhiều chuyện khác để nói và nhớ hơn là những lần đứa con gái trốn nhà đi biệt cả tháng trời. Ruộng lúa của ông bỏ hoang. Xâu lờ đã thành tro. Đàn cá rô hết còn lượn lờ ở các trở nước. Chỉ còn những đất nứt nẻ. Những bận tâm, nghĩ ngợi lật vật đôi khi giúp ông quên đi trong giây lát cái chết đau thương

của người vợ. Nhưng rồi súng đạn vẫn luôn luôn đe dọa, chặt đứt niềm tin ôm ấp tư lâu. Chuyện chết chóc với ông bây giờ sao quá tàn bạo dù cái chết đến như một giải thoát, thanh thân bình yên như bà Cồn.

Quê không xa nhưng ông về không được. Qua khỏi cầu, xuống tới ga Đất là cuộc đời sẽ đi đông như vợ ông. Nỗi thương nhớ, ảm ức đó cứ chất chồng theo ngày tháng. Ông chỉ còn nước ra đầu bãi nhìn về xóm xa ngùi ngùi.

Và những ước mơ đó bây giờ sắp thành sự thật. Giữa đám đông, ông dướn người thật cao có ý tìm ông Cửu. Ông định bụng sẽ khuyến khích ông ta vài điều, nhưng bóng ông Cửu vẫn biệt tăm. Ông thở dài ngao ngán nhớ lúc đi, đưa con gái hơi dỗi và tỏ ý ngăn cản.

-Một vài hột thóc, có chuyện gì mệt lắm cha.

Tự dưng ông thấy đứa con gái có vẻ lo lắng thật sự cho mình. Không khí có chút gì thân yêu, bớt căng thẳng, ngăn cách. Ông nhìn đứa con gái một thoáng giây, đứng dậy lay bờ vai nó.

-Hay mai con đi với cha?

Đứa con gái cúi đầu nói nho nhỏ “ không cha, con sợ...”. Ông nghĩ nó có vẻ hồi và ít nhiều sợ hãi lỗi lầm của nó , không dám về thăm chòm xóm, mà mẹ. Ông thấy thương nó hết sức, nhưng không vì thế mà thay đổi ý định. Đôi giống đã dựng trước hiên. Thằng Sanh hăng hái nhắc ông. Lão Đẹt sửa soạn, dặn dò con cái từ chiều qua. Không. Phải về. Phải về.

Xuống tới cây số 5, đoàn người đứng lại giữa bãi đất trống, chỗ đoàn xe Đại-Hàn đậu. Trước khi lên xe, những người lính “đồng minh” phân phát từng tờ truyền đơn tận tay mọi người, nói rõ mục đích của họ. Trên đầu dòng chữ “Tình Việt-Hàn thắm thiết” in bằng mực xanh đậm nét. Khuôn mặt ông Năm sáng lên theo dòng chữ đó. Ông giơ tay vẫy chào lão Đẹt, ông Ngô, bà Quới... thấy lòng rộn rã sung sướng không cơ man nào tả xiết. Thằng Sanh ngồi

trên mô đất cao, trong lòng người lính Đại-Hàn. Ông muốn chạy tới bế xốc nó lên mà hôn mà hít. Đầu bái người sĩ quan “bạn” lập lại bản văn trong tờ truyền đơn qua chiếc loa cầm tay nhỏ xíu. Ông ta đọc tiếng Việt, giọng lơ lớ nhưng thành thật. Ông nghe lồm bồm chữ được chữ mất. Tiếng vỗ tay rào rào lớn dần. Một vài lời cảm ơn của đại diện dân chúng. Bọn họ đứng im lặng, cảm động. Vị đại diện vừa dứt lời. Tiếng vỗ tay lại ào ào dữ dội. Cảm xúc được họ phô diễn ra cả hai bàn tay chai sạn. Không khí mang bộ mặt trang nghiêm chất phác, đơn giản và thật thà. Không chút gì giả tạo trên đôi môi mấp máy rung động như muốn tiếp lời vị đại diện, nói nữa, nói miết. Một vài tiếng xì xào “sao nẫu tốt bụng quá, nẫu không sợ na...”

Phần nghi thức buổi lễ về làng chấm dứt nhanh chóng. Mọi người lục tục tranh nhau lên xe, ồn ào như ong vỡ tổ. Tiếng la hét, xô lấn, chửi thề nổi lên âm ỉ đặc quánh. Không khí mang chữ “thảm thiết” buổi đầu biến mất. Một vài người lính “bạn” nhắm mắt, sùng sộ. Áo người lính ở chiếc xe thứ ba bị rách một mảng khá lớn. Anh ta nói gì đó không ai biết, nhưng nhìn vẻ mặt mọi người đều hiểu rằng anh ta đang giận sôi người. Cảnh niu kéo vẫn diễn ra hỗn độn tấp nập. Tiếng the thé của mũ đàn bà nổi lên:

-Cắt cái câu liêm đi. Quơ quơ móc đuôi mắt tui sao? Đố, xích ra, một mình choán hết nửa cái xe. Đồ ác nhon.

-Ôi, trời ơi còn gì căng người ta!

Tiếng la hét vẫn nổi lên, không ai để ý đến ông Năm già đang loay hoay cố leo lên xe. Quang gánh vương vãi làm ông không tài nào trèo lên nổi. Trong khi mọi người đều có chỗ đứng trên xe thì ông vẫn còn ở dưới, loay hoay, lạch bạch như con vịt. Anh tài xé xuống xe bế ông đặt ngồi trước “ca bin”. Ông nói “cảm ơn quý anh” bằng cái giọng run run. Anh lính gật đầu cười.

Đoàn xe ra hết ngoài lộ, bắt đầu lao vùn vụt trong nắng sớm. Những hàng cây hai bên đường giật lùi mãi về phía

sau. Đàn chim sẽ nghe động, bỏ mỗi bay vút lên các mái tranh sụp đổ, mắt đảo đảo, kêu chiêm chiêm liên miện như có ý trách móc sự cố mặt của đoàn xe làm xáo trộn sự yên ổn của chúng. Đẳng xa, vắng vắng tiếng chim cu gáy trong bụi rậm gù mái. Lâu lắm ông mới nhìn lại được khung cảnh trong lành thuở xưa. Lòng ngực ông muốn nổ tung theo những bất gặp thân thiết dọc đường. Những nương nước nông giang len lỏi giữa cánh đồng. Làng mạc thấp thoáng từ xa. Cây cối có vẻ hoang tàn nhưng không đến nỗi bất ông phải có ý nghĩ nào khác ngoài những bồn chồn nao nức. Tính ông dễ tha thứ những thứ bức mình. Ông tươi tỉnh và vui vẻ ngay sau đó khi nỗi nhớ không kéo tới bất chợt, bất ông phải lằm lằm lì lì suốt buổi cho đến khi tự nó tan rã hay đầu hàng. Nhưng ít khi chúng chịu biến đi nhanh chóng. Chúng vật vã, hành hạ ông như con trâu diên. Ông thần nhiên làm bộ lạ, như trời đất thu hẹp trên bãi cát và căn nhà tôn bong vách thấm thiết. Có những lúc ông sống như lẩn lút, tránh nhìn mặt mọi người đến độ đưa con gái hoang lung trở về ông cũng không thềm giận dữ hay xúc động. Cả thằng Thái dọa liệng lựu đạn banh xác cha con ông, ông cũng lặng thình, xem đó là trò đùa của lũ trẻ nít mới lớn ham muốn những cái khó khăn, thử người ta ngăn cấm. Những chuyện này với ông ít quan hệ hơn công việc kéo cuộn dây thép vát xuống sông, gánh từng thùng đất lấp đường cho bằng phẳng, xe chạy dừng ngã chổng chơ, và làng cũ của ông dừng ở đó một mình không bóng người. Ông vừa thích vừa sợ đám đông. Nó như một an ủi, một dọa dẫm. Ông sống xa xa gần gần, ít khi thấy vẻ thành thực hiện ra rõ ràng trên khuôn mặt như lão Đẹt, bốn Quói, thằng Sanh. Ông miên man, lim dim.

Người lính “bạn” vẫn nhìn thẳng phía trước. Anh ghi tay lái. Xe xóc lên xóc xọc, nhảy chồm chồm như muốn nhào xuống nương nước. Ông thở dài “bậy quá”. Những

nôn nao chưa chịu biến mất trên những ổ gà. Ông nhìn anh lính, không biết anh ta có bắt kịp nỗi hân hoan của đám dân hay chỉ có nhiệm vụ giữ tay lái cho thật vững vàng. Ông muốn giúp anh tỏ bày niềm hân hoan đó bằng thứ ngôn ngữ ngầm. Ông tìm cách ra dấu. Người lính nhìn được khuôn mặt rạng rỡ hẳn lên của ông cũng mỉm cười gật đầu tỏ ý hiểu. Anh ta lấy thuốc châm lửa mời ông. Ông cầm lấy, trịnh trọng như chính ông đang ve vuốt niềm thông cảm giữa hai người. Ông mân mê điều thuốc tưởng có thể trở thành sự thật. Ông không muốn đánh mất. Ông muốn giữ nó thật lâu dài, bền vững như chiếc xe của anh lính đang chờ niềm vui vô biên. Ông hít hơi thuốc thật dài, thở khói ra khoan khoái. Những điều thuốc này thường ngày có vẻ lạt lẽo, không có một ý nghĩa đích thực nào cho sự thâm thức của ông. Nhưng hôm nay nó mang một ý vị đậm đà khó tả. Những vệt khói trắng đục vội vã trôi dạt về phía sau. Hai người nhìn nhau cùng cười. Một thật trẻ. Một thật già. Nhưng đều dòn ròn rã.

Xe dừng lại ở bãi tha ma. Đoàn người lục tục trèo xuống. Họ đi vòng quanh trên bờ chưa vội bước xuống ruộng. Những lỗ đại bác sâu hoắm rải rác cùng khắp. Mọi người đều rung mình. Chưa ai có ý nghĩ vào làng. Họ đang nhìn những bông lúa chín vàng nằm nghiêng ngã, rồi bời trên mặt ruộng không bàn tay chăm sóc. Vị đại diện lúc này nói lớn:

-Bà con nên làm những cái gì có vẻ thiết thực một chút, vào làng còn thứ gì để chuyển đầu.

Ông ta vừa chấm câu thì mọi người ào ào nhào xuống các ruộng lúa. Quần xoắn tới bắt về. Lưỡi liềm vung trong nắng mai loang loáng, hấp tấp, vội vàng. Tiếng động một nhịp rào rào êm tai. Mùi thơm từ các gốc rạ toả ra ngào ngạt khiến mọi người vừa ngây ngất vừa phấn khởi. Có những người không phải là dân làng Vĩnh Chiêm. Họ ở tận những miền nào đấy xa lắc, không bà con, không ruộng đất ở đây, nhưng họ cũng điềm tĩnh, hăng hái vung

lười liềm tới tấp. Những người chủ lúc đầu còn phản ứng, sau đó lờ luôn. Họ tự nhủ chắc gì đã gặt hết, chỉ bằng chia sớt cho những người anh em đồng cảnh ngộ, nghèo khó, mất nhà, con cái sống chui đụt như đàn vịt Chiến tranh hơi sức đâu mà giữ! Phải giúp đỡ cứu mang nhau chứ. Giành đó để rồi cũng mất về tay mấy-anh-đồng-chí. Nghĩ thế, họ lại vui vẻ tiếp tục công việc không để ý đến những người lính Đại-Hàn chia nhau ngồi rải rác trên các bờ ruộng xa. Mặt trời lên cao. Mồ hôi bắt đầu nhỏ giọt ngắn giọt dài, nhưng hầu như không ai biết mệt

Lúc mọi người sắp nghỉ, thì tiếng nổ chát chúa trong làng vọng ra. Họ ngừng tay một loạt đứng nhìn nhau ngơ ngác, lo sợ. Những người lính “đồng minh” đứng bật dậy, thật nhanh, huồm huồm tay súng thận trọng từng bước từng tấc đường tiến vào làng. Khi bóng người lính cuối cùng mất hút sau lũy tre già, mọi người không ai bảo ai tự động tìm các bờ đất cao ngồi núp và chờ đợi. Phía bờ ruộng, một bà già méo máo sụt sịt vừa quỳ lạy ngay trên đám ruộng bùn: vãi trời phật đừng có đánh nhau. Con còn ba đứa cháu, chết đi lấy ai nuôi chúng...!

Bà ta lại sụt sịt khóc. Có tiếng la im đi im đi, rõ khéo. Để xem hư thực ra sao đã chứ. Tuy nói gắng nhưng mặt mày họ tái mét nhìn nhau. Bỗng có tiếng thẳng Sanh hoảng hốt:

-Ông Năm, ông Năm đâu bà con?

Mọi người nhón nhác nhìn nhau. Tiếng lão Đẹt:

-Đích thị ông Năm về làng bị mìn rồi. Trời ơi có sao không.

Lão Đẹt vừa nói vừa thở hỏn hển, đứt đoạn. Tiếng người đàn ông cuối ruộng la:

-Làm gì mà nặng lên thế. Bình tĩnh tí có được không. Ở đầu công làng xiêu vẹo hai người lính khiêng xác người đi ra. Phía sau tốp lính lẳng xẵng. Mọi người chồm dậy, định chạy về phía băng ca. Ông Định phải đứng dậy giơ hai tay nói:

-Xin bà con cứ bình tĩnh, sớm muộn gì chúng ta cũng biết. Tiếng mọi người nhón nháo. Đích thị, đích thị ông Năm. Họ chạy tủa tủa lên bãi tha ma, bỏ quên ông Định phía sau. Lúc sáng ông ta chững chạc, khoan thai đọc đáp từ được mọi người vỗ tay dồn dập bao nhiêu thì bây giờ nom ông ta có vẻ bị bỏ rơi cô độc bấy nhiêu. Ông thong thả bước theo đoàn người, không hấp tấp, không buồn, không giận.

Xác ông Năm bê bết máu. Ông đã tắt đã tắt thở. Miệng ông há ra, cặp mắt mở lớn. Ông như định tìm kiếm và nói điều gì đó. Mọi người ngồi chung quanh im lặng. Có tiếng sụt sịt. Bỗng thằng Sanh khóc to, nhào tới lay lay vai ông Năm. Nó không tin rằng ông chết. Mới hồi nãy ông vỗ tay cười với nó ở bãi đậu xe. Nó áp tai vào ngực ông nghe ngóng. Máu dính đầy một bên má. Ông Năm chết thiệt rồi. Nó rống to thảm thiết, gỡ tay ông nắm chặt nhúm lá cam mít đã dập nát. Giọng nó kể lể:

-Ông đi rồi bỏ cây gậy, bãi cát lại cho ai! Hồi sáng hai ông cháu đợi nhau ở cây xăng mà không thấy. Ông ơi...!

Rồi bà Quới, bà Siêu, lão Đẹt... tất cả mọi người đồng loạt gào lên. Một vài người không thể cầm lòng, cố giấu những giọt nước mắt sắp trào ra. Mấy người lính quay đi yên lặng. Mặt trời lên cao. Không ai buồn ăn. Họ nhìn ra ruộng lúa vàng phoi mình dưới nắng trưa thấy rộng vô cùng, thênh thang vô cùng. Cánh tay họ như yếu dần dưới sức nặng vô hình của lưỡi liềm bó lúa. Một cái chết thật vô nghĩa. Bao giờ thì đến lượt họ. Lão Đẹt vật vờ kể lể thật dài dòng như đàn bà. Vài người đứng gần tỏ vẻ ái ngại, nhìn lão Đẹt và lau khô nước mắt. Không biết lão ta có thành thực hay chỉ vì một xúc động nho nhỏ chóng qua, về tới nhà trí óc lại thanh thản như cũ? Lão Đẹt khóc ngon lành, nước mắt rơi thấm ngực áo ông Năm. Máu đông khô cứng trên thân thể. Lão Đẹt lấy tay vuốt mắt, suốt vài bông lúa bỏ vào miệng và kéo tay chân ông Năm cho ngay

ngắn. Lão Đẹt đứng dậy. Người lính lái xe lúc này cố gắng cắm vào môi ông Năm điều thuốc chót. Anh ta vo tròn bao thuốc rộng quảng ra xa. Ông Năm đi nhanh quá. Ước vọng của ông chỉ được thoả mãn nửa vơi. Ông mong về làng. Ông mong nhìn lại ngôi nhà, nhìn lại bãi cát trắng xa, loáng thoáng những bông mướp vàng và cát hồng chạy dọc theo bờ sông trong veo, nắng mai và những cánh hoa rung rung trước cơn gió chiều êm như nhung. Mới ngày nào ông đã dắt lũ thằng Lụa, thằng Mịch đem bò ra bãi cỏ tây chạy dài tới chân núi, bỏ đó chui vào lều ngồi ăn dưa. Làn cát nóng, cơn gió mùa hạ thực sự rời xa ông vĩnh viễn. Mau quá, mới ngày nào ông còn ra sau đầm nhìn đám rau muống. Từng đợt lá non vươn thẳng xanh rờn sau cơn mưa đầu mùa. Quê hương ông ở đó. Mảnh đất của ông chưa có thể mất khi dòng sông này chưa khô, chưa trôi lên những viên đá, sạn xanh nhẵn bóng. Ừ mà làm sao mất được phải không ông Năm khi những con diều vụng về còn chấp chới trong gió thấp cũng như lũ trẻ con mỗi ngày một khôn lớn, hiểu biết hơn. Ông Năm vội vã quá. Còn những bông lúa vàng rung rinh xào xạc mỗi khi có cơn gió thổi về. Ai gặt chúng, đập phơi nghiền thành gạo. Ông Năm, ông muốn chạy theo vợ mình cho kịp chuyến tàu buổi sáng chạy về bên kia sao? Tiếng còi tàu thét lên ghê rợn, rồi cuộc sống, rồi sân ga từ từ mang ông đi thật êm ả. Con tàu chạy ra biển khơi. Và con tàu chạy đi tìm một quá khứ nào đã mất hút xa. Chạy miết, chạy miết. Có lẽ ông Năm đang loay hoay ở cuối toa, định nói với ông Cửu, anh tài xế Đại-Hàn điều gì đó trước khi chui vào hầm tối vĩnh biệt mọi tiếng động, ánh sáng bao quanh. Con tàu chạy một đường thẳng không bao giờ quay lại, trong đó có ông Năm.

(...)

Truyện mới sáng tác của Nguyễn Lệ Uyên

Đồ n g L à n g

*T*ruông tre buổi xế trưa gió hiu nhẹ như chiếc quạt to phẩy mát cho các bà ngồi túm lại hóng mát, làm những chuyện vặt. Nhưng hơn hết là cái có để dòm ngó vào đời tư kẻ khác như một trò giải trí không mất tiền.

Đám phụ nữ đó trên dưới bốn mươi đầu chừng bảy tám người. Trước họ là những nông dân rất. Nay thì cái “mác” nông dân của họ đã thực sự lụi sâu vào quá khứ. Họ đã được tách bỏ bao nỗi nhọc nhằn ra khỏi cuộc đời. Những thửa ruộng sinh không còn chỗ gieo sạ cây lúa, không nơi đào ao nuôi tôm cá mà là những nhà máy sừng sững cao ngất, đè tất cả quá khứ khốn khổ bên dưới những ống tròn xịt khói nhuộm đen cả xóm làng. Những cột khói ấy đang từ từ giải phóng họ. Và những con người ấy đang trở thành những kẻ nhàn hạ ngay chính trên mẫu ruộng nhỏ giờ nhô cao hơn nền đình làng.

Món tiền được đền bù là khúc rẽ cuộc đời của làng Nam Thổ, nằm kẹp giữa khúc sông rộng và quốc lộ chạy xuôi theo hướng bắc-nam.

1. Có lúc Chèo đứng soi mặt mình trước tấm gương to bằng cuộn vở học trò, móc trên cột gỗ góc nhà và bỗng khám phá ra rằng da mặt mình giờ mịn màng, trắng trẻo hơn. Những sợi lông tơ phơn phớt nhuộm đôi gò má ửng hồng, khác với mấy tháng trước, khi hai chân cô còn thọc sâu dưới đồng ruộng sinh, chìa mặt hứng những ngọn gió nam không khôc, tấp cháy da, những ngọn mưa theo gió mùa đông bắc cửa buốt mặt mũi, tay chân. Bất giác cô đưa mu bàn tay cọ lên má. Một cảm giác nhột nhạt, gầy gầy rung lên. Bàn tay tự rơi xuống cổ. Chiếc cổ dài và trắng. Nhưng chiếc cổ ấy có vẻ như không chịu đựng nổi những

cái cọ vuốt nhẹ của đôi tay làm cho khuôn mặt cô lúc nghiêng bên này, nghiêng bên kia trước tấm gương soi. Cuối cùng bàn tay của chính cô thả xuống ngực. Bộ ngực phập phồng qua lần vải dày sắp nhảy ra ngoài với đôi tay. Chéo đồ mặt, buông tay quay đi chỗ khác. Chéo không còn thấy khuôn mặt mình nhảy múa trong gương soi. Sự tách đôi đột ngột che khuất cái nhìn nhưng có sức hút khuấy trộn để cô trộm nghĩ về nhan sắc mình: Nó cũng dễ coi. Nó không đến nỗi nào.

Nó chính là cái cơ để bà tư Bèo, thốt lên kinh ngạc trong lần về quê ăn tết, bất ngờ nhìn thấy cô đang thơ thẩn ngoài ngõ: “Trời, con Chèo đó hử? Đẹp chi mà đẹp nào đẹp nùng. Con mẹ mày hồi xưa đẹp nhất làng. Mẹ mày mất, giờ thì mày đẹp nhất làng chứ còn ai vào tranh. Mày cứ ở mãi xó này lại phí cuộc đời”. Những lời khen ngọt lim lép kèm theo những ngón tay trái chuôi trôi trên bàn tay Chèo, trôi vào cội lòng Chèo với cảm giác ấm áp và lạnh lẽo trộn lẫn. Cô cúi đầu không trả lời. Mà cô cũng chẳng biết phải trả lời sao cho phải khi nhìn thấy cái nguýt dài và nhọn như lưỡi mát dưới đuôi mắt bà tư. Cô giật nhẹ tay khỏi lớp mỡ màng của người đàn bà tròn như đòn bánh tét, bước lui ngượng nghịu với mấy lời vói theo: “Chiều cô qua thăm anh năm Thọt”.

Bà tư mắt hút đầu đó trong kiệt nhỏ. Chèo thở phào như vừa tránh con rắn dưới gan bàn chân trần, trở vào nhà cầm chiếc rổ tre ra vườn ngắt những cọng bồ ngót, rau dền, bình bát, đầu óc lớn vồn những hình ảnh của sự gấp gáp xanh lè ngoài ngõ với bà tư lúc này.

Con mụ - cả làng đều gọi bà tư Bèo là con mụ - bỏ làng mấy năm sau mới quay về. Bà rực rỡ, loá sáng giữa giữa đám dân làng xóc xếch, vàng xuyên đầy tay, dây chuyền kéo trĩu xuống tới bộ ngực chảy xệ, đồ sộ. Con mụ che chiếc dù đỏ, môi son đỏ hoét, mắt mang kính đen vắt chéo chân từng bước từ kiệt tre vào nhà. Con mụ nói giọng chót chã, cười rung đôi má, rung chiếc bụng đầy mỡ khiên

những đứa con gái như Chèo vừa sợ hãi vừa thèm thuồng. Dân làng kêu: Không biết con mụ làm cái giống gì mà chỉ ba năm sau người đất đầy vàng? Người độc miệng nói: Mả cha con mụ phát đấy!

Sự “phát” của nhân vật kỳ lạ, hành tung không bình thường này, bữa nay đột ngột xuất hiện và được bà hai Côm vêu mỗ lên với đám chị em, chắc như đinh đóng cột:

- Bộ dạng ấy không làm đi thì cũng dất mồi, tú bà.

Người đàn bà ngồi trước rỗ hột điều, hai tay thoăn thoắt lột lớp vỏ lụa bày bộ ngực nhão, phơi lòng thông ra bên ngoài để thẳng con nhò trườn lên, miệng mút chùn chụt nùm vú nhần nheo, một tay giữ chặt nùm còn lại như sợ có đứa nào lấy mất, hắt cằm lên, cãi:

- Già khụ. Bốn năm mươi còn đi điếm cái giống gì, đâu như thời còn Tây còn Mỹ? Một bà khác tay đập chành chạch những con bồ hóng bay vo ve trên mắt, cười hềnh hếch:

- Nghe nói nay Tây ba lô qua mình nhiều.

Bà hai Côm:

- Ủa, có thể lắm.

Chèo đặt chiếc rỗ tre lên đùi, lật lại những cọng rau xanh, khép nép nghe những lời bình phẩm, không tham gia.

Câu chuyện bất ngờ chuyển qua hướng khác. Chị đàn bà có chiếc vú mướp bỏ trần ra ngoài xoắn những hột đào trong chiếc cảo bung vành, thành nhiều vòng:

- Đời này sướng thiệt đấy. Thăng cha tám Cận goá vợ nhận cục tiền đền sào ruộng đâu bảy triệu, liền xuống phố tậu ngay chiếc xe máy Trung Quốc chạy mù trời.

- Mấy bà không biết gì sao? – Bà ba Vịt lộn kêu lên - Thăng chả đêm nào cũng mò xuống con mẹ Bình bán hàng trảng làng dưới. Có bữa ghé lại chỗ tôi mua cả chục.

- Vịt lộn đề nhử hả? - Tiếng the thé của ai đó như tiếng bà năm Dây Sên cất lên bỗn cọt, bới móc.

Chị vú mướp trề môi:

- Nhừ gì nữa mà nhừ. Đề tằm bỗ mấy bà ơi! Thăng chả

bảy mươi, con mẹ sáu mươi. Hồi xuân. Sung lắm.

- Mày thử rồi sao biết sung? – Bà Vịt lộn thêm.

Câu nói vừa rơi vãi ra quanh chỗ bọn họ ngồi, bay lả tả, lập tức những tiếng cười ngặt nghèo tràn ra kèm theo những tiếng “quỷ, quỷ” đầy lỗ tai. Và phụ họa vào những tràng ngặt nghèo quỷ kia là những âm thanh phát ra từ những chiếc loa thùng quanh xóm, xoắn theo gió bay về. Những âm thanh lạc quạc, ngọng nghịu, những ca từ kéo dài, thu ngắn từ những chiếc miệng móm người già, chưa tròn chữ của trẻ con phát ra ong ong, vương vীu lên tận đợt tre cao.

- Nhà bà năm Sinh mới tậu dàn *raoke* hôm qua. Chính mắt tôi thấy. Xịn lắm!

- Sao bằng của ông bí thư huyện?

- *Chời ơi!* của công nạm mà đi so bì?

- Nghe thằng chả mèo mỡ với con Châu bỏ chồng. Lão mua chiếc *Pa Xy* mới cứng tặng con nhỏ đó?

- Hèn chi cứ thấy thằng chả chiều chiều đảo qua trường Dâu rồi mất hút...

Đúng lúc này thì bà tư Bèo đột ngột xuất hiện trước những cặp mắt ngỡ ngàng, soi mói. Đám đàn bà quê như muốn lột trần con người đàn bà kỳ lạ kia ra. Mọi con mắt đều đổ dồn về phía bà tư đang vắt chéo chân từng bước ngắn về phía đám người ngồi lê. Chuyện riêng tư của các cán bộ được bọn họ lập tức xếp gọn trong cổ họng.

Bà tư Bèo cất giọng chả chót:

- Chào mấy chị. Mạnh giỏi há? Mà làng mình nay giàu quá hén? Nhà nào cũng xe máy, cũng karaoke. Chăng bù hời tui còn ở làng, nghèo mốc đít.

- Giàu chi – bà hai Cốm vầu mỏ lên – có chút tiền đèn bù mới ra thế. Giỏi ca hát ba tháng là đôi đánh bánh.

- Đôi đâu chưa thấy, nhưng giờ nghe ca hát vang trời là thấy vui rồi – Bà tư Bèo nói vừa nhún nhảy, ư ừ: *Sáu mươi năm cuộc đời...*

- Phước đức nhà chị đi làm ăn xa giàu có, chớ ở làng như

bọn này có ngày xách bị đi ăn xin.

- Sao vậy? – Bà tư Bèo ngạc nhiên.

- Sao nữa? Ruộng đất sạch sẽ. Máy móc ai người ta dùng bọn này? Quét rác đồ thùng đâu phải dùng đến trăm người?

- Vậy sao? – Bà tư Bèo thốt lên bằng cái giọng vô cảm, rồi nhìn xoắn vào chỗ con Chèo đang ngồi thu lu, núp sau lưng bà vú mướp - Chèo à, con dẫn cô vào chào anh năm đi con.

Không đợi Chèo trả lời, bà xắn lại, xốc cổ tay cô lúi dúi dậy, kéo đi. Rổ rau trên tay Chèo chao đi mấy vòng, suýt rơi xuống đất.

- Chào mấy chị ghen.

2. Ông năm Thọt trước kia là du kích địa phương. Tên cúng cơm là Tầm, Võ Văn Tầm. Sau trận càn năm 72, ông bị trúng mấy phát đạn vào chân, không chạy được, bị bắt làm tù binh, bị giam ngoài Côn Đảo đầu hai năm rồi trả về địa phương với chân trái lệch đến mười phân nên dân làng lấy tướng đi đặt chết tên cho ông. Nếu chỉ dùng lại ở đây thì ông còn may mắn hơn nhiều người khác (nói về số phận). Nhưng đời không phải vậy, không suôn sẻ. Mấy tay xã xỏ lá, ngấm nghĩa tướng mạo ông sao đó, bèn đề nghị lên quận bắt ông làm ấp phó. Cái chức ấy chẳng quyền lực, cũng không cơm cháo gì trong cái xóm nhỏ chỉ còn lèo tèo vài người già. Thanh niên lớp lên núi, lớp xuống biển rồi gặp nhau ở chỗ nào đó phang vào nhau ầm ầm, cứ như hồi còn để chòm chia phe đảng giặc giả vậy. Ông từ chối thế nào cũng không xong, bèn tự nhủ: ấp phó trong cái làng chỉ còn hàng tre và mấy con chó ốm chạy rông thì tội nợ gì. Cứ từ từ ít tháng ta móc nối lại rồi dọt!

Đám đông những người như năm Thọt chỉ có thể tính đường gần mà không thể nhìn thấy đường xa; chân chỉ có thể chạm mặt đất chứ hai tay không thành cánh mà bay lên trời cao, nên chỉ hai tháng sau là giải phóng. Ông bị liệt vào hàng ngũ địch. Lại vác tay nải, lương khô đi cải tạo.

Đủ hạn lại trở về như bao người khác, mặt cảm xuống đồng sinh, chống dít lên trời như kêu oan!

Giờ chỉ còn hai cha con trong căn nhà gạch ba gian. Tuy cũ kỹ, rêu mốc nhưng không đến nỗi nào. Không làm cán bộ thì nông dân, mất mát chi, ông nhiều lần tự nhủ như vậy. Khổ tâm là cốt nông dân bị lột trụi như người ta nhổ lông con chim cu hơ lên lửa: lớp da đỏ hỏn phút chốc đen thui, mỡ chảy xèo xèo. Và như bao dân làng khác, bọn ông chỉ có dúm chữ, chẳng nghề gì, biết chuyển đổi làm thứ gì? Ngay cả chuyện ông viết đơn xin chân bảo vệ một nhà máy trong khu công nghiệp, người ta liếc ngang nhìn dọc tầm lý lịch, rồi lịch sự: “Dạ có người rồi, thưa bác!”. Chỗ nào cũng một giọng ấy khiến ông ngán ngẩm quay về, lật tung lớp đất căn trong mảnh vườn nhỏ, trồng các thứ rau kiếm đồng chợ.

Bữa gặp chín Phước - cựu chủ tịch xã người rất hiểu hoàn cảnh ông – đang thả bò trên gò Dinh, ngoắt ông lại:

“Hết biết rồi anh năm ơi! Cái làng này rồi đến loạn mất. Nhà nào cũng hò hát. Nhà nào cũng xúm nhau mua xe. Nhà mua sau phải mua xe đắt hơn nhà mua trước. Còn bọn thanh niên rượu chè thâu đêm suốt sáng. Âm âm như đám giặc, chẳng chịu làm ăn!

Năm Thọt cười khẩy:

“Đám ve sầu đó hát bã họng, bụng tộp teo sẽ chạy đi kiếm ăn, lo gì?

“Không thể được. Không thể nào ăn không ngồi rồi mãi được. Anh tính coi: mười triệu bạc đó có thấm thắp vào đâu. Ăn nhậu ca hát đã đời rồi lẫn ra chết chắc?

Năm Thọt khoát tay:

“Thôi, hết đường rồi anh chín. Tôi cũng khuyên giải nhưng họ bỏ ngoài tai, kêu tôi là đồ khùng. Thân gia bọn mình... - Ông bỏ lửng câu nói.

Năm Thọt bật cười khùng khục khi nhớ lại mấy lời qua lại bữa đó với chín Phước. Thằng cha, đúng chứng nào tật đó. Chuyện làng xóm chả coi như chuyện nhà, bứt rứt không

yên. Trước khi đi dự họp tướng mạo hùng hùng hổ hổ; tan buổi mặt mũi ỉu xiu, bước đi không muốn nổi. Bộ mặt chín Phước lộ rõ vẻ thất vọng nào nề.

- Năm ơi, anh năm!

Tiếng gọi thê thọt làm ông giật nảy người, rút vội tay ra khỏi hảng khi con ngựa chưa thiết đã. Ông bỏ chân xuống khỏi chiếc đầu nhựa quơ chân tìm đôi dép cùn, vịn tay lên mặt bàn nhóng cổ ra hỏi:

- Ai kêu tôi đó?

- Em đây. Em Bèo đây anh năm!

- Trời đất, cô đi những đâu mà nay mới mò về làng? Về hồi nào?

Vẫn những bước chân vấp chéo, bà tư bỏ tay mình ra khỏi tay Chèo, cởi chiếc kính đen ra khỏi sống mũi, dòm năm Thọt gần đụng mặt.

- Mối. Khoẻ chứ anh năm?

- Khoẻ. Còn cô? Chà, thay đổi dữ he. Mà ông cụ tổ phát hả? – Ông nói vừa nhìn bóng con Chèo mang rổ rau ra giếng nước.

- Phát con khi. Giỡn hoài. Mần như trâu như bò ấy chứ!

- Cô mần cái giống gì mà cực nhọc dữ vậy?

- Huầy, có nói anh cũng không hiểu đâu. Về lần này trước thăm anh, sau bàn với anh cho con Chèo đi với em vào trồng, em hướng dẫn làm ăn. Nhan sắc như nó biết đâu lại quơ được thằng chồng giàu?

- Dòm bộ dạng cô chắc cũng đang quơ được thằng chồng giàu có? Mà làm thứ gì: may vá, bán xôi, hủ tếu, bò kho, vé số...? Từ ngày làng này hết ruộng, lũ trẻ con cũng bỏ học vô trong đó bán vé số, đông có đến trăm!

- Đầu cực nhọc vậy anh. Số là em có quán cà phê: sáng bán tới 9 giờ nghỉ, tới đến 10 giờ đóng cửa.

- Cô kêu nó làm những gì?

- Dạ, ngồi quầy tính tiền cho khách.

- Chỉ vậy thôi?

- Vậy thôi.

- Cui bộ dễ ăn quá héng?
- Chẳng dễ gì đâu anh. Hay là anh bán quách căn nhà vào với em?
- Giỡn hoài.
- Thiệt đó.

Năm Thọt ngẩng người, nghĩ bụng: “Con mẹ này định quơ luôn mình chắc. Hồi xưa nó bám theo mình như đĩa bám chân trâu, nay thấy đơn chiếc định giở trò gì nữa đây?”.

Háng ông lại nổi ngứa. Lúc đầu chỉ mới lẩn tẩn. Ông nín thở để kéo cơn ngứa xuống, nhưng càng nín hơi nó lại càng bùng lên thật dữ dội. Ngứa hung rồi. Ông chỉ muốn thọc ngay tay vào cào xoáy cho đã cơn, ngặt nỗi cơn ngứa cạnh ông luôn chồm về phía mình mỗi khi nói. Con ngứa chạy lên mặt đỏ rần, tê cứng trên các đầu ngón tay, cắn nhéo trên vành tai... Chỗ nào trên thân thể ông cũng nhột nhột khó chịu. Tư Bèo ngó chăm chăm năm Thọt. Cô thấy khuôn mặt ông có vẻ khang khác, các mạch máu dần đỏ vẽ vòng y như những anh thanh niên tuổi mới lớn. Không kềm được lòng, cô trườn bộ ngực đồ sộ lên mặt bàn, cầm tay năm Thọt:

- Anh chẳng mất gì đâu. Tình muộn là đẹp nhất! – Nói và cô nhoẻn nụ cười duyên. Nụ cười đỏ lỏm son môi và lửa tình.

Năm Thọt trân người gằn như cong quít lại, mắt hoa lên Ông không còn chịu nổi cái cảm giác nhột nhột kia nữa, không thấy nghe gì nữa, thọc tay vào háng gãi rồn rột, gãi thật mạnh như những lúc ông ngồi một mình dạng chân gãi ngứa. Những móng tay cào chạy tới đâu cơn ngứa điên cuồng kia bị đẩy lùi tới đó. Ông híp mắt mê mẩn. Giấy lát thần kinh như dịu lại để kịp nhìn thấy bộ mặt hốt hoảng nhìn sưng ông.

- Chuyện gì vậy anh năm?

Rõ ràng trước mặt ông là tư Bèo, người đàn bà son phấn đã biến mất trong cơn ngứa khắc khoải vừa qua, giờ trôi lên. với cặp mắt đờ đẫn, ngây dại. Ông nghe rất rõ từng

hơi thở dồn dập của cô ta, hơi thở của người phụ nữ bám đuổi theo ông trên cánh đồng làng mấy mươi năm trước, giờ lại có dịp rượt ông chạy hụt hơi trên chiếc đầu nhựa.

- Không. Cô tư, đừng làm thế!

Nói và ông giật mạnh tay, thiếu chút nữa là mặt hai người dính chặt vào nhau.

Ông đứng lên, thở hắt ra. Tư Bèo cũng đứng lên thở sượt như quả bóng xì.

3. Đồng làng hun hút phía sau. Truông tre chống ngược thành những con đường khói bụi, ồn ào; vò nước móc lũng lảng chiếc gáo dừa quay tròn cạnh đáy bát đầu lột lột vỏ xơ cứng biến thành những ly bia, bọt tràn nhớp nháp. Đó là những lớp bọt phun xù xì từ chiếc miệng những con cua đồng trước cửa hang, lớp bọt của những con lươn trơn chúi dưới mà sâu.

Quán toàn những mùi lạ từ những con người lạ hoắc mang vào. Đó là mùi khói thuốc thiu bay vất vương, mùi bia vãi tung trên nền nhà toè ra ung úng khó chịu. Nó không như mùi phân bò, mùi bùn non, mùi khói đốt đồng và rơm khô lẫn trong mùi cua đồng, cá nướng mà cô từng cất tiếng cười trong vắt... Chèo bắt đầu lạc vào thế giới khác bằng những thứ mùi lạ ấy, quán chặt lấy cô. Chèo ngập lún trong mớ nhớp nháp mỗi lúc như dày, cao thêm làm cho đêm dài và sâu hơn. Đêm sáng trắng và dập dềnh hỗn độn. Đêm vỡ loảng xoảng những mảnh nhỏ găm vào đầu óc, cửa xoáy ruột gan. Đêm nào Chèo cũng mơ thấy cánh đồng sinh, những bước chân vắt chéo và bộ mặt đầy mỡ của bà tư Bèo. Cánh đồng làng thì tím mù xa, còn bà tư thì thật gần, sát bên cô, luôn thăm thì, nhỏ to ngọt xót: “Bắt đầu cuộc đời là những khó chịu nhưng riết rồi quen con ạ!”. “Nhưng hồi ở nhà cô kêu chỉ ở quày thu tiền?”. “Con nhỏ mới lạ, ngồi với người ta có mất mát cái gì đâu nè? lại được *boa*. Khoảng tiền ấy còn gấp chục lần lương cô phát cho cháu ấy chứ?”. Chèo hốt hoảng khi thấy bà tư nhắt

mực bắt phải lột bộ bà ba để tròng vào chiếc robe màu đen: “Da con trắng, mặc màu đen sang trọng lắm” bằng cái giọng thể thọt ru ngủ. Trong bóng tối nhờ nhờ, cô như cái bóng ma. Đôi vai trần, cánh tay trần lạnh ngắt. Từ chân lên đến háng là khối da thịt phơi ra trần truồng. Cô cảm thấy như cả thân thể mình bị lột sạch sẽ những mảnh vải che. Chèo thu người lại, nhưng càng cố, cơ thể cô càng trương phình lên. Những chỗ kín cần che giấu của phụ nữ bị lật tung, toang hoác. Nước mắt cô chảy ra. Những giọt nước mắt phút chốc thành những con rắn trườn khắp người lạnh ngắt. Bọn con gái tứ xứ và cả cô nữa, tất thấy mười bảy người. Mười bảy con rắn ngơ ngác dưới chiếc đèn điều khiển, rất lạnh lùng của bà tư.

Cả trong giấc mơ lẫn ban ngày mắt mở thao láo Chèo luôn nhìn thấy cánh đồng sinh của cha con cô, của người dân làng Nam Thổ bị đè bẹp bên dưới những khối bê tông đồ sộ của những nhà máy im lìm ngủ bên dãy núi phía tây.

Đồng làng hun hút xa.

(tháng 2.2008)



Ảnh tư liệu TQBT

HOÀNG NGỌC CHÂU

Tên thật: Hoàng Ngọc Châu.

Bút hiệu khác: Trước 1975: Hoàng Thị Thủy Tiên, Hoàng
Gỗ Quý. Làm thơ rất sớm, đầu thập niên 60.

Sinh năm 1944. Tại làng Kế Môn- Phong Điền- Thừa
Thiên, Huế.

Hiện sống tại Lâm Đồng.

Những tạp chí văn học phát hành ở Sài Gòn có thơ của
anh, như: Văn, Bách Khoa, Khởi Hành...

Trước 1975, Thơ đã xuất bản:

* Những Hòn Sỏi Vụn (thơ- in chung-1962)

* Điệu Ru Người Tình Cũ (thơ 1966)

* Thiên Đường Mới (tập truyện ngắn 1972)

HOÀNG NGỌC CHÂU

(Hoàng Gỗ Quý)

H u ế . B ê n N a y S ô n g G ởi T ì n h Q u a T h à n h N ô i

Anh đứng bên ni dòng sông nhớ
Bên tê thành nội áo ai bay
Cầu xưa gãy nhịp chia tình cũ
Nước dưới sông buồn lay ngọn cây

Cầu đã đưa người thân mến nhau
Lòng hai miền gió thoảng hương cau
Tình sông nước cũng thương lời hát
Ơi Huế đêm trăm lửa chớp sao

Cầu đã đưa em vào tuổi hạ
Vội khuya trăng gió điệu nam bình
Ngày hai buổi đông đưa tà áo
Gót mỏng chân hồng đáng nữ sinh

Cầu đã đưa anh bước lên đường
Chân vàng khuya động bóng quê hương
Hồn trai như gió nồm quê mạ
Hơi thở thơm tình Huế mến thương

Ơi sáu vài ơ mười hai nhịp
Mới hôm mô thân thiết đôi bờ
Bóng ai thấp thoáng bên tê đó
Có phải em thành nội muốn qua

Ơi sáu vài ơ mười hai nhịp
Ai mô nữ phá bỏ sao đành
Nhớ rằng là nhớ người chi lạ
Bên nớ sông buồn nước có xanh

Anh đứng bên ni dòng sông nhớ
Bên tê hiu hắt đáng ai gầy
Ơi người thành nội cho mình hỏi
Cầu gãy đôi tình ấy có phai?

1968

(Bách Khoa)

(LTS) Bài thơ trên Hoàng Ngọc Châu làm vào năm 1968- Sau Tết Mậu Thân- Cầu Trường Tiền gãy nhịp trên sông Hương.

quê anh. Sau khi làm xong bài thơ này, nhà thơ Phạm Cao Hoàng đã ngâm tại Qui Nhơn có tôi và Trần Hoài Thu. Sau năm đó, tôi đổi đến một đơn vị khác. Còn THT thì lên Cao nguyên rồi vào miền tây. PCH ra trường đổi về Bình Thuận. HNC thì bỏ Qui Nhơn vào Sài Gòn. Mỗi người đi mỗi ngã. Tôi với anh THT những người lính trận một thời, không quên được khi đọc lại bài thơ này của Châu..(PVN)

... Trong những năm làm lính ở Bình Định, mỗi lần được dưỡng quân về Qui Nhơn, có thể nói cửa tiệm làm nữ trang ở gần cuối đường phố chính, đối diện với trường nữ Trinh Vương của Hoàng Ngọc Châu là nơi PVN và tôi thường đến. Buổi chiều những người con gái trường nữ bãi về, tà áo cuống quít trước những cơn gió biển thổi về như một đàn bướm trắng xôn xao cả lòng phố và lòng người. Và có lẽ những câu thơ mà chúng tôi thuộc lòng như "em đi dáng mỏng như là gió/Phơi tuổi vàng ta trên ngọn cây" của anh cũng bắt nguồn từ nỗi xôn xao này chăng.

HNC có dáng người nhỏ con, giọng nói cũng nhỏ nhẹ. Làm sao ngờ ở con người ấy, đã từng làm cho bao chàng mê đắm qua những bài thơ ký tên Hoàng Thị Thủy Tiên.

Một đời làm thơ, và một đời mang trái tim đến với em. Em vẫn là dáng mỏng như đạo nào, dù ngọn cây ta màu vàng hắt hiu tàn tạ... (THT)

A n h Đứ n g B ê n T r ò i Mơ V ê H uế

Hoa cải nhà ai vàng đẹp quá
Như áo em xưa qua nội thành
Anh đứng bên trời mơ về Huế
Thương màu áo lụa giọng hoàng anh

Mùa hạ nào thơm em vừa lớn

Lòng anh sứ nở trắng mười bông
Em ngon như nhũn vườn quê nội
Nhìn cũng say như uống rượu nồng

Dẫu mẹ già cầm tay níu lại
Dẫu em ngoại áo đứng khóc ròng
Người đi dẫu đứt từng khúc ruột
Môi vẫn cười tươi như nắng trong!

Quê người áo rách hồn xơ xác
Sương khói chiều hôm xuống bạc lòng
Nhớ mẹ già thương bông sứ rụng
Tội em chim nhỏ nắng vườn không!

Bao năm cơn áo giặt bên trời
Lòng thấy chiều nay như lá rơi
Thấp thoáng trong mơ thành nội cũ
Em về áo lụa nhớ thương ai !

B' Lao 1969

H à N ộ i C h ớ p T h u

Lung linh nắng
rơi vàng khắp phố
Hàng phượng nghiêng
rụng lửa xuống Hồ Gươm

Trên những tàn cây sấu già
đàn chim vào mùa hôn phối
động tình lá vàng bay
ngân ngơ hồn quán bụi

Thoảng đâu đây mùa hoa sữa thơm nồng
đậu xuống môi em sắc hồng
đậu xuống lòng tôi bình bông, bình bông hạnh phúc

Trước hiên nhà ai nở đầy hoa bằng lăng tím
Áo tím em qua
lấn vào hoa
Hà Nội đẹp như không có thực

Tôi lang thang trên đường Cổ Ngư
Bóng tôi chạm bóng mùa thu
Bơ vơ tiếng chim lạc phố
Em về rất thật như mơ

Dừng lại quán kem bên Hồ Gươm
hốt nhiên tôi thấy mình trẻ lại

Lời em ly kem mát lịm
Môi em sóng sánh rượu mơ
Da em nồng nàn tục lụy

Tôi lạc mất tôi
Giữa trưa vàng Hà Nội chớp thu

Đại lai, 26-6-2966

N g ữ N g o n N h ế , E m Y ê u

Có nhiều đêm anh ngồi thăm lặng dưới trời sao
Nhớ về em những ngày trăng mật
Ôi cô bé có đôi mắt buồn muốn khóc
Đủ để anh say ngây ngất cuối đời

Dẫu suốt đời chúng ta không là vợ chồng
Nhưng hạnh phúc thuộc về nhau tiền kiếp
Nên chi em như đoá lan kim hồ điệp
Đắm đuối hồn anh những phút hương nồng

Có những lúc anh như đứa trẻ thơ
Mong được yêu và được chiều đủ thứ
Ôi đôi mắt chứa đầy bề khổ
Để đời anh bị cám dỗ không ngờ

Hãy hiểu cho anh tình yêu là vậy
Như một đêm nào trong giấc mơ
Em đến và đi còn để lại
Dấu tình yêu như một ánh trăng mờ

Hãy ngủ ngon nhé, em yêu
Đêm đã tàn vườn khuya đã khép
Chúc em có một giấc mơ đầy mộng đẹp
Như tình anh sóng vỗ nhịp dâng triều
B' Lao 20-2-2004



NGUYỄN MINH

Tên thật: Nguyễn Chí Minh. Sinh năm 1941, tại Phan Rang, Ninh Thuận. Nguyên quán Thừa Thiên- Huế.

Là thành viên trong nhóm Gió Mai. Tiền thân Ý Thức.

Anh là chủ biên tạp chí văn học Ý Thức. Lúc đầu đặt tại Phan Rang. Sau chuyển vào Sài Gòn.

Giám đốc nhà xuất bản Ý Thức, Tiếng Việt từ năm 1970 đến 1975.

Bắt đầu viết từ năm 1957.

sau năm 1975 về sống lại (ẩn dật) ở Phan Rang.

Vào Sài Gòn vào năm 1992 và bắt đầu viết trở lại vào năm 2000.

Trước 1975 xuất bản:

* Đám Tang Đa Đa (tập truyện thiếu niên- cơ sở Ý Thức xuất bản 1970- Sài Gòn)

* Căn Nhà Hoang (tập truyện- 2000)

*Trưởng Chùng Đã Quên (tập truyện- Thư Ấn Quán Hoa Kỳ- 2004)

Và trong nước tái bản lại, do nhà xb Thanh Niên 2007.

Nguyễn Minh, một nhà văn có tâm huyết với chữ nghĩa.

Tốt nghiệp Sư Phạm Qui Nhơn. Dạy học một thời gian ngắn. Không dạy nữa về chủ trương tạp chí Ý Thức và nhà xuất bản Ý Thức.

Hiện vẫn tiếp tục làm Ý Thức, nhưng dưới cái tên khác: Ý Thức Bản Thảo. Phát hành nội bộ.

Chuyện viết trước 1975

Căn Nhà Hoang

Những ngày nghỉ lễ tôi không biết làm gì cho hết giờ. Chán chường những tháng ngày lang thang, thất thủ. Bỏ lại những đêm đi hoang. Giã từ thành phố này, tôi đến một quận ly xa xôi và mất an ninh – quê hương của Uyên. Tôi đang đứng đây. Trước cổng nhà Uyên. Tôi đứng đó mặc dầu cửa bỏ ngõ. Buổi chiều ở thôn quê thật là dịu. Tôi vẫn chưa bước vào, tay vẫn cầm cái xách nhỏ, mắt đăm đăm nhìn ngôi nhà Uyên ở.

Ngôi nhà cổ kính, hoang liêu. Tôi nghĩ đến những cô gái đẹp chết oan, những nhân vật liêu trai, lẫn quần đầu đây, trong ngôi nhà đó. Những ngày còn đi học Sư phạm Qui Nhơn, sau những lần thay đổi chỗ ở liên tiếp, cuối cùng tôi và vài người bạn thuê một căn phòng trong ngôi nhà hoang liêu như vậy. Mái nhà lợp bằng ngói âm dương, cũ kĩ, đen sì, đóng rêu, loang lổ. Ban đêm những con mèo hoang chạy nhảy gây những tiếng động đồ vỡ, đập, phá. Sàn nhà bằng gỗ rung rinh mỗi lần âm thanh chát chúa rền trời của mấy chiếc phi cơ phản lực bay ngang qua. Tôi sống ở đó vài năm. Căn gác đầy vết tích kỷ niệm. Những tâm hồn hoang tàn đã sống ở đó. Những đêm mất ngủ, gió thổi vi vút như cơn bão đang tới, cửa sổ đập vào khung, những đồ vật lật vật nhẹ bằng thiết đặt trên thành cửa sổ rơi xuống như ai cầm liệng đi. Người ta đồn ngôi nhà này có ma. Ngày xưa cả gia đình chủ nhà đều chết, bị Tây bắn, một cách thảm thương. Ban đêm những oan hồn đó thường kéo nhau về sum họp. Những tiếng chuyện trò thì thầm. Tiếng cười khúc khích. Tiếng người con gái nào khóc tí tê. Giọng hò ai đưa con nảo nuốt. Sống ở đó đã lâu tôi cũng như những tên bạn khác chưa bao giờ nghe hoặc thấy những điều thiên hạ đồn đó. Tôi mong mình được

thấy những oan hồn đó. Nhưng, tôi chỉ thấy lũ bạn tôi, những con ma còn sống, đã khóc, đã cười, đã hát, đã la, đã nhảy múa điên cuồng trong những đêm khuya khi mọi người đã ngủ kỹ. Còn tôi, tôi cũng vậy.

Bỗng có tiếng gọi làm tôi giật mình:

- Chú, chú.

Tôi nhận ra ngay giọng nói của Uyên. Uyên từ trong nhà chạy ra, lũ em nàng cũng theo sau. Tôi như đứa con hoang, lưu lạc, tha hương, nay trở về an nghỉ, tìm lại sự đầm ấm của gia đình. Tôi bước tới, từng bước lên sỏi đá trải dài từ cổng đến nhà, một khoảng thật dài đủ cho người mới đến phải vụng về, bối ngỡ. Tuy mới đến đây lần đầu, lũ em Uyên, tôi chưa biết tên, ba nàng tôi không biết mặt, nhưng tôi vẫn mang cảm tưởng thân mật của sự trở về của một người thân. Lũ em Uyên bu quanh tôi, giành nhau cầm xách hộ tôi. Uyên cười đầy vẻ tinh nghịch:

- Uyên cứ ngỡ chú đi lạc nhà. Sao giờ này chú mới đến.

- Đáng lẽ chú vào không được, nhưng sợ Uyên chờ. Cuối cùng phải đi chuyển chút.

- Uyên trách thầm nếu chú thất hứa, khi ra học Uyên không nhìn chú nữa. Nghe Uyên nói có chú sẽ vào chơi, ba mẹ Uyên đang chờ chú đó.

Vừa bước chân vào nhà, tôi đã gặp ngay ba mẹ Uyên ngồi ở chiếc ghế bành. Mẹ Uyên giới thiệu tôi với ba nàng:

- Chú Mân, con ông Điền vào thăm mình đó.

Tôi lúng túng, thấy chân tay mình thừa thãi. Những lời hỏi thăm về gia đình tôi, nhất là về ba tôi, tôi không biết trả lời sao cho đúng. Ba Uyên nhắc đến ba tôi, tôi cứ ngỡ người ta nhắc đến tên một người xa lạ với mình. Cùng chung một mái nhà, nhưng mọi người trong gia đình tôi sống lạnh lùng, cảm lạnh như những bóng ma. Cha con tôi chưa bao giờ đối mặt nhau, nói những lời thân mật, dịu dàng. Thế mà người ta vẫn sống với nhau mấy mươi năm.

Điệp nghe giọng tôi nói, và do mấy đứa em Uyên chạy xuống mách lại, Điệp lên nhưng chỉ đứng dựa vách tường không nói, chỉ cười. Mẹ Uyên bảo:

- Uyên chỉ chỗ cho chú rửa mặt đi.

Rồi bà quay sang tôi:

- Xong, chú thay đồ ngủ cho thông thả.

- Dạ.

Tôi đi theo Uyên xuống nhà dưới. Uyên bảo tôi đứng đó, Uyên đi múc nước cho. Tôi không chịu và theo nàng ra giếng. Tôi cầm chiếc gàu, nhìn xuống đáy giếng, khuôn mặt mình lung linh trên mặt nước, rồi thả bùng dây, nước tóe lên, khuôn mặt tôi vỡ ra, tan hoang. Tôi cười thành tiếng làm Uyên ngơ ngác. Mấy đứa em vội chạy đến.

- Cái gì dưới đó làm chú cười vậy?

- Nước chứ gì.

- Chú này kỳ quá.

Đổ thau nước đầy, bưng hai tay đưa lên mặt mình. Cảm giác sáng khoái rần rần chạy khắp châu thân. Tẩy cho hết những vết nhăn, dọn cho sạch những đóng gạch đỏ vỡ tâm hồn.

- Chú lên gác đứng chơi nghe, Uyên phải làm cơm cho kịp.

Trên sập gỗ, chị em Uyên đang cắm cùi nhặt rau, lau chén. Tôi đứng khoanh tay nhìn, Uyên ngượng nghịu:

- Chú lên gác đi, chú nhìn Uyên làm không được đâu.

Tôi cười và bỏ đi. Lân sân thượng, gió thổi hiu hiu, nắng đã tắt hẳn, ánh sáng lơ mơ, dịu dàng. Trước mặt tôi, xa xa là những đồi cát trắng, và quanh đây là những xóm làng – những mái nhà tranh, những mái ngói âm dương rêu phong. Khói từ một vài ngôi nhà đằng xa bốc lên. Giọng hò ai ru con thoang thoảng đâu đây. Tôi muốn được đi quanh một vòng trong xóm làng mà Uyên đã từng kể trong những chuyến về quê đầy nguy hiểm. Những đoạn đường trống, hai bên bắn nhau. Xe đồ dừng lại, hành khách vội vàng núp trong bụi rậm. Trên đầu máy bay lượn

quanh. Nếu Uyên không kể tôi không thể ngờ được thị trấn này là vùng mất an ninh. Phía dưới, mấy đứa em Uyên đang tụ nhau ở một góc sân lát gạch, tay nắm tay, ngồi vòng tròn chơi trò bỏ khăn. Những tiếng cười trẻ thơ hồn nhiên, vô tư. Một đứa nhìn tôi, gọi tôi:

- Chú xuống chơi với tụi cháu.

Tôi lắc đầu. Cả lũ reo hò. Tôi cứ lần khuất theo thanh sắc tròn của lan can như kẻ mù lòa. Thôi, đã khuất bóng lũ trẻ. Bàn tay mát rượi và trơn tru. Bàn tay như đang sờ vào da thịt tuổi thơ. Nhưng cảm giác đó ngừng lại, hình như bàn tay này chạm phải vật gì nham nhám và nhột nhạt. Tôi nhìn xuống, bàn tay mình đang để trên thành gạch cũ kĩ, đen sì. Và, tôi bàng hoàng, lặng người đi. Trước mắt tôi là một ngôi nhà không còn mái ngói, trống trơn. Một thêm nhà đây cõ đại lên cao, rậm rạp và xanh um. Những thân cây dài, éo lá như những con rắn bò sát và bám chặt vào tường. Thôi, tường không còn vôi hồ, trơ ra những gạch, chông chất, nối liền. Rong rêu bám đầy, loang lổ. Các cửa chính cũng như cửa sổ được bít kín bằng gỗ tạp đã rệu mọt. Một lỗ hổng như cửa hang đá để từ ngoài chui vào. Tôi nhìn sững vào đó. Nhớ lại những đêm khuya mưa dầm dề mùa đông xứ Huế cùng giá rét lạnh buốt xương, tôi khoác trên người chiếc áo mưa, đầu đội mũ, từng bước, nhìn bóng mình, dọc theo bờ sông Hương, dừng lại rất lâu, rồi dựa người vào một thân cây nhìn về bên kia sông. Bên cạnh tôi là một ngôi hoang bỏ hoang, chỉ còn một nửa theo chiều dọc, phía dưới ngổng ngang những đống gạch vụn, ngói lở và gỗ mục. Đó là lần từ già Huế, nhìn về hoang tàn đó mà lòng tôi xốn xao. Hình ảnh mẹ tôi ở quê nhà chấp chờn trong trí nhớ. Cùng nỗi ray rức là tôi không về kịp để nhìn thấy khuôn mặt mẹ lần cuối trong cơn hấp hối và những lời trần trối cuối cùng trước khi mẹ tôi nhắm mắt xuôi tay trở về bên kia thế giới.

Có tiếng chân ai đang đi tới về phía tôi rồi dừng lại. Tôi vẫn muốn đứng nhìn ngôi nhà hoang bên cạnh nhưng

đưa bé đã lên tiếng mời tôi:

- Thừa chú xuống xơi cơm.

Tôi vò đầu nó rồi bước theo.

Trong mâm cơm, mọi người quây quần trên cái phản lát chiếu, dưới ngọn đèn dầu lơ mờ. Những câu chuyện vụn vặt, rời rạc được nói lên với những tiếng cười ròn rã, vô tư. Mẹ Uyên nói về những đam mê của ba Uyên ngày xưa, bây giờ đã từ bỏ.

- Chú Mân biết không, nhà tôi ngày xưa hút thuốc ghê lắm, mỗi ngày ít nhất hai bao, hút không hờ môi, khói vàng bám chặt lên móng tay. Ngày bỏ hút phải thường nhai kẹo để khỏi lạt miệng. Hết hút thuốc thì lại ham say cờ bạc, thua thì về gay gắt vợ con, ăn thì vui vẻ, đùa hát. Bây giờ thì đã bỏ.

Ba Uyên chỉ cười, cái cười xuề xoà, an phận. Trong bữa ăn, mẹ Uyên thường gấp những món ngon vào chén tôi. Tôi chỉ biết nhìn Uyên. Uyên nói:

- Mẹ làm như chú còn bé lắm không bằng.

Tôi thấy mình bé nhỏ lại thật và tôi sung sướng trong ý nghĩ đó. Trong không khí vui vẻ, đầm ấm, làm tôi mang cảm tưởng tôi đã từng sống, đã ràng buộc với gia đình đó.

Bữa cơm tối đã xong. Khi tôi lên sân thượng, trăng đã sáng từ lúc nào. Đèn nhà ai cũng đều tắt cả. Mọi vật đều trở nên mờ ảo lạ lùng. Tôi đứng vào chỗ cũ. Hai cùi tay chống lên bờ thành, cầm tựa vào lòng hai bàn tay. Dưới ánh trăng, vẻ hoang liêu, man dại của căn nhà hoang bên cạnh càng tăng thêm.

Bấy giờ, từng khuôn mặt bạn bè hiện lên, mỗi đứa đều mang một nét khôi hài mà bi đát. Những cơn say, một lũ năm đứa con trai hát nghêu ngao rồi ngồi vây quanh một thằng say khác kẻ lẻ. Tôi đó. Tôi càng đi vào nỗi cô đơn, trống trải kinh khủng, những nỗi niềm u uất được thốt lên bằng lời. Nói miên man, nói đến lúc không biết mình đã nói những gì. Tôi gục đầu và thiếp đi trong giấc ngủ triền miên. Tỉnh giấc, bạn bè kể lại những điều mình đã kể.

Mày đã cười. Mà chỉ tất cả. Mà đã khóc như một đứa trẻ con. Mà bắt tội tao không được rời mày. Mà sợ nằm một mình. Ha. Ha...

Hát thật to và nhảy múa cuồng loạn. Cười sặc sụa như một tên cuồng sĩ. Đi khắp khênh như một kẻ tàn tật trong thành phố. Nghênh mặt ngang qua những cô gái đẹp kiều sa. Thăng cha đó diên chắc. Nhăn răng ra cười. *Tao biết mày. Tao hiểu mày. Tên hèn nhát. Chạy trốn. Không dám nhìn thẳng vào sự đau đớn, dày vò tâm hồn mày.*

Chờ về khuya, trong bóng đêm mịt mù, tôi và mấy tên kia đều say ngủ mơ trong giấc mơ lại có tiếng đàn ghi ta, những âm thanh êm ái, tỉ tê, vọng lại như từ cõi xa xôi nào đó, làm tôi bàng hoàng, mở mắt. Tân ngồi đó, trong một xó tối, tóc che phủ xuống mặt, tay ôm đàn. *Em đến thăm anh một chiều mưa.* Bài ca đó ngày xưa Hà đã hát. Kỷ niệm của một mối tình học trò đẹp nhưng buồn. Dang dở. Tân đã bỏ thành phố nơi hắn đã được sinh ra, lớn lên, cùng một mối tình học trò lãng mạn, trong sạch và lý tưởng để ra sống cùng chúng tôi. Trước mặt mọi người, ngay cả tôi – tên bạn thân nhất của hắn – hắn vẫn tỏ ra vẻ bất cần đời. *Tao đâu có phải chỉ sống vì tình yêu.* Và giờ đây hắn chết thật khi tình yêu đầu tiên, kéo dài từng ngày, từng tháng, từng năm, kế tiếp, cuộc tình đổ vỡ, tan hoang. Lũ bạn bè thương hắn, thường giúp đỡ hắn. Tôi cũng thế. Có phải vì tình cảm riêng đối với hắn hay thương vì hắn có một mối tình chung thủy, một khối tình đẹp mà mỗi chúng tôi trong đời không có được.

Còn Hữu, lúc nào cũng đã kích bạn bè. Kiều hãnh với nỗi cô đơn của mình, Sống không hòa đồng. Hắn luôn luôn mang đầy mặc cảm và thành kiến. Tôi đã nói thẳng vào mặt hắn về nhận xét đó. Hắn công nhận. *Tao biết, phải bỏ thành kiến và mặc cảm để mình dễ sống, nhưng chúng như những con đũa đôi cứ bám chặt lấy tao.* Hắn khổ sở về điều đó. Bây giờ hắn ở trên núi dạy học một lũ trẻ con dân đen.

Tiếng la thất thanh như tiếng kêu cứu của một kẻ bị ai bóp cổ vang lên trong đêm khuya tĩnh mịch. Mọi người cùng phòng hoảng hốt, vùng dậy, chạy về phía hắn. Đèn bật sáng, Sơn nằm bất tỉnh trên chiếc ghế bố mới rách thủng. Mắt Sơn mở trao tráo. Gót chân hắn chảy máu. Bọn tôi phải đánh vào mặt hắn thật mạnh. Hắn lạc đầu và nhận diện được mọi người. Hắn ú ớ kể lại những cảnh bom rơi lửa cháy cùng những xác người lênh bồng trên những con mương nước đục trên quê nhà. Sau đó, trong những đêm khuya, hắn thức dậy làm thơ, viết văn, thể hiện những thao thức về thân phận con người cùng nỗi đau đớn, mất mát do chiến tranh triền miên của một nước nhược tiểu gây ra. Trong đêm khuya, hắn ngâm những bài thơ mới làm, giọng sang sảng nghe lạnh cả người.

- Chú! Chú!

Nghe tiếng gọi, tôi giật mình, nhìn lui. Uyên đứng sau lưng khẽ nói:

- Chú nghĩ gì mà Uyên đứng đầu từ lâu mà chú không biết.

Uyên tiến đến, tay cũng tựa lên thành lan can. Tôi chỉ vào căn nhà hoang bên cạnh:

- Về căn nhà này, về mình, về bạn bè.

- Thế chú có nghĩ gì đến Uyên?

Câu hỏi đó, ý nghĩ mới thành hình:

- Có, Uyên như cô gái liễu trai, sống cạnh nhà hoang nhưng tâm hồn trong trắng như mây trời.

- Còn chú?

Tôi chưa trả lời mà hỏi lại:

- Uyên nghĩ gì về căn nhà hoang này.

Giọng nói Uyên nhỏ lại, rồi rạt từng tiếng:

- Buồn quá, hoang tàn quá. Vết tích nhiều quá khứ. Phải không chú?

- Ừ. Chú đó.

Uyên ngơ ngác nhìn tôi:

- Uyên thấy lúc nào chú cũng cười, câu chuyện nào chú

kể cho Uyên nghe cũng đầy vẻ khôi hài mà.

Những lời Uyên nói làm tôi xót xa. Những lần sang nhà trọ của Uyên, ngồi ở hành lang, tôi đã nói những gì, kể về cái chết của tên bạn thân, những bức thư hẩn dề lại cho vài cô bạn gái, nhưng người yêu thì không, nổi bần hoàng, đau đớn của người ở lại, cha mẹ hẩn, người yêu hẩn, và cả tôi. Tôi kể trong tiếng cười. Về tôi. Về mẹ tôi. Về vài người con gái đã đi qua trong đời. Về quê hương mình. Về chiến tranh. Tất cả đều bằng giọng khôi hài. Sau đó tôi bỏ đi lang thang và chảy nước mắt.

Uyên vào nhà trong nhắc hai chiếc ghế, đặt sát vào thành lan can. Hai đứa tôi ngồi vào đó. Tiếng súng từ xa, một nơi nào đó vọng lại. Từng tiếng một, rồi dần dần liên tục, rồi tứ phía. Tiếng nổ giòn tan như tiếng pháo đêm giao thừa. Càng lúc, tiếng nổ càng nhiều và càng tăng thêm. Tên lửa, từng đóm bay lên, kể tiếp, thẳng lên trời, rồi tắt hẩn. Hỏa châu cháy sáng, tỏa rực trên trời xanh.

- Năm nào, vào dịp quốc lễ này, bên kia đồi, họ ăn mừng bằng lối này. Tụi Uyên chỉ biết đứng trên sân thượng này mà chìn thôi.

Điệp đứng riêng một góc. Điệp hát khe khẽ như tiếng lòng mình đang thổn thức, nhớ thương người tình ngoài mặt trận. Tôi soi mặt mình trong đôi mắt Uyên – cặp to và đen nhánh – cảm tưởng như mình đang đi tìm, nhìn thuở ấu thơ, thời hoa bướm của đời người. Đêm tiệc Trân, người con gái ngồi trước mặt, vẫn chiếc áo dài lụa còn mang nhãn hiệu nhà trường, không son phấn. Đôi mắt ngây thơ và hồn nhiên. Bên cạnh, Điệp, lờ lợt, sắc sỡ. Được biết tên người con gái đó là Uyên và là em Điệp. Uyên, tôi nghe tên đã lâu. Mẹ Uyên ra chơi, ghé nhà, bà thường nhắc đến tên Uyên. Mỗi lúc ấy tôi mới biết mặt Uyên.

Uyên quay sang định nói gì, nhưng chạm phải tia nhìn như lửa đốt, Uyên cúi xuống và nói khẽ:

- Chú nhìn thế làm Uyên sợ.

- Uyên biết chú thấy gì trong mắt Uyên?

- Không?

- Chú thấy tuổi thơ chú ở đó. Tuổi thơ chú có giòng suối cạn chảy qua. Tuổi thơ có những tiếng sủng vang đêm. Chú theo gia đình tản cư đến một vùng mà mãi đến bây giờ chú cũng không biết rõ tên và ở đâu. Nơi ấy, những buổi chiều, mấy chị em dắt nhau lên những đồi cát trắng xóa. Tiếng hát trẻ thơ cất lên. Tiếng cười ròn rã. Chiến tranh không có ở đây. Thôi, không nghe tiếng sủng rền trời. Thôi, không nhìn khói lửa tàn phá thị thành. Những buổi sáng trời trong xanh, tung tăng, chạy nhảy nơi giòng suối cạn. Soi mặt mình dưới nước rung rinh. Ngồi nhà cả gia đình sum họp, Uyên có nghĩ đó là cái chuồng dê bỏ trống không, hồi nhỏ chú không nghĩ như vậy, lớn lên mẹ chú cho biết làm chú ngẩn ngơ. Ngồi nhà không có cửa. Mấy chị em bu quanh mẹ. Mẹ kể chuyện cổ tích hoặc ca những bài ru con. Chú quên cả gió lạnh. Nỗi sợ hãi căn nhà sẽ sụp đổ hoặc cuốn theo gió tiêu tan. Núp vào lòng mẹ và ngủ trong hơi ấm trong vòng tay mẹ.

- Uyên cứ ngỡ Uyên đang nghe chú kể chuyện cổ tích.

- Tuổi thơ chú đã thành một chuyện cổ tích. Bây giờ chú thích nghe Uyên kể những ngày thơ ấu của Uyên.

- Uyên chưa bao giờ nghĩ đến, nhớ lại, kể cho ai nghe những ngày xa xưa đó.

- Một ngày nào đó, có thể rất xa, Uyên sẽ nhớ lại thời thơ ấu của mình đẹp như một giòng suối. Người ta nhớ lại, nhắc tới khi người ta đã đánh mất nó. Chú biết Uyên chưa mất, Uyên đang còn trong thời kỳ hoa bướm của cuộc đời. Uyên của trăng mười sáu, Uyên của những vì sao, Uyên của nắng chiều, Uyên của áng mây bay. Nhìn Uyên chú mới giật mình chợt nhận ra mình đã đánh mất tuổi thơ từ lâu, lâu lắm, lúc nào cũng chẳng hay.

Tiếng ba Uyên gọi:

- Thôi mấy chú cháu vào ngủ đi, khuya rồi, ngồi đó

sương ướt lạnh mai thấm bệnh đó.

Càng về khuya trăng càng sáng. Tôi nói khẽ với Uyên:

- Tụi mình xuống dưới và chú thích Uyên dẫn chú vào căn nhà hoang ấy.

- Ai!

- Uyên sợ gì. Ma ha

- Không. Uyên sợ vẻ hoang tàn, sự cô liêu, nỗi lạnh lùng đó.

- Đó là khi người ta đi một mình. Bây giờ có chú bên cạnh Uyên. Có Uyên bên cạnh chú. Tụi mình sẽ cảm thấy ấm cúng hơn, phải không Uyên?

Uyên im lặng và gật đầu. Tôi bước lên thành lỗ hồng, Uyên còn đứng phía dưới, tôi đưa tay:

- Uyên cầm tay chú đi, chú đỡ lên cho.

Uyên cầm lấy và bước lên. Hai đứa như đứng trên miệng hang đá. Cả hai cùng nhảy xuống thềm. Sương ướt cả đôi chân. Cỏ cây rung động. Uyên nói khẽ:

- Từ nhỏ đến giờ, chưa bao giờ Uyên dám vào căn nhà hoang này cả. Ba mẹ Uyên răn đe ở đó có nhiều rắn rít. Uyên sợ đủ cả. Đây là lần đầu tiên, có lẽ Uyên nghe chú kể chuyện đời xưa, Uyên thấy mình như lạc vào cõi thần tiên nào đó.

Mùi hương cỏ dại ngậy ngát. Đêm khuya tĩnh mịch. Tiếng côn trùng réo rắt. Tiếng chân hai đứa bước nhẹ trên cỏ cây. Tiếng chân hai đứa như bước vào cõi thế giới thần tiên. Uyên đã hát, tiếng hát ru tôi vào giấc mộng.

Tôi đi đâu đây. Lâu đài này rộng quá. Hết phòng này sang phòng khác, cứ thế mãi. Không một bóng người. Không một đồ vật. Tất cả đều trống không. Tôi đâm đầu chạy. Chạy mãi. Đường nào đưa tôi ra đây. Tôi gọi tên mình. Tiếng dội vang vang vọng lại. Tôi gọi tên Uyên. Uyên mắt hút. Tôi dừng chân nghỉ mệt. Sờ lên tóc, tóc mình dài ra. Sờ lên cằm, râu ra đầy cả. Tôi đâm đầu chạy nữa. Chạy mãi, càng chạy càng lạc trong lâu đài hoang

liêu này.

Cuối cùng, tôi ôm lấy mặt khóc nức nở.

1967

Truyện mới sáng tác- tháng 2 năm 2008

C h u y ê n T ì n h

Nhân ngày giỗ thứ 42 của ba mẹ tôi, chúng tôi từ các tỉnh đều về đây tụ họp. Tất cả chúng tôi, tóc đã bạc trắng, lưng đã cong, mắt đã mờ, tai đã lằng. Người nhỏ nhất là tôi, cũng gần bảy mươi, hưởng hờ gì các anh chị đã hơn tám mươi. Có thể lần họp mặt trong ngày giỗ này là lần cuối, chắc gì sang năm, không biết ai trong số này sẽ từ giả cuộc đời. Chúng tôi đều muốn, lần này, trở về, nhìn lại cái thị trấn bé nhỏ ngày nào đã từng nuôi sống chúng tôi với biết bao kỷ niệm êm đẹp thời thơ ấu đến tuổi trưởng thành cũng như những khổ đau qua từng giai đoạn biến đổi kinh hồn của lịch sử.

Dể chừng gần mười năm nay tôi mới về lại nơi này. Bây giờ thị xã bé nhỏ ngày xưa của tôi đã lột xác, thay đổi gần như hoàn toàn. Thị xã vừa làm lễ lên ngôi: thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Tấn, người bạn văn của tôi còn sót lại nơi này, đèo tôi trên chiếc xe gắn máy, chạy một vòng thành phố mới. Những con đường nhựa mới tinh, rộng rãi, láng bóng, chính giữa là một luống đất chạy dài như sợi chỉ, san sát những hàng cây cảnh đủ màu. Hai bên đường dựng lên những trụ điện, ồm nồm, cao ngồng, mang những bóng đèn tỏa sáng, nhìn xa như những ngọn đuốt, dẫn từ khu phố về bãi biển Ninh Chữ, ngang qua

những dãy nhà cao tầng mới mọc lên. Con đường dài gần 5 cây số, giữa đường sừng sững một tượng đài cao vút trên một quảng trường rộng lớn, lát cỏ xanh rờn. Hình như nơi này ngày xưa là động cát mênh mông, một vùng đất chết, đã mọc lên một nghĩa địa. Hơi gió mát từ biển thổi vào lồng lộng. Dọc theo bờ biển, trước những hàng dương liễu, những khách sạn, những dãy nhà nghỉ mát, mọc lên như nấm. Bãi cát trắng tinh, sạch sẽ, ngồi ngoài trời ở một nhà hàng sang trọng, tôi nhìn mây bay, tiếng sóng vỗ rì rào bên tai, tôi mơ màng cố tìm lại một vài kỷ niệm xa xưa, nhưng bây giờ trí óc tôi cứng ngắt, khô cằn. Tôi như đến một thành phố mới nào xa lạ.

Rời biển. Tản lại chờ tôi về hướng phía núi, đường lên Đà Lạt, ngang qua một thị trấn nhỏ ngày nào, có những Tháp Chàm qua bao nhiêu thời gian vẫn còn đứng trơ vơ giữa trời, trên ngọn đồi lỏm chỏm những sỏi đá. Buồn thiu. Ngày trước, hai thị trấn Phan Rang và Tháp Chàm nối liền nhau một khoảng cách hơn 5 cây số là những bãi đất hoang sơ. Bây giờ, dọc hai bên đường mọc lên san sát những ngôi nhà mới kiểu cách, công sở bệ vệ, trường học nhiều tầng khang trang. Đường xá trở nên rộng rãi, sạch sẽ. Phố xá là những dãy nhà cao tầng, đẹp đẽ, sang trọng. Xe hơi, xe gắn máy nhíp nhàng chạy như thoi đưa khắp nơi, bốn hướng của thành phố, ngang qua những ngã tư, ngã năm, có gắn đèn xanh đèn đỏ, như hầu hết những thành phố lớn trong nước.

Sự đổi thay như lột xác của kén tắm, làm tôi choáng ngợp. Tôi mang cảm giác của một người khách lạ từ phương xa mới đến đây tham quan. Những bạn bè, người thân của tôi đã từng sinh ra, lớn lên nơi này, sau năm 1975 đã ra đi giờ quay về cũng cùng mang một cảm giác như tôi.

Tôi phải đi tìm lại dấu vết ngày xưa, như nhà khảo cổ đào xới dưới mấy tầng đất cát đã chôn vùi một thành phố

cũ. Tôi lang thang qua những con đường ngày xưa có những hàng cây me tây cổ thụ. Giờ trơ trụi, chúng đã bị chặt đi nhưng chưa có cây gì thế chân. Tôi đứng ngẩn ngơ trước ngôi chùa cổ đã được tân trang, hàng rào bằng tường gạch xây cao, cổng vào bằng cánh cửa sắt. Sân chùa lát gạch hoa láng trơn. Tôi nhìn vào tận sâu như tìm kiếm ai. Người tình 50 năm về trước. Tôi đứng lặng người rất lâu. Hồn tôi như lạc vào cõi xưa.

Như có ai đó dẫn dắt tôi, rời bỏ nơi này, đến xóm đạo Tân Tài tìm lại nhà thờ cổ kính. Đến nơi, tôi dạo quanh một vòng, rồi mới đến ngồi trước bậc thềm cao nhiều tầng, ngẩn mặt đưa mắt nhìn lên ngọn thánh giá màu trắng gắn trên chóp nhà thờ cổ kính, lơ mơ trên nền trời xanh lơ. Nơi này còn dấu dấp chân người yêu cũ một thời cùng tôi lang thang dạo quanh khu nhà thờ trong đêm Noel. Thời gian đã xóa đi tàn tích cũ. Nhà thờ được chỉnh trang lại, sơn son thếp vàng. Cánh đồng rộng mênh mông thơm mùi lúa chín trước cổng nhà thờ đã biến mất, trở thành những khu nhà mới mọc. Ngọn gió từ biển thổi vào đã lạnh xa. Tôi lắng nghe tiếng sóng vỗ ngày nào hai đứa chúng tôi yêu nhau chợt nhận ra âm thanh đó, như tiếng thì thầm của tình yêu. Bây giờ bên tai tôi lòng bùng tiếng động cơ xe gắn máy. Tôi chán nản, bỏ về.

Tân lại chở tôi lên bờ đê. Buổi chiều nắng vàng. Tôi đứng trên con đê đã được tráng nhựa, nhìn xuống dòng sông, tìm lại bãi cát trắng rộng mênh mông, nơi đó biết bao kỷ niệm tuổi thơ của tôi với lũ bạn cùng lứa đã vui đùa thỏa thích. Dòng sông cũng thay đổi theo thời gian, và mùa này nó nở rộng ra. Nước đục ngầu và chảy xiết, trông dữ tợn, không hiền hòa như xưa. Một nỗi buồn không tên đang chen vào hồn tôi. Bước xuống con đê, tìm lại ngôi nhà của cô bạn láng giềng thân yêu ngày nào tôi đã từng đến chơi và nghe cô hát. Tiếng hát êm đềm đã đưa tôi vào những giấc mơ thần tiên. Tôi không nhận ra được nữa.

Trong tâm tưởng của tôi đó là một ngôi nhà có ngói mái âm dương, phía trước có một hàng hiên cùng những chậu kiểng trồng những bông hồng. Bây giờ, cả dãy nhà đã thành những nhà hai tầng đúc kiên cố. Tất cả đều mới lạ với tôi.

Tôi vẫn mang cảm giác này khi bước chân vào căn nhà cũ. 11 Nguyễn Thái Học. Tên đường và số nhà vẫn được giữ nguyên, không như các con đường khác trong thành phố này đã thay tên đổi số. Mặt tiền ngôi nhà này, em tôi đã phá đi, xây cất lại. Bề thế. Sang trọng. Thời thượng. Những kệ tủ kính, những giàn vi tính hiện đại. Em tôi cho biết vài hôm nữa nơi này thành một công ty phát hành sách. Tôi mỉm cười, đắc ý. Cũng hơn ba mươi năm trước ngôi nhà này tôi cũng đã sửa sang lại, và mọc lên một nhà sách mang tên Tiếng Việt, cùng một nhà in offset. Cảm giác xa lạ kia biến mất khi tôi bước xuống căn nhà sau. Căn phòng của mẹ tôi vẫn còn đó. Căn gác nhỏ, cầu thang gỗ vẫn còn nguyên, chưa phá đi. Tôi bước lên từng bước một và lắng nghe có tiếng chân ai nhẹ nhàng theo sau. Như này xưa, tiếng mưa rơi rỉ rả chen vào tiếng guốc gõ đều, rất khẽ. Bây giờ đâu rồi. Không còn. Không còn cả hình bóng người con gái tóc thề, mảnh khảnh, có đôi mắt to, đen, lúc nào cũng ướt ướt lệ. T. đó. Đâu rồi. Đã bốn mươi năm. Nhìn lại bên trong căn gác. Sàn gỗ đã gập ghềnh. Trần nhà đã bong lên. Tường gạch nước vôi đã tróc từng mảnh. Những khung cửa sổ cũng mục nát. Trước khi em tôi chuyển về khu nhà mới, căn gác này làm nơi thờ phụng ba mẹ tôi. Ngày xưa, tôi đã ở nơi này. Tôi nhìn quanh như tìm lại những khuôn mặt bạn bè, đã từng tụ tập trong căn gác nhỏ này, làm nên tờ báo Ý Thức. Bây giờ, kẻ còn người mất. Có người còn ở lại quê hương. Có người lưu lạc nơi xứ người. Tất cả, dù tuổi đã cao, nhưng vẫn còn theo nghiệp văn chương. Trong tác phẩm của họ vẫn còn nhắc đến ngôi nhà 11 Nguyễn Thái Học này. Trịnh Công Sơn vẫn thường nhắc đến căn gác này, cùng

cái quán cà phê Tao Nhân mà tôi cùng Ngý Hữu dựng lên năm 1966, nhỏ nhắn, ăm cúng. Ngày ấy, Trịnh Công Sơn cầm đàn ghi ta và hát suốt đêm Ca Khúc Da Vàng. Anh vẫn hỏi tôi về cô gái mang tên Mây Bay. Mãi đến bây giờ tôi cũng không biết tăm tích cô gái mang tên ấy lưu lạc nơi nào?

Bóng tối tràn vào lúc nào tôi không hay. Tôi không muốn bật đèn lên, cứ để trầm mình dưới ánh sáng mờ mờ đó. Đêm nay, tôi không trở lại ngôi nhà mới của em tôi. Tôi ngủ lại nơi căn nhà yêu dấu này, bao nhiêu khuôn mặt thân yêu của ba tôi, mẹ tôi, các anh chị tôi, cùng người tình cũ và bạn bè tôi cứ lần lượt hiện ra, từ trong cõi lòng, từ lâu họ nằm tận đáy sâu, giờ trôi lên. Tôi thăm lại căn phòng ngày xưa dành riêng cho mẹ tôi, rồi sau khi mẹ tôi chết, chị Hồng Muội mới dọn vào. Gian nhà giữa, chỗ nào ba tôi đã nằm trên chiếc ghế xích đu dưới ánh sáng âm u, loe loét của ngọn đèn dầu, trong suốt những tháng năm bệnh hoạn.

Ngôi nhà này, thật sự đã nhiều lần do tôi chỉnh trang lại. Ban đầu, nó là căn nhà cũ lụp xụp của một bà lão. Ba mẹ tôi mua lại, đập phá nó đi, cất thành ngôi nhà mới, tường gạch, mái ngói, và nền trắng xi măng. Thời ấy, sau đại chiến thứ hai, năm 1945, đã là khang trang, sang trọng. Phía trước nhà có hàng hiên hẹp đủ để vài người ngồi hứng mát. Cánh cửa cái bằng gỗ lim bóng nhẵn, nặng nề. Hai bên là hai cửa sổ cân đối. Đặc biệt gian nhà giữa có trở một cửa hông thông qua căn nhà người tình của ba tôi. Đến khi người ấy đi lấy chồng, bức tường được xây lên ngăn cách giữa hai nhà, thành một khuôn viên nhỏ hẹp. Thuở nhỏ, mỗi lần chị em tôi phạm lỗi, anh tôi đã nhốt chúng tôi vào đó. Hai vách tường chỉ cách nhau hơn một mét, nhìn lên trời thì thấy trời mây. Một hình phạt mà mãi sau này tôi cứ nhớ hoài. Tù túng. Không chạy nhảy được, chị em tôi chỉ biết ca hát. Mà hát to thì bị la làm ồn, hát

nhỏ thì ngửa miệng. Nhìn nhau thấy cái miệng nhép nhép phát ghét thành gây lộn. Lớn lên, khu đất đó thành chuồng nhốt mấy con gà đá của ba tôi. Khi ba tôi mất, người chủ nhà thương lượng mua lại, và tôi bịt cánh cửa đó.

Giữa gian nhà trên và gian nhà dưới nối liền bằng một cái sân nhỏ lộ thiên, nền lát gạch bát tràng. Mỗi lần trời mưa, nước từ mái nhà đổ xuống, ngập cả sân, chị em tôi tha hồ đùa những đôi chân trần non nớt lội lung bùng. Có khi lấy giấy vớ tập cũ xếp thành những con thuyền thả xuống vũng nước để thấy nó trôi lênh đênh, lúc nước rút cạn, những mảnh giấy tả tơi nằm lơ lửng trên sân. Sau này một lần sửa lại nhà tôi đã lợp mái che, chỉ còn nghe những tiếng mưa rơi ào ào như thác đổ trên mái tôn.

Bây giờ, tôi nghe từ trong cõi lòng vọng lên những tiếng bùng bùng như tiếng trống, khi thưa thớt khi dồn dập. Tôi ngẩn ngơ khi chưa nhận ra đó là âm thanh gì, nhưng tôi biết chắc đó không phải là tiếng trống. Âm thanh đó rất quen thuộc, từ lâu đã đi vào tuổi thơ của tôi. Và biến mất, rất lâu, rất lâu. Nằm kín tận đáy lòng. Giờ trôi lên như những chiếc thuyền giấy tuổi thơ đó. Lênh đênh. Lộp độp. Tôi cười đắc ý khi nhận ra là tiếng đôi bóng, vang vang trên nền sân gạch đỏ. Tiếng chân chạy. Tiếng cười chọc quê của các chú cầu thủ bóng đá của ba tôi, khi tôi leo đèo chạy theo dành lại trái banh trong chân anh tôi. Tôi thấm mệt và muốn chảy nước mắt vì tức tối. Hôm nay, từng khuôn mặt của các người cầu thủ bóng đá của ba tôi bỗng dựng lại trào lên.

Tôi nghĩ khi tôi viết về ngôi nhà này: 11 Nguyễn Thái Học, Phanrang, nếu tôi không viết về những người cầu thủ bóng đá này là một thiếu sót lớn lao. Những câu chuyện tôi sắp kể sau đây, chính nó đã một phần hình thành nhân cách của tôi, ngay từ thuở ấu.

Chuyện xảy lúc tôi chưa đầy mười tuổi. Khởi đầu vào

những năm 1950 và kết thúc vào những thời điểm khác nhau. Mười năm sau đó. Hai mươi năm sau đó. Tất cả họ là những cầu thủ bóng đá của ba tôi. Một đội bóng một thời làm nên tiếng tăm lẫy lừng khắp cả nước. Xuất thân từ một tỉnh nhỏ. Nơi một năm chỉ có hai mùa: gió và nắng.

Lúc bấy giờ phố xá chỉ có một dãy nhà trệt thấp lè tè, mái ngói âm dương phủ rong rêu, đánh mốc từ chiếc cầu Đạo Long dài thượt bắt qua con sông Dinh suốt năm tháng nước cạn trơ ra những bãi cát trắng mênh mông, đến cái cống ngăn ngùn nằm trên con kênh đập dềnh những cánh bèo lục bình mà chúng tôi gọi là cầu Ông Cọp. Con phố ngắn, hai đầu nhỏ hẹp, chính giữa phình ra như cái bụng của con ếch ương. Nơi đó, có cái chợ ba gian xưa cũ vắng tanh người buôn kẻ bán, cùng bến xe ngựa, lư thưa vài ba chiếc, lợc cọc chờ khách chạy trên những con đường đất đỏ nham nhở những sỏi đá. Giữa phố sừng sững ngôi Chùa Ông. Bề thế. Sắc sỡ màu sắc. Tượng lân phụng bằng sành xứ ôm trái châu tròn trong veo như quả bong bóng, gắn trên mái ngói uốn cong. Ngày lễ hội, trống chiêng vang rền khắp phố. Ngôi Chùa này được người Tàu lập nên từ xa xưa, thờ Quan Công, Trương Phi và Lưu Bị.

Từ lâu, người Tàu đến lập nghiệp ở đây. Họ tổ chức nhiều Bang để giúp đỡ nhau gay vốn lập nên những nhà buôn vải vóc, tiệm tạp hóa hay các quán ăn, phòng ngủ. Chỉ lư thưa vài người Việt, gốc gác cũng từ các tỉnh miền Trung theo ông cha là quan lại triều đình nhà Nguyễn bổ nhiệm đến, mở tiệm chụp ảnh, quán sách, nhà may. Chừa lại, một dãy phố ngắn, chủ nhân là người An độ chuyên bán hàng mỹ phẩm. Đối diện, bên kia đường là một tiểu học độc nhất cho cả tỉnh, muốn học lên nữa phải ra Nhatrang hoặc vào Sài Gòn mới có trường trung học.

Quanh quần khu phố chính mọc lên những dãy nhà của dân chúng hoặc công chức trong thị xã. Ba mẹ tôi cũng là dân từ xa đến lập nghiệp nơi này. Ba tôi gốc Huế, làm

công chức ở Phú Yên. Mẹ tôi được sinh ra từ Tuy Hòa, ông bà ngoại gốc Huế, làm quan Triều Nguyễn. Ba mẹ tôi lấy nhau, sinh anh chị tôi cũng tại Phú Yên. Sau khi ba tôi cãi nhau với viên chỉ huy người Pháp, nghỉ việc, kéo vào sinh sống ở thị xã này. Nơi đây tôi được sinh ra và lớn lên.

Ba tôi, lúc bấy giờ là một người đàn ông trung niên, bao giờ ông cũng ăn mặc chỉnh tề, hợp thời trang, quần tây áo sơ mi được ủi thẳng nếp và mang đôi giày bóng láng, đi chiếc xe đạp làm bằng dura nhôm trắng. Người dân trong thị xã bé nhỏ này đều thần phục và yêu thương ba tôi. Ngay cả by giờ tôi đã thành một ông già tóc bạc tôi cũng không hiểu làm thế nào mà ba tôi thành lập được một đội bóng đá tuyệt vời. Họ là những cầu thủ bóng đá nổi tiếng của Sài Gòn, Huế... lại theo ba tôi đến cái xứ khi ho gà gáy này. Trong nhà chúng tôi rộn ràng tiếng cười nói của những chàng thanh niên này. Họ ăn ở ngay trong nhà tôi. Ban đêm trải chiếu giăng mùng ở căn nhà trên, hoặc bỏ ghế bô ngủ trước sân nhà. Những lần đi tranh cúp bóng đá ở các tỉnh khác: Đà Lạt, Nha Trang, Sài Gòn tôi đều được đi theo trên những toa tàu hỏa, các chú, các anh ấy đều chăm sóc tôi. Có rất nhiều chú nhiều anh suốt cả mười năm, nhưng đến bây giờ tôi chỉ nhớ đến bốn năm người, không phải vì những lỗi đã độc đáo đã làm tôi háo hức như đối với các người đã từng ham mộ bóng đá, mà vì những chuyện tình họ đã để lại một dấu ấn rất lớn đối với một đứa bé ngây thơ tuổi mới lên mười là tôi. Ngoài ra có một người mà tôi nhớ tên, vì người ấy đã làm ba tôi thương nhớ, những người ham mộ cứ nhắc nhớ, tắc lưỡi vì nuối tiếc, thần phục vì tài nghệ. Chú ấy tên là Vĩnh. Sau này tôi nghe ba tôi kể lại, trong một chuyến xem bóng đá ở Gia Định, chú Vĩnh là một trung phong nổi tiếng, có lối đá sắc bén và những cái đội đầu nhuần nhuyễn đưa banh vào khung thành làm thủ môn không biết đâu mà lường đành phải bó tay. Tiếng reo hò, nhảy nhót quanh sân vận động vang rền. Ba tôi tìm đến nhà chú, không hiểu ba tôi

thuyết phục thế nào mà chú theo về. Năm 1945 chú bị Tây bắt khi tham gia cuộc biểu tình cướp chính quyền. Viên đạn vô tình ghim sâu vào đầu chú. Một lỗ thủng sâu hút nơi trán chú. Máu chảy ra lai láng. Chú Vĩnh chết mà hai mắt vẫn mở trừng trừng cho đến khi ba tôi vuốt mặt chú. Đứng trước hố sâu chiếc hòm gỗ vừa đặt xuống lòng đất, thằng bé ngơ ngẩn nhìn những người chung quanh mình khóc lóc, với trí óc non nớt tôi cứ thất lạc mãi. Tại sao trái banh to và nặng khi va vào người tôi làm tôi xiểng liểng té xuống đất, còn đối với cái đầu của chú Vĩnh chẳng thấm thía gì, chú chỉ cần lắc đầu đưa trái banh đó vào khung thành đội bạn, hướng gì viên đạn đồng kia nhỏ xíu và nhẹ bong. Sao chú Vĩnh đưa trán đỡ lấy mà nó lại chạy tuốt vào đầu chú để tuông ra dòng máu đỏ tươi, làm chú dẫy dụa và chết đi. Trái banh chú đội vào khung thành làm vang lên tiếng vỗ tay cùng tiếng cười tán thưởng của khán giả. Còn viên đạn kia làm đau lòng cùng tiếng khóc than của những người thương yêu chú.

Ba tôi khóc cả mấy ngày. Các cầu thủ bóng đá trong đội để khăn tang. Mộ chôn ngoài nghĩa trang, ngôi mộ đầu tiên của người thân trong gia đình tôi sau này. Mỗi lần ra quân, tranh giải bóng đá với các tỉnh khác, ba tôi và các cầu thủ đứng im phăng phắc một phút mặc niệm.



MỤC THƯỜNG XUYỀN

ĐÌNH TRÂM CA* HẢI PHƯƠNG* CAO THOẠI
CHÂU* TÔ MẶC GIANG* LÂM ANH* NGUYỄN
NHO CHÂU* TRẦN VĂN NAM* PHAN NI TÂN* VŨ
HOÀNG THU* ĐỖ THỊ MINH GIANG* LÊ NAM
PHƯƠNG* LÊ TẠ BÍCH ĐÀO* ĐẠM THẠCH* TRẦN
BANG THẠCH* THU HƯƠNG* HOÀI ZIANG DUY*
CAO VỊ KHANH* KHÊ KINH KHA* TRẦN MỘNG
TÚ* HOÀNG XCUÂN SƠN* KIỀU MỘNG HÀ*
VƯƠNG HỒNG NGỌC* LÂM THÚY* TRẦN YÊN
HÒA* UYÊN HÀ* MANG VIÊN LONG*

ĐÌNH TRÀM CA

Q u a S ô n g U ố n g R ượ u

Với Trần Ninh Hồ, Phạm Hữu Quang, Yên Uyên Sa, Phạm Thường Gia, tại nhà Lộc Vũ – Anh Giang

nhìn qua sông – nhà rách
tươm tướp gió sau hè
người nhìn gì sông rộng ?
ta nghe nước, lòng se...

qua sông – chiếc đồ nhỏ
sóng đưa năm cô hồn
tạt nhà người uống rượu
sáu cô hồn trôi sông

trôi sông hè trôi sông
lạc chợ hè lạc chợ
giữa cõi đời man rợ
sợ gì bước long đong

qua sông hè qua sông
gió xé thơ phiêu bồng
ta xé lòng tri ngộ
tặng nhau hạt máu hồng

tại bàn rượu
28-8-90

HẢI PHƯƠNG

Ta Vô Ngần Hải Gặt Bội Thu Cơn Bão Trí Mạng

Hình như ba giờ sáng
gió giật mạnh
đắm tàu
thức dậy
pha ly café bustelo
lê minh ngọc gợi tặng
uống cạn biển miami mằn mặn
và chỗ em nằm trên bãi cát.

Uống cạn chỗ em nằm
uống cạn chỗ em nằm phơi linh hồn những cánh buồm
rách tả toí trần truồng ngực mở.

Hình như
hình như không có gì ngoại trừ cơn tàu ký ức đắm chìm
trong vực sâu chiêm bao còn lại sợi dây thừng buộc hồ
hừng những rặng đông lú nộ sau cơn bão dữ
ly café bustelo và bạn
của một thời niên thiếu quê nhà chiến tranh
chúng ta (bạn và ta) may mắn còn lại
tình bạn mãi mãi.

Hình như sự may mắn thiếu công bằng
(bởi vì trong chiến tranh may mắn của ta là bất hạnh cho
người khác)
hình như ở le beau rivage
hình như ở la jolla beach
hình như ở miami em đuổi thẳng chân thông xuống sợi
dây thừng rất dài nhưng bố cục lỏng thiếu nội dung khổ

đau quặn rũ ta bén gót.

Hình như buổi chiều trên hè phố miami thêm những bước
chân bén rễ
ly café bustelo pha đậm sắc màu hoàng hôn biển khát
những bình minh chân trời rơi rớt gió.

Hình như ba giờ sáng
bình minh gió giật mạnh
hải cảng buộc lại sợi dây thùng đêm
ly café bustelo uống cạn
và em đuổi thẳng chân tới chỗ không ngớt biển ở trong ta.

Hình như sau cùng cũng không có gì ấn tượng lắm
bởi vì ta cũng thường hay giấu đời mình bất chợt trong
thoáng chốc dặm trường bão nổi
và trong ngực em thời gian cỏ rỗi
nơi mặt trời thức dậy ánh sáng chan hòa vụn vỡ trên mặt
biển tĩnh khôi rộn rã em nhan sắc.

Hình như ba giờ sáng
điệp khúc đắm tàu lai vãng
biển động phùng phùng cuồn cuộn điên tứ phía
hình như ở trong nước có lửa
hình như ở chỗ em đất đai gieo trồng được mùa những cơn
gió

Ta Vô Ngần Hải Gặt Bội Thu Con Bão Trí Mạng.

*Tháng mười 2007
ở San Jose*

CAO THỌAI CHÂU

Chiều Tiễn Biệt

Chiều đạp xe ra bờ sông
Em có thấy trong dòng nước chảy
Chỉ một đám mây con
Không đủ cho bóng mát

Tôi đã gieo mà không gặt
Mùa này vàng rộm nắng ban mai
Mỗi con sông có một phần ưa chảy
Cây bên bờ chết lặng chẳng về xuôi

Tôi đưa tôi ở bến sông này
Cây loay hoay đôi bờ nước rút
Những bãi bùn non phơi
Bóng nhảy buổi trưa hè nắng gắt

Tôi chờ tôi ở bến sông này
Kề đá trầm ngâm không muốn nói
Con đò đang ngủ gục
Ốc bu đầy quanh phé tích thời gian

Như lòng tôi
Chờ em mà không đợi
Đám lục bình
Mang những chùm hoa tím về xuôi.

TÔ MẶC GIANG

Năm Mươi Năm

bỏ lưng vàng trắng trên đồi sương lạnh
gió hú lưng đèo hoá kiếp thương đau
năm mươi năm hồn xưa vẫn ngự
yêu muộn màng ừ rừ đến ngàn sau.

năm mươi năm ánh đèn khuya vụt tắt
cõi quê xưa vụn vỡ những hoa đèn
con đế khóc bên mộ phần tuổi trẻ
vẫy tay chào, vĩnh biệt giấc xuân đen.

năm mươi năm ngập ngừng trong trí nhớ
yêu mây bay vô vô một tâm hồn
yêu đất lạ một thân gầy trở mộng
vòng tay nào bỏ ngõ lúc hoàng hôn.

rồi trả lại cánh rừng xanh ngày cũ
chim bơ vơ nao nức bóng trắng về
năm mươi năm vắng, đi tìm ảo mộng
con suối này và vạt cỏ si mê.

mờ cánh hạc bên kia trời giông bão
gió tìm đâu để xô lệch điều tàn
em thả bóng theo bờ con sông lạnh
có buồn chăng, giọt nước mắt chưa tan !

LÂM ANH

C h i ế c Á o C ũ

Ta mua chiếc áo cũ
Với giá bốn mươi đồng
Quảng Ngãi chiều gió bắc
Quảng Ngãi đầy mùa đông.

Ta đứng thay áo mới
Giữa chợ đời ngược xuôi
Ta ngấm ta như núi
Giữa đất trời rộng thênh

Ta đứng thay áo mới
Như mặc vào vụn phương
Áo thơm mùi rạ ẩm
Ồ không! Mùi máu xương

Áo ai giờ ta ẩm
Trong cái lạnh dị thường
Nghe trong từng thớ thịt
Có tiếng gùi kêu thương

Ta giống như ông lão
Lật chiếc áo thời trai
Ngấm bầu mồn, cổ bạc
Như ngấm cảnh hoa phai

Ta giống như con nít
Khoe chiếc áo đầu năm
Ta ngấm trên ngấm dưới
Như ngấm trời xa xăm

Áo thu xanh vàng nắng
Đẫm xót tình quê hương
Ta sờ tay vô túi
Bỗng đưng nhăm khối sương

Ta sờ tay vô túi
Mới hay rằng trong áo
Có bóng chiều ải quan
Có bóng người thua trận

Ôm bước về hoang mang

Ta sờ tay vô túi
Mới hay rằng trong áo
Có một bầy ngựa hoang
Quý chân vào mặt nước
Đành quên thời dọc ngang
Ta sờ tay vô túi
Mới hay rằng trong áo
Có một góc trời đen
Có một vầng nguyệt chết
Giữa một đời giá băng

Ôi! Ai về trong áo
Thoáng nụ cười điêu linh
Ôm những dòng kiếm lạnh
Thả trong màu thi kinh

Ôi! Ai về trong áo
Mang thánh giá trên lưng
Mang mộ sâu trên mặt
Râu tóc đầy dao găm

Ôi! Ai về trong áo
Mang bóng hình vọng phu
Mắt chưa mờ máu đỏ
Tình chưa mờ thiên thu

Để bây giờ trong áo
Có ta chết nụ cười
Ôm những bầu rượu đắng
Trút vào hồn hoang vu

Để bây giờ trong áo
Có em rã lệ hồng

Trong đường kim mũi chỉ
Trong nút mồn khuy long

Chợt nhớ mình đang thức
Đang mặt áo mùa căm
Chợt nhớ mình đang đứng
Giữa chợ đời tối tăm

Chợt nhớ mình đang đứng
Dưới bầu trời quê hương
Mua áo người chiến sĩ
Máu hồng che gió sương

Chợt nhớ mình đang thức
Giữa chợ mà nghĩa trang
Bầu trời như bầu rượu
Không uống mà say tràn

Bao năm đời treo áo
Bên một góc cổ đình
Người xưa... im cửa đóng
Nhện giăng mờ buồn tênh

Bao năm đời treo áo
Trên rẫy bãi nương rau
Trong đầu rừng xó núi
Trên dốc ngược đường xuôi

Bao năm đời nhuộm áo
Đỏ lòng em – lòng con
Đen đầu đường – xó chợ
Vàng lòng anh – lòng tôi

Bao năm đời xé áo
Bọc lá trầu trái cau

Chạm mắt mù bụi cát
Che tóc bạc muôn màu

Cũng đành như chiếc áo
Bạc thếp những màu xanh
Ôi những màu đất đá
Ôi em và ôi anh

Cũng đành như chiếc áo
Tan bụi vào thiên thu
Vào thơ sầu thiên cổ
Vào hoang phế mịt mù

Bao năm lòng không áo
Bởi ta bận làm ăn
Bao năm đời quên áo
Nên rất quý tình em

Nếu không về quê cũ
Đâu gặp được mùa đông
Cảm tạ ơn gió bắc
Cảm tạ đời lạnh căm
Cảm tạ ơn sông núi
Cảm tạ người tôi thương

1983

LTS: Theo lời kể của tác giả, bài thơ: Chiếc Áo Cũ đã có một thời tác giả bị khốn đốn vì bị kết tội “thương tiếc chế độ cũ Sài Gòn”

NGUYỄN NHỎ CHÂU

G ọ i

đêm thanh vọng tiếng than dài
sinh linh nào gọi ra ngoài cõi không
gọi vào vũ trụ mệnh mông
trăng sao chia nỗi cô đơn phận người

H ẹ n

đâu dám quên lời từng hẹn ước
trăm năm cây cỏ bến nguồn xanh
nước vẫn xuôi dòng cùng đá núi
sáng chiều gieo tiếng gõ lạnh canh
2-7-07

K í Ứ c

khu phố hẹp trăm lần qua bờ ngõ
căn nhà xưa, bờ đậu, kềm gai
con cá quẫy, vàng trắng thành mảnh vỡ
năm mươi năm còn một tiếng than dài
2007

TRẦN VĂN NAM

T i ế n g c ú c c u t r ê n t h à n h p h ố Walnut

Khép mở, phình cổ gọi
Những tiếng kêu rạc ròi

Trên hàng thông thể kỷ
Buông vào trưa chơi vui.

Con trống đang gọi mái
Cứ tháng chín đến mùa
Tiếng gọi từ tiền kiếp
Gọi tuần hoàn, già nua.

Đáng vui mùa trống mái
Sao nghe buồn xa xưa
Lẽ tồn sinh vẫn vậy
Từ lịch kiếp đong đưa.

Giờ này ngoài quán phố
Chàng trai vuốt tóc ai
Giọt cà phê thông thả
Hương tình vào tương lai.

Giờ này trên bến cảng
Tụ điểm những tình nhân
Trời chiều mây bàng lãng
Họ ngã vào thiết thân.

Dòng đời như vậy đó
Nào phải buồn hay vui
Lời thiên thu tạo vật
Hân hoan mà ngậm ngùi.

Tháng 5.2005

C â y b à n g
đ ư ờ n g P h ạm N g ũ L ã o

Cây bàng lâu đời lắm
Đường Phạm Ngũ Lão xưa

Nay không còn nơi đó
Như đời người đầy đưa.

Cư xá hỏa xa ấy
Phía sau, đường Lê Lai
Bãi rộng, ga xe lửa
Bây giờ dấu vết phai.

Nhớ xưa trước xuất hát
Bài “Phố buồn” gọi mưa
Nghe từ bên phố đó
Rạp Kim Chung xa xưa.

Đường Hưng Đạo, Bùi Viện
Phía trước, hẻm suốt thông
Tiếng kèn đồng vọng xuống
Tháp Ngà, vũ trường hồng.

Có gì mà nhắc nhở
Cây bàng mở hơi sương
Nhạc mưa và xuất hát
Ngõ hẻm, thấy vũ trường.

Chẳng gì đâu đáng nhớ
Mà vẫn ở trong ta
Nếu ngồi ôn dĩ vãng
Đời người triệu cái qua.

Tháng 2. 2005

PHAN NI TẤN

t h ả m s â u b a n m ê t h u ộ t

Trần Hoài Thu

Đêm giọt xuống nền quân y viện
Trắng cao nguyên sáng lạnh bồi hồi
Ông nhà văn đứng bên cây sứ
Phát phơ như ngọn cỏ ngậm ngùi

Thế Vũ

Tuột xuống đáy cảnh đời cùng nhất
Ẩn trong hầm thân phận đào binh
Đầu đội những vòng hoa nguy tín
Nên giọng vẫn điệu đứng bất bình

Thượng Văn

Hai thằng ngồi ở trong sương sớm
Trên Tây nguyên và giữa chợ trời
Ly cà phê uống trong thời chiến
Vẫn đậm đà hương vị chia phôi

Nguyễn Quyết Thắng

Sau quốc biến lính thành dân già
Lại ôm đàn lại khúc du ca
Hát từ tim hát từ hơi thở
Tánh như xưa trẻ miết không già

Lê Văn Ngăn

Sau chiến tranh tôi về với núi
Đời thầy vô bốn vách đề lao
Bạn bỏ núi xuôi về với biển
Tiếng thơ xưa lạ ở chốn nào

Kinh Dương Vương

Đợt chuyển trại người đi tôi ở
Mắt tù buồn xuyên làn mưa mờ
Ngày bỏ xứ tôi bơi ra biển
Con mắt vương theo dím đến giờ.

VŨ HOÀNG THU

đêm cuối ở nhatrang

đêm cuối ở nhatrang
vinpearl - viên ngọc trai việt nam
lóng lánh bằng đèn điện xa khơi hải đảo
tôi rửa vĩa mồ hôi
em gầy xanh trong từng hơi thở
căn nhà số ba mươi tám
tăm tích mớ hồ giữa cao ốc
như xoáy vòng lỗ hồng ký ức
tôi thấp lõm hụt hơi

đêm cuối ở nhatrang
biển vọng giữa tiếng nhạc từ quán sailing club trên đường
duy tân
không, đường trần phú, anh xe thô đỉnh chính
tên ông tổng bí thư đầu tiên đảng cộng sản đông dương
tên ông nằm trong mọi thành phố việt nam
ông đã hát căng duy tân
ông vua chống pháp bị đày qua đảo la réunion
ông vua phải đi chỗ khác chơi
dù chống thực dân nhưng không thuộc giai cấp vô sản

đêm cuối ở nhatrang
em bé tật nguyên mời nài
hai ngàn đồng lon đậu phụng luộc
chú ơi... mua giùm...
tôi sẽ làm gì với hai ngàn đồng bạc việt
người ta vừa bố ráp hơn 500 khách xài thuốc lắc
trăm vạn đô la mỹ đốt đêm thâu
tại quán nhảy nằm sát bộ công an hà nội
đêm ma túy ngàn lên ngàn gân máu mắt

trong thiên đường đỏ
ngày bé, em sẽ làm gì với hai ngàn đồng bạc việt ?

đêm cuối ở nhatrang
đèn xóm cồn không còn heo hắt
hãy kéo sập khu ghetto
xã hội chủ nghĩa tiến lên bằng những biệt thự đại gia
lầu ông yersin yên ngủ ngàn đời dưới lòng cao tốc
nổi nhatrang và đồng đế

đêm cuối ở nhatrang
dây cáp treo chém xéo tầm nhìn
kinh tế tư bản có định hướng
vạch đường bằng mắt cáo cầu ngang
những bước khập khiễng sánh vai tài phiệt
cắm dùi sắt vào lòng vịnh
biển khơi mang thương tích
râm ran một niềm đau từ ngực

đêm cuối ở nhatrang
hàng phi lao còn sót lại
vì vút gào ký ức
gợi lại em một mùa xanh
khi tóc cùng màu như liễu
tôi sẽ đi như 32 năm trước
tôi sẽ đi vội vã
như một lần
có thật đã 32 năm ?
Tháng 6, 2007
(trên đường Duy Tân xưa)

ĐỖ THỊ MINH GIANG

Cung Đàn Lỗi Nhịp

Nghiêng mình trên nhánh mộc lan
Nửa vầng trăng đợi giấc hoàng điệp rơi
Bướm khuya trời mộng lả loi
Quỳnh hoa hé nở cánh mời gọi hương
Đàn tình lỗi nhịp cung thương
Phím chùng âm điệu đời vương góc buồn
Đêm về nghe nhạt môi hôn
Nhện giăng sợi mỏng tơ buông hững hờ
Tiếng lòng trôi lạc tâm mơ
Bên cầu ai đợi ngân ngơ bóng chiều
Làm sao trút cạn nụ yêu
Vào chung rượu ngọt uống chia nỗi niềm
Mấy mươi năm giữ trong tim
Nay đem phơi trải tình riêng của mình
Yêu thường chấp nhận hy sinh
Nhìn người hạnh phúc, còn mình bơ vơ

12-07

LÊ NAM PHƯƠNG

Đời Có Nhiều Chuyện Đáng Buồn

1/

Người đàn ông loay hoay mãi với chiếc xe đạp cà tàng của mình. Gọi là xe đạp cho có vẻ như thế. Thật ra đó chỉ là một mớ sắt hoen rỉ được nối kết lại với nhau. Một cái khung vĩa chằng vĩa đụp bằng những mũi hàn lờm chờm. Hai vành xe được chế tạo bởi những vòng cắt ra từ cover, một loại ống cống bằng kim loại từ thời quân Mỹ mang sang. Bọc ngoài lớp vành ấy là một lớp cao su được cắt ra từ những ruột xe phế thải. Những nan xe được hàn bằng những thanh sắt phi 10 chen lẫn với những que gỗ. Không có bàn đạp. Không có xích. Không có tay lái. Để điều khiển chiếc xe, người đàn ông phải buộc vào một que gỗ nơi đáng lý phải là cái ghi đông. Ấy thế mà chiếc xe đã cùng ông lang thang trên khắp nẻo đường xuôi ngược. Len lỏi vào các làng mạc heo lánh, những vùng nông thôn heo hút. Ăn bờ ngủ bụi là chuyện thường. Có khi ông leo lên tận đỉnh núi, hay vào sâu trong rừng. Lạc mấy ngày, ăn đọt cây đoát, môn rừng, uống nước bùn, ngủ với sên vắt muỗi rừng.

Người đàn ông ấy là ai? Chẳng ai biết.

Nhưng ông biết ông là ai.

Ông đang làm cái việc mà hình như nhiều người cùng thời đang làm để kiếm cái ăn, cho ông và cho người vợ đang ngày đêm trông ông về với món tiền nho nhỏ sống qua ngày: Ông đi thu nhặt phế liệu về bán lại cho các vựa thu mua. Vài ba tuần ông mới về nhà một lần. Bởi vì với chiếc xe như thế ông không thể đi, về dễ dàng được.

Trong những chuyến lang thang vì cơm áo, ông đã gặp được nhiều người, nghe được nhiều chuyện. Những lúc ấy ông lại nghĩ về đời mình, nghĩ về bao nhiêu người, bạn bè,

người thân. Kẻ còn, kẻ mất. Người nằm dưới mộ sâu, người lênh đèn phieu bạt ở xứ người. Kẻ bỏ xác trên rừng, người gói thân nơi đại dương thăm thẳm. Và cũng còn bao người như ông, đang lang thang lếch thếch khắp cùng trời cuối đất. Tất cả đã mất hết. Chỉ còn lại những thân người biết cử động, đang đi tìm miếng ăn. Bởi vì phải sống. Phải sống.

Không ai có thể tự chọn lựa cho mình. Làm sao chọn cho mình cái chết?

Cho chiếc xe lăn xuống triền dốc. Ông chạy theo với một tốc độ vượt sức chịu đựng. Con đường mòn nhỏ nhỏ , hai bên hình như không có nhà. Trời nắng gắt. Mồ hôi dường như không còn .Người ông khô kiệt. Không chịu nổi . Ông thả tay để chiếc xe tự do lao xuống con đường với một vận tốc không có gì kiềm lại. Ông ngã nhào bên đường. Hai mắt nhắm lại. Ông thấy người nhẹ tênh. Giá mà chết được lúc này. Ông mở mắt. Bầu trời trên cao, mây trắng trôi bập bênh. Ông cũng thấy mình trôi bập bênh. Giờ này chắc vợ ông đang ngồi ngoài hiên mái chòi lợp lá cọ. Nàng chải tóc và nói chuyện với con mèo lông vàng ngồi dưới chân nàng mong tìm chút hơi ấm của con người vốn từ lâu không còn đủ thời giờ để âu yếm vuốt ve nó. Cái chòi dựng tạm bợ bên bìa rừng hoang vắng, quanh hiu. Ông thấy thương nàng vô hạn. Và ông mơ màng thấy nàng từ xa xa đi gần về phía ông. Ông nhắm mắt để cho ảo giác chập chờn hi vọng đó chính là nàng. Nhưng hình như ông nghe tiếng ai đó đang gọi:

- Ông gì đó ơi!

- ...

Tiếng gọi yếu ớt, giọng khàn khàn, buồn đục như tiếng gọi từ trong sâu thẳm của rừng già. Ông đã từng nghe tiếng gọi này trong những giấc mơ của mình.

-Ông ơi! Ông đang làm sao thế?

Ông mở mắt. Một bà già tóc đã bạc, lưng còng, tay chống

một cái gậy tre, người gầy và run run, duy chỉ có đôi mắt là còn linh hoạt. Bà tiến gần về phía người đàn ông và cúi xuống như để kiểm tra xem người nằm đó còn sống hay đã chết.

- Dạ chào bà, người đàn ông mỗi một nói, bà có thể cho tôi xin miếng nước không ạ?

- Lạy trời! Ông còn sống. Lão cứ tưởng ông đã chết. Thôi hãy ráng đứng dậy, cố đi với lão về nhà. Bà đưa tay chỉ về cuối chân đồi.

Người đàn ông đứng lên, dùng tay phui bùn đất bám dính vào áo quần và mệt mỏi theo sau bà lão. Con đường mòn chỉ vừa một người đi đổ xuống chân đồi. Hai bên cỏ dại mọc tràn lan, những dây cỏ gai nở bông màu tím nhẹ, những cây cúc dại lác đác những nụ vàng, vài con bướm đủ màu sắc bay chập chờn từ hoa này sang hoa khác. Đồi dốc thoải thoải xa dần xuống tận bờ một con suối mùa này hình như cũng cạn khô nên nom rõ những tảng đá hai bên, những gốc cây đã bị đốn nhô lên như những hình nhân quái dị.

Bà lão bước đi nặng nề phía trước, lưng còng quá nên có cảm giác mặt bà luôn luôn nhìn xuống đất. Có cái gì đó nơi bà lão này khiến người đàn ông nhớ đến mẹ mình, và ông cảm thấy gần gũi như được chở che. Ông cảm thấy một nguồn thương cảm vô hạn dâng lên trong lòng. Bất chợt ông gọi nhỏ "Mẹ". Bà lão không nghe gì, cứ lầm lũi bước đi.

Từ dưới triền đồi chiếc xe đạp của ông nằm chỏng chơ, hai bánh xe với những cái nan xe bằng gỗ vẫn còn quay quay theo mỗi đợt gió thốc tới. Đồng sắt vụn đổ tung toé nằm rải rác giống những mảnh bom bên một cái hố con. Người đàn ông nhìn chiếc xe buột miệng:

- Thấy mẹ. Không biết có gãy xe không.

Bà lão mơ hồ như nghe người đàn ông gọi;

- Ông nói sao? Ồ, nhà lão ở tận dưới kia, gần con suối cạn ấy. Cơ khổ! Làm sao mà ông nằm ở đây vậy?

Không đợi người đàn ông trả lời, bà lão kể tiếp;

- Năm ngoái cũng có một người ngang qua đây, cũng trạc tuổi ông. Mà sao ông lại đến đây? À mà thôi, tôi tò mò chuyện các người làm gì. Hãy vào uống nước nghỉ ngơi, rồi muốn đi thì đi. Mà có ở lại cũng không sao. Lão sống cô độc, buồn lắm, muốn có người trò chuyện cho đỡ buồn.

Bà lão đưa tay kéo liếp cửa lợp bằng lá cọ, quay về phía người đàn ông:

- Ông vào trong đi, tôi đi lấy ít nước nấu nầm lá với. Đây là loại nước giải khát duy nhất và cũng ngon lắm, hơn hẳn các loại danh trà mà ông thường uống đấy.

Bà lão cười hóm hém sau câu nói đùa của mình và chống gậy đi về phía bờ suối. Người đàn ông bước vào trong. Một chiếc chõng tre ọp ẹp kê sát vách lợp bằng lá rừng và được nẹp vào nhau bằng những cây sậy tròn cỡ ngón tay. Phía cuối giường là cái bếp được kê bởi ba hòn đá. Vài cái song đã móp méo treo lủng lẳng trên vách. Hơi nóng hầy còn trong lớp tro ủ, thỉnh thoảng một cọng khói lẻ loi hiu hắt bay lên. Ông bước ra sân nhặt một ít cành khô đem vào nhuộm bếp. Bà lão vào mang theo một ấm nước với ít lá với đã rửa sạch. Bà ngồi xuống cạnh người đàn ông, không nhìn ông, bà nói băng quơ:

- Đôi lúc lão cũng thấy buồn thật. Nhưng quen rồi.

- Thừa cụ, thế con cái cụ đâu? Cụ sống một mình thế này lỡ đêm hôm mưa gió...

Bà lão vẫn chăm chú nhìn vào bếp lửa đang cháy, thở dài náo nuột:

- Con với chả cái. À mà tôi cũng có một đứa con đấy chứ. Tôi và ông lão nhà tôi hiếm muộn chỉ có một mặt con. Ôi mà thôi! Thà không có con còn thấy đỡ khổ hơn, đỡ đau lòng hơn...

- Cháu xin lỗi đã gọi lại những chuyện không vui cho cụ. Nhưng mà...

Người đàn ông bỏ lửng câu nói, nhìn bà lão, lòng ông thấy

xót xa, ông linh cảm trong người đàn bà này đang chứa chất một nỗi đau đớn kinh khủng lắm.

Ấm nước sôi sục sục, bọt tràn ra khỏi miệng, một mùi thơm ngai ngái xông lên khắp căn chòi, ông hít thật sâu, mùi thơm xông lên tận não. Ông cảm thấy dễ chịu vô cùng. Bà lão lấy hai cái bát sành đã sứt miệng thông thả rót nước ra, một lớp bọt trắng trắng vàng vàng sóng sánh trên miệng chén. Đẩy chén nước về phía người đàn ông bà lão mời:

- Ông uống đi, nóng thì thêm ít nước lạnh vào. Loại nước này lợi gan, mật, ăn dễ tiêu, đã khát. Này mà ông có con không? Hãy dạy cho con ông cái điều mà trước đây chúng ta không được phép dạy. Đó là lòng thương yêu, sự quý trọng mạng sống của con người. Trước đây chúng chỉ được dạy lòng căm thù, một viên đạn phải giết cho được hai mạng người. Và đau xót hơn nữa, chúng được dạy phải giết chính những người thân yêu của mình để chúng tỏ lập trường kiên định không khoan nhượng đối với những người được qui cho là giai cấp bóc lột, giai cấp tiêu tư sản...

Hình như khi nói những điều này đôi mắt bà lão ánh lên một tia giận dữ nhưng rồi bà nén lại, đôi mắt chùng xuống. Bà hớp một ngụm nước, lấy tay cời thêm que củi cho lửa cháy bùng lên.

- Thưa cụ, thế ông cụ?

- Ông nhà tôi mất cách đây hai mươi năm rồi. Chết vì buồn bã quá. Vì đau lòng quá. Vì tủi hổ với giòng giống tổ tiên

- Nhưng mà...Người đàn ông tò mò.

- Từ cái đêm cách đây hai mươi năm ấy, ông biết không, từ cái đêm oan nghiệt đó, ông nhà tôi như người mất linh hồn, sống vất vưởng như cái bóng. Suốt ngày không nói. Đôi mắt sâu hun hút như một vực thẳm chứa nỗi buồn của kiếp người. Từ cái đêm ấy.

Bà lão chột im lặng. Ngoài kia mặt trời đang xuống thấp.

Lác đác có vài cánh chim bay về phía đồi xa. Một luồng gió lành lạnh thổi nhẹ qua khung cửa mang theo mùi hương của chiều. Ông vẩn một điều thuốc rê và châm lửa.

- Ông lão nhà tôi trước kia cũng hút thuốc. Nhưng từ cái đêm oan nghiệt đó...À, ông có biết uống rượu không? Trong cái chai dưới gầm giường kia còn một ít đấy.

Người đàn ông lấy cái chai và rót rượu ra cái bát vừa uống nước xong.

- Mời cụ.

- Không, tôi không biết uống rượu. Từ hôm giỗ ông nhà tôi vẫn còn đấy. Ông không có con à? Phải dạy chúng đấy ông ạ. Lòng thương yêu. Quý trọng mạng sống của con người. Đừng nuôi lòng thù hận, bất cứ ai.

Người đàn ông vẫn chưa hiểu tận tường câu chuyện mà bà lão đang kể. Hình như bà thấy quá khó khăn nếu phải kể ra cái điều mà bà muốn quên đi, cái điều mà từ đó tai hoạ đổ ập lên gia đình bà, lên đời ông cụ, lên đời bà. Ông nhấp một tí rượu và chờ đợi.

- Ông biết không, nó là một thằng bé rất kháu khỉnh, đôi mắt sáng, môi đỏ tươi, vàng trán thông minh. Nhưng ông biết sao không? Chúng tôi hình như càng ngày càng mất cái quyền được dạy dỗ nó. Không có quyền.

Giọng bà trầm lại, gần như bà đang nói với chính mình. Người đàn ông thấy một giọt nước mắt đặc quánh nặng nề lăn từ hốc mắt sâu huăm của bà lão, dường như không đủ sức lăn xuống nữa, giọt lệ nằm lại nơi lưng chừng gò má nhẵn nhéo.

- Năm mười lăm tuổi nó bỏ nhà đi không nói với chúng tôi lấy nửa lời. Hoảng. Chúng tôi đi tìm nó trong vô vọng. Mất ăn mất ngủ. Bệnh viện nào chúng tôi cũng đến, nhà giam nào chúng tôi cũng đến. Mấy thầy cô nơi trường cháu học cũng không thể trả lời chúng tôi. Chúng tôi chia nhau đi tìm. Ông về tận dưới quê nội, tôi ra tận quê ngoại.

Không có. Chúng tôi tuyệt vọng ê chề.

Người đàn ông nôn nao:

- Nhưng cuối cùng có tìm ra anh ấy không? Thưa bà.

Bà lão rót thêm cho mình một chén nước nữa, bà thổi nhẹ lớp váng và uống từ từ. Giọt nước mắt trên gò má nhăn nheo của bà cũng đã khô, chỉ còn để lại một chấm màu xam xám. Bên ngoài trời đã bắt đầu tối. Bà lão đưa tay dò tìm trong góc bếp lấy ra chiếc đèn dầu làm bằng một nửa cái chai nho nhỏ.

- Ông thấp giùm đèn đi, tôi luộc mấy củ lang. Tôi đãi ông bữa tối bằng củ lang. Nhà chỉ còn có thế. Hôm nay tôi không xuống làng được, hết gạo từ mấy bữa nay.

Người đàn ông đỡ cái song từ tay bà lão và bắc lên bếp. Bài trường ca buồn vô hạn của đêm mùa hạ nơi đồi nương bắt đầu rả rích. Bóng của hai người rung rinh lay động trên vách lá rách nát. Hai mái của túp lều không đủ kín để che ánh sáng yếu ớt của những vì sao xa, và những con đom đóm chớp sáng khiến người đàn ông nhớ tới những đêm nằm rừng, ngửa mặt lên trời, nhớ đôi mắt của nàng, đôi mắt chứa đựng cả bầu trời xanh thăm thẳm.

Mùi của khoai lang đang chín thơm lừng, ông nhớ đôi môi đỏ thắm của nàng. Đôi môi ấy đã mím chặt lại khi lần đầu tiên đưa một mẩu khoai mì lên miệng. Nhưng rồi gần chín năm trời, hai vợ chồng ông đã ăn khoai mì thay cơm.

Bà lão cẩn thận vớt từng củ khoai để lên chiếc đĩa bằng sành cũng đã sứt mẻ. Từ cái bọc bằng nilon bà lấy ra một ít muối.

Hai người ngồi ăn trong im lặng. Mỗi người đang thả dòng suy nghĩ của mình theo một hướng. Bà lão hình như chưa thể nói ra điều đau lòng. Người đàn ông lại nôn nao muốn biết tại sao người con bỏ đi, tại sao bà lão lại vừa đau xót vừa có vẻ như uất giận. Cuối cùng bà lão lên tiếng:

- Ừ này, ông ở đâu đi lạc về đây? Ông đang làm gì?

- Cháu ở cách đây cũng xa, người đàn ông trả lời ậm ừ, Nói chung có nói cụ cũng không biết . Nhưng cụ yên tâm. Cháu là người đang cố sống lương thiện. Bây giờ cháu đi đâu, bất cứ nơi nào cũng chỉ để kiếm cái ăn, kiếm cái ăn bằng mồ hôi của mình.

- Mà thôi. Trước đây cũng có một người lạc tới chỗ này. Người ấy cũng trạc tuổi ông. Cũng ít nói. Cũng cho mình đang cố sống lương thiện.

Bà lão hình như quên mất câu chuyện mình kể dở dang, loay hoay dọn chiếc chõng tre;

- Tối nay ông trải mấy cái bao kia gần bếp ngủ cho ấm. Đêm ở đây lạnh lắm.

- Nhưng thưa cụ, người con của cụ sau có trở về không ạ?

Bà lão leo lên chõng tre, chưa muốn nằm, ngồi thu gối lại, mắt lim dim xa vắng:

- Thật ra tôi không muốn nhớ tới chuyện này ông ạ. Lại càng không muốn nhớ tới đứa con mà mình đã bứt ruột sinh ra. Nhưng biết làm sao, thưa ông. Giọt máu của chúng tôi mà!

Người đàn ông đứng dậy kéo liếp cửa lại, trời bắt đầu trở lạnh. Gió thổi qua những khe cửa rách làm những mảnh lá kè rung lên tạo nên một thứ âm thanh rin rít. Xa xa về phía tận ngôi làng vọng đến tiếng chó sủa băng quơ.

- Nếu còn sống năm nay nó cũng gần bằng tuổi ông, à, mà tôi có biết tuổi ông là bao nhiêu đâu.

Bà lão thở dài . Một lần nữa giọt nước mắt khô đặc lại rỉ ra nơi khoé mắt sâu hun hút của bà lão, rồi cũng như lần trước, nó không đủ sức lẫn xuống mà đọng lại cam đành, chịu đựng.

- Nó bỏ đi thật ông à, bà lão lại xoay về chuyện cũ, không tin tức, không để lại chút dấu vết gì, như thể nó chưa hề hiện diện trên đời này. Còn chẳng là nỗi đau trong lòng chúng tôi.

Bà lão hít một hơi dài như để lấy can đảm để tiếp câu

chuyện:

- Hai năm sau từ ngày nó bỏ đi, một người trong làng đến nhà tôi với vẻ mặt hốt hải và bí mật, kéo tôi ra một góc sân, kề sát miệng vào tai tôi:” Đêm qua, nó về làng bà ạ.””Ai?””. “ Thì thằng con bà chứ ai”.Giọng người đó nhỏ lại hơn” Nó mang súng có cả hai người lạ nữa cùng đi với nó” Lúc đó tôi nghe hai tai mình ù ù, đôi mắt hoa và không còn đứng vững nữa. Sau khi người khách ra về, tôi vào báo lại với nhà tôi. Ông im lặng. Tôi cũng im lặng. Nhưng trong lòng không khỏi khắp khởi mừng. Ít ra nó cũng còn sống, ông ạ.

Bà lão lại lau giọt nước mắt đã khô và cũng đọng lại một vệt xam xám trên gò má nhăn nheo.

- Làm sao mà nó không ghé về nhà nhỉ? Ít ra cũng để thăm chúng tôi một lát chứ Bà lão như nói chuyện với chính mình

- Có lẽ anh ấy bận công chuyện quá, người đàn ông an ủi. Ông hiểu ra chuyện gì rồi. Anh con trai đó đi đâu, làm gì, với ai, và trở lại làm gì, ông mơ hồ thấy được. Hình như trong thời kỳ ông sống trước đây, ông đã nghe nhiều chuyện như thế. Dĩ nhiên mỗi chuyện có khác nhau, nhưng cơ bản là giống nhau cái chung nhất

Hồi còn học trung học, trong lớp ông cũng có vài người tự dung biến mất Và sau thì nghe nói người này chết chỗ này, người kia đang xuất hiện đâu đó, bí mật, hư hư thật thật. Học xong trung học, cố gắng ngồi ở giảng đường đại học vài năm cuối cùng rồi cũng phải đi đánh nhau, tham dự vào cái trò chơi chém giết, chẳng để làm gì, chỉ tìm cách trốn chạy những vây bắt của số phận con người trong cái thời buổi mà con người bị điều khiển bởi một hệ thống đủ màu sắc của cái gọi là văn minh vật chất, trong cái thời buổi mà ngôn ngữ của nhân gian cần phải được định nghĩa lại.

Im lặng một lát bà lão lại lên tiếng:

- Ông có mệt lắm thì đi ngủ trước đi, à, mà để lão

kể tiếp chuyện này cho ông nghe .

Bà lão thở ra một cái dài, nằm xuống, nghiêng người về phía người đàn ông, đôi mắt nhắm lại như cổ ngăn một giọt nước mắt cũng gần như khô đặc chực len qua hai mí mắt.

- Hai tháng sau kể từ lần trở về thứ nhất, cũng người hàng xóm ấy, vào buổi sáng sớm hốt hải chạy tới đập cửa nhà tôi, hồn hển ”Khi đêm hần về cũng với hai người lần trước, tập hợp dăm ba người gì đó, bắt chú nó trối lại quì xuống, nó đọc cái gì đó, xong hai người kia đề chú nó xuống và cắt đầu, không một tiếng kêu, chỉ thấy một vòi máu đỏ tươi phun ra. Xong họ lẳng lặng bỏ đi” Người hàng xóm nói một thôi dài, tôi chưa kịp nhận ra việc gì cả. Người hàng xóm vụt chạy đi. Tôi thần thờ bước vào nhà, không đủ sức gọi ông nhà tôi dậy. Tôi ngồi không biết bao lâu, chìm trong cơn mê và hình như tôi lịm đi cho đến khi tiếng kêu khóc vang lên chung quanh , tôi ngồi bật dậy. Tôi bắt đầu tỉnh lại và hiểu ra mọi chuyện.

- Xác của chú nó được phủ một tấm vải trắng để nằm trên chiếc giường tre kê trước sân. Tôi thần thờ bước ra ngồi xuống bên cái xác đã gần như lạnh ngắt và cứng đờ.

- Tôi hiểu ra mọi chuyện rồi.Nó bỏ đi đâu suốt mấy năm trời, làm gì, theo ai, rồi tại sao chú nó bị chính nó giết.Chú nó làm hội đồng gì đó ông à.Mà tại sao lại giết chú của mình cơ chứ.Đau xót quá ông ơi.Mà ai bảo nó làm việc đó cơ chứ?

Bà lão nấc lên nhưng tiếng nấc đọng lại trong cổ họng, trong đêm tối người đàn ông mơ hồ thấy một dòng máu lệ đang nghẹn ngào trào ra tận con tim già cỗi của bà lão.

Sáng hôm sau, thu gom xong mớ sắt thép phế liệu và chất lên chiếc xe đạp đầy của mình, người đàn ông sửa soạn lên đường, bà lão ra tận bờ suối Ban mai trời lạnh lạnh sương còn đọng trên lớp cỏ khô. Nhưng giọt sương không

giống những giọt lệ khô của bà lão, chúng lóng lánh như những hạt thủy tinh đủ màu sắc. Một vài con chim sẽ ríu ra ríu rít bay tới bay lui như muốn hỏi lại sao con người lại có mặt tại đây và lấy cái gì để ăn khi chính chúng ngay hạt cỏ cũng khó mà tìm.

- Ông sửa soạn đi đó à? Bà lão lên tiếng.

- Cháu sẽ vào uống nước với cụ rồi xin phép đi.

Khi đã vào trong nhà , ầm lá vối đã sôi sùng sục, ông rót ra hai chén, không mời bà lão, ông bưng chén và từ từ nhấp từng ngụm nhỏ.

- Thưa cụ, ông nói, cháu không có gì nhiều, xin cụ nhận cho.

Ông lấy cái bọc nylon nhét cẩn thận trong túi áo, lấy ra mấy đồng bạc đặt trước mặt bà lão.

- Cám ơn ông, tôi không nhận đâu, tôi không cần tiền, tôi chẳng có việc gì phải tiêu tiền. Nếu cần gì tôi chỉ mang những thứ tôi có được xuống làng đổi, không cần tiền. Ông cất đi.

Người đàn ông không dám nài nỉ. Sau khi uống hết bát nước lá vối, ông từ giả bà lão và lên đường. Chiếc xe đạp không đạp được lại cùng ông lang thang qua muôn dặm đường để tìm cái ăn. Chuyến này ông hi vọng có chút tiền khá khá với đồng sắt chất thải chiến tranh này. Vợ ông hẳn đang mong ông về lắm. Chuyến này ông đi hơi lâu, không biết vợ ông ở nhà ra sao, có còn đủ gạo tiền cho nàng không.

Người đàn ông trong một lúc quên mất bà lão và câu chuyện đau lòng của bà. Ông đang nghĩ đến vợ mình và tưởng tượng cái giây phút hạnh phúc ôm nàng trong tay. Đôi mắt xanh thăm thăm hun hút một nỗi thèm khát cháy bỏng, cặp môi của nàng lúc nào cũng mọng lên như chờ đợi nguồn ái ân cuồng nhiệt. Thế nào cũng phải có với nàng một đứa con, anh nghĩ thầm và mỉm cười một mình, không! Phải hai đứa con mới được. Một trai, một gái. Rồi ông lại tưởng tượng ra khuôn mặt của hai đứa con. Thằng

cu sẽ giống ông. Bé gái sẽ giống nàng. Bây giờ ông sẽ không đi làm cái việc này nữa. Sẽ dành tiền mua vài công đất, làm một cái nhà lá, nuôi vài ba con heo, dăm bảy con gà. Hàng ngày ông sẽ làm vườn, nàng chăm các con và lo việc vặt trong nhà. Gia đình ông sẽ sống một cuộc sống bình dị, đầm ấm và hạnh phúc. Ông sẽ trở lại vùng này để đón bà lão về chăm sóc. Ông sẽ gọi bà là mẹ. Các con ông sẽ có bà nội.

Mãi nghĩ mông lung, ông ra đến đường cái lúc nào không hay. Lòng đang phấn chấn, ông đẩy xe chạy bon bon, quên cả mệt nhọc.

Với đồng chất thái chiến tranh đó ông kiếm được cũng khá. Gởi chiếc –xe-đạp-không-đạp-được tại nơi thu mua phế liệu ông vừa đi vừa chạy mong sao khoảng bốn năm giờ sáng hôm sau là ông về đến nhà. Có lúc khát quá ông ghé vào bất kỳ một nhà dân nào đó xin gáo nước lạnh rồi hổi hả đi tiếp. Ông đang vui với cái tương lai tưởng tượng của mình, lòng ông tràn ngập về một cái-hạnh-phúc-chưa-có-thật.

Bóng tối đổ xuống bao giờ ông cũng không hay. Ông vẫn lầm lũi trong bóng tối. Say cái hơi men của một hạnh-phúc-chưa-có-thật trong bóng tối. Bóng tối của đất trời. Bóng tối của thế gian. Bóng tối đã chụp xuống đời ông, đời bao nhiêu người khác trong từng giờ, từng ngày, từng tháng năm. Và bây giờ thì ông đang chạy trong bóng tối mà lòng thì mơ về một thứ ánh sáng của hạnh phúc.

Ông mệt lả ngồi xuống bên bờ một cái muơng trước lối vào cái chòi của mình. Hình như có một tia sáng yếu ớt rưng lên ở phía xa bầu trời, lác đác vài tiếng gà eo óc gáy nặng nề đâu đó không đủ sức xua đuổi khí lạnh u uất đang trùm lên mọi vật.

Ông gắng đứng dậy đi về phía chòi của mình cũng vừa lúc liếp cửa chòi hé mở. Một người đàn ông hơi khom lưng xuống để bước ra, chợt nhìn thấy có người đến, ông ta

quay ngay vào. Ông bỏ ngổ đứng lại. Và chỉ một thoáng sau, vợ ông bước ra đi vội về phía ông. Khuôn mặt nàng lạnh lùng dù đôi mắt hãy còn ngái ngủ. Nàng không nhìn ông, đưa tay chỉ về hướng mà ông vừa từ đó đi tới:

- Có lẽ ông nên đi khỏi đây thì hơn, nàng nói, Tôi đã tự lo cho tôi được rồi, và ông, ông cũng hãy biết tự lo cho ông đi. Mong rằng ông không bao giờ trở lại đây nữa. Tia sáng yếu ớt không đủ sức xuyên qua lớp mây mù đang ùn lên khắp nơi. Trời chưa kịp sáng hình như đã tối lại. Người đàn ông nghe tim mình nhói đau, dòng máu lạnh tanh động từng cục lên đi lạo xạo trong người ông. Không một lời, ông quay lại lối cũ, con đường ông vừa mới đi qua trong đêm tối, giờ trở lại, ngày vẫn chưa lên.

(Ghi chú của tác giả: Hình như người đàn ông sau đó có tìm lại căn chòi của bà lão nhưng không gặp, bà đã bỏ đi đâu hay đã chết, không ai biết. Người đàn ông thì nghe đâu sau đó mấy năm đã định cư ở nước ngoài. Và cho đến bây giờ chưa bao giờ tác giả gặp lại hay biết tin tức gì.)

LÊ TẠ BÍCH ĐÀO

Bức Tranh

Người xưa, thì vẫn có nhân

Mà ôi thôi đã phong trần cả hai...

(Vũ Hoàng Chương)

Hôm nay chủ nhật, nghỉ, không lo dọn dẹp trong nhà thì làm gì? Nội trợ như mình đây quả là hạng bét. Khi cần tìm đến món gì cũng không thấy, phải đi mua cái mới, y như rằng, vài hôm sau cái cũ lại xuất hiện, như ảo thuật, như phép lạ. Dần dần thu thập lại, nhà có đến 4, 5 cái bấm móng tay, chục cái lược, trong bếp thì dao lớn dao con cả tá, có thể mở một quán ăn nhỏ được.

Rồi, sách, sách ... ôi đây là nguồn vui hay cái nợ của mình? Hôm nay ta hãy sắp lại theo thể loại, hay theo vần a, b, c...? Trước hết lau nền nhà sạch bóng, lau hết sách xuống đất, lau các ngăn tủ cho sạch, lau sách, rồi mới xếp lên. Minh ngồi ngay giữa đống sách, vừa lật coi, vừa suy tính cách để sắp đặt. Là lúc thư giãn, cũng là những chuyến du hành trở lại dĩ vãng, cũng có khi là những thắng lợi nhỏ, bất ngờ: ép trong một cuốn, tìm thấy vài tấm hình cũ trước nay không kiếm ra, trong một cuốn khác có khi vài con tem, rồi lại 1 hay 2 tờ bạc nhỏ... Chen giữa mấy cuốn sách cũ ít đọc tới, tôi tìm thấy một phong bì bụi bậm, méo mó: phong bì lớn, đựng một món còm cộm. Mở ra: một cuộn tranh. Liếc sơ, tôi biết nó là cái gì: bức “Thanh Minh Thượng Hà đồ” nổi tiếng của Trung Quốc. Nguyên bản của nó dài không biết mười mấy thước, được trưng bày ở viện Bảo tàng Quốc Gia Trung Hoa ở Đài Bắc. Đây là bức in lại, thu nhỏ, ngắn chưa đầy gang tay, là chiều đứng của bức tranh, cũng bồi lên lụa

màu nâu nhạt trang nhã như nguyên bản. Mở ra theo chiều ngang, nó dài chừng hai thước. Tôi cầm cuộn tranh trong tay, nhìn những vân trên lớp lụa bồi, nhìn sợi dây buộc, cuối cùng là cái chốt nhỏ bằng ngà. Làm sao tôi quên được? Bức tranh, những hồi ức yêu thương chung quanh nó, và người mua nó cho tôi. Anh.

Anh, bức tranh, những rung động đầu đời của tôi, tất cả đã từ lâu ngủ yên trong ngăn ‘lãng quên’, hay cố quên, của mình. Tôi đã âu yếm đặt hình ảnh anh vào ngăn đó, nhẹ tay đóng lại, quay mình đi, lẩn xả vào đời, không nhắc tới, không nói tới, những tưởng quên anh, được sao?

Anh là anh họ tôi, dĩ nhiên chúng tôi không lấy được nhau. Dù cho lòng tôi có mến anh, yêu anh đến bao nhiêu, muốn lấy anh nào có được? (Nhưng tôi cứ muốn). Bây giờ nghĩ lại, thì ra, có thể, nhưng lúc đó mình không hẳn quyết tâm, chưa dùng dọa tự tử như thường nghe người ta nói chuyện. A, nhưng với gia phong nhà mình, mình có dọa chắc cũng chẳng thành công đâu.

Chúng tôi gặp nhau thường xuyên, vì dì Liên mẹ anh rất thân với mẹ tôi. Hai bà là hai chị em con chú bác, chị em họ, vậy chúng tôi là anh em con bạn dì, lại đã cách thêm một tầng. Ngày nay xét huyết thống, thì cũng khá xa, lại họ khác, chấp nhận được. Có trường hợp con chú con bác ruột còn dám lấy nhau, ngay ở nhiều nước, hai anh em ruột ăn ở với nhau, mặc cho xã hội, gia đình chê bai, đàm tiếu tội loạn luân. Và rất nhiều cặp, đã sống với nhau trọn đời, có lẽ vì họ đã cùng nhau sát vai chống lại cả tập đoàn gia tộc, làng nước, phong tục, lễ thói. Nghe đâu mới đây bên Pháp đã nói đến dự luật bãi bỏ hoàn toàn chuyện ngăn cấm anh em ruột lấy nhau. Riêng mình, nghĩ, dù không cấm, nhưng huyết thống quá gần có thể gây vấn đề con cái tật bệnh khiếm khuyết bẩm sinh sau này, đã được khoa học chứng minh, thì phải nên nghiêm chỉnh xét đến.

Nhưng anh Tâm, với tôi, đáng ra... không hề gì. Vì sao không thể?

Hai anh em chúng tôi hay cùng đi chơi chung. Tới đâu người ta cũng nhìn chúng tôi với cái nhìn thân thiện, hiểu biết. Có người còn chúc lành, có người khen đẹp đôi. Chúng tôi chỉ cười. Anh nói, cảm ơn bà, ông, nó chỉ là em gái tôi.

Tôi trừng mắt nhìn anh, nhưng phải theo cho tròn vai ‘em gái ngoan hiền’, không nên cãi lời người lớn, vậy, theo ý của chữ anh dùng, thì ra mình “chỉ là”...thôi!

Hai anh em hợp chuyện, hợp sở thích, dù vẫn cãi nhau dài dài.

Có hôm bàn đến chuyện lập gia đình, anh nói anh sẽ tìm lấy một cô giống em nhưng hiền hơn.

- Nhưng vì anh là anh của em em mới bắt nạt, chứ là chồng thì em sẽ nhường.

Anh im lặng, hay anh không bằng lòng?

Một lúc thật lâu sau, anh nói, gần như bắt sang chuyện khác:

- Chùng nào anh biết tên nào muốn cưới em, anh sẽ mách cho hắt tất cả mảnh khoé để ‘trị’ em.

- Hừ, để rồi coi, còn phần anh, tại sao em có bao nhiêu con bạn đẹp, anh đều chê?

- Em có biết câu “Vẻ đẹp chỉ là ở lớp da ngoài” hay không? Không kể lớp da, thì ai cũng như vậy, vậy, những thứ khác mới quan trọng.

- Những thứ gì?

Anh gõ lên thái dương:

- Bên trong. Tự trung giá trị con người là bên trong đầu cả. Trí lực, suy tư, cả tấm lòng, người thường nói ở tim, thật ra là ở đây cả.

- Nghĩa là anh sẽ chấm một cô thông minh, có tấm lòng nhân hậu, bên ngoài xấu hoắc cũng được phải không?

Bụng nghĩ: em đạt tiêu chuẩn của anh rồi! nhưng không nói ra.

Tôi cười phá lên, tiếp: “Người ta thông thường nhắm vợ đẹp, còn anh đi tìm cho được cô thật xấu, thì rất dễ, sẽ không gặp phải cạnh tranh nào cả, không chừng còn có thể đa thê được, vì các cô xấu, ế, thì hàng đàn...”

Anh thở dài:

- Khi nào anh cũng cãi thua em, vậy tiêu chuẩn mới của anh sẽ là tìm cô nào ít nói một chút.

Tôi cũng thở dài, biết anh tôi thân với tôi nhưng hoàn toàn không chút tình ý nào khác.

Anh tốt nghiệp bác sĩ y khoa ra, đi tu nghiệp ở Đài Loan.

Tôi lại ghẹo anh: “Người ta tu nghiệp Mỹ, Pháp hay Đức, chứ ai lại tu nghiệp bên Tàu bao giờ.. bộ anh đi học kiểu bắt mạch buộc sợi chỉ vào cổ tay bệnh nhân hả?”

- Anh học thêm về châm cứu.

- A, cũng hay, nhưng không được dính cô xầm nhé, em lười lắm không chịu học nói tiếng Tàu đâu.

Anh nói:

- Cảm ơn em nhắc nhở gợi ý, không chừng anh sẽ tìm được cho em một cô chị dâu biết nấu ăn ngon, tham ăn như em rồi sẽ mập bằng bao gạo!

Tôi bên ngoài gượng cười gượng nói, mà lo vô cùng.

Tẩu xào làm sao, sở lại cử tôi đi công tác Đài Bắc hai tuần.

Anh bảo anh nghỉ một hôm, cho tôi đi chơi Đài Bắc, Đài Trung, Đài Nam, muốn đi đâu cứ chọn. Trong mớ hình ảnh du lịch anh đưa, tôi chọn đi coi viện Bảo tàng.

Anh reo lên, anh biết ngay cô sẽ chọn gì.

(Tâm ý tương thông, anh đoán đúng).

Một buổi sáng trời trong, hai anh em lang thang trong viện bảo tàng, vừa ngắm nhìn vừa trao đổi lung tung đủ thứ chuyện. Tôi mãi mê ngắm những đồ ngọc chạm khắc tỉ mỉ, những đồng tiền cổ, những lọ, chalice, độc bình,.. bụng nghĩ thầm, văn hoá văn học, văn minh Trung Quốc đều

dồn cả vào đây. Phục ông Tưởng Giới Thạch thật. Võ biên là vậy, độc tài là vậy, nhưng khi thua trận bán xối phải bỏ lục địa mà thoát thân ra đảo Đài Loan làm căn cứ mới, cũng đã thành công khi gom góp được những trân phẩm như thế này, làm được một viện Bảo Tàng không thua nơi nào trên thế giới.....

Đến nơi trưng bày tranh thì tôi đứng ì ra không chịu đi nữa, nói, thôi anh đi về đi, em ở lại đây luôn, ở lại họ sai quét nhà lau tủ kiếng cũng được. Bởi tôi mê quá! Nhìn quanh, tranh và tranh. Lại tranh và tranh. Lớn nhỏ ngắn dài. Loại treo đứng, loại treo ngang. Kích cỡ, từ nhỏ xiu xiu, tới hạng trung thường hay thấy, và cả những bức ngang, dài mấy chục thước. Loại này mỗi tuần họ chỉ trưng bày một đoạn, đầu bên cuộn thành hai cuộn lớn bằng cột nhà. Phần lớn trong tủ kính cả. Bức này, (tôi lầm nhầm đọc, với dùm chữ Hán ít ỏi học được mới đây) “Thanh minh thượng hà đồ”, hôm nay họ trưng ra chỉ phần gần cuối, chỗ có một cây cầu đá cong, vài con thuyền lác đác. Chỉ chừng một thước vuông tranh, chỗ bày ra đó, mà tôi như nhìn thấy cả trăng giang, thấy giai nhân tài tử, thấy cả ngọn gió hiu hiu lướt trên ngọn những hàng lau, lay động những cánh buồm...

Anh đùa: “Thấy hai chữ ‘thanh minh’, chắc hẳn cô nghĩ tới đoạn Kiều đi chơi xuân, cô đang cố nhìn xem có tìm thấy Kim Trọng không đó hả?”

Đúng, hai tâm hồn cùng hòa một nhịp, tôi cũng vừa mới nghĩ tới Kim, Kiều xong, lòng còn đang bồi hồi, so sánh: cảnh đây thoáng hơn nhiều, sông nước mênh mang, không chỉ một dòng nước nhỏ ‘nao nao’ như câu thơ Kiều (*Nao nao dòng nước uốn quanh, Kiều*).

Tôi ngắm một lúc rồi còn ngoẹo đầu cố tìm coi hai bên chỗ cuộn lại ở trong họ vẽ những gì nữa.

Anh can:

“Coi chừng gãy cổ bây giờ, để chốc ra về mình ghé sạp bên ngoài, anh mua cho một bức in lại, thu nhỏ, về tha hồ

ngắm.”

Tôi được ở bên anh trong gần ba tiếng đồng hồ, trao đổi với anh những câu chuyện nhẹ nhàng, băng quơ, bây giờ không thể nào nhớ đã nói những gì. Chỉ biết tâm tình yên ổn, hạnh phúc tràn đầy.

Tôi buồn ngủ khi rời viện Bảo Tàng, biết rõ khó thể tìm cơ hội trở lại, và đầu trở lại lần nữa, chắc sẽ chẳng có anh dẫn đi. Tâm trí ở tận đâu đâu, tôi suýt hụt chân gần va vào anh, nhưng gượng lại được. Trong phim ảnh tôi thường thấy những trường hợp như vậy, nàng hụt chân suýt ngã, chàng đưa tay đỡ, ôm lấy, rồi thì nên chuyện, (hay gây chuyện). Chúng tôi thì không. Tưởng anh không nhìn tới mình, nhưng thấy tôi chơi với suýt ngã, anh đã đưa tay ra. Tôi gượng lại đứng lúc, nhìn thấy bàn tay anh, nhưng không vươn tay ra nắm lấy, anh cũng rút tay lại...

Trước đây, chúng tôi vẫn thường xuyên đi chơi chỗ này chỗ kia cùng nhau, bao giờ cũng đi song song, như hai người bạn thực thụ, không bao giờ chạm tới vai hay tay nhau, càng không có vụ nắm tay hay bá vai giỡn hớt cợt nhả.

Tôi rung rung nước mắt, ngực nghe đau nhói, chưa xa mà đã nhớ. Tôi biết, hai ngày nữa, mình rời Đài Bắc, anh ở lại, tu nghiệp xong về sẽ lấy vợ.

Tôi nghe dì Liên với mẹ tôi bàn tán chuyện này đã mấy lần. Nghe đâu anh không quyết nhưng không chống. Nghe đâu chị là Dược sĩ. Đạo đó trong dân gian có câu “nhất Y nhì Dược”...vậy là duyên thiên định, nếu chị mà giàu, lại đẹp nữa, thì ...xong!

Y như tôi đã sợ, và đã tưởng tượng, chị Hoàng Hoa gồm đủ cả những yếu tố tiêu chuẩn cao nhất một bà mẹ chồng tương lai có thể mong đợi: con nhà gia thế, giàu có, mặt mũi xinh đẹp, lại học hành đàng hoàng, chưa từng tai tiếng, và....nhất là, (nghe hai bà bàn tán, tôi không nhìn được, phì cười) cái hông to, chắc chắn sẽ đẻ cho bà nhiều

cháu!

Họ cưới nhau xong, chúng tôi còn gặp nhau vài lần, ngắn ngủi thù tạc xã giao, mỗi lần đâu chừng mười phút. Tôi nhìn ngắm chị Hoàng Hoa, trong hình cưới, và người thật bằng da bằng thịt, cứ nhớ chuyện hai anh em mới cùng bàn bạc năm trước về chuyện vợ đẹp vợ xấu mà cười thầm, thật xa vạ dẫm! Hay đó chỉ là câu chuyện đùa vui giữa hai anh em thôi? Anh có thật nghĩ như thế? Đẳng nào cũng đã là định cuộc, tôi không bao giờ dám hỏi anh thêm về chuyện cũ, và cũng cố ý tránh mặt hai người. Một đôi khi tình cờ chạm mặt, tôi chỉ chào hỏi cho phải phép, với lại hình như anh chọn đúng, chị có vẻ là người ít nói.

Thế rồi, hai người đi Pháp, (gia đình chị là dân Tây).

Đã hơn ba mươi năm qua, tôi đã sống nhiều nơi, dọn nhà hằng mấy chục lần, vứt bỏ nhiều thứ, áo quần của cải, kỷ vật...nhưng bức “*Thanh minh thượng hà đồ*” thu nhỏ này vẫn luôn được gói ghém mang theo. Tôi cất nó ở tủ sách, để hoài niệm những ký ức trong sáng, chứ không chắt chiu cất trong tủ áo, hay ngăn bàn phấn, ngụ ý tình riêng (dẫu có cũng không thể kể).

Không hề nghe tin tức hai người, cho tới ngày anh gọi điện thoại cho tôi.

Không thể ngờ.

Anh không như nhiều người, gọi điện thoại đường dài còn hay “đó biết ai đây không?”, cả mấy chục năm không nghe giọng nói, ai mà biết, làm mất thì giờ vô ích, rồi đoán không đúng sẽ giận.

Nghe tiếng anh, tôi lập tức trở lại tuổi hai mươi, giọng anh ấm dịu, tôi choáng ngợp, tôi thấy không cần thiết phải hỏi anh làm sao mà có số điện thoại của tôi, vì sao lâu nay không gọi?

Anh vào đề ngay với giọng nói nhẹ nhàng, vẫn kiểu nói êm êm như ngày nào: “Anh Tâm đây, ...”

Rồi anh tự nhiên thoải mái đi vào câu chuyện, quen thuộc như mới không gặp nhau chừng mấy bữa. Anh hỏi dạo

này em còn mê sách mê tranh không, vẫn hay đi xem triển lãm tranh, đi viện bảo tàng chứ? À quên chưa hỏi, rồi em có lấy được chàng Đoàn Dự không?

(Có một chiều mưa năm xưa, không đi chơi đâu được, hai anh em ngồi đánh cờ, vừa chuyện vãn lung tung, anh hỏi người lý tưởng của em thế nào?)

Đạo đó tôi vừa ‘tu luyện’ xong mấy bộ Kim Dung, bèn lấu tấu trả lời: “Lệnh Hồ Xung. Nhưng dầu nếu gặp được cũng sẽ không lấy y”.

Vì sao? Có hào sảng, có uy vũ, nhưng anh hùng quá, thấy việc gì cũng can thiệp thì sẽ không đủ thì giờ lo cho gia đình. Phải lấy một người yêu mình hết lòng, mới được. Toàn tâm toàn ý, lúc nào cũng nghĩ đến mình, lo cho mình.

Anh cười hỏi: luôn luôn, tứ thời bát tiết? Tôi đáp, đúng, tứ thời bát tiết, cả xuân hạ thu đông. Như ai? Triệu Tiên Tôn. Anh không nhớ người này, tôi phải nhắc cho anh đây là nhân vật hạng ba hạng tư, không có gì đặc biệt trừ một điểm là suốt đời chung tình với cô sư muội, nay đã lấy người khác, (Đàm công, Đàm bà, truyện Lục Mạch Thần Kiếm/ Thiên Long Bát Bộ), nhưng đối với ông, bao giờ cô cũng vẫn là nàng Tiểu Quyên ông suốt đời yêu nhớ.

Anh nói: “Nhưng ông ta không đẹp trai. Đã tính cách như vậy, thì chọn Đoàn Dự hơn, đẹp trai hơn, gia thế hơn, và cũng chung tình”. Tôi đồng ý nói, cũng được, nhưng bụng nghĩ, Vương Ngũ Yên đẹp như thiên nga mới lấy được Đoàn Dự, còn mình là vịt đẹt, phải nhìn thấp hơn chứ, nhưng không nói ra, ngại anh chê mình “mặc cảm”, thật ra tôi không mặc cảm, tôi biết rõ những ưu điểm của mình, cũng có khi rất kiêu, nhưng không bao giờ nói ra.

Anh phê bình, con gái gớm thật, yêu một người nhưng lại chực đi lấy người khác, chỉ tính toàn lợi thôi. Tôi dẫu mỗ nói đàn ông cũng chẳng khác. Anh đã không cãi thêm, chỉ chìm vào suy tư.

Anh kể: Anh cùng chị Hoàng Hoa chỉ có một con gái, đã là một thất vọng lớn đối với dì Liên, lại thêm, sau khi qua Pháp được ít lâu hai người li dị, chị đành được giữ con. Tôi hỏi vậy anh có cô đầm nào không. Không. Vẫn ở một mình hơn hai mươi lăm năm nay. Anh không thờ dài nhưng lòng tôi như vẫn nghe có tiếng thờ dài. Hình như ở cả hai đầu dây?

Anh hỏi: Tại sao em mai danh ản tích? Anh qua Mỹ mấy lần không tìm ra em. Anh đăng báo, cũng không nghe chút tâm hao. Anh nhờ bạn hỏi thì không ai quen biết, người ta nói có thể em lập gia đình ở Mỹ rồi đổi theo họ chồng, hay có tên Mỹ, thật không biết đâu mà lần. Mấy tháng trước anh nằm bệnh viện, may gặp một bác sĩ người gốc Việt, anh ta hỏi anh có ao ước gì, anh ta sẽ hết sức giúp. Rồi, nhờ vậy, nay mới tìm ra em.

Tại tôi chỉ nghe hai chữ “bệnh viện”. Tôi không dám hỏi bệnh nặng nhẹ ra sao. Tin chắc rồi anh sẽ nói nếu anh muốn cho tôi biết.

- Em thì sao?

Tôi loanh quanh nói, làm ăn tất bật, thờ không ra hơi. Lại thao thao nói, sáng đi mấy giờ chiều về mấy giờ, tối lại làm những gì, cuối tuần loay quay hết công tác cứu trợ, lại từ thiện, rồi đi chăm sóc người già, đi giúp cho viện cô nhi, đi đó đi đây v.v..

Anh im lặng nghe, không ngắt lời, cũng không ừ hử.

Tôi nói huyền thiên chừng mười phút, thấy lạ, hỏi anh còn ở đầu dây không?

Anh nói: Còn, anh biết em bận rộn lắm rồi, chỉ cần biết em có được hạnh phúc hay không thôi. Có được “*tứ thời bát tiết, xuân hạ thu đông*” hay không?

Tôi giật thót mình, thì ra những gì mình nói với anh cả ba chục năm trước, anh vẫn còn ghi nhớ, vậy mà.... Tôi nghĩ đến hôm đó, tôi đã nói nếu anh là chồng thì tôi không bắt

nạt anh, sẽ nhường nhịn anh. Tôi nhớ khi nói, tôi run giọng, vì đó là lời tỏ tình mà ở thời điểm ấy, có người con gái nào dám bộc lộ tâm tình trước? Tôi nhớ, lúc đó đã cảm thấy nóng ran cả người, vì ngượng, vì sợ. Tôi nhớ, anh im lặng rất lâu, rồi nói đùa lảng ra chuyện khác. Vậy là anh hiểu, và đã có quyết định. Năm xưa anh đã không có tình ý, thì nay còn hỏi han tới làm gì nữa? Quá muộn.

Tôi hiểu, nếu anh biết rõ, sẽ rất buồn, nhưng nghĩ tới đó tôi nổi giận dưng dưng. Mặc kệ anh. Đã muốn biết, thì cho biết. Tôi sẽ nói: “Hắn họ Nhạc.” Thì dĩ nhiên anh sẽ hiểu. Để cho anh phải buồn. Cho đáng kiếp. Tại anh cả.

Trong đầu tôi suy nghĩ chớp nhoáng, đủ chiều. Cần cho anh biết sự thật hay không? Mình có thực sự muốn anh hiểu, thiếu anh đời mình thăm tới đâu không? Hay nói mình hạnh phúc vô biên, chồng con hậu hạ, sướng hơn công chúa? Để anh thêm thương, ganh tức, hay tiếc nuối? Mới bỏ tức, bỏ những ngày đau khổ, nhớ nhung? Để anh hiểu anh không được hạnh phúc đó hoàn toàn là lỗi tại anh?

Tôi không biết sắp xếp mớ tư tưởng rối như bòng bong để trả lời anh thế nào cho thích đáng.

Nghe dường như đầu dây bên kia tiếng anh thở dài rất nhẹ. Lần này, anh thở dài thật.

Hai người im lặng ở hai đầu dây một lúc.

Sau cùng anh run giọng nói: “Anh xin lỗi.. anh có lỗi với em nhiều lắm.”

Rồi thêm: “Sai một li đi một dặm, em nhỉ?”

Tôi giận anh quá, hai mươi lăm năm qua anh thui thui một mình, tôi cũng không hơn. Vậy hai người gộp lại là năm mươi năm cô độc, buồn sâu, nửa cuộc nhân sinh!

Run cả người, bàn tay cầm ống nghe điện thoại nóng ran, rồi lạnh, mồ hôi tươm ra. Tôi thầm trách anh, chúng ta đến cơ sự này là lỗi tại anh cả. Ai bảo không chịu lấy em? Nếu hôm đó anh chịu, thì hôm nay cả hai chúng ta cũng không

đến nỗi này. Vì đâu? Vì ai? Tiền, địa vị, danh giá, gia thế, sắc đẹp đã làm anh mê mờ tâm trí, làm một quyết định sai lầm hại đến hai cuộc đời. Đây là lúc mình trả thù.

Tôi lẩm nhẩm, định nói: *“Nếu anh lấy em thì nay tất cả đã khác xa, em đã có hạnh phúc, và anh cũng đã hạnh phúc, và nhất định em đã yêu anh, đã chịu nhường anh, như em đã hứa. Và đời chúng ta sẽ có những nụ cười, “từ thời bát tiết, xuân hạ thu đông”. Coi đây, anh chạy theo bóng sắc, tiền tài, thể lực, làm đời anh dang dở, rồi em không có anh, em chới với, em cũng phải có một người, trời ơi, chọn lựa của em cũng sai lầm ngang với chọn lựa của anh. Lỗi do anh, mà em tả tơi như hôm nay. Em bắt đền anh. Anh làm sao thì làm, phải đền em, đền lại em thanh xuân, đền lại em lòng tin yêu vào cuộc sống, đền lại cho em sức khỏe hao mòn, đền bù những đêm khóc sưng mắt, những cực nhục chịu đựng tưởng vượt quá sức một con người, phải bù cho em những lần nhăn trên trán không kem phấn nào tẩy xóa nổi, bù cho em tâm hồn rách nát...”*

Tôi biết, anh đã nghĩ thấu. Anh đã hiểu, và anh đã hiểu tất cả đã quá muộn màng không phương cứu vãn. Tôi hiểu, trách móc anh cũng không kéo được lại, cũng không vá được hai mảnh đời tả tơi của hai người. Anh xin lỗi, nghĩa là chịu chấp nhận không thể còn làm gì hơn được.

Nghĩa là,bệnh tình anh chắc khá nặng? Nếu một mai anh không còn, thì hôm nay mình trách móc anh để làm gì?

Vậy, mình nên nói sao đây?

Nước mắt tuôn thành dòng, đứt nổi. Tôi kéo chéo áo, thấm sạch nước mắt, làm bộ ho hắng, để giọng nói không sưng ứ nước mắt, anh sẽ nghe ra.

Tôi nghe tôi nói, giọng lạ hoắc, tưởng như nghe người nào

khác nói:

- Đồi em, thì khá tầm thường, anh ạ. Lấy chồng, đẻ con, nuôi chúng lớn, học xong chúng nó lập gia đình, có con, mang lại bắt em giữ. Lâu lâu cần nhắc bọn chúng vài câu, để nhớ lại uy quyền làm mẹ hồi bọn chúng nó còn nhỏ. Ông xã cũng hiền. Bọn chúng em an phận thủ thường, chẳng có gì xuất sắc, nhưng cũng có thể nói được sức khỏe, đời không sóng gió.

Tôi cẩn thận nói chậm rãi, không quá nhấn mạnh chữ này chữ kia, càng làm bộ vui vẻ quá đáng thì càng ra vẻ giả tạo, cố gắng...

- Anh rất mừng. Nghĩ cho cùng, hạnh phúc đơn sơ là phần số quý hiếm nhất không phải ai cũng có được. Ít ra hai người mình, cũng được một...

Tôi dường như nghe tiếng anh thở ra nhẹ, lần này, phải chăng nhẹ nhõm, thanh thản, hài lòng?

Tôi nghĩ thầm, em có “được” đâu hờ anh? Xưa nay em chưa từng đối anh, nhưng hôm nay, cần phải thế. Em trách móc anh, để anh nuôi tiếc, thì cả hai đều khổ, đang khổ lại càng cay đắng, tiếc nuôi thêm. Nghe phần em yên ổn, có lẽ hơn.

Ít lâu sau đó tôi nghe tin anh mất.

Hôm nay giờ xem lại bức tranh, bên mép đã hơi sòn, màu lụa bồi có bạc đi, nhưng bên trong hầu như không hư hao gì.

Như lòng tôi nhớ về anh.

Thôi thì thôi nhé tri âm,

Lỡ thanh xuân ấy còn tâm sự này (VHC).....

(Kể theo lời chị T.)

ĐẠM THẠCH

N h ớ M ù a N ắ m M ố i

(tập văn)

Hắn ngồi thù lù một đồng.

Vợ hắn đi qua đi lại trước mặt hắn nhiều lần coi bộ xốn mắt. Hắn vẫn ngồi bất động.

Ngửa miệng, vợ hắn nói :

- Làm gì mặt mày đăm đăm coi khó ưa vậy. Bộ nhớ con nào hỏi ông chồng “yêu quý” của tôi?!

Hắn luôm vợ, miệng “xì” một tiếng nhỏ!

Tuy vậy, hắn cũng tự cảm thấy hơi kỳ kỳ. Nếu có gương rọi vào lúc này mặt hắn chắc ngó như sung, hai gò má nhô cao , hai con mắt trũng sâu thần thờ.; chắc là khó ưa thiệt.

Hắn thờ ra, đứng dậy, ngó ra ngoài. Hắn ngó đầu đầu. Rồi như một chút trách thầm, hắn nói nhỏ trong đầu :

- Con mẹ mà biết gì!

Bên ngoài trời, ngọn gió hiu hiu thổi. Cây cối như đang nhẹ nhàng lả ngọn. Chim chóc như không buồn bay nhảy kiếm ăn mà đứng rìa lông lẫn nhau.

Hắn cảm thấy lạnh lạnh hai bên nách áo. Giống như gió chướng. Gió chướng? Gió chướng đã về? Ở cái xứ sở biệt mù này mà cũng có gió chướng? Nếu có thì đã thiệt ta! Không phải gió chướng, mà là....Phải rồi. Gió nồm. Gió mùa nồm mỗi. Cái lạnh ở đây là cái lạnh trong lòng hắn nghĩ ra. Chữ hồi đó, vào tháng năm tháng sáu ta, trời mới vừa sa mưa. Trời đang nóng hầm hập bỗng mưa đổ ào xuống, rồi lại tạnh ngay. Rồi nắng lên lại. Trời không thấy gì chuyển mà ai dè ông lại đổ mưa bất tử. Mưa cái điệu này , nắng cái điệu này, chắc mèm cái anh chàng nồm mỗi chỉ có đường nứt đất đội lên mà thôi. Nhớ mùa gió nồm, hắn lại chắc lưỡi nhè nhẹ :

- Giá như lúc này hấn có mặt ở quê nhà(quê nhà của hấn ở cái làng Tam Phước tỉnh Bến Tre) chắc thể nào hấn cũng thay chiếc quần dài bằng quần cụt; thay chiếc áo khoát bên ngoài chỉ chừa cái áo sơ mi mỏng dính chặt nịch; rồi vớ cái dao mác ra đi.

Hấn đi xăm xăm ra hướng cái bờ vườn có lùm khóm. Khóm hoang hay có ai trồng lâu đời nên mọc tràn lan, đến mùa có khi chỉ nhô đầu lên vài trái èo uột ngó không thèm, mà có thèm lắm, lấy dao vạt thử một miếng, bỏ vô miệng chua lòm, phải thè lưỡi nhả ra.

Năm nào cũng vậy, vào mùa này, khi ngọn gió năm thổi về, hấn cũng xách dao mác ra bờ vườn này trước nhất mà không nhớ rõ là ngày nào. Hấn rình mọi người để đi trước thăm năm mọc. Hấn biết rõ chỗ này có gò mối nên năm nào cũng có năm mọc, không nhiều thì ít. Cha hấn mỗi năm cứ mọc đất bùn dưới mương thầy lên bồi nhiều tháng trước. Đất lúc này đang trở mình khô dẻo, bước đi chỉ vừa lún chân.

Hấn nói lầm bầm với năm :

- Cái thằng nhỏ này mà gập đất bùn mới ráo thể nào cũng nứt đất trời đầu lên cho coi! Ai thấy mà không ham! Những chiếc đầu đen đen đội mũ lúp xúp như những người lính ngoài mặt trận đang ngồi núp bồng lòm còm đồng loạt đứng dậy. Đã cẩn thận trước, bước đi nhẹ nhẹ, rón rén, thể mà đập nhăm lên tai năm, bồng nghe tiếng rộp nhẹ dưới bàn chân vừa đã lại vừa tiếc. Thể là mình là người đầu tiên phát hiện gò năm mọc trước. Vậy là bắt đầu ngồi chồm hồm xuống, cây dao mác bỏ nhẹ kế bên, hai con mắt bắt đầu quan sát. Trước tiên, nhìn thoáng chung quanh mình, lấy tay vạch mấy chiếc lá khô coi có “thằng nào” lú thêm. Rồi nhìn dài dài chỗ này chỗ nọ, ngó thấu vô trong lùm trong kệt khóm. Chỗ này mới ngất. Có năm, cứ mê mẩn phía ngoài mà quên hay sợ gai khóm đâm không chịu khó mò vô trong bụi nên để năm nở thè lè uổng thật! Chịu khó một chút, buoi quào có khi lật cả rổ

xúc lộn. Cái tình trạng này cứ đảo đi đảo lại mãi. Con người nghĩ cũng bạc thật. Hễ năm nào nắm mọc sai thì a-thần-phù mãi miết phía bên ngoài, hai tay cứ bẽ lụp cụp bỏ vô rổ quào lia chia, vừa bẽ vừa sợ có người dòm thấy. Vậy mà năm nào nắm mọc lưa thưa thì lại đảo mắt trong lùm trong bụi, miệng rủa thầm : ngoài này trồng trái không chịu mọc lại chui đầu trong hốc trong kẹt chỉ cho mắc công người ta! Cũng may hôm nay chỉ có mấy tai nắm quên nên tao mới chịu khó chịu gai đâm, chứ không thôi tao bỏ mặc tại bây mắc sức muốn mọc đâu thì mọc. Không có cặp mắt chịu rảo rồi bây tự nở tự tàn chẳng ai biết tới, coi bây có chết dọt không. À, mà không phải chết dọt, bây chết tàn ...tàn là tàn tạ, rồi bây héo queo luôn! Mà dân Nam bộ có điều này mới ngộ. Hễ nắm thừa thì đi tìm đi rảo. Còn lúc bắt gặp ê hê thì chỉ muốn hái vừa đủ no con mắt lại muốn về ngay khoe mọi người. Nắm còn sót cứ để mặc ai muốn tới mót thì mót. Có khi người đi mót lại được nhiều nắm hơn cái thùng cha thấy đầu tiên tưởng mình ngon cứ thí cô hồn cho người đến sau mót bao nhiêu đó mót. Làm như mình chủ vườn hào phóng. Điều này ai cũng biết. Ở xứ dừa mệnh mông thiên địa này, hễ lọt vô ranh người nào người ấy hưởng. Chủ vườn thuộc nắm lòng bờ vườn năm nào thường có nắm mọc thì để ý quan sát trước. Cứ thấy nắm nứt đất thì lấy tàu lá dừa đập lại coi như đã có chủ. Người đi mót chỉ chờ người chủ sau khi lật nắm xong, vắt tàu lá dừa đập sang một bên là mới dám mon men đến rồi cứ nhổ những tai nắm nào còn sót lại được bao nhiêu hay bấy nhiêu không có sự quở trách. Cũng có khi người đi mót cố nhường cặp mắt tìm kiếm gò nắm khác mà chủ nhà không để ý. Nhắm ngay hên cho người nhẹ bóng vía mà bắt gặp nắm nở thì lật vội lật vàng , giũ cái nón lá đang đội trên đầu xuống, nhẹ nhàng bỏ nắm vô,xé lá chuối khô đập lại cặp nách về một hơi rồi cố tình đi nháng qua trước nhà người chủ vườn, mặt mày làm bộ tiu nghỉu như người đi mót gặp ngày xui. Vậy đó, trộm

mà không phải trộm. Tuy nhiên, cũng có lúc nói vả là nếu đang khi lom khom ngồi nhổ nấm mà chủ vườn thỉnh thoảng tới, thì lẽ làng đứng lên, nói lí nhí trong họng:

- Bộ trong nhà không có ai đi thăm sao mà để nấm mọc hoang nở tè le, tôi có hái chừng này nè có muốn lấy lại thì lấy, không thôi thì cho tôi. Đâu có thấy tàu dừa đầy đem gì đâu!

Chủ nhà cũng cứng họng, không lẽ tránh tròn với kẻ nghèo? Thật ra, người chủ vườn biết tổng mấy người đi mót nấm có khi nào cầm rõ đâu, họ đi tay không, đầu đội nón lá lụp sụp, đi như đi công chuyện gì đó. Trong số người đó, chủ vườn chỉ sợ người nhẹ bóng vía. Đi câu mà câu chung với người nhẹ bóng vía trong khi họ giựt được cá liền liền còn mình đứng cả buổi trời, tai thì nóng ran, bàn chân lột nhột như có cát dính, thay mỗi mới liền tay mà cá chạy đi đâu không thấy ghì! Còn người nhẹ bóng vía, con mắt họ ngó đâu cũng thấy có nấm, chủ vườn sợ mà không lẽ nói ra. Đối với người này, khi thấy họ lợ mọ trong vườn thì âm thầm đi theo sau như chủ nhà đi thăm vườn.

Trời ơi nấm mối! Chỉ cần vai tai là nấu được nồi canh, đâu có cần gì thịt thà cho tốn kém. Chỉ cần có chút mỡ heo nổi màng màng là được tô canh nấm mối ngọt xớt. Nói gì nhỏ được bộn bộn. Lốp kho, lốp nấu canh. Kho thì lựa nấm búp mập ú kho xềnh xệch ăn mặn thì kho với nước mắm, ăn chay thì kho với nước tương. Gắp một tai nấm bỏ vô miệng nhai cái rùm đã biết chừng nào! Cái vị ngọt của nấm như có ướp kỳ hoa dị thảo bỏ xa lơ xa lắc cái ngọt yếu xìu mỡ màng của thịt heo hay cái ngọt tuy đậm nhưng lơ lơ mùi thơm khô của thịt bò. Còn nói chỉ nấm mà nấu canh nước cốt dừa với lá cách xắt nhỏ. Hãy tưởng tượng, húp một muổng canh nào vị béo của nước cốt dừa (loại dừa rám mới bẻ từ cây xuống lấy bàn cạy nạo, vắt lấy nước cốt pha lộn với nước dừa)

cộng với mùi thơm

địu dàng của lá cách có bỏ một nhúm đậu phộng đâm, rồi thò đũa vào vớt một tai nắm đang nổi lênh bênh trong nồi canh đang sôi vừa mới nhấc xuống đựng trong cái tô sành miệng chềng bệc khu thì túm rúm, bỏ vô miệng nhai xừng xực

rồi không biết nước dãi từ đâu túa ra tự nhiên thấy đã biết chừng nào. Cơm không kịp bới. Ăn mê man. No không hay. Đến chừng đứng dậy, bụng no nóc ,đứng thẳng không được, đứng khom khom, vội giựt sợi lưng quần, lính quính làm sợi dây lưng vãi thất gút. Trời ơi, muốn nín thở. Vậy mà cái miệng còn bắt thêm món canh nắm mỗi nước cốt dừa lá cách ngon ơi là ngon, ngon như trên đời không có gì bằng!

Đó là bữa cơm thường trong gia đình. Nói chi khi trúng mùa nắm mỗi, hàng xóm láng giềng chộn rộn hết biết. Tổ chức ăn bánh xèo nắm mỗi. Chủ nhà sắp đặt. Vợ con lo gút gạo xay bột, con gái thì phụ mẹ, mẹ ngồi cho ăn, múc từ muổng gạo bỏ vô cối, thỉnh thoảng cho cối uống chút vá nước để con gái kéo cần xay cho trơn. Mấy đứa bạn hàng xóm đưa phụ đi chợ mua cục thịt ba rọi tráng chảo, mua giá, đứa cầm rô đi quơ rau thơm trồng xung quanh vườn nào cải bẹ xanh, húng lủi, rau vấp cá, rau răm. Thanh niên cánh đàn ông giỏi leo trèo thì xung phong đi hái đọt vùng, đọt chiết, đọt mọt. Còn ông chủ nhà chẳng nói chẳng rằng ra vườn hạ cây dừa tơ mới trở lưỡi mèo bị “ thẳng đuông –chết –bầm” ăn. Ông chặt cái củ hủ dừa mang vào nhà vừa như hí hửng vừa như tiếc hùi hụi. Bánh xèo nắm mỗi mà không có nhưn củ hủ dừa thì thà đừng chiên

bánh xèo chi cho thất công. Chuyện lấy giá độn vào là chuyện của người ở chợ

Còn mình ở vườn, mang tiếng là xứ vườn dừa mà không dùng nhưn củ hủ cái đó mới lạ. Ngoài ra, người nào khéo

tay thì được chọn chỉ định làm một tượng nước mắm bự chẳng phê. Nước mắm phải đủ vị ngọt của đường pha một chút bột ngọt

để dâng vị mặn của nước mắm. Rồi phải chua chua, vị chua của trái hạnh (có chỗ còn gọi là trái tắc hoặc trái quất) chanh thì chua ái mà hạnh thì chua đậm và thơm. Ớt phải xắt nhuyễn thả nổi màng màng trông đỏ au bắt thèm nhưng không được cay sặc. Vậy là mọi người xúm nhau vừa cuốn, vừa chấm, vừa nhai. Bánh

chiên xong dùng sạng đặt trên xĩa cho mọi người mạnh ai nấy bốc. Chỉ có người ngồi chiên là thiệt thòi, cứ ngồi chiên miết cho đến khi nào cả nhà và khách ăn nút bụng đứng dậy ra lu múc một gáo nước mưa ngâm bí đao uống ừng ực mới đã miệng, lúc đó người chiên mới bắt đầu lo cho phần mình.

Mùa năm mới mà có tổ chức chiên bánh xèo thì thế nào cũng có dư sậy phơi khô để dành dài dài cả năm nấu canh năm với rau mùng toi thì còn gì bằng cho người ăn chay trường, mà người ăn mặn cũng ké được.

Sẵn nhắc chuyện ăn bánh xèo năm mới lại nghĩ đến một người đàn bà nổi tiếng chiên bánh xèo ngon quê ở Trà Nóc thành phố Cần Thơ được đề cử đi biểu diễn ở thủ đô nước Mỹ về văn hóa ẩm thực của Việt Nam. Khi đi bà mang theo dụng cụ chuyên môn của bà nào chảo, nào bột, nào lò với than đước. Đó, một người nổi tiếng như vậy mà tiếc thay ở quê bà vùng chưa bao giờ nghe năm mới mọc thì kiêu ăn bánh xèo quê Bến Tre của hấn chắc bà cũng lấy làm lạ! Vợ hấn cũng vậy, cũng quê Cần Thơ, nên “con mẹ” có biết gì về nỗi nhớ thất ruột trong lòng gã mỗi khi nghĩ đến mùa năm mới về, mà hấn đang ở xa biên biệt.

TRẦN BANG THẠCH

Ông Già Trên Bãi Rác Bót Số 10

Qua khỏi thị trấn Cái Răng, chỗ gần đường Lộ Tề Hạng Gòn thì bánh xe sau của chiếc Honda ôm bắt đầu xẹp. Bánh trước cũng lần lần xẹp theo. Chú tài xế tên Chi cầu nhàu:

-Biết mà vẫn không tránh khỏi!

Gió ngược. Ngồi phía sau xe, ông Năm cố nói lớn tiếng:

-Chú biết cái gì vậy?

-Thì cái vụ rã đỉnh xuống mặt đường.

-Thường xảy ra lắm sao?

-Không thường thì bọn nó lấy gì ăn.

-Ăn đỉnh?

-Bố ơi, mấy thằng vá vỏ xe ở đằng trước kia. Nó không ăn đỉnh, nhưng mình bị ăn đá.

-Chuyện gì nghe lạ quá vậy?

-Chuyện xã nghĩa mà bố. Cái gì cũng lạ hết. Ai mà dám mở miệng cần rằn mấy thằng vá xe về cái việc chúng nó rã đỉnh, cả cái việc tụi nó tính tiền thẳng tay, thì coi chừng bị tụi nó. Bánh xe mình ăn đỉnh còn mình thì ăn đòn.

-Còn chánh quyền ở đâu?

-Ồ khắp nơi, nhưng cá mè một lứa. Có quyền mà không có chánh thì trị ai được. Mỗi người ăn mỗi kiểu. Chúc quyền ăn theo quyền chức. Dân khu đen ăn theo dân đen khu. Bố lưu lại vài tuần ở cái Việt Nam này, bất cứ nơi đâu, bố sẽ thấy hết những điều mà mấy mươi năm cuộc đời của bố chưa từng thấy.

Ông Năm không nghe rõ vì còn bận nghĩ tới cái vỏ xe sắp hết hơi. Định xuống Phụng Hiệp thăm thằng bạn nói khổ từ thời tiểu học, nhậu quắc cần câu với nó một bữa rồi chiều tối trở về Cần Thơ để sáng mai lên Sài Gòn bay về

Mỹ. Trục trục kỹ thuật như thế này thì biết bao giờ mới tới Phụng Hiệp. Ông Năm cũng chợt nhớ đoạn đường này lúc ông còn là cậu học trò trung học hàng tuần từ nhà trọ ở Cần Thơ về thăm nhà ở Cái Chanh. Ngay ở đây ngày xưa là bót Tây số 9. Thêm 1 cây số nữa ở đằng trước là bót số 10. Thuở đó ông Năm mười mấy tuổi nhưng ông vẫn còn nhớ người lớn bàn tán thật nhiều về trận đánh đoàn công-voa Tây trên đoạn đường này. Trận đó có một thiếu niên trạc tuổi ông tên là Hai Cọp đã gan dạ chạy lẫn xả vào chiếc xe jeep có viên đại úy Tây tên gọi là Tây Râu Đỏ. Cậu bé quăng trái lựu đạn vào xe, giết ngay tên Tây Râu Đỏ. Dân quân thắng lớn. Từ đó người thiếu niên Hai Cọp phải bỏ xứ đi đâu mất. Cũng từ đó Tây dựng thêm bót số 10 ở ngay nơi xảy ra trận đánh.

Đến lúc hai bánh xe bắt đầu xẹp lép thì cũng là lúc ông Năm thấy hai, ba cái lều nhỏ che tạm bên lề đường với những vật dụng và xe linh kinh. Khỏi mấy cái lều là đồng rác to và cao như một quả đồi nhỏ. Gió từ hướng phía trước đưa mùi rác rưởi về phía hai người. Ông Năm lấy tay che mũi. Xe chưa dừng lại hẳn trước cái lều đầu tiên thì đã có mấy thằng nhỏ giành giật khách. Đứa thì nắm cổ xe, đứa thì đẩy yên xe về phía lều và xe của nó. Tài xế Chi hình như đã quen với cảnh này nên để mặc mấy đứa nhỏ muốn làm gì thì làm với cái xe xẹp bánh của mình. Chi dẫn khách vượt khỏi đồng rác, đi về hướng cái quán nước trên gió. Quán cũng lụp xụp nhưng được hai mái che bằng lá, vách thì bằng mấy tấm giấy dày. Hai cái bàn thấp với mấy cái ghế mũ cũng thấp lè tè, đầy bụi bặm. Bà chủ quán đơn đả mời khách, còn người đàn ông đang nằm võng trong góc đang đọc báo, không buồn ngó đến khách, có lẽ là ông chủ quán. Tháng mười trời hơi âm u, sắp mưa. Gió thổi mạnh nên mát. Tài xế Chi kéo ghế.

-Ngồi xuống đi bố, nghỉ chun một chút. Bây giờ muốn đi gấp cũng không được.

Hàng trong quán thật sơ sài, trên kệ mấy chai nước lọc

bên cạnh mấy chai 7-up, vài chai bia Hậu Giang và một rổ ổi, cóc, chuối xiêm, chuối già. Tất cả mốc cời vì bụi. Tài xế Chi kêu một ly đá lạnh, Chi biết ông khách sẽ không dám rót tới ly nước đá ở đây; kể cả nước lọc trong chai đóng nút, nên không mời. Chi biết mọi thứ bày bán tại những nơi kém sang trọng như vậy mấy Việt kiều mười người như một sẽ không dám đụng tới. Họ nói đó là nước lọc giả, bia giả, thuốc lá giả. Một số còn nói cả tánh tình, tâm sự, lời nói của người ta cũng giả. Nghĩ cũng ngộ. Thời này ở đây cái gì mà không giả! Giả từ lâu lắm rồi. Nhớ hồi hai, ba mươi năm trước thằng bé Chi nghe người lớn nói anh y tá đi bộ đội lâu năm trở thành bác sĩ. Có ông cán bốn túi từ Bắc vào chễm chệ ngồi vào ghế Viện trưởng cái đại học duy nhứt ở vùng đồng bằng sông Cửu Long này; về sau biết ra thì cán ta chỉ xong lớp 7! Còn bây giờ thì anh công an huyện cũng có bằng phó tiến sĩ. Chi giám đốc thì cái bằng tiến sĩ coi như bình thường; ai không có mới là điều lạ. *Chiều nay có hoa vàng trước ngõ*. Lúc trước người ta ca như vậy. Bây giờ thì *chiều nay tiến sĩ giấy bay đầy trước ngõ*! Có nhiều giai thoại nói về các tiến sĩ hàm đời này. Người ta kháu nhau rằng có cô tiến sĩ chủ nhiệm nông trường gốc miền ngoài trong một bữa tiệc chiều đãi báo chí, tới món tráng miệng bằng kem, cô tiến sĩ giám đốc dùng bàn tay bự như cái quạt ba tiêu lia lia quạt quạt ly cà-rem đang bốc khói, người bên cạnh thắc mắc hỏi nhỏ, cô giám đốc nói là “*nằm cho cà-lem bớt lỏng mà lỏng chí*” !!! Đồng rận lúc đó chắc chỉ muốn chui xuống gầm bàn hưởng chí là “*lỏng chí*”. Không biết *cà-lem* xã hội chủ nghĩa “*lỏng*” hay cái hàm tiến sĩ của cô sắp cháy! Bằng cấp để treo chơi thì có chết chẳng tây nào đau. Tài xế Chi nghĩ tới đó bỗng cười. Ông Năm không biết nó cười vì cái gì. Ông lấy cái bị đeo sau lưng để xuống bàn, lấy ra chai nước lọc, tu ngon lành. Ông Năm ngó lơ ngơ về hướng bãi rác. Bên kia bãi rác là hai hàng xoài chạy dọc theo con lộ nhỏ dẫn vào xóm nhà và khu vườn nằm phía

sau cánh đồng sát mặt lộ. Ông Năm loáng thoáng nhớ là bót số 10 lúc trước nằm bên này lộ, đối diện với con lộ hàng xoài. Hơn năm mươi năm rồi, hàng xoài đã bao lần thay cây đổi lá. Bãi rác nay đã thay chỗ của cái bót số 10. Ông Năm bắt gặp một ông già đi về hướng quán. Gió ngược làm cho cái bọc ny lông to ông quấy trên vai như muốn bay về phía sau. Ông già cẩn thận để cái bọc ny lông dựa vào vách, uể oải bước vào quán, kéo ghế ngồi bên chiếc bàn trống. Ông già mặc cái quần kaki xanh lá mạ bạc màu, vá tứ tung và cái áo thun 3 lỗ màu đất, ướt mồ hôi. Có điều ông Năm lấy làm lạ về cái đôi dép bằng vỏ xe trên đôi chân ông già; loại dép này trước ngày xuống tàu hải quân tại bến Bạch Đằng vào đêm 29 rạng 30 tháng Tư bảy lăm, chàng thanh niên Năm Hùng chưa hề thấy nhưng nghe nói nó đã biến mất từ mấy năm nay rồi mà. Bây giờ cán bộ văn minh hơn nhiều, giày da, áo vest, xách samsonite. Ông Năm đoán ông già cỡ tuổi mình, chắc cũng đã trên bảy mươi. Tự nhiên ông Năm xàng qua ngồi chung bàn với ông già. Ông muốn mời ông già giải khát. Ông già từ chối. Ông Năm hỏi chuyện, ông già không mặn mà trả lời, có thể vì ông mệt, cũng có thể ông không muốn nói chuyện nhiều với người lạ, mới gặp ngoài đường.

-Khá hông ông anh?

-Lượm rác mà khá cái nổi gì!

-Không, tui muốn hỏi là nghề này sống được hông?

-Nghề nào mà sống hồng được. Không nghề cũng đâu có chết. Có khi còn làm cha thiên hạ.

Biết ông già nói ngang như cua bò, ông Năm chuyển đề tài:

-Hồi tui còn ở đây, đồng rác này hình như chưa có?

Tài xế Chi chen vào:

-Có rồi. Có từ trước bảy lăm. Lúc đó rác rưởi đã có nhưng chưa nhiều. Sau bảy lăm thì rác nhiều hơn, rác khắp nơi.

Biết tài xế Chi ưa nói chuyện ngoắc ngoéo, ông Năm

không muốn xen vào. Nhưng ông già lượm rác như bắt được cái ý lắt léo của tài xế Chi:

-Rác từ làng lên tỉnh, từ trên xuống dưới. Chú em còn nhỏ mà rành chuyện đời nay bọn há.

Ông Năm giả vờ đưa chai nước lên miệng, uống một ngụm.

Tài xế Chi vỗ tay vào vế một cái bạch rồi oang oang:

-Đúng y chang! Tiá nuôi nói trúng hết xẩy! Rác từ từng dưới lên từng trên, từ từng trên leo tuốt lên sân thượng, từ đồng bằng ra hải đảo!

-Có cái gì mà không trúng. Hỏi bất cứ thằng nhỏ nào trên đồng rác kia, nó cũng biết như vậy. Nó biết cái tòa biệt thự này có mấy đồng rác, biệt thự kia có mấy ô chí, ô rận. Nó còn biết cái tỉnh này có bao nhiêu chuột lớn, chuột nhỏ đục khoét khắp mọi nơi.

Thấy câu chuyện mỗi lúc thêm trầm trọng, ông Năm lại chuyển đề tài một lần nữa :

-Ông anh có con cháu gì nhiều hông ?

-Có mà như không.

-Chắc các cháu đi xa ?

-Cũng có đứa ở gần.

-Vậy thì cũng có con săn sóc cho ông anh được.

-Thời này mạnh ai nấy lo ông bạn ơi.

Nghe ông già gọi mình bằng bạn, ông Năm biết ông già đang có vẻ cởi mở rồi đây. Ông Năm đi xa hơn một chút, mục đích là để cho qua thì giờ đang khi chờ cái vỏ xe vá xong.

-Ông anh chắc là dân cố cựu ở đây ?

-Ừ. Nhưng mà chỉ đúng một nửa.

Bà chủ quán xen vào :

-Tui mới là người cố cựu. Còn anh Hai đây chỉ mới trở về sau bảy năm.

-Chắc ông anh đi làm ăn hay đi lính ở xa ?

Ông già ngó lơ, làm như không muốn trả lời. Bà chủ quán chen vào gọt hơ :

-Đúng là đi lính xa. Xa thiệt là xa. Mút mùa lệ thủy.

-Ở đâu lận ?

Bà chủ quán hăm hờ :

-Thì tận ở ngoài. Ở ngoài Bắc đó, phải không anh Hai ? Kể chuyện Lạng Sơn Cao Bằng cán gáo cho người ta nghe chơi đi anh Hai, nhứt là cái chuyện mấy anh tập kết nổi loạn đòi địa đó. Còn chuyện vượt Trường Sơn nữa.

Ông Hai vẫn làm thỉnh. Câu chuyện có vẻ lý thú, ông Năm hỏi tiếp:

-À! Vậy là ông anh đi làm cách mạng. Thật là hiển hách.

-Tui xin lỗi anh Hai nhen : Hiển hách hay không thì không thấy chớ tui thấy anh Hai bây giờ càng ngày càng rách như cái túi ny lông cũ.

Bà chủ quán buông tiếng ứ hự ở cuối câu nói rồi cầm cây quạt mo cau đuổi ruồi bay quanh mấy nải chuối. Mưa bắt đầu rải hột lác rắc. Thằng bé dẫn cái xe tới, dựng trước quán. Tài xế Chi trả tiền. Một phần vì trời sắp mưa lớn, phần khác là ông Năm thấy câu chuyện tới hồi khá thích thú nên muốn ngồi nán lại một chút nữa. Ông Năm biết gặp phải một đồng chí lão thành nên ăn nói cẩn thận hơn :

-Sau nhiều năm phục vụ nhân dân chắc ông anh về nghỉ hưu từ lâu rồi ?

Ông Hai vẫn ngó mông lung ra ngoài con lộ, tay vo vo mấy cọng râu bạc dưới cằm. Bà chủ quán trả lời thế :

-Nếu được cho về hưu cũng là may. Cái này là bỏ việc đó. Chửi lộn một trận rồi bỏ hết sạch, phải không anh Hai ? Lon lá, chúc tước, đảng điếc, nhà cửa...bỏ hết. Không ở tù là may. Nói đi anh Hai, nói hết nghe chơi.

Ông Hai vẫn làm thỉnh. Tài xế Chi xen vào :

-Uông vậy tía. Một đời đi cầm bảng đỏ, giận một chút rồi bỏ...đảng sao tía ?

Ông Năm kể tai nói nhỏ với tài xế Chi :

-Nói nhỏ nhỏ vậy, nên cẩn thận nhen chú mày. Tai vách mạch rừng.

-Bớ đừng có lo. Thời này những câu chuyện như vậy là

chuyện nghe qua rồi bỏ. Người ta bận rộn với mấy cái « cây » và mấy tờ « đô xanh ». Chẳng ai mà để ý mấy cái chuyện bây giờ được xếp vào loại chó cắn xe như vậy. Chỉ những Việt kiều như bố mới run. Tui tui thì...còn khuya mới sợ. Nói đi tía nuôi, nói cái chuyện giận một chút đó đi tía.

Bây giờ thì bà chủ quán dừng tay đuổi ruồi. Bà ngồi xuống ghế, cạnh tài xế Chi :

-Không phải chuyện một chút đâu à chú em. Ở trong chán mới biết chán có rận.Tui nghe anh Hai nói cái gì là đạo đức cách mạng, cái gì là cần kiệm liêm chính gì đó. Anh Hai nói anh không sống nổi với mấy cái cách mạng giả, liêm chính giả nên nghỉ chơi, phủi áo một cái xách rồi về nhà làm ruộng. Không chơi với mấy thằng người giả đó nữa. Giả, làm ruộng không nổi, đi lượm bao ny lông cho nhẹ. Coi như bao nhiêu năm đi làm cách mạng mất cả chì lẫn chài. Đâu có sao. Dân Nam Kỳ mà, đã chịu chơi thì không bao giờ chơi chịu. Cũng có nhiều người cán bộ hồi kết tâng tâng như anh Hai vậy đó. Cuối cùng chỉ còn cái xác ồm ồm, thui thui một mình. Con cái đứa thì đi lính bên này, đứa bên kia rồi chết trận, đứa thì đi học tập. Có đứa lại nghe lời mẹ, không nhận ông già.

-Con mà không nhận cha ? Sao vậy ?

Tài xế Chi ra vẻ sành đời :

-Nhiều nguyên nhân lắm bố ời. Nào là có ngài hồi kết đem bà vợ do cơ quan cưới từ Bắc vào, bà vợ cũ và con cái không nhìn ; nào là có ông quan to nón cối súng ngắn súng dài đầu dấm đứng ra bảo lãnh đứa con đang học tập cải tạo. Vậy là hai đảng ô rờ lui, ba đường ba, tui đường tui, tình nghĩa đen thui của cha con mình có thể thui ! Ôi thôi, cả một ngàn lẻ một cái « nào là ».

Đến đây thì nét mặt ông già hình như chùng xuống, ông lia lịa vò vò mấy sợi râu rồi không nói không rằng ông đứng lên định bước ra khỏi quán. Ông Năm kịp nắm tay ông già giữ lại :

-Ừa ? Đi sao ông anh? Ngồi cho hết mưa cái đã.

Ông già cố rút tay về. Ông Năm phải buông tay ông già để lấy trong túi áo tờ 50 đô-la đưa cho ông già. Thật bất ngờ, ông già cầm tờ giấy bạc để trên bàn, nhìn thẳng vào mắt ông Năm, nói từng tiếng:

-Tui không phải là người ăn xin. Không có danh nghĩa là kẻ ăn mày nên tui không nhận của bố thí. Xin lỗi.

-Không, đây là tôi tự nguyện giúp đỡ ông anh chút ít hút thuốc lá mà.

Ông già chừng như không muốn nghe thêm. Ông bước ra khỏi quán, vắt cái bọc ny lông, dòm hai đầu quốc lộ rồi bước qua bên kia đường. Bóng ông khuất giữa hai hàng xoài dưới trời mưa lất phất.

Nhìn cái vẻ tiu nghỉu của ông Năm, bây giờ ông chủ quán mới buông tờ báo, rời võng đến bên ông Năm, cắt nghĩa:

-Ông đừng ngạc nhiên. Ông Hai Cọp là như vậy. Ông không bao giờ nhận sự thương xót của ai. Ông còn có cái mộng khác người là lượm hết rác của cái xã hội này, cho nên chung quanh căn chòi của ông đầy những rác, thượng vàng hạ cám. Ông nói một ngày không còn đất chứa rác, ông sẽ đốt. Có người thắc mắc hỏi :« Như vậy là ông đốt cái chòi của ông luôn sao ? » ông Năm không ngần ngại : Đốt luôn. Cái chòi mình nằm giữa một đồng rác to tổ bố của cả nước thì còn tiếc cái gì nữa. Cái nhà lầu cũng không tiếc. Ông anh và chú tài nghĩ coi : Nhiều lắm là ông Hai sống thêm chừng mười năm nữa, không biết ông sẽ hốt hết rác hay đồng rác sẽ mọc tay mọc chân tiến qua phía bên kia đường, chôn luôn căn chòi của ông Hai lúc ông đang lum khum trong chòi, chưa kịp đốt lên cái môi lửa.

Ông Hai Cọp ? Hai Cọp ? Ông chủ quán mới nhắc tới cái tên này, phải không ? Ông Năm bóp trán. Hai tiếng này bỗng hiện ra trong đầu óc ông Năm, mới đầu còn lơ mơ, sau rõ dần, rõ dần. Hai Cọp. Cái tên Hai Cọp hiện ra cùng với cái tên Tây Râu Đỏ và trận đánh đoàn công-voa của

Tây. Hơn nửa thế kỷ rồi ! Đứa con của Cái Răng trước sau vẫn vậy.

-Đúng rồi. Đúng cha này ! Hèn chi!

Ba người trong quán không biết ông Năm nói cái gì. Nhưng ông Năm biết ngày mai ông chưa về Mỹ được. Ông muốn trở lại đây một lần nữa.

Rớt xuống từ trời bây giờ là cơn mưa lớn. Những giọt mưa như những giọt lệ sót thương cho một đất nước đầy rác mà ông Hai Cọp suốt một đời phục vụ và ông Năm đã nửa đời bỏ lại.

(để tặng những người bạn Cái Răng và anh chị Huỳnh)

THU HUƠNG

màu nhớ

Bà và ông đi bên nhau trên con đường mòn trong cánh đồng hoang khô cằn.

Cuối tháng mười một, trời vẫn còn ấm khoảng 70 cho tới 73 độ Fahrenheit. Bà nhìn chung quanh cánh đồng bao la, gò cao thấp vàng một màu cỏ khô. Thỉnh thoảng vài cây cao đứng trơ vơ. Bà đang nghĩ đến rằng cây rộ nở các chùm hoa nho nhỏ như các hạt ngọc trai màu vàng nhạt, mềm như bông gòn, trong các công viên hay dọc các con lộ ở Phoenix. Hoa nở từ xuân cho đến cuối hạ. Bà để ý tìm, nhưng chưa thấy ai trồng nó khu bà đang ở. Các bông hoa tròn tròn nhỏ trên các cành lá xanh thướt tha cho bà niềm vui là lạ. Nhìn hoa bà tìm thấy một chút gì thân quen. Màu vàng ngọt ngào ấy đang đưa bà vào vùng kỷ niệm đã hơn ba mươi năm bà dấu kín. Màu vàng, màu hoa, màu quế hương, màu cờ nằm đâu đây trong tiềm thức.

Bà vừa đi vừa nói to cho ông nghe như sợ giọng nói bà biến trong cái bao la của sa mạc:

- Thiết tội nghiệp ba cái cây agave. (Một loại dứa dại rất thấp, lá to bản có răng cưa hai bên lá và đầu lá rất nhọn. Đến tuổi trưởng thành, một chồi non trở to tròn như một thân cây nhỏ, thẳng lên trời, có khi cao tới ba mét. Cây có thể có tới mười mười lăm cành hoa trở ngang mang các chum hoa dài khoảng ngón tay màu vàng nhưng. Ông bướm chim lao xao chòn vờn để được hút mật hoa. Khi hoa tàn, cây chết khô nhưng vẫn thẳng đứng giữa sa mạc. Người nơi đây đặt tên Agave là hoa thể kỷ.) Chúng phải đợi hơn sáu mươi năm để ra hoa.

- Giống mấy con cá hồi tiểu bang Washington của mình vậy. Tôi nghe đâu năm năm sống ngoài biển, chúng bơi ngược dòng về con lạch cũ, giống như nơi chôn nhau cắt

rốn của nó. Minh mảy da dễ rách tươm rướm máu, thân lơ dờ nằm thoi thóp bên cạnh các tảng đá trơn rêu trong rạch cạn, để một bọc trứng cho con đục nhả nhớt bao kín chờ ngày nở. Rồi cả con đục lẫn con cái chết rục làm mồi cho ba con quạ hay bầy hải âu

- Thiệt tội nghiệp. Thôi ! Tui và ông không nên ăn cá nữa. Tui thấy mình tội lỗi quá hê. Ông có nghe huyền thoại “cá vượt ngũ môn” thành người hay tiên thánh gì đó về trời? Không biết agave sau khi phô diễn vẻ đẹp tuyệt vời, rồi chúng đi về đâu hả ông. Để tui vào nét kiếm ba cái huyền thoại coi người ở đây có giống ông bà mình không hê.

- Bà thì lúc nào cũng vậy. Hơi một chút là vô nét.

- Tui có cảm tưởng nét giống như Oracle, cho tui biết những gì tôi không biết. Ông hay cần nắn tui hay hỏi ông những cái tầm xàm bá láp. Ôi cha! Xứ gì cây cỏ toàn gai vẫy ông địa ơi.

- Ý bà nói tui mập phải hôn?

- Rồi! Rồi! Tự ái đầy bụng rồi đó. Ý tui muốn nói khác xa 360 độ trong bộ óc của ông. Tui với ông đi hơn hai tiếng mà toàn thấy các bụi gai lá rụng, cành cứ vươn ra như níu kéo tui lại. Ông thấy đó toàn các bụi xương rồng xanh mướt gai nhọn hơn ngón tay, lại còn xương rồng Cholla gai tua tủa như tóc, lúc nào cũng muốn nhảy à(cholla là loại xương rồng hay gãy, cho nên nhiều người đi gần cành gãy gai dính chặt vào người đau đớn và khó gỡ ra). Còn các cây xanh đậm gai dài kia tên là gì vậy ông?

- Bà là người nhớ tên cây tên hoa chim bướm. Bà hỏi tui thì cũng như không. Tháng này làm gì có hoa bướm hả bà. Bà quên rằng tui với bà thấy hoa vàng nở ngập sa mạc vào đầu tháng năm mỗi lần ngủ ngoài trời đó thôi . Nhờ có các cơn bão kinh hoàng từ Thái Bình Dương nên sa mạc được tưới nước cho nên càng lụt lội sa mạc càng có nhiều hoa đẹp, màu rực rỡ bà quên hay sao. Còn bây giờ , mới có tháng mười một hà. Bà còn nhớ năm 2005 mưa

bão lụt lội, có các loài hoa chưa nở cả mười năm hay hơn, ngập tràn sa mạc. Du khách trên toàn thế giới về đây ngắm hoa đó thôi.

- Hèn chi tui nhìn đui con mắt mà có thấy gì.; Đấy ...đấy ...nó đâm chân tui đau thấy mồ, mấy cái gai chết bầm này nó chui qua vớ thiết hay. Tui lờ nó đi nhưng nó càng làm tui đau hơn.

- Trời! Bị gai đâm thì phải lấy nó ra. Lì như thế có khi đi nhà thương. Này mà không phải gai của agave chứ. Gai độc lắm, có thể chạy vào mạch máu chính rồi vào tim. Bà nhớ Mary, bà y tá mình dùng com hôm trước đó. Chỉ có cái gai agave đâm vào ngón cái mà nó làm mù cả ba tháng và qua bốn lần giải phẫu mới lấy nó ra được đấy.

- Hồng có gì mà ông hù tui. Tui có mang cái nhíp nhỏ lông mày đây nè...nó chỉ là gai của cỏ tumble weed thôi. Lạ thiệt, cỏ lăn(tumble weed) ở Nga thì mượt mà mềm mại ngon miệng cho bò, ngựa mà qua đây nó độc thể hả ông. Với các cơn bão gió của trời đất, cả lục địa Mỹ châu là thiên đàng của cỏ tumble ông à. Ai xem phim cao bồi miền viễn tây, mỗi lần có đấu súng giữa các tay lạng từ thiện xạ, mọi người sợ hãi chạy trốn trong nhà. Xạ trường lúc đó chỉ có bụi cát, và các bụi cỏ lăn bị gió thổi lăn nhanh trong hoang vắng.

- Giống như các bụi hoa vàng scotch broom ở tiểu bang Washington mình. Bên Scotland loại này có hoa vàng như hoa muồng hiên và đẹp, qua Mỹ nó lan tràn khắp đó đây, khổ cho người bị dị ứng mỗi khi phấn hoa bay trong không. Không phải cái gì vớ tới Mỹ cũng trở nên tốt đẹp cả.

- Ông ơi! Có lẽ cỏ lăn, và cỏ chổi(scotch broom) không hợp thủy thổ, thời tiết nên đổi giống. Sao tui nghe các dàn nhạc lớn, các nhà soạn nhạc lừng danh, các khoa học gia đại tài, các người danh tiếng từ Nga, Đức, Do Thái chạy qua Mỹ hết vầy ông.

- Họ cũng như vợ chồng mình, yêu thích tự do. Mỹ luôn

luôn là đất hứa, là mecca cho tất cả những ai tìm đến đây với bất cứ lý do nào. Cho nên Mỹ có nền văn minh tạp chủng. Tạp chủng đúng nghĩa của nó rất hay. Mỹ như một cái hồ cạn, mỗi cơn mưa nước chảy về, và cứ như thế, con người bị đàn áp, bị đẩy dọa, nhất là nhân tài được trọng đãi, được đón nhận với lòng kính trọng vẫn mơ về miền đất này. Các ban nhạc chỉ nổi danh khi vào đất Mỹ chẳng hạn như Beattle với John Lenon, Bee Gee và nhiều ban nhạc khác nữa. Bà còn nhớ cái máy slot machine đầu tiên ở sông bài, phát minh bởi anh chàng trẻ tuổi người Nga sang Mỹ lập nghiệp đó thôi.

- Ông nói tui nghĩ cũng đúng. Tui mê sushi của Nhật, Enchilada và Salsa của Mễ, Bơ Pháp, phô ma Ái Nhĩ Lan, Fettucine Alfrado của Ý, thịt cừu nấu kiểu Ấn độ, canh chua Thái, mắm Việt Nam.

- Bà quên thịt nướng của Đại Hàn à. Thức ăn Phi, Indonesia vân vân và vân vân...

Tiếng hai người vang trong sỏi đá khô cằn giữa các bụi gai như trên đồng hoang, phần đất bao la của châu Mỹ còn hoang sơ như trước thời Columbus đặt chân lên đây.

- Ông à. Chiều nay vợ chồng mình có món thịt bò hầm với khoai Mỹ.

- Bà nói gì. Tui không hiểu.

- Tui nhớ khi thuyền chài Columbus từ Spain được phép nữ hoàng dong buồm đi thám hiểm thế giới. Đến châu Mỹ, Columbus không tìm ra vàng mà đào được ít khoai ăn thử thấy ngon cho cái tên cũng ngộ ngộ, les pomme de terres, trái táo đào từ dưới đất, chứ không treo toòng teng trên cành như trong vườn táo Wenatchee trên triền đồi nhìn xuống dòng sông lớn Columbia miệt đông tiểu bang Washington. Nghe đầu thổ dân da đỏ gọi nó là wapato ...wapato rồi quý vị da trắng đem về trồng, quên cả nguồn gốc đặt cho cái tên lạ hoắc là Potatoe. Thấy nực cười quá hà. Của người lấy làm của mình sướng hên. Tui lại tưởng nó qua xứ mình do mấy thằng Tây nên mình gọi nó là

khoai của mấy thằng cai trị mình. Nay tui sẽ gọi nó là khoai Mỹ cho đúng với lịch sử của nó.

- Bà làm tui tức cười. Lúc nào cũng thích ba cái chuyện ngược đời.

- Nhờ nét đó ông à.

- Hay vậy. Bây giờ mỗi lần đi hiking hay đi các nơi mới bà đọc bản đồ, để tui có làm sao bà lo được.

- Hồng được đâu. Đang đi giữa sa mạc mênh mông, ông hỏi tui hướng nào tui còn hông biết. Tui không giúp ông được, tui chỉ có thể nói chuyện tầm bậy tầm bạ cho ông tỉnh để lái xe thôi. Sao ông không mua cái GPS(Global Positioning System. Hệ thống tìm phương hướng toàn cầu, dùng 24 satellite bay trên quỹ đạo. Khởi đầu Bộ Quốc Phòng Mỹ dùng. Tổng thống Reagan biết rằng GPS rất cần cho tất cả mọi người. Reagan đề nghị cho phép dân Mỹ dùng, và trở nên phổ biến trên toàn cầu)cho mình khỏi lạc. Đâu cần cái đầu nhớ nhớ quên quên của tui.

- Ủa! Nhớ vào nét tìm hiểu về sa mạc Sonoran rồi tui khảo bài bà.

- Dễ ị. Này nhé tui và ông đang hiking trên Sonoran nhen. Ông nhìn đây là xương rồng Cholla, prickly pears, kia là Palo Verdes, tumble weeds

- Bà hay thiệt nhớ đừng cho Cholla nó ôm bà nhe.

- Còn lâu nó mới nhảy sang tui được, tui ghét nó lắm. Tui thích xương rồng saguaro sống hơn trăm năm, cao hai ba từng lều hay organ pipe với các thân thẳng đứng như các ống đồng của các ống đàn organ vĩ đại trong các nhà thờ. Chúng cao và đẹp quá ông à. Tui chẳng thấy cây nào vậy.

- Saguaro ở cao độ 1500 ft gần Tucson, trên đường từ Phoenix đến Sedona hay biên giới Mexico và Arizona. Đọc cái mục hoa cỏ dại trên sa mạc bà sẽ thích. Bà biết tuy là sa mạc nhưng thảo mộc mỗi nơi mỗi khác tùy theo địa thế, mưa nhiều ít.

- Tui mới khám phá được một loại hoa tui rất thích ông à.

- Nói tui nghe đi.
 - Mimosa Đà Lạt?
 - Bà ba sao rồi. Định xí gạt tui hay sao. Mà mimosa là hoa gì cả. Tui hông biết hoa đó. Nó nở ở đâu
 - Đầu ông đề ở đâu. Bao nhiêu lần ông lái xe vào Phoenix, mimosa được trồng dọc xa lộ hay các con đường các trung tâm bán hàng. Ông cứ ừa ...ừa. Làm như biết tui nói gì rồi.
 - Bà vào nét, chỉ cho tui nhen.
 - Tui muốn gọi Charles trồng mấy cây này. Nó có thể chịu lạnh ở 10 độ Fareinhet, hy vọng sống qua mùa đông ông à. Cần sẵn sóc kỹ lưỡng khoảng bảy năm, là nó sống.
 - Charles chỉ hứa bồi thường, nếu cây chết trong một năm bà còn nhớ.
 - Ông đừng lo. Tôi không cho nó chết đâu. Tui sẽ quần mền len cho nó ấm những ngày đóng băng (frost) thì làm sao nó chết được. Mimosa của sa mạc này có cái tên lạ hoắc ông à: sweet acacia(Acacia farnesiana) chịu được 10 độ Fareinhet và cây white thorn acacia(acacia constricta) chịu được 5 độ Fareinhet. Theo cuốn Landscape Plants for the Arizona Desert, hoa tròn nhỏ vàng nhạt hay đậm, nở từ mùa xuân sang hạ. Vườn mình sẽ có nhiều bướm ong và chim thăm vườn.
 - Còn hoa nào màu khác không ? Tui thích màu tươi: đỏ, hồng gì đó.
 - Tui sẽ trồng thêm nhiều xương rồng đủ màu cho ông.
 - Chứ không phải cho bà à.
 - Ừa thì ông hỏi tui.
 - Bà thiệt hết sức. Tui nhắc bà là vì bà đòi cây phải có hoa đẹp và không tốn tiền nước, tiền thuê người săn sóc. Còn hoa gì ngoài xương rồng.
 - Ông nói trúng ý tui. Nhưng mimosa là một khám phá tuyệt vời của tui. Có nó trong vườn tui không tiếc nuôi là chưa có dịp đi Đà Lạt.
- Tiếng cười của ông vang động trong cái yên tĩnh của sa

mặc khi ông nghe bà nói đến mimosa cứ như một khám phá mới lạ hay là thị trường chứng khoán đang lên cao độ. Chỉ có cảnh hoa mong manh màu vàng nhạt mà bà nhớ đến Đà Lạt. Còn muôn vàn kỷ niệm trong tim bà, bao nhiêu màu sắc của hoa cho vợ ông cảm thấy thân quen với quê hương thứ hai.

Vừa đi ông vừa nghĩ, ông sẽ trồng các loại hoa bà thích và biến cái vườn đầy sỏi thành một ốc đảo xanh tươi cho vợ. Trong vườn tượng ông thoảng nghe đâu đây bà khoe với ông ...này mắc cỡ , này bông điệp vàng, này bông ngọc lan, này quỳnh, này táo ta và cây vú sữa. Ông nghe tiếng bà trong trẻo reo vui. ..Ông quay lại nhìn bà âu yếm. Ông dừng chân đợi bà còn đang đi xa ông vài mét. Khi bà đến gần, ông gọi tên vợ và cầm tay mềm của bà đưa lên môi:

- Trên đường về vợ chồng mình vào Botanical garden của Charles nhen bà.

Bà cảm động, nhìn ông âu yếm, mắt chớp nhanh. Mắt bà dường như long lanh một màn nước chưa kịp rơi trên đôi má nhiều tàn nhang. Bà quay nhìn núi đỏ xa xa thở nhẹ.

Cornville/Arizona 12/07

HOÀI ZIANG DUY

Mù khơi Quê Ngoại

(tập ghi)

Trong ký ức, tuổi thơ tôi là những ngày sống gần gũi với gia đình. Tôi không có những năm dài ở hai bên nội ngoại như những đứa trẻ khác. Tôi chỉ trở về làng mỗi khi về thăm mộ mẹ, ông bà, nằm trong chu vi phần đất ruộng của nhà. Phía trước là nhà nội, ngôi nhà to lớn mấy gian, xây bằng gạch đá chắc chắn. Thuở nhỏ tôi hay theo cha về đó. Con đường làng, cặp theo bờ sông là hàng cây trồng giữ bờ, làm bóng mát. Ở khu vực nhà nội, tôi không quen biết ai. Dù còn ít tuổi, suốt ngày tôi mê đọc sách. Hồi đó truyện tàu là loại sách hưng thịnh nhất. Tôi đọc đủ thứ, từ Phần trang lâu, Vạn huê lâu, Ngũ hổ bình tây, bình nam. Thuyết đường, Tiết nhon Quý chinh đông, Tiết đình San chinh tây, Thủy Hử Cái tủ thờ lớn, chất đầy toàn bộ sách của Tín Đức thư xã. Mỗi lần đọc xong bộ nào, ngồi trên võng kể lại từng hồi, chi tiết một. Ba tôi khen. Phải chi ông Nội còn sống chắc khoái tôi lắm. Tôi không biết mặt ông bà Nội, ngoài khung hình trên bàn thờ. Tôi không có nhiều kỷ niệm bên mẹ. Một đứa trẻ năm tuổi như tôi, không đủ sức để nhớ về bốn năm trước đó khi mẹ tôi còn sống. Tôi không có cái thú ở quê đồng cỏ nội, theo trâu, bắt tôm bắt cá. Cho nên mỗi lần chiều xuống tôi lại đòi trở về ngôi nhà ở phố chợ. Không hiểu sao tôi sợ cái cảnh điu hiu mênh mông buồn. Bao năm tháng gần gũi bên cha tôi. Người chỉ nói về mẹ tôi mà không nhắc nhiều về bà con bên ngoại.

Mẹ tôi hay quê ngoại tôi, ở làng Vĩnh thanh Vân, Rạch Giá, nơi chốn mà chưa lần nào tôi có dịp về tận mặt nhìn lại. Tôi chỉ biết Di Tư, hay gọi má Tư, là người chị của mẹ. Những năm sau ngày mẹ tôi mất, mỗi lần ở Rạch Gia

lên, hay đi đâu ghé qua nhà, Di hay ôm tôi khóc. Trong đời tôi hình ảnh một người đàn bà lớn tuổi lúc đó, hay sau này má Tư già đi, răng rụng, má hóp vì miệng móm nhai trầu, vẫn là hình ảnh một người đàn bà khó quên với đời sống cô độc ở tôi. Tôi chỉ nghe người kể, hồi trước gia đình nhà ngoại có mấy tàu buôn chờ hàng qua lại Hồng Kông, và cái quai guốc loại nylon, là do nhà ngoại đầu tiên bỏ mỗi bán cùng khắp. Ba tôi lập gia đình với mẹ tôi ở Rạch Giá, các anh lớn tôi đều sinh trưởng ở đó. Cho đến ngày gặp họa, từ mấy con bão làm chìm tàu đi biển, cơ nghiệp đi xuống. Vào thời Nhật đảo chánh Pháp. Cha trở về quê nội sống nơi thị tứ. Ở đó cha tôi lập hãng nước đá Nam Việt đầu tiên ở Châu đốc, giao người anh lớn đứng coi. Rồi làm ăn thua lỗ, do kỹ thuật thô thiển ban đầu thời đó. Rồi phá sản.

Ngày tôi đủ tuổi biết chút chuyện, mọi sự kinh doanh như một thời quá khứ qua đi. Tôi lớn lên, chỉ thấy Ba tôi thuần túy làm một nhà giáo, mỗi ngày đến trường, hay có đi xa là mỗi năm đi gác thi vấn đáp Pháp văn, cho kỳ thi Trung học đệ nhất cấp. Cuộc sống tôi thu mình lại trong cái tình cha con một thời tuổi nhỏ, còn gia đình bên ngoại, tôi không đủ sức nhớ ai, ngoài hình ảnh má Tư.

Cho đến sau này, đôi khi tôi tự hỏi. Sao thời trước không có lần nào tìm hiểu về phía ngoại. Không biết có phải lúc đó, một đứa bé năm tuổi mẹ mất, có biết gì hơn ở sự bảo bọc. Có chăng là những kỷ niệm lúc mẹ tôi còn sống. Còn lại với thực tại, như một cánh cửa khép kín, đời sống gia đình cô độc. Ba tôi ở vậy nuôi con. Tôi không biết gì hơn, ngoài thực tế mỗi ngày mỗi buổi, nhìn, nghe, thấy, chuyện gần bên. Không có mẹ, không có di, không có ngoại. Không có nỗi cảm thông, để chiều chiều ra đứng bờ ao, trông về quê mẹ ruột đau chín chiều. Cái hình ảnh thân quen ngọt ngào đó, ở tuổi nhỏ tôi thấy mình trông vắng thật sự. Nhất là những lúc vui đùa ở nhà bè bạn, nhìn thấy cảnh đời của tình mẫu tử. Tôi chỉ biết một mình đứng lặng

lẽ, hình dung ở một nơi chốn nào đó. Tất cả là những mù khơi, xa xăm không định ước, khởi đầu ở mỗi cảnh đời không hẹn mà đến.

Ở tuổi bước vào bậc trung học, sách nào tôi cũng đọc, không lựa chọn cho tâm tuổi. Tôi hay qua nhà ông bác ở gần bên, coi mấy sách dịch thuật, đọc ké mấy tập san Quê Hương, Bông Lúa với tên tuổi như Vũ quốc Thông, Vũ quốc Thúc, Nguyễn cao Hách. Loại sách chính trị người lớn, không biết lúc đó tôi đọc có thấy thích, và cảm được không, so với bên nhà tôi, các loại sách y học, cổ học tinh hoa. Tôi ngây thơ tin rằng. Đọc sách người lớn để mau có trí thành người lớn, khôn ngoan hơn.

Bài thơ đầu tiên tôi đăng báo là bài Mặt trời đêm, trên báo Tia Sáng, (người chọn thơ, anh Lý dũng Tâm) mở đầu cho các sáng tác thơ truyện đăng trên các báo, tuần san, tạp chí về sau. Phải nói, phần lớn tiền nhuận bút, đã giúp tôi rất nhiều ở thời kỳ tôi còn cấp sách. Đêm nào tôi cũng ngồi viết, việc sáng tác chiếm phần lớn thời gian học hành. Hầu như tuần nào tôi cũng có hai ba bài truyện đăng báo. Dân Ta, Dân tiến, Ngôn Luận, báo Ngày Mới hay báo Sống, Sống Thân về sau, có mục truyện ngắn dự thi mỗi ngày, bài chọn đăng, tiền nhuận bút cho mỗi bài 300 đồng. Thời đó, năm 65, 66 một đồng hồ hiệu Lurant, hay Telda khoảng 380 đồng, may một cái quần tây vải hiệu Tergal, hay Darcron là 350 đồng. Cái cảm giác nhìn thấy bài của mình, nhận lấy đồng tiền từ thành quả đó, phải nói khó mà diễn tả nổi sung sướng tự mình ở bước đầu. Đạo đó phong trào văn thơ nở rộ, kẻ sĩ rất được trọng dụng. Mỗi ngày mở trang báo, là thấy mấy tên tuổi thường xuyên trên trang văn nghệ. Hầu như tỉnh nào cũng có một hai khuôn mặt tiêu biểu. Hơn bốn chục năm qua, tôi còn nhớ một số anh em, tính từ miền Trung vào miền Tây. Nào Trần như Liên Phụng, Hoàng Yên Trang, Hoàng Lộc, Thành Tôn, Vạn Giã, Hồ minh Dũng, Mường Mán, Trần hoài Thư, Lan sơn Đài, Phạm ngũ Yên, Lưu Vân, Trần

kiêu Bạt, Từ kế Tường, Trần dạ Lữ, Triệu cung Tinh, MH Hoài linh Phương, Hoài Dân, Linh Thùy, Hạc thành Hoa, Mây viễn Xứ, Phù sa Lộc, Thy lan Thảo, Triệu uyên Phương, Yên uyên Sa, Thương hoài Diệp. Thời còn ở bậc trung học. Điều làm tôi bất ngờ nhất, là lần tôi được thư của thiếu tá Vũ Quang, giám đốc Nha Tác Động Tâm Lý (thời đó chưa có danh xưng Chiến tranh Chính trị) mời cộng tác. Tôi viết báo nhiều, nhưng không mấy người biết, tôi còn ở tuổi học trò, chưa có thể căn cước, và mấy năm đầu lãnh tiền nhuận bút, tôi phải nhờ ông anh đi bưu điện lãnh ngân phiếu giùm

Thời điểm đó, thầy Cao đình Vưu còn trẻ, mới ra trường, dạy ở trung học Thủ khoa Nghĩa, Châu đốc. Biết tôi là người có nhiều văn thơ đăng báo. Gọi tôi lên hỏi bài Sử. Thầy hỏi cho có lệ rồi chuyển qua hỏi chuyện thơ văn. Về sau, thầy Vưu hay gặp chúng tôi nói chuyện văn nghệ. Tôi còn nhớ, lần đầu thầy đưa bài thơ bầy chữ, khoảng năm đoạn cho chúng tôi đăng ở đặc san Thế kỷ Mới, với bút hiệu Tô Quân. Đây là bút hiệu đầu tiên thầy Vưu làm thơ. Một, hay hai năm sau, thầy đổi đi, rồi nhập ngũ. Chúng tôi không còn gặp lại. Thời gian lâu sau, thấy bài xuất hiện trên tờ Nghệ Thuật với bút hiệu mới Cao thoại Châu.

Năm tôi vào quân trường Bộ Binh Thủ Đức. Anh Nguyễn tường Thiết (thế cho Trung úy Liễu, tức họa sĩ Trịnh Cung đi học khóa tham mưu) phụ trách báo chí của trường BBTĐ, xuống tìm tôi mời vào ban biên tập báo Bộ Binh (mỗi khóa mỗi ban biên tập). Chúng tôi gồm có Tôn thất Tuệ, Mai kim Đình, Tống ngọc Hùng, thuộc ban báo chí, ở lại trại, xuống câu lạc bộ mỗi ngày thứ sáu, lo cho nội dung. Nguyễn đức Quang cùng khóa lo bên phát thanh, đi ra ngoài, Mai trung Tinh phụ trách ở đó. Thắc mắc, hỏi chuẩn úy Thiết. Sao biết tôi mà tìm. Anh nói, anh em báo Sống ở ngoài giới thiệu. Không biết là ai, lại không tiện hỏi, nên thôi. Sau khóa này, chúng tôi bàn giao lại cho Mùòng Mán khóa kế tiếp.

Ngày cũ. Tôi không ngỡ ngàng khi gia nhập vào sinh hoạt, giao du với người cầm bút. Nhưng thực sự, ngày đầu tiên về trình diện đơn vị tác chiến. Tôi không khỏi thấy bơ vơ, xa lạ. Nơi chốn không quen, người không quen. Ở đó là một thế giới khác, một thực tế mỗi ngày thấy người chết, người bị thương, máy bay oanh kích khói lửa bom đạn. Máy bay tấn thương chở xác người ra đi, máy bay chở tân binh bổ sung xuống. Dù muốn dù không tôi phải nhanh chóng thích nghi, sống với hoàn cảnh mới. Tôi viết xuống những vần thơ ở buổi chiều đóng quân mắc võng. Những câu thơ thật buồn khi nhớ người yêu, mối tình bỏ lại. Những bài thơ trong tâm tưởng thật âu lo với hình ảnh ba tôi ở lại một mình trong căn nhà cũ. Tôi không làm gì khác hơn với năm tháng qua đi, nhận lệnh, dẫn lính đi đâu, nhảy toán chiếm mục tiêu. Chiến trường đào tạo trong khổ nhọc, như bao người sĩ quan khác để trở thành đơn vị trưởng chiến đấu sau này. Đòi lính, không ai không trải qua những thử thách, sống dở chết dở, bỏ mặc thân, không tưởng là mình để chịu đựng sống cùng đồng đội, nghịch cảnh. Tất cả rồi sẽ qua đi, khi ở đó mỗi người chúng ta cùng chung một lý tưởng, bảo vệ sự sống còn cho chính bản thân, đất nước mình.

Trong đời qua, tôi biết mình có khuyết điểm là, cho dù ở hung hiểm gian nguy, tôi vẫn bộc lộ cái lãng mạn trong tâm tưởng, rất dễ thiệt thân trong lúc hành quân. Đó là lúc, bất chợt một nơi nào đó. Ở đồi cao buổi chiều xuống thấp, nhìn thấy mặt trời bên kia chân núi, hay buổi chiều mắc võng nhìn cảnh lặng lẽ hoang vu. Cái cảm giác lãng mạn, điu hiu buồn. Trong đầu tôi mấy câu thơ dễ dàng viết xuống. Hay lúc hành quân sâu ở rừng U Minh thượng, hạ, mịt mù rừng mây dày đặc chắn lối cản chân, chặt cây mây mà đi, đi không thấy ánh mặt trời. Lúc ra được khoảng không, băng qua đồng trống, đang chuyển quân, gặp gió, gió khô nắng, hay từ cánh quạt trực thăng xuống tàn thương, tiệp tề. Bất ngờ một đầy lửa bật lên, phụt cháy

nổi dài rần rần như một đường nương lửa. Dưới chân là đất, một loại đất xôm xộp chìm sâu có nhiều tạp chất lân tinh dễ dàng bốc cháy hàng dãy khi có gió, hay khởi động hàng loạt bước chân khua. Không thấy nước, không thấy rũa rần gì hết. Tìm được nước, chỉ có từng vũng ở từng gốc tràm, nước đen kịt một màu đen. Khát cũng phải uống, bỏ vào viên thuốc, chờ lắng xuống gạn lọc. Đời lính tác chiến, mỗi nơi một địa chỉ không quên. Cái đẹp hào hùng mà quanh hiu. Tất cả tiềm ẩn ở tâm tư, hòa trong cái chất thơ tưởng của người cầm bút để thành bài viết sau này.

Tháng năm hành quân, xương máu của tình đồng đội. Chiều nay chôn này, ngày mai không biết đổ xuống đánh đâu, lưu động cho mười tám tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Buổi nay đang ở núi Cô Tô, ngày mai ở Hậu Mỹ, xuôi Kiến Hòa. Một ngày bắt đầu bằng buổi sáng nhận lệnh, qua máy truyền tin, vẽ trên phóng đồ. Đêm, đâu phải lúc nào cũng nằm thẳng chân yên tĩnh.. Đôi khi ngồi bó gối ngủ nhiều ngày trên chiếc nón sắt, mỗi người rải ra trên một gốc cây nhô lên, chung quanh là nước mênh mông, gió biển thổi vào vùn vụt lạnh căm, như lần bao vây chiếm lại núi Mo So. Những diễn biến thâm sâu vào máu, vào da thịt, vào linh hồn, vào thân phận của người biết cầm bút. Viết gì. Nói gì?. Chúng tôi nói giùm người lính vô danh, nằm xuống, sống còn. Nói giùm tiếng kêu tuyệt vọng trước sau cũng mất miền Nam. Bởi người lính miền Nam chỉ chống trả, chỉ bảo vệ phần đất. Nói rõ ra, trò chơi chỉ thủ mà không công, không Bắc tiến. Nghĩ lại đứng ngoài mà coi. Kết cục chỉ là sự chịu đựng sớm muộn ở thời gian, không công bằng ở một mưu đồ chính trị toàn cầu.

Tôi sống suốt cả quãng đời lính ở đơn vị chiến đấu. Hành quân về, ngày đi rong, tôi một mình ngồi xuống viết bài gửi cho các tạp chí ở Sài Gòn. Ngày trước viết tay, rồi gửi qua đường bưu điện. Không biết sao hồi trẻ tôi say mê

công việc này. Phải chăng ở đó là người bạn tâm tình duy nhất với bản thân mình. Phải chăng ở đó là một đời riêng. Mỗi lần về phép Sài Gòn, ghé qua tòa soạn lãnh tiền nhuận bút sông phẳng. Nhờ vậy tôi mới biết các anh Trần đức Uyển, Thanh Nam, Trọng Nguyên, Hoài điệp Tử, Thế Nguyên...Tôi không cộng tác, liên hệ với phòng báo chí Sư đoàn, cho nên ở đơn vị không mấy người biết tôi viết lách, mặc dầu tôi có tên trong hội văn nghệ sĩ quân đội.

Về. Nói tiếng về, nghĩa là trung bình sau sáu, bảy tháng chúng tôi mới được trở về hậu cứ trọn bốn ngày. Ngày thứ năm lại lên đường. Thời gian đối với gia đình thật chật hẹp thế nào. Về phép là phải trở vô hành quân, có người thể, trực thăng mới bốc ra sau. Đời sống là vậy. Thử hỏi, phải nghĩ thế nào, nhìn lại bản thân mình.? Thú thật hồi đó, tôi không nghĩ gì hết. Đi hành quân coi như nghề nghiệp. Về thành phố nghỉ ngơi rồi nhớ núi, nhớ rừng, nhớ sinh lý, nhớ cái tình đồng đội sống chết, cực khổ không nở bỏ nhau. Nó gắn liền với chữ nghĩa, với nỗi cảm thông, với mỗi chân tình văn nghệ, lúc nào cũng đeo đẳng, bên nổi chết không rời.

Về . Cũng một chữ ngắn ngủi đó. Nhưng lần này lại khác. Tôi về lại quê hương, từ đường bay ở nửa vòng trái đất. Về đứng trước ngôi nhà, ngõ không phải của mình. Đâu rồi những thoáng mát, via hè, hàng hiên, con đường yên tĩnh. Tôi như người khách lạ, ló ngó. Chính chỗ này tuổi thơ tôi lớn lên, đầy ắp kỷ niệm. Vậy mà bây giờ tất cả nhìn tôi đứng đưng không quen biết. Vậy rồi chữ về hôm nay, tôi làm người khách trọ, sống lại đời sống tôi, chừng như quê hương không phải là của mình. Trong chừng mực, khách sáo, thu mình. Họ hàng láng giềng không còn ai. Những người lạ đã thế chỗ. Bạn bè tìm gặp nhau, chỉ nói chuyện năm xưa, mái đầu đã bạc. Biết bao điều dâu bể tang thương không thể viết ra, viết hết được. Thì thôi . Nhìn nhau, hay nhìn lại chính mình. Thực tế đời sống. Quê nhà tôi là như thế đó. Quê nhà anh cũng chỉ vậy thôi.

Một lần lựng khựng băng qua đoàn xe gấn máy, để qua bên kia đường. Nhìn đường phố Sài gòn, người đông hai chiều xuôi ngược. Bất chợt, như thấy một điều gì. Một lúc, chừng như trong khoảnh khắc làm tôi khựng lại. Trong đầu tôi. Ai nói giùm tôi. Đất nước của mình, thành phố của mình. Tại sao lại mất hết. Vì sao lại bỏ nước, sống nơi xứ người. Tôi cảm thấy trong tích tắc, tìm mình thất lại. Buồn vô cớ mà rõ lòng nhau để nhận thức một điều. Không còn. Không phải của mình năm xưa. Đó là lần đầu tiên, và hình như chỉ một lần ấy thôi, tôi sống thật với cảm giác của chính mình.

Bây giờ, hơn ba mươi năm qua, nước mất, nhà tan, nổi trôi mỗi phận người một cảnh ngộ. Đã qua rồi một thời, có buồn có vui, có quên. Nhưng nỗi xót xa mỗi lần nghĩ đến, vẫn là nỗi đau chung, khi tất cả những người cầm súng, anh em chúng ta bị phản bội. Mất hết. Xa rồi.

Quê ngoại, cho đến giờ tôi không biết gì thêm, mà đi xa hơn nữa. Tôi đi xa hơn từ một miền đất nước, xa thuở ấu thời, xa chính chiến loạn lạc, xa thuở tù đầy cải tạo. Còn lại, còn chẳng một thân thể với thương tích ở chiến trường, với bệnh tật từ đời sống mất nước. Nó tồn tại, hoành hành ở tuổi đời ngày một thêm lên, nói chuyện thuốc men với người đối mặt. Còn chút an ủi, nao lòng khi nói chuyện văn nghệ cùng anh em trên xứ người. Những người cầm bút năm xưa, kẻ còn người mất. Người tiếp tục, người bỏ cuộc. Quen hay không quen, biết tên, hay không biết mặt. Các anh cũng về phía ngoại tôi. Ở đó dù xa, nhưng biết đâu có ngày, có cơ hội tìm ra thân thích trùng phùng. Còn bây giờ chốn này, nội không, ngoại cũng không. Chúng ta gầy lên gia tộc mới. Trông về quê ngoại, có xa tíit mù khơi. Tìm cái tình ruột thịt. Sống tình bạn hữu văn nghệ mười phương. Hơn bốn mươi năm qua, cây bút đưa lên, bài thơ viết xuống. Tôi vẫn nghe, thấy. Tiếng người, tiếng đời. Canh cánh bên lòng. Chân thật chờ mong.

CAO VỊ KHANH

Có lời nào thiệt hơn

có lời nào không thiệt
khi trí nhớ bỏ quên
trong trái tim thất lạc
bỗng trở lại, bình yên

có lời nào không thiệt
khi môi ghé, tình cờ
trên đầu hôn tưởng vọng
mà chợt khóc, bơ vơ

có lời nào không thiệt
khi tay đốt lầm than
bỗng no nê da thịt
mà lệ đỏ ứa vàng

có lời nào thiệt hơn
như lời tôi yêu em
khi banh da xé thịt
thấy giọt máu đứng im

có lời nào thiệt hơn
như lời tôi yêu em

Từ tổn

Cho tôi làm giọt nước
Trên mình em, lang thang
Qua đời non cỏ mượt
Xúm xít cụm hoa ngoan

Tôi sẽ lặn thật chậm

Dấu tích

Có ngón tay bỏ sót
Trên mình em đêm qua
Ngại ngừng thu giấu hết
Những ân tình xót xa

Có con mắt bỏ quên
Giữa tim em ký ức
Nhìn đi, nhìn thiệt kỹ
Từng nổi nhớ li ti

Có dấu môi bỏ lạc
Trên gấn cổ không phai
Ngày mỗi ngày, dấu lạ
Tình mỗi lúc, một đầy

Có ngón tay bỏ sót
Giữa đời nhau, ai hay !

võng gai

cảm tạ em yêu dấu
đã cho anh đắm say
trên võng tình thân ái
mắc từng sợi đắng cay

tsunami

trong tay ta đêm nay
em khóa thân tình nữ
thịt da mùi quyến dụ
từ cỏ bụi thiên đường

ta bung thù chẵn chiếu
em chênh mảng xiêm y
nằm nghe tình yêu dậy
như biển ghệt sóng ghi

nở trắng một thỉnh không

em cho ta đắm đuối
trên chót đỉnh tuyệt vời
em cho ta rụng rời
dưới mượt mà thung lũng
ơ tình gần cách núi
mà tình đầy theo sông
ơ tình em vời vợi
ơ tình em mênh mông
em theo ta xuống xuôi
em theo ta lên đồi
em cheo leo quá đỗi
sao vẫn mềm như bông
ta yêu nhau có vội
vẫn tụ nghĩa đầy lòng
cho nụ đời vô tội
nở trắng một thỉnh không

KHÊ KINH KHA

C h i ề u T h u H o a n g

chiều rơi chậm
mưa bay bay gió lạnh
mùa thu mệt mỏi
lá đã khô
vàng rơi đầy lối

bước về một mình tôi
nghe xác xơ ngọn cỏ
và hồn tôi co ro
cuối mặt
khóc
vì sáng nay
khi sương còn đọng ướt
trên cành khô trĩu lá
khi mặt trời chưa thức giấc
khi tác café chưa pha xong
và nhật báo chưa kịp đọc
em đã từ giã cuộc tình tôi
không một lời phân giải
không một nụ hôn chào biệt
dừng đứng và dừng đứng
lạnh lùng và lạnh lùng
như dòng sông nước chảy
về một phương trời xa xôi

thì thôi em đã đi
mang theo một nửa hồn tôi
mang theo một nửa tim tôi
mang theo một nửa đời tôi
và bây giờ
một nửa nơi đây
tàn tạ như chiều thu hoang này
em ơi

TRẦN MỘNG TÚ

Đ ọ c “ Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến” (*)

Gửi Trần Hoài Thư

Em úp mặt vào trang giấy trắng

đọc những bài thơ viết giữa chiến tranh
em thương những tình yêu khép mắt
thương những nỗi buồn vàng ngón tay anh

Mỗi trận đánh mang một tên riêng
nhưng nỗi buồn không tên gọi
anh giờ mãi tay ra
không với được hòa bình
vuốt mặt thấy đời mình như rừng đang cháy
những tàn tro
thương tích bật thành thơ

Bây giờ tìm anh biết tìm ở đâu
trên đỉnh Trường Sơn
hay vũng lầy Đồng Tháp
mặt trận đã yên thời gian mục nát
có ai vừa cúi nhặt
được câu thơ

Giải khăn tang mấy mươi năm vàng ó
mấy mươi năm mà vết sẹo còn mưng
mở những trang thơ
rào rào tiếng đạn
bay vào thành phố
như tiếng vỗ cánh của bầy chim ung

Thơ cầm súng trên mộ phần
người lính trẻ
giấy *saut*, nón sắt xếp thẳng hàng
thơ vẽ thêm người con gái
hai tay úp mặt
vạt áo nhàu tóc rối dưới khăn tang

Mấy mươi năm bao nhiêu hồn rất mới
đã nhăn nheo theo cuộc chiến hoang tàn

bao đôi mắt sáng ngời vùi dưới đất
trái tim nguyên còn rất đỗi nồng nàn

Mấy mươi năm anh có đời lưu lạc
ở nơi nào cũng cúi xuống nỗi đau
mấy mươi năm em sống đời ngơ ngác
thơ nhật từng câu
vẫn thấy xót thương nhau

Ôi cuộc chiến đã đi qua
chúng ta mất hết

tình yêu
tuổi trẻ
và những ước mơ
thơ giúp em giữ mãi một điều gì thiêng liêng
không mất được
nhưng cũng không tìm lại được bao giờ .

Tháng 1/ 2008

(*) ***Thơ miền Nam trong thời chiến***, Thư Ấn Quán sưu tập và
xuất bản, chủ biên: nhà văn Trần Hoài Thư và bằng hữu

HOÀNG XUÂN SƠN

B à i C a T h u ậ n T h à n h

lồng lộng vào sáu tám . như
rụng xuống một quả sinh từ
ngắt ngáy
năm mươi mười lăm . lất lẩy
đếm xong nợ quý
chép ngày lưu linh
lồng lộng vào gương . chiếu hình
bài ca man rợ khúc tình tứ

trao
(ơ con mắt!) con mắt sôi
bồng . vết cào
tím thâm một vết giải giao đầu đời
lồng lộng lồng lộng (vào) . sân chơi
lò cò . đập mạng
tới nơi
thực thành
02 . dec . 04

LUYẾN LÁY

Em cứ nói vấp . như là
một
nên gấp bội tình ta
đậm
nồng
em đừng nói có thành không
dụng không thành có
sắt đồng cũng tan
cứ trộn lẫn chàng và nàng
trộn yêu thương với
lầm than cuộc tình
cứ nói . nói . đừng làm thỉnh
trời sa sầm mặt
e mình cũng xiêu
lấp bắp . . . như ai . . . nói liêu
yêu . yêu yêu vội
e chiều
dở dang
oct. 07

KIỀU MỘNG HÀ

T ì n h C ò r

Ta về lặng lẽ như sông
Nghe con thác đổ hư không chuyển mình
quẳng vai gánh tạc thánh kinh
khờ con mắt mở, vô minh dính đầy

Ta về dếp rách chân trầy
Mới hay hạt bụi hao gầy hơn xưa
Mười năm quên chuyện nắng mưa
Ta và hạt cát mới vừa hồi sinh

Ta về bão nổi thành linh
Nghìn con sóng vỗ thất kinh đất trời
Đội mưa theo trẻ rong chơi
Cây mừng chào hỏi, hoa cười tặng hương

Ta về tìm hạt kim cương
Lúc xưa tưởng đá nên thường bỏ lẫn
À ha! Phải hỏi vàng trắng
- Ở viên ngọc đỏ người cầm trong tay

Ta về vườn cũ lá thay
Xuân phai mấy bận cành mai vẫn còn
Bàng hoàng đứng sững, chân chôn
Câu kinh lời kệ lảng trơn đầu rồi

Ta về, ta gọi ta ơi
Ai ngờ thấy lại cái thời bé thơ
Ta về như chuyện tình cờ

VƯƠNG HỒNG NGỌC

M ù a Đ ô n g C ò n X a n h

Em đang đứng giữa mùa Đông giá lạnh
Đưa bàn tay đón ngàn cánh tuyết rơi
Những bông tuyết mong manh như hạnh phúc
Bàn tay gầy chỉ nắm nỗi chơi vơi

Đêm mênh mông mà con đường trắng quá
Em làm sao tìm ra lối trăm năm
Ngoài hiên lạnh sương mờ giăng trắng ngổ
Vàng trắng non về ngủ rất âm thầm

Mùa Đông về phương này trời rất lạnh
Nhớ xót xa màu nắng ấm quê nhà
Lòng đất mẹ anh bình an yên nghỉ
Em xứ người mưa gió cũng dần qua

Mới tháng Giêng nên Đông còn xanh lắm
Không có nhau ngày tháng rộng thênh thang
Một mùa nữa với tháng ngày phía trước
Em xếp vào cát trong tú thời gian

Ngọn gió Đông nghe chừng se sắt lạnh
Tiếng thở nào nghe như tiếng nấc câm
Đêm đã sâu đôi mắt buồn vẫn mở
Tiếng đàn ai hiu hắt nhả cung trầm

LÃM THÚY

Đời Như Những Nhánh Sông

Những nỗi đau nào êm ái
Vẫn còn nguyên đó trong lòng.
Mấy năm, bây giờ gấp lại,
Đời người như những nhánh sông.

Người vẫn môi cười nồng ấm
Ta vẫn mắt buồn trăm năm
Xót xa đời nhau lặn đặng
Ngậm ngùi tiếc nụ tâm xuân!

Ta một đời ru kỷ niệm
Mà nhiều khi cũng buốt tim
Những chiều mây qua đỉnh núi
Nhớ người, ngược mắt trông lên

Ta có đời ta câm lặng
Lâu rồi, sống rất vô tâm
Lâu rồi, thấy mình lạ lẫm
Không còn giám nghĩ xa xăm...

Mấy năm vui chôn thương nhớ
Bây giờ gấp lại, rung buồn!
Những đoá tình sầu đã nở
Và rụng xuống hồn, Ta thương

Chiều nay lao đao tình cũ
Vết thương chưa cạn máu hồng
Chợt thương đời mình hoang phí
Giờ thì, như những nhánh sông...

TRẦN YÊN HÒA

E m, V à M ỹ T h o, V à T ô i

Tôi đến đó bắc cầu yêu em có phải?
Như dề lục bình màu tím trôi sông
Sóng nước Tiền Giang làm tôi tê dại
Bên em tôi dừng chí tang bồng

Vì em tôi làm bài thơ thứ nhất
Như quen biết Mỹ Tho tự thưở bao giờ
Tôi lục lạo trong tôi câu ca dao rất cũ
“Đền Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu.”

Tôi chở em trên những hoàng hôn tình lộ
Trông khói đốt đồng bay tản mạn như mây
Chợt nhớ câu hát quê tình của Bắc Sơn thương rau đắng
Tôi cũng vì em mà thương bến nước sông Tiền

Ơi một thời lưu vong chẳng nơi đất trú
Đã làm tôi thành du tử không nhà
Ngày lưu vong như rút mình ra khỏi vỏ
Không biết quê mình thăm thăm bao xa

Bây giờ có em và dòng sông Tiền nước chảy
Như bến phà đêm đợi khách qua Cồn
Tôi đã lại có thêm Mỹ Tho yêu dấu
Chảy mãi trong tôi những đụn cát hiền hòa

Em là bài thơ tôi yêu quý nhất
Xin cầu kinh sám hối rước em về

UYÊN HÀ

Đ ợ i

Tặng Hoàng Lộc

Tôi đợi lòng bót động
Đến chào em vu quy
Mắt còn cay khói pháo
Khi xe người rời đi

Tôi đợi lòng lắng đục
Đến thăm em chín mùi
Sáng trung vườn kẻ khác
Chói loà linh hồn tôi

Tôi đợi ngày tháng lụn
Xước chân, em trở về
Ngõ lên chùa, nín lặng
Tôi, Em và trúc tre

GIÓ LÊN

Truyện ngắn

TRẦN HOÀI THU

Những ngày vào độ giao mùa. Những ngày có những cơn gió lạ kỳ, bắt một kẻ ham phiêu lãng phải thao thức, nôn nao. Những ngày mà trời đất tuồng như chìm trong một cơn mộng: Bầu trời dịu dàng một màu trắng nuột, và thỉnh thoảng chẳng có lấy một ngọn nắng yếu lả. Rồi hơi lạnh êm ái lại giăng cả lòng phố mới. Buổi sáng đã thấy những màu áo len tô điểm cho những con đường, những hàng cây mờ sương, những bờ tường màu vàng nhạt, những giàn hoa giấy màu đỏ thắm. Rồi những cơn gió kia nữa. Những cơn gió heo may lướt thướt trong không gian, xào xạc những phiến lá khô trên đường, mơn man da thịt con người một nỗi lạnh dịu dàng âu yếm... Những ngày ấy, chàng đã như một kẻ khổ sở nhất thế gian.

Quả vậy, như buổi sáng hôm nay, khi mở ngăn tủ để tìm lại chiếc áo cũ, chàng đã lãng người đi trong giây lát. Lòng chàng như một biển sóng trong mùa gió nổi. Nghĩa là hồi hộp, nôn nao vô cớ. Nghĩa là băng khuâng, xao xuyến, chẳng khác một kẻ vừa bắt gặp lại một kỷ niệm thân yêu nhất của đời mình. Chàng ngần ngừ chưa mặc vội, hai bàn tay chàng như run lên được. Mùi vị toát ra từ chất vải len tuy đầy ắp mốc vì thời gian nhưng chàng lại bắt được một mùi vị quý báu quá chừng. Cả những sợi len màu xám tro kia nữa. Những sợi len mềm mại tuy mất hết lông mịn, nhưng là cả một biểu tượng của tình nghĩa xa vắng đậm đà. Chàng đã xúc động thực sự. Và như sợ người nhà bắt gặp nỗi yếu đuối ủy mị của mình, chàng giả vờ đóng tủ lại và soi gương, chải đầu. Chàng nhìn mặt mình trong gương. Chàng nhìn cả thân thể chàng, với chiếc áo ấm màu xám tro trên người. Một nỗi ngậm ngùi lại dâng lên. Chàng thấy mình thay đổi nhiều quá. Từ vàng trán nhiều gợn nhăn, từ đôi má như trũng sâu, từ những sợi tóc bạc bắt đầu xuất hiện. Nổi già nua đã đến như

một thăm kịch không ngờ trước. Chàng nhủ thăm, mới đó mấy năm. Và ngày mai lại thêm một năm nữa lại đến. Hai vai chàng nghe nặng chùng. Tuồng như cả khối không khí mờ nhạt le lói này như một khối đá tảng, hay hơn nữa là một ngục tù cũng nên. Rồi phút xúc động đến rung nước mắt ấy lại qua đi, nhường lại cho những ý tưởng lảng động ngậm ngùi. Chiếc áo ấm tình nghĩa này cũng chẳng thay đổi bao nhiêu. Nếu thay đổi chẳng là cái màu len đã nhạt, sợi tơ đã phai. Vâng, chẳng có thay đổi là bao nhiêu. Chàng vừa ngắm chiếc áo trong gương vừa thăm nhủ với mình như như thế. Hốt nhiên chàng lại thấy bóng mình những năm về trước. Cái bóng của một chàng trai si dại. Cái bóng của những ngày tuyệt vời của cuộc đời. Cái bóng của những ngày nhớ nhung ngăn cách. Cái bóng của những ngày lưu lạc lắm than nhưng cũng là ngày hạnh phúc tuyệt cùng. Vâng, cái bóng ấy, cái bóng mà lâu lắm chàng mới tìm lại. Và nó đã đến trong những ngày cuối cùng của một năm, lạnh lẽo tại một nơi chàng ngỡ là một chỗ lưu thân sau những ngày tháng lang bạt kỳ hồ.

Này, lên đây thì lạnh lắm. Mang lấy chiếc áo tao. Mạc vừa nói vừa cởi áo ấm. Chàng vẫn từ chối: Để mày mang trong mùa lạnh này. Mạc vẫn khẳng khẳng: Mày không nhận tao buồn đấy. Của tao là của mày... Rồi Mạc nhìn ra ngoài đường, đôi mắt xa vắng: Tao đã từng lưu lạc khắp các xứ núi rừng đó. Mùa nắng, thì nắng lửa, mùa lạnh, thì lạnh không ở đâu bằng. Hãy mang đi...

Chàng nghe tiếng thở dài của mình. Trong bóng mờ, chỉ có mình chàng côi cút với cả một biển lòng xót xa... Căn nhà quá rộng, và đầy âm mốc... Những chiếc bàn, chiếc ghế xưa cũ, những câu liễn, câu đối bám bụi, những bàn thờ không đèn nhang mập mờ trong lớp bụi thời gian. Tất cả như hình ảnh của một sự già nua, bệnh hoạn. Đó là cõi hiện tại của chàng, cái cõi mà từ lâu chàng đã thêm khát như một niềm ân sủng. Thật vậy, từ những tháng năm cơ hàn đói rách, lang bạt kỳ hồ, tha phương tứ xứ, chàng vẫn mộng tưởng đến sự dừng lại và ngày ấy đã đến; có nghĩa là: cuộc sống sẽ không

còn trôi nổi nữa, đói rách sẽ không còn hành hạ nữa, cô độc sẽ không còn chế ngự nữa... Mà trái lại, chàng đã đạt được con mộng tưởng ngay trong nhà này. Đằng sau tấm vải hoa kia, là con chàng, là vợ chàng, chốc lát nữa, là một mâm cơm chờ đợi nghỉ ngơi khỏi. Và chiếc giường kia, chàng sẽ đặt lưng, duỗi thẳng chân để qua một đêm bình an... Rồi buổi sáng sẽ đến, một ngày sẽ trôi qua lặng lẽ như một dòng sông không gợn sóng.

Nhưng chính lúc này, là lúc chàng lại thêm khát được sống lại một thời đã mất... Chiếc áo ấm màu xám tro đang mặc trên người chính là một ngọn lửa bão bùng khốc liệt. Khoi từng lớp tro dĩ vãng. Ở nơi đó chính là bạn hữu. Ở đó chính là ngày tháng lặn dần giang hồ nhưng vô cùng hạnh phúc. Ở đó những điều thuộc được san sẻ cho nhau, chiếc áo chiếc quần được chuyển nhau vay mượn. Ở đó, sự khốn khó, bất hạnh được chia sẻ làm của chung, nỗi vui buồn thanh xuân được đồng đều cho mỗi số phận... Rõ ràng cho con người chàng vẫn đầy mâu thuẫn. Con tim chàng vẫn còn sôi nổi bão bùng. Chiếc quần Jean màu xanh nước biển. Chiếc áo len màu xám tro. Đôi giày da cũ mốc. Chàng do dự một lúc. Vợ chàng nhìn chàng ngạc nhiên:

– Anh định đi đâu?

Chàng không dám nhìn lên đôi mắt vợ. Thật sự chàng biết chàng phải yếu mềm khi nhìn những gì trước mắt. Đó là căn buồng cơ hàn, đó là vợ chàng bên đứa con đầu lòng mới mười hai tháng. Thằng bé đang ngủ với đôi má phúng phính au đó vì đã bú no nê. Hai bàn tay nhỏ nhắn của nó được bọc trong bao màu hồng. Cả thân thể được quấn bọc bởi một lớp khăn bông dày cuộn... Còn vợ chàng nữa... Lúc này, nàng đang nhìn chàng, tư hội cũng nên. Và có lẽ, nàng đã khám phá được nỗi lòng chồng. Chàng đã ngồi bên cạnh giường một hồi, chẳng nói năng. Căn phòng tràn ngập một màu điện vàng vọt. Tuy nghèo nàn, chật vật, nhưng nó quả là một thiên đường mà từ lâu chàng đã hằng mơ tưởng khao khát... Những năm tháng luân lạc, đói rách, chàng đã điên cuồng để mơ ước điều đó. Nhưng bây giờ, điều đó đã đến, thì chàng lại không bằng lòng, lại còn sôi nổi ở một chuyến lên đường,

thèm thường, luyến tiếc khi nhìn lại chiếc áo mốc cũ. Hốt nhiên chàng thờ dài. Vợ chàng nhìn chàng, giọng buồn hiu:

– Em sợ khi con lớn lên sẽ giống anh.

Chàng nhìn con. Lời của vợ đúng không, sao chàng cảm thấy mình quá bất nhẫn. Em sợ khi con lớn lên sẽ giống anh... Phải nài sợ. Và đối với tất cả người đàn bà đều sợ như thế... Họ đã có những lý lẽ của riêng họ. Nghĩa là hạnh phúc thu hẹp vào một ý nghĩa đơn giản. Là một mái nhà, một người chồng, đàn con. Là những tiện nghi cần thiết. Là buổi chiều chờ vợ chờ con đi chơi. Họ sống bằng thực tế. Và cả ngay chàng cũng vậy... Giờ đây, chàng mới biết thế nào là ý nghĩa của tiền bạc, cơm áo... giờ đây chàng mới va chạm vào những lo toan thường trực... chàng mới thấy rằng một lon sữa thật là quý giá, và một ngày hút một bao thuốc quả là phí phạm...

Ấy vậy, cứ sao những cơn gió của ngày cuối năm này lại như một lời réo gọi tha thiết, khiến chàng phải hồi hộp, băng khuâng và mơ tưởng đến chuyến lên đường? Và với chiếc áo kỷ niệm này nữa. Nó bắt chàng phải bồi hồi để thèm thường một ngày xa vắng... Chàng cũng không hiểu nổi. Trong chàng có hai xung lực đang giằng co, níu kéo, chàng chẳng khác một kẻ đứng giữa ngã ba đường, một đảng nghe lời giục giã của trời đất, một đảng nghe tiếng gọi của thực tế.

– Em hiểu lòng anh. Anh định chừng nào lên đường?

Chàng cũng không trả lời vợ, vợ chàng nói tiếp:

– Anh cứ đi vài ngày rồi về với vợ con...

Chàng cũng không bày tỏ ý kiến. Chàng quả mềm yếu lắm. Lúc này, chàng mới cảm thấy mình không đủ can đảm để lên đường như giây phút sôi nổi đầu tiên. Tiếng gọi bão bùng, nổi thèm khát ra đi sự kiếm tìm một thời đã mất, đã bị cuộc sống thường tình chế ngự. Nhất là thằng con đầu lòng của chàng. Suốt cả tháng nay, không đêm nào nó ngủ trước 1, 2 giờ sáng. Nó đã kéo theo vợ chàng. Có lần, nàng ôm mặt khóc vì không kham nổi cảnh cực khổ đầu tiên trong đời làm mẹ. Đêm qua, nàng đã bông con dỗ suốt canh, và đến sáng, nàng coi như kiệt lực, buông xuôi.. Nghĩ đến vậy, tình yêu thương vợ càng dào dạt hơn bao giờ. Chàng nắm chặt bàn

tay vợ:

– Không, anh không đi đâu...

– Em không cần anh. Nhưng em biết thế nào anh cũng đi...

– Không, anh sẽ ở lại với em, với con.

Tuy vậy, sáng nay, một buổi sáng cuối năm, với chiếc quần Jean bạc màu... với chiếc áo ấm màu xám tro, với đôi giày lang bạt một thời, chàng lại một lần nữa bị chuyển đi kia ám ảnh khốc liệt. Chàng đã bước trên vỉa hè thành phố, trong cơn lạnh dịu dàng của trời đất, vừa đốt thuốc, vừa co ro... trước mặt chàng là bến sông, ẩn hiện những con thuyền máy, và cuối bờ kia, là một chân trời chìm trong sương khói. Chàng thần thờ như kẻ đi tìm một mùi hương tưởng nhớ. Hai bên đường, những hàng cây đứng lặng, và vỉa hè phủ ngập lá vàng, vài quán cà phê mời mọc. Chàng đi như kẻ vô hồn đến bến sông. Chàng tìm một quán gió, và không hiểu sao, gọi một cốc rượu cay. Đã lâu lắm, chàng chưa hề nếm mùi vị này. Cũng lâu lắm rồi, chàng chưa tham dự một cuộc tình nghĩa. Có lẽ vì nơi đất khách, chàng chẳng có một ai tri âm, mà chàng không thể uống rượu khi không có bạn bè. Ấy vậy, chàng vẫn kêu đề mà độc ẩm. Tâm trạng chàng bây giờ chàng cũng chẳng hiểu. Hay là chàng đang tìm rượu để tiêu sầu, để nhờ rượu mà quên lãng cái ngọn gió heo may chớm lạnh vào buổi cuối năm. Chàng biết giờ này, đám bạn đang chờ đợi chàng ở phương xa. Họ đã viết thư trách móc chàng vì sự vắng mặt tin tức trong những ngày xa cách. Một thằng đã viết: "*Ngày xưa trong các cuộc rượu mày thường hỏi bạn bè là cha mẹ hay vợ con là cha mẹ? Ai công mày khi mày bị thương? Ai mang xác mày về khi mày tử trận. Và mày kết luận là bạn bè... Giờ đây, mày lấy vợ mày quên cả bạn bè... Nhớ rằng dù thế nào đi nữa, bọn tao vẫn chờ mày trở lại một lần, để thay vì mày hỏi mà bọn tao hỏi...*" Nhận được thư bạn, chàng muốn rưng rưng. Chàng thấy chàng có lỗi nhiều quá. Dễ chừng đã hơn hai năm, chàng giấu mình trong ốc vò của gia đình, hầu như chẳng liên lạc thư từ với một thằng bạn nào cả. Đã hơn hai năm, cuộc sống chàng trôi qua bình lặng như một giòng sông, quanh quẩn với cơm áo, với tính toán ưu phiền của cuộc đời. Nhưng lá thư kia đến khiến

chàng thấy mình quá ích kỷ...". Bạn bè là cha mẹ? Hay vợ con là cha mẹ? Dĩ nhiên là bạn bè... uống, uống, để chào mừng bạn bè... " Thằng bạn đã bắt chàng trở lại những tháng ngày xa xưa. Thằng bạn đã khơi dậy con tim từ lâu ngủ yên trong lồng ngực. Và từ ngọn lửa giục giã ấy chàng đến bưu điện cấp tốc đánh một điện tin báo tin chàng sẽ về cùng bọn nó... giờ này, bọn bạn chàng đã nhận điện tin, và chắc hẳn đang sửa soạn những cuộc vui... Nhưng giờ này chàng lại có mặt tại một quán gió cùng với những cốc rượu nồng cay đắng. Dưới kia, giòng sông mờ nhạt, thấp thoáng vài đám lục bình. Con phà trắng đã tách bờ chuyển bến, tuôn lên trời những cuộn khói mịt mờ, rồi tan loãng trong rừng không. Giữa lúc ấy, chàng lại gặp một người quen. Chàng mời hân niềm nở. Biết đâu hân sẽ chia sẻ nỗi lòng của chàng trong buổi sáng cuối năm này? Chàng trao cốc rượu nồng như trao cho một người tri kỷ. Người khách mới của chàng vừa nhận vừa nói:

– Chiều nay moi sẽ đi xa, có đi chơi với moi một chuyến không?

Chàng như vớ được một chiếc phao:

– Cậu đi thật à?

– Thật chứ sao... Moi định ghé nơi này một ít hôm nơi khác một ít hôm...

Rồi hân cười:

– Một năm bù đầu với bao nhiêu công việc, mình phải có vài ngày hưởng thụ chứ! Nếu toi muốn đi, chiều nay ghé nhà moi. Moi có sẵn xe nhà.

– Vâng, mình sẽ đi, chiều mình sẽ ghé nhà cậu...

Chàng hăm hở đồng ý. Đây là chiếc phao để chàng nương tựa bầu vịu. Hân đã trực tiếp giúp chàng giải quyết được tâm trạng ngổn ngang. Chàng nhắc lại thành khẩn:

– Chiều nay mình sẽ ghé nhà cậu, gớm... nghĩ đến những ngày sắp tới, mình vui như uống một cốc rượu quý.

Nhưng chàng lại bỏ cuộc. Buổi chiều chàng không đến như lời hứa. Bởi vì, giờ này chàng đang bông con, đang hát hò, đang tìm mọi cách để dỗ thằng bé ngủ. Vợ chàng đang giặt tả ngoài giếng, hồi hã như thi đua cùng tiếng khóc của thằng

bé... Chàng đã hết đuổi theo những cơn mộng. Chàng đã hết đuổi theo những cơn mơ ước. Với chàng bây giờ, là tìm mọi cách để thằng bé im tiếng khóc. Vợ chàng đã giặt xong, bây giờ đến pha sữa, trong khi tiếng khóc khát sữa của con chàng mỗi lúc mỗi dữ dội hơn. Nàng đâm hoảng, đem bình sữa đi ngâm nước lạnh để mau nguội. Chàng gân cổ hát hò, ngâm thơ Hữu Loan, Dương Bá Trạc: *Hồ trường, hồ trường. Ta biết rớt về đâu... Rớt về Đông Phương. Rớt về Bắc Phương...* Rồi mọi việc đều giải quyết êm đẹp. Nghĩa là cậu con trai đầu lòng của vợ chồng chàng đang đuổi tay đuổi chân thỏa mãn với bình sữa yêu quý của cậu. Đôi mắt thằng bé đen nhánh, tròn vo nhìn mẹ nó. Đôi má phúng phính au đỏ. Hai bàn tay nhỏ nhắn xinh xinh nắm chắc. Chàng thấy lòng tràn ngập niềm vui, và đến khi vợ chàng hỏi: mấy giờ rồi anh, thì chàng mới sực tỉnh để trở về cùng sự thật. Có nghĩa là giờ này chàng biết xe đã lên .đường

Cần Thơ, tháng 11/74

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG VÀ TÁC PHẨM CỦA NHÀ VIẾT TUỒNG ĐÀO TẤN

MANG VIÊN LONG

Đào Tấn là một nhà thơ lỗi lạc, nhà viết tuồng xuất sắc, một đạo diễn tuồng tài hoa, và cũng là một nghệ sĩ tuồng tiên phong trong cách tân, phát triển nghệ thuật tuồng (hát bội) của miền Trung và cả nước vào hậu bán thế kỷ 19 – đầu thế kỷ 20. Ông đã được tôn xưng là hậu tổ của ngành sân khấu hát bội có đền thờ ở Gia Hội, Thừa Thiên- Huế.

Đào Tấn tự là Chi Trúc, biệt hiệu Mộng Mai – khi lên tu ở chùa Linh Phong (tục gọi là chùa Ông Núi) có thêm đạo hiệu là Mai Tăng; sinh ngày 27 tháng 2 Ất Ty (Thiệu Trị thứ hai - 1845), chánh quán thôn Vĩnh Thạnh, xã Phước Vân, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Sinh quán thôn Tùng Giản, xã Phước Hòa, Huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông thi đỗ cử nhân năm Tự Đức 20 (1867), trải qua hơn 30 năm nhậm chức dưới các triều vua nhà Nguyễn, đã từng là Tham Tri, Phủ Doãn, Tổng Đốc, Thượng Thư (cả bốn bộ), Hiệp Tá Đại Học Sĩ (1898), Cơ Mật Viện đại thần...Đào Tấn đã viết (và nhuận sắc) hơn 20 vở tuồng; sáng tác gần 1000 bài thơ, từ, tản văn, liễn đối trong các tập: “ *Mộng Mai Liên Thảo*”, “*Mộng Mai Thi Tôn*”, “ *Mộng Mai Từ Lục*”và “*Mộng Mai Văn Sao*”...Ông mất vào ngày rằm tháng 7 năm 1907, phần mộ được an táng tại núi Hoàng Mai, gần quê nhà- đúng theo sở nguyện của ông đã định trước. Hưởng thọ 63 tuổi (1)

Cuộc đời đa tài và đa truân của ông trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động: quân Pháp từng bước xâm lăng, đặt nền đô hộ; triều đình rối ren, tha hóa; xã hội giao thời đảo lộn, thiện-ác bất phân; nhân tâm ly tán; thì có rất nhiều

lĩnh vực để tìm hiểu, để đào sâu nghiên cứu, để tiếp thu ngưỡng mộ. Nhưng với bài ghi nhận ngắn về Đào Tấn hôm nay, chúng tôi chỉ xin được đề cập, bàn bạc tới khía cạnh khá tế nhị, thường ẩn khuất, bàng bạc; đã là động cơ quan trọng tác động tới cuộc đời và tác phẩm của ông – nhất là những năm tháng cuối đời- đó là: ***“Tâm ảnh hưởng của Đạo Phật trong cuộc đời và sáng tác của Đào Tấn”***.

Khi đang làm quan ở Huế, Đào Tấn có lập nhà hát riêng, ông viết hai câu đối ở cửa rạp:

*“ Thiên bất dữ nhân, tha hưởng mang trung tâm tiểu hạ
Sự đồ như hỷ, hà tu giả xử tiểu phi nhơn ”*

(Thời chẳng cho nhân, tìm chút thanh thời trong bận rộn.
Việc như đùa cợt, lộ cười chỗ giả chẳng là chơn).

Ngoại trừ một vài bản tuồng khởi đầu viết theo các quan niệm *“trung quân”*. *“đạo hiếu”* trong tâm ảnh hưởng của Nho giáo; Đào Tấn đã sớm thấy các học thuyết, xưa cũ của nhà Nho, không còn phù hợp với những biến chuyển, đổi thay của thời thế - nhất là không giúp ông giải thoát các bế tắc trong cuộc sống, cũng như sáng tác; Đào Tấn đã bắt đầu chuyển hướng đến một mục đích thiết thực hơn, chọn *“ Văn dĩ tải đạo ”* để ca ngợi, xiển dương mẫu người cao thượng, anh hùng; đồng thời lên án, nghiêm khắc đả kích bọn gian ác, bạc tình bạc nghĩa trong hầu hết các kịch bản tuồng của ông. Hai câu đối ở rạp hát *“ Như Thị Quan ”* đã ngầm nói lên ý hướng của ông trong việc dùng nghệ thuật để cải hóa, làm đổi thay thực trạng xã hội suy thoái đương thời. Quan điểm về *“ Giả và Chơn ”*, rất gần với ý niệm *“ Hữu vi và Vô vi ”* của pháp không – “ thực tướng” của Đạo Phật.

Ngày còn sống, Đào Tấn đã đi chọn sẵn cho mình một cuộc đất để làm mộ; nhân đó, ông có viết một bài thơ:

*“Nhàn hương Mai phong, bốc thị viên
“Thạch đầu cao cử tiểu vô ngôn”
(Vết trắng sáng xuyên vào khe cửa sổ
Như chiêm bao
Như chiêm bao
Tiếng chuông sớm từ đâu theo gió đến)*

*“Mai sơn tha nhật tàn mai cốt
Ứng hữu mai hoa tác mộng hồn”
(Ngâm Thảo)
Bản dịch của Mịch Quang:
Lên đỉnh núi Mai tìm đất thọ
Đứng trên móm đá lạnh yên cười
Núi mai rồi gửi xương mai đấy
Ước mộng hồn ta hóa đóa Mai.*

Chỉ có những người xem thường sự sinh tử, xa lìa mọi quyến rũ của trần thế, có tâm hồn trong sáng và an tịnh, mới có thể viết nên bốn câu thơ tứ tuyệt thanh thoát, nhi nhiên vừa nêu trên. Đào Tấn đã ý thức sâu sắc về các tư tưởng cốt lõi của Đạo Phật: Khổ, Sinh – Diệt, Luân Hồi, Nhân Quả- Duyên Khởi, Vô Thường; nên đã có lần thốt lên” *“Viên thiếu phiến đa khuyết; Thượng huyền sơ đáo hạ huyền thời”* (Trăng tròn ít, khuyết lại nhiều, mới thượng huyền đầy, đã hạ huyền rồi!)- (Ngu Mỹ Nhân)

Năm Thành Thái thứ 15- đang ở vào tuổi 59, ông đã tự đề thơ lên bức chân dung của mình như sau:

*“Vi tiểu lậu thiên ky
Phong trần khôntg, mẫn y
Linh Phong tam thập tải
Vị kiến thử tăng quy”
(Cười mỉm lộ máy đạo
Bụi đời bám đầy áo
Xa chùa ba chục năm*

Sao chưa về- Sãi lão?)

“*Tiếng chuông sớm*” trong “*Như mộng lệnh*” (2) phải chăng là pháp hỷ tối hậu mà Đào Tấn đã cảm được qua nhiều phen tận mắt thấy “*Đa sự xuân phong xung mộng tán*” (Lắm chuyện đời gió xuân thường thổi tan giấc mộng)? Trong bài “*Tử dạ ca nhi thủ*”, Đào Tấn cũng đã nghe được pháp âm “*Tiếng vọng của non cao*” bất khả tư nghì:

“*Triêu tư xuất tiền môn*
Một tư hoàn hậu chữ
Ngũ tiểu hướng tùy đạo?
Phúc trung âm ức chữ
Dạ trường bất đắc miên
Minh nguyệt hà chúc chúc
Tưởng văn tán hoán thanh
Hư ứng, không sơn nặc”

Bản dịch của Vũ Ngọc Liễn:
(Sớm tỉnh ra cổng trước
Chiều toan về bến sau
Nói cười cùng ai nhỉ?
Thầm nghĩ nhớ thương nhau)

Lần thứ nhất, năm 1884, Đào Tấn xin cáo về quê, lấy cớ là cư tang cha và phụng dưỡng mẹ già – Đào Tấn đã lên ẩn tu ở chùa Linh Phong (chùa Ông Núi); ngày đêm tham cứu kinh sách và học Thiền; qua bài: “*Mai Tăng tiểu chiếu*” vừa nêu, người đọc đã thấy rất rõ “*chân dung*” của ông: một lão tăng an nhiên chờ “đu duyên” để trở về với chốn thiền môn như xưa, an lạc và thoát tục.

Trong thời gian tu học ở chùa Linh Phong không dài (chỉ có ba năm), nhưng với thời gian ấy một con người có trí tuệ, đã kinh qua bao thời kỳ thịnh suy, có tâm hồn trong sáng đầy nhân ái như Đào Tấn; chắc chắn những tư tưởng

siêu tuyệt của Đạo Phật đã đi vào máu thịt và hơi thở của ông – bởi vì, đó cũng là con đường giải thoát tất yếu, chân thật nhất mà ông đã khổ công mới tìm thấy được.

Ông đã viết bài “*Đường Luật ngôn chí*” tỏ bày ý hướng:

“Thập niên hồ hải quy lai mộng

Nhất cảnh yên hà tự tại thiên

Giai sĩ từ bi ninh thị Phật

Sơn ông danh tự bán nghi tiên”

(Mười năm vùng vẫy chỉ là giấc mộng

Một cảnh mây rắng là tự tại

Kẻ sĩ mà từ bi đã là Phật

Chùa Ông Núi- nửa ngờ ông là Tiên)

Lần thứ hai, năm 1904 được về nghỉ hưu vĩnh viễn: Đào Tấn cũng đã lui tới, an nghỉ nơi chốn chùa xưa với một tâm hồn giải thoát, an lạc trọn vẹn của một người được dứt lìa hẳn quan trường, cuộc thế, áo cơm, để vui cùng với pháp vị; để “*ngửi được mùi hương trong khóm lau*”; để sống an hòa với thiên nhiên, cây cỏ, sông núi mà tìm lại chính mình.

Có sự đồng cảnh nào tuyệt vời hơn với vạn pháp, qua hai câu:

“Mạc tương thanh lệ khắp hoa chi

Khủng hoa đã như nhân sáu!”

Bản dịch của Mịch Quang:

(Lệ trong đừng rưới hoa tươi

Sợ hoa rồi cũng như người héo hon)

Thăm đượm sâu sắc thiên vị:

“Xuân vân sơn ngoại sơn

Lê hoa tân nguyên hạ”

(Mây xuân trên đỉnh núi vẫn lơ lững bay, hoa lê nở trắng dưới ánh trăng non)

Trong bài “*Tiểu xuân*”, ông viết:

“Niên niên bạch phong xuân quy khứ

Vô đoạn hưu thi phong hòa vũ”

(Hết năm này đến năm khác, buông trôi cho mùa xuân đi qua; vô tình lại là mưa và gió).

Khắc họa sâu đậm rõ nét hơn trong bài *“Lưu xuân”*:

“Thiếu mặc oán đông phong

Đông phong chánh oán mừng”

(Chớ nên oán gió xuân. Gió xuân đang oán ta)

Tại sao gió xuân lại oán ta? Có ai đã đặt ra câu hỏi và đã trả lời chọn vẹn chưa?

- Có lẽ, chỉ có những tâm hồn thâm thúy đồng điệu, hòa nhập được với bao la vũ trụ mới có thể cảm và hiểu hết chăng? Cũng như ông đã nhìn muôn hạt mưa bay, mà kêu lên: *“Hoa như mang mang; Vạn điểm sầu nhân tự”* (Tống Xuân)- (Ngoài trời muôn sợi tơ vương; Giống như ngàn vạn nỗi buồn nhân gian)

Trong bài *“Như Mộng Lệnh”*, một lần nữa, nỗi buồn và cô độc của kiếp nhân sinh trong cõi trầm luân, đã bắt đầu cho sự quay lại, trở về; sự giác ngộ mở ra trong ông:

“Xuân dạ tiểu lâu hàn trọng

Hoa sáp đảm bình hương đóng

Chúc lụy quán hồng châu

Thấu nhập nguyện ngán song phùng

Như mộng

Như mộng

Hà xứ liễu chung xuy tổng”

(Đêm xuân, lầu nhỏ, lạnh nhiều

Hoa trong bình mùi thơm đóng băng

Cây đèn nền khóc rơi những giọt nước mắt hồng.)

“...Mẹ đã dạy con hoài, con không nhớ sao?

Tử sinh hà túc toàn

Tu tri tử nhật thị sinh niên...”

(Từ sinh đừng tính toán con nên nhớ ngày mẹ chết tức

năm sinh) – (Sơn Hậu)

Ý thức cao cả của hàng Bồ Tát, hàng Chư Thánh, “*Nguyện sát thân ngũ đặng thành nhân*” (*Nguyện xả thân để được làm người*) (Khuê Các Anh Hùng); cũng đã được Đào Tấn ca ngợi, soi sáng cho những tâm hồn còn u tối, mê lầm trong nhiều tác phẩm tuồng của ông. Trong các tác phẩm do ông sáng tác, có thể kể đến các tuồng đã thấm đượm sâu sắc nhất tư tưởng Đạo Phật – và cũng là những vở tuồng hay nhất: đó là: *Diễn Võ Đình*, *Trâm Hương Các*, *Quan Công Hồi Cổ Thành*, *Hoàng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan*, *Hộ Sinh Đàn*... Đào Tấn đã cải biên nhiều tuồng, tuy nhiên chỉ còn lưu lại bốn vở tuồng được coi là tiêu biểu: *Sơn Hậu*, *Khuê các Anh Hùng*, *Đào Phi Phụng* và *Ngũ Hồ Bình Liêu*.

Trong một bài tham luận về Đào Tấn, nhan đề: “*Đào Tấn qua thơ, từ và kịch bản tuồng*” (3) . Ông Hồ Đắc Bích đã xác nhận: “*Văn thơ và tuồng của Đào Tấn chưa tìm được hết, công tác dịch thuật tác phẩm của Đào Tấn cũng chưa làm được bao nhiêu; vì vậy mà sự phân tích, đánh giá Đào Tấn ở đây chỉ là bước ban đầu*”. Cũng trong bài viết này, ông đã khẳng định: “*Đào Tấn là một nghệ sĩ yêu nước, là một nhà soạn tuồng xuất sắc, đã dựng nên những tác phẩm đầy tính nhân đạo, góp phần làm phong phú thêm di sản văn hóa dân tộc...*”.

Nếu trong thơ Đào Tấn bày tỏ tâm nguyện, cảm xúc một cách bóng bẩy, ẩn dụ sâu kín; thì ngược lại trong tuồng, Đào Tấn lại dàn trải chi tiết, cụ thể, giản dị, dễ dễ tạo ấn tượng sâu đậm cho người thưởng ngoạn mà phần đông là giới bình dân. Như đã đề cập sơ cấp phần trước, mẫu nhân vật tiêu biểu trong tác phẩm Đào Tấn là người anh hùng, người “*hành thiện, diệt ác*”- người cứu nạn cho muôn người – đó cũng là biểu tượng cho tinh thần “*Bi-Trí*”

Dững” của Đạo Phật. Hầu như trong tất cả các vở tuồng mà ông đã sáng tác (hay nhuận sắc, sửa chữa) cũng đều thể hiện rất rõ lời Chư Phật dạy:

*“ Không làm các điều ác
Siêng làm các hạnh lành
Giữ tâm luôn trong sáng”*

(Kinh Pháp Cú)

Để làm sáng tỏ, biểu dương điều thiện, Đào Tấn luôn có những nhân vật phản diện – đó là bọn ác, bất nhân, bất nghĩa luôn chạy theo danh lợi, để cho ba độc *“tham, sân, si”* lôi cuốn, xô đẩy vào chốn tội lỗi, đọa đày; kết quả là đã *“ gieo nhân nào, gặt quả ấy”* phù hợp với thuyết *“nhân quả- luân hồi”* như một định luật tất yếu không thể đổi thay.

Trong tuồng *“ Trầm Hương Các ”*, Đào Tấn cũng đã tiến xa hơn trong việc *“Văn dĩ tải đạo”*, đưa ra hai hình tượng Đất Kỳ. Đất Kỳ- cô gái ngây thơ trong trắng và Đất Kỳ - khi bị hồ ly nhập hồn: Đó là ý nghĩ lời Lục Tổ Huệ Năng đã dạy: *“Tâm chánh là Phật, tâm tà là ma”*. Lối tuồng Địa Tạng Vương Bồ Tát tiếp dẫn hương hồn Đất Kỳ thật (đầy đủ Phật tánh) đưa về cõi Phật. Hồn Đất Kỳ thật (Tâm Chánh) hát:

*“ Thỉnh Phật ngôn hương hồn siêu thoát
Đoán nhân hoàn một bước một xa
Ngậm ngùi nhớ mẹ thương cha
Biết đâu căn kiếp con ra nỗi này
Bồi hồi lướt gió xông mây
Nam Mô A Di Đà Phật!
Từ bi xin chứng lòng này đắng cay”*

Trong *“ Hộ Sinh Đàn ”* Khi Dương Tú Hà tự vẫn, nàng đi vào cầu nguyện ở miếu Quan Âm, cũng đã được Phật Quan Âm thấu cảm, tiếp độ, rước hồn về Tây Phương; Phật Quan Âm đã nói:

“ Chi vị tôn giả

*Kim Tú Hà tiết liệt bất di
Tùng Phật địa thung dung tự tại
Bất phụ ân vì nghĩa
Thủ toàn tiết vì trinh
Dĩ mao đạt thiên đình
Đắc siêu sinh tịnh độ*

Còn với nàng Lan Anh – một hình tượng khác của tấm lòng trong sạch, cao thượng, nghĩa khí, khi lưu lạc, gặp hoạn nạn; phải sinh nở giữa rừng – Đào Tấn cũng đã cho “*Thần phái Hộ sai xứ giả*” đến cứu giúp, chúng ta có thể suy biết, vị “*thần hộ thai*” ấy, chẳng phải là ai khác, mà chính là hóa thân của Bồ tát cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm:

*“ Hộ thai xứ giả!
Truyền sứ giả đẳng đàn
Cấp thích ngô thần mạng
Và Trần thị một người hiếu hạnh
Cùng Tiết gia giữa cuộc gian nan
Thai sản rày đương lúc lỡ làng
Anh linh phải hết lòng giúp đỡ...”*

Tương tự như đã dẫn, lớp “*Hoàng Phi Hồ nằm miếu*” thấy hồn Giả Thị hiện về báo tin nguy, bảo chàng lánh nạn, tránh được cơn nguy biến; chúng ta càng thấy rõ hơn một quan điểm đạo đức phổ biến là “*ở hiền, gặp lành*” hay “*người ngay luôn có kẻ giúp*” – đó là bước khởi đầu của thuyết *nhân quả*” và “*duyên khởi*” trùng điệp, nhiệm màu. Chỉ có người có tâm thành, trong sáng, hành thiện, mới có sự thông đạt vi diệu với cõi khác như Hoàng Phi Hồ...

Ở một lớp tượng khác, mẹ của Đồng kim Lân đã nói với con lời nói thấm đượm nghĩa tình, chứa chan tình Đạo.

Ở bài viết về Đào tấn hôm nay, chúng tôi chỉ muốn khơi dậy, mở ra một hướng nhìn mới, chân xác và đầy đủ hơn, để lịch sử văn học mai hậu có thể tiếp cận, và đánh giá

một cách công bình, trung thực về một con người đã gần như cống hiến trọn đời cho thơ ca và tuồng cổ Việt nam....với hơn 20 kịch bản tuồng và hơn 1000 bài thơ, từ, tản văn, liễn đối, trong gần 40 năm sang tác, việc nêu lên tầm ảnh hưởng của Đạo Phật với Đào Tấn cũng chỉ là bước đầu. Công việc nghiên cứu về ông cần phải được tiếp tục một cách trân trọng và chính xác – mới có thể hy vọng hiểu rõ được tâm nguyện, tài năng và công lao đóng góp của ông cho văn học, cho Đạo Pháp...

(1) Gia phả họ Đào, làng Vĩnh Thạnh, tổng Nhơn Ân, Phủ Tuy Phước- Bình Định.

(2) Thơ và từ chữ Hán do Nguyễn Thế Triết- Vũ Ngọc Liễn dịch.

(3) Tuồng “Đào Tấn, Nhà Thơ, Nghệ sĩ Tuồng xuất sắc” của nhiều tác giả. Ty văn hóa- thông tin Nghĩa Bình 1978.



TRANG BẢO CŨ

Với chủ trương của TQBT chúng tôi sẽ cố gắng, trong phạm vi có được, để gọi đến độc giả những tư liệu văn học giá trị của những cây viết miền Nam cũ mà chúng tôi sưu tầm được để đóng góp vào kho di sản văn học miền Nam có nguy cơ bị mai một..

Phạm Thiên Thư

cửa vào tâm giới

Như hạt mưa nào động nhẹ trên giậu hoa bầu xanh
Như mảnh tơ trời vương trên bờ lau vàng
Như dòng nhận bay lác đác giữa hư không
Như ngọn cỏ may ngàn hiu hắt giữa mây trắng
Như sợi gió xanh mở cửa băng khuâng
Như tinh tú đầu thai vào huyết mạch.
Đó chỉ là những dòng chữ, những hiện tượng nhật
nguyệt không bao giờ động máu.
Viết là hú vía những chùm sao chết hồi sinh.

Viết là lay thức sỏi đá.
Viết là hú hồn xác cỏ vàng.
Viết là xung tưng hoa ngàn trắng bãi
Viết là bùa chú chuyển mật ý thành biểu tượng, cô
động linh lực vũ trụ.
Viết là mạch sống bất diệt - Hãy viết để hiện bày đời
sống sâu thẳm nhất.

Mỗi dòng chữ là một hơi thở - Mỗi hơi thở là hấp thụ
tinh chất vũ trụ. Mỗi nét mực là tụ hợp thiên thu -
Mỗi mạch văn là nổi mây trắng về mười cõi - Mỗi ý
hiếm là cánh chim xanh, là cây trâm gió biếc, là tia
chớp sáng tạo trong rừng thẳm mịt mù. Mỗi suy tư là
xoáy nước hào quang xuôi về yên mặc. Mỗi ngữ
ngôn là một thanh âm thần bí nhất. Mỗi ngôn thuyết
là một ẩn dụ, là một ngụ từ, một công án sương trắng,
là cánh cửa không cửa.

Viết là mạch máu của đời sống vi diệu : khí chất vũ
trụ nuôi dưỡng từng nét chữ, tạo dựng từng mạch văn
như nghìn con mây đổ xuống làm dòng sông vĩnh
tuyệt. Mỗi biểu tượng là mầm móng của nhật nguyệt
sinh trưởng.

Viết là hiện tượng của tâm giới, là hơi thở thanh tịnh
của đời sống huyền nhiệm, là muôn ngàn mạch
nguồn tinh lực nổi sương

Hiện tính tạo hóa

Viết là hóa thành một thể giới mới : Vô ngàn chùm
tinh tú rụng xuống làm dòng văn. Vô ngàn lần chủng
loại hoa thơm kết thành ý niệm. Vô lượng thiên thu

làm văn khí phiêu bồng. Những trùng đẻ khuôn nhặt
nguyệt tim về. Bầy kiến hồng cũng vác mây tía trở
về. Những cồn trắng gọi gió trở về. Những cội đá đỏ.
Những chòm sương mù. Những biển tím thăm thiết.
Những bầy chim và dòng suối. Những con sông và
mưa rào. Những chuyến xe nghỉ ngút tà dương.
Những tà áo bạch lụa thôn mai phơ phất... Dù nhỏ
hữu hình như bụi vàng, dù lớn vô tướng như hư
không, tất cả đều trùng sinh trong một tâm giới mới,
một vũ trụ biểu tượng linh diệu; cõi giới đầy những
mật ngôn của lá khô ân ý của trái rụng, một hàng cây
trơ vơ cũng làm nên dòng thơ vô tự rừ rì.

Hãy cất giữ vũ trụ trong mỗi tế bào
Hãy viết để hiện tính tạo hóa.

Khu thành hy vọng

Mỗi người tự giấu mình trong một hang động đá
trắng. Thực ra chỉ là những phiến sương đọng lại
dựng nên thành quách, những khu tường ảo tưởng
chồng chất.

Qua bức tường ấy vạn vật chỉ hiện diện với một bóng
dáng mất máu, một thức giới vàng vọt, một dáng vóc
xanh xao, nuôi dưỡng một sinh thể ngất ngư mỗi mết.
Con người tàn lụi trong thế giới cũ kỹ của nó. Con
người tắm tối trong hang hốc của nó.

Hãy gọi gió về ngọn bút, thổi đạt mấy giải sương mù,
để hát ca với triều dương, vờn vai với núi cao, im
lặng trước mặt nguyện hoa cỏ.

Lối thoát cuối cùng vẫn là vô lượng nét mực làm

dòng sông. Một dòng sông nước huyền trôi dạt đất cát tằm tối, những cát nổi đọng xuống làm bùn nâu cho khóm sen lưu ly thường trụ, cho con sông hoa hồng biêng biếc nước xanh.

Viết là xô đổ bức tường hư vọng, khai mở nội tâm, cho ý thức nhập với vô thức, cho tạng thức tự phơi bày chân tướng vũ trụ.

Hãy đắm vào tù ngục hư ngục một cán bút hư ngục để thanh thân ra đi trong cuộc trùng sinh.

Vắng lặng nhị tướng

Viết và viết như sóng cuộn. Ý chuyển như triền âm. Tâm linh cất cánh như chim hồng chim học phiêu bay bên ngoài nhật nguyệt. Viết là lia bóng nhập đồng. Viết là tự giải phóng ra khỏi những con đường tù ngục ảo tưởng. Tương lai, quá khứ, cả nghìn dặm thu phong, cả trăm ải mây trắng, cả triệu triệu đời sương nguyệt rụng, tất cả hóa thân như cánh hoa vàng vỡ khép dần, như mười ngón tay dài của Trần thị Ninh Hòa kết thành búp lau ngọc huyền diệu; một búp lan cao quý nhất của Pháp thân Phật. Con đường ảo tưởng muôn dặm đó đã thu về trong một giọt mực xanh, giọt mực của thực tại, giọt mực thăm thăm xuân thu, giọt mực từ cán bút trúc vàng xơ xác cầu mai đặt xuống trang giấy tuyết băng, cán bút chuyển chân không thành diệu hữu. Viết là kéo vô hạn về hữu hạn. Viết là nổ tung hữu hạn đồng nhất với hư không. Viết là cửa ngõ thông xanh nhảy vào thực tại, chỉ có thực tại và một tâm thể sâu nhiệm. Mọi khuôn diện nhị tướng vắng lặng như một gợn mây hồng mất

hút दौर lòng suốt cát trắng.

(Tập chí Văn Đề năm 1968)

Nguyễn Tất Nhiên

Nguyễn Tất Nhiên rất ít làm thơ lục bát. Bài thơ này chúng tôi mới sưu tầm, không tìm thấy ở trong những tập thơ NTN đã xuất bản, và trên mạng. Xin được đăng lại để góp phần vào kho tàng di sản thơ lục bát miền Nam thời chiến.

Trong ý nghĩ xa Mai

ngày mòn nắng đậu hao hao
nghe như người đã đi vào đời quên

chiều sông con nước dập dềnh
tôi gieo cặp mắt qua bên kia bờ
thấy sương chôn mặt trời, mờ
thấy mây nặng nặng mây chờ thiên tai
thấy chim bay khuất tầm, bay
thấy cây già tuổi cây hoài trông mong

giọt mưa tình ướt hay không
yêu người tôi chắc còn long đong nhiều

Phan Huy Mộng người nằm xuống trong chiến tranh

LTS: Trong một bài viết về thơ miền Nam trước 1975, nhà biên khảo Nguyễn Vy Khanh đã nhắc đến nhà thơ Phan Huy Mộng với bài "Người chết ở Pleime" như là một bài thơ tự do tiêu biểu với một cấu trúc đặc biệt: cấu trúc có gạch ngắt câu.. Bài thơ đi trên tạp chí Văn (số 51, 1966)

Không ngờ sau đó ít lâu, nhà thơ của chúng ta cũng theo bạn mà bỏ anh em ra đi

Chúng tôi dâng lại như một nén hương lòng về một người thơ tài hoa sớm bị con quái vật là chiến tranh cướp mất.

Người chết ở Pleime

thằng vũ chết rồi trong trận pleime đó em
thằng vũ chết rồi trong trận đánh pleime đó em
khủng khiếp và khốc liệt
những lần về phép sau này em ra cửa đón anh
sẽ không bao giờ thấy nó
nó chết rồi
thằng vũ nó chết trong trận pleime cho quê hương
đó - nó nằm đó - nó ngồi đó
những tràng súng nổ chính nó bóp cò, địch bóp cò
cho tất cả chúng ta trong trận giặc chúng ta
đó - nó nằm đó che giấu chỗ nát bầy trên ngực
dòng máu đỏ đọng lại trên thảm cỏ khô
đến nhận diện đi em
em hãy khóc lớn một chút rồi đốt cho nó mấy que nhang
thằng bạn đồng đội chia mũi súng lên trời thét lớn:
ta sẽ thù cho mày - sẽ trả thù cho mày
xong tất cả
đồng cúi xuống đắp lên mình nó một lá cờ

tổ quốc đó nghe vũ
tổ quốc khóc mảy đó - thương mảy đó
nam trung bắc nhớ ơn mảy với chiến trường pleime
tao đây nghe vũ với cảm xúc phiên muộn
nổi đốn đau cồn cào trong lồng ngực
hết rồi hết rồi - nhận diện vũ lần cuối
đến nhận diện vũ lần cuối đi em
nó chết rồi trong trận pleime và cho quê hương.
(trích từ Thơ Miền Nam Thời Chiến, Tập I)



Nhà thơ Nguyễn Hải Thệ (Ngô Do Thái)

LƯƠNG THƯ TRUNG

Giới thiệu thơ Nguyễn Hải Thệ (Ngô Do Thái):

Nỗi Buồn Lặng Lẽ...

Nguyễn Hải Thệ còn ký bút hiệu Ngô Do Thái, sinh năm 1940, quê làng Long Sơn, quận Tân Châu tỉnh Châu Đốc, làm thơ từ những năm 1958, 1959, tức là vào các năm ông đang theo học lớp Đệ Ngũ, Đệ Tứ tại trường trung Học Thủ Khoa Nghĩa tỉnh Châu Đốc.

Từ những năm tháng học trò đó, người đọc bắt gặp trong thơ ông có chút gì ưu tư trong mắt của một thư sinh chấp chững nhìn đời :

“Vung tay quăng đi hòn sỏi
Chờ tiếng dội lại bằng quơ
Buổi chiều tàn như gạch ngói
Dòng sông xanh trôi bơ vơ...”(1)

Bốn câu thơ trên, trong bài “Bên sông Hậu”, tác giả sáng tác vào một đêm tháng 10 năm 1959 bên bờ sông Châu Đốc. Ý thơ cho ta thấy tuổi đời tác giả mới tròn 19 tuổi

mà đã biết chờ mong “tiếng dội lại” từ một hòn sỏi nhỏ
chìm vào dòng sông ... Tuổi học trò ở một tỉnh lẻ vùng
biên giới Việt Miên mà tâm hồn không bé bỏng chút nào :

“Một mình ta trên ghế đá
Ngồi chờ ai không chờ ai
Mười ngón chân buồn mỗi lá
Làm biếng đuổi theo chiều dài

Con mắt trời cao ngó mỗi
Chân mây không tím không hồng
Vòng tay hoàng hôn chết đuối
Không ôm bắt được dòng sông...”
(Bên sông Hậu)

Với tám câu thơ vừa trích trong bài thơ cách nay gần năm
mươi năm, tác giả đã mang đến cho người đọc một bóng
dáng thanh niên còn quá trẻ mà đã biết suy tư bằng chính
những chữ dùng để nhân cách hóa thiên nhiên thành
những hình tượng gần gũi với con người càng làm cho tứ
thơ phong phú biết dường nào !

Tả cảnh hoàng hôn trên sông tác giả dùng những chữ “con
mắt trời cao”, rồi “chân mây không tím không hồng” để
“vòng tay hoàng hôn chết đuối”, “không ôm chặt được
dòng sông” quả là quá tài tình. Người đọc không khỏi liên
tưởng đến cảnh hoàng hôn năm xưa “Trời chiều bằng
làng bóng hoàng hôn” của Bà Huyện Thanh Quan...
Nhưng Nguyễn Hải Thệ đã làm mới câu thơ bằng những
chữ dùng vừa kể khi tuổi đời chưa tròn hai mươi tuổi quả
là một tài thơ không dễ tìm...

Kết thúc cảnh hoàng hôn trên bến sông, tác giả viết:

“khi ta rời băng đá trống

Bật diêm điều thuốc sau cùng
Bắt ngờ, lòng tràn xúc động
Ngó xuống bóng mình rung rung...”

Bốn câu thơ kết vừa gọn mà trào dâng xúc cảm ấy đã cho ta thấy cả tâm hồn và bóng dáng thi nhân giữa “buổi chiều tàn” bên bến sông là một hình bóng cô đơn tốt cùng ...

Nguyễn Hải Thê, khi còn là học sinh những năm học lớp Đệ Ngũ, Đệ Tứ đã bắt đầu làm thơ về nỗi cô đơn của mình như thế đấy. Năm 1961, ông học hết năm Đệ Nhị tại Trường trung học Thủ Khoa Nghĩa, tác giả tiếp tục theo học tại trường Sư Phạm Sài Gòn (hệ 1 năm) và năm 1962 ra trường về dạy tại trường quận Phụng Hiệp, tỉnh Phong Dinh (Cần Thơ). Năm 1966, tác giả bị động viên và phục vụ tại Sư Đoàn 9 Bộ Binh, đồn trú tại tỉnh Sa Đéc. Năm 1970 được giải ngũ và về lại quê nhà dạy học tại trường Long Sơn (Tân Châu) cho tới những ngày tóc bạc.

Có lẽ qua những giai đoạn trong dòng đời của tác giả mà chúng tôi mò tìm được, với tâm hồn dạt dào lãng mạn của Nguyễn Hải Thê, chắc hẳn tác giả đã sáng tác rất nhiều thơ vì qua thi tập “Áo Ảnh”, chúng tôi đọc được trên trang nhà “Thất Sơn Châu Đốc” là một bằng chứng về thời gian trước tác liên tục của một hồn thơ không bị gián đoạn; chỉ có điều tác giả không ghi lại ngày tháng năm nào ở cuối bài thơ của mình ngoại trừ các bài mới viết sau này vào những năm 1988, 1999, 2000, 2002 vân.. vân...

Nhưng điều đó không quan trọng bằng cái tứ thơ vừa phản ánh nỗi cô đơn trong đời thực mà dường như không thiếu cái vị ảo của kiếp nhân sinh cùng cách dùng chữ tài tình mà tác giả đã mang đến cho người đọc một cái nhìn về cuộc đời rất lạ và đó là điều chúng ta cảm nhận được.

Có thể nói thơ của Nguyễn Hải Thệ từ thuở học trò đến tuổi gần thất thập là một dòng sông cô đơn chảy dài bất tận với những uẩn khúc chập chùng, cùng nỗi buồn lặng lẽ trong lòng. Có lẽ cái bóng dáng cô đơn ấy nó khởi đi từ chàng học trò 19 tuổi biết nhận ra:

“một mình ta trên băng ghế đá
ngồi chờ ai không chờ ai...”
(Bên sông Hậu)

“Ngồi chờ ai, không chờ ai”!?! Một tâm hồn đầy suy tư và lãng mạn của tuổi học trò như thế với những nỗi buồn trống vắng xa xăm và rồi nó cứ vận vào hồn thơ của thi sĩ suốt đời.

Để dẫn chứng về điều này thiết nghĩ không lấy gì làm khó khăn lắm bởi lẽ bạn đọc mở ra bất cứ trang thơ nào trong tập thơ “Áo Ảnh”, chúng ta cũng sẽ thấy tâm trạng cô đơn dạt dào ấy của tác giả. Chẳng hạn trong bài thơ “Khúc tiền” nghe ra nỗi buồn man mác biết đường nào qua mấy câu thơ :

“Em về che nón thơ nghiêng
Chân son bước lệch xa miền thương yêu
Ta bơ vơ đứng trong chiều
Ngó mây vàng hắt, bóng hiu quạnh trời...”

Hoặc như một ngư ông ngồi “Quăng câu trên Núi Rồng” , tự thân lão ngư ông ấy đã tìm kiếm cho mình cái vị thế cô đơn tột cùng bởi mấy ai ngồi câu trên núi. Ngay như Khương Tử Nha câu cá không có lưỡi nhưng cũng còn ngồi câu bên bờ sông Vị Thủy nữa là ...

Những hình ảnh “con dế le te”, “khói sương chiều lắng đàng”, “nàng cá vàng cô đơn quẫy sóng”, “chợt hồn ta tịch

mịch”, “đêm rỗng không”, “ta lại một mình”, “lang thang trên bãi vắng”, “con rắn nước bò ra mé sậy”, “Thu đi. Bỏ lá lấp con đường”, “Núi Rỗng cô quạnh”, “nga sậy bên bờ im nín nghe”, “lối cũ, mòn”, “bàn chân đất hạt”, “đèn le lói” vân vân... trong bài thơ “Quăng Câu Trên Núi Rỗng” là những hình ảnh của chính tác giả vào những ngày tháng sống hăm hiu nơi cái làng quê có tên Long Sơn mà tác giả gọi là “Núi Rỗng” :

“Thuyền về chỗ đậu bến quê hương
Gió thổi. Lạnh khung trời viễn phương
Con dế le te rậm bụi cỏ
Khói sương chiều lảng đàng hoàng hôn”

“Đêm Long Sơn. Nước chảy Mông lung
Quăng lưới câu trên sông Cái Vùng
Nàng cá vàng cô đơn quẫy sóng
Chợt hồn ta tịch mịch hư không”

“Đêm rỗng không. Ta lại một mình
Lang thang trên bãi vắng thân quen
Lắng nghe. Cây lá rì rào thở
Và giọt sương đầm thấm đất đen”

....
“Nghỉ ngút quê nhà. Đất úa sương
Thu đi. Bỏ lá lấp con đường.”

....
“Núi Rỗng cô quạnh. Nhớ nguồn khe
Nga sậy bên bờ im nín nghe
Lối cũ. Mòn. Bàn chân đất hạt
Chốn xưa giờ đã tắt đường về.”

....
“Trên cầu sương. Thoáng tiếng chim qua
Ai thấp đèn le lói bến xa
Ngọn hải đăng trong đêm biển động

Gọi buồm về giữa tối bao la “.

Được biết bài thơ trên tác giả trước tác vào mùa nước nổi năm 2002, ngày 9 tháng 9, cùng với những năm tháng hoàng hôn của cuộc đời tác giả, người đọc sẽ đồng cảm với ông hơn. Một làng quê Long Sơn, một dòng sông Cái Vũng, và một mùa nước tháng chín dâng cao với “Trăm ngàn âm sắc vụt qua” cùng không gian mịt mờ khói sương hòa quyện đã là một cảnh sắc mênh mông "nghi ngút quê nhà"... vẫn không che giấu nổi một “Núi Rồng cô quạnh”...

Thơ Nguyễn Hải Thệ mang mang nỗi cô quạnh như thế nhiều vô số kể. Ở một bài thơ khác, bài thơ “Bỗng thấy ta”, thi nhân tâm sự:

“Bây giờ về đây làm ông giáo già
Ngày ngày giảng thánh hiền cho con nít
Ngày rao giảng lời cũ rích
Thánh thủ thì cao. Con nít thì ngu
Rồi một lũ đâm vào lẫn quần
Tan trường. Về chợ.. Quán nhỏ. Một mình
Đám thanh niên ta bỏ sau lưng
Ly rượu đế giờ thơm như mật ngọt
Nhớ bọn bạn bè. Đứa còn đứa mất.
Ta cụng ly ta. Chợt rung rung....”

Cảm động biết bao một tấm lòng thi sĩ. Thi nhân cô đơn không phải vì không có bạn mà chính vì nhớ bạn thiết tha khi nhìn lại dòng đời trôi nhanh không còn lại mấy người.

Nguyễn Hải Thệ có cái thú thích về đề tài ngồi bên sông như bài thơ “Bến sông”, tác giả ký tên Ngự Do Thái có hai câu vô cùng thâm thúy:

“Hỏi nhà ? Xa bóng mây đưa
Hỏi quê ? Trắng đã bao mùa tang thương”

Hoặc bài “Ngồi bên sông” dưới đây giống như một bài kệ của một vị thiền sư một đời tu khổ hạnh, quanh quẩn một mình :

“Mười năm rồi mười năm ngồi bên sông
Âm thầm chiếc bóng cô đơn lặng lẽ
Ta lắng nghe đời ta quanh quẩn
Bụi hoàng hôn cháy đỏ rắng trời què

Sông dạy ta: “Trôi chảy trôi chảy đi”
Cỏ nói: “Hãy lên đường như dòng suối”
Và giọt sương đêm thì thầm nhắn gởi:
“Hãy rời yên cương bỏ buông không”
Tuổi già theo dòng biển biệt biển đông
Còn lũy tre làng sương che bằng lăng
Sông lấp lánh đèn nhà ai thấp sáng
Cây vừng gie đóm đóm lập lòe
Sông không đi không ở mà tới kia
Chiều không đầy không vơi mà man mác
Thu không tăng không giảm mà bàng bạc
Sương không động không khởi mà trùng trùng
Tiếng chuông chùa tĩnh mịch mông lung
Trời thanh tịnh đêm “Giồng Thành Cổ Tự”
(Động lòng kiếp vô thường sinh tử
Rung rung nhớ cổ Hòa thượng Chơn Như!)
Bên sông lá vàng xao xác mùa thu
Tòa cổ tháp chong đèn le lói
Con đường làng im lên tiếng gọi
Lời muôn trùng hun hút vọng đưa
Trời đất vô biên không cỗi không bờ
Ta nghe ta cô đơn vơi vơi
Hay ra : Ta còn lại ... cái còn lại :

“Một cõi lòng già tịch mịch trắng không...”

Cơn gió thoảng thoảng mùi nhãn lồng
Mùi mang mang của thời gian vào tối
Mùi mát lạnh của sương chiều giăng lối
Bụi sông trắng bông bênh dưới trăng
Ta ngồi ru ta ngàn năm:
“Yết đế yết đế ba la yết đế
Ba la tăng yết đế....”

Quả thật là một bài kệ với lời kết bằng câu kinh nhật tụng để tự sửa mình. Đặc biệt, chữ “không” mà tác giả dùng trong bài thơ này nó có thể hiểu ra hai nghĩa; một nghĩa thông thường là “không” như là một trạng từ dùng thể phủ định để đối lại với cái “có” và một nghĩa thứ hai, theo giáo sư Nguyễn Văn Phú, tác giả quyển Phật Giáo Yếu Lược: “Trong đạo Phật, chữ “không” có những nghĩa sau này, từ thấp lên cao: a/ trước nhất, là “không” có tự thể, do nhiều duyên kết hợp lại, mang cái ý không thật, tức là giả; b/ và nghĩa thứ hai cao hơn, đó là bản thể của vạn pháp, một thứ tuyệt đối, duy nhất trong vũ trụ, không thể mô tả được, không thể so sánh được với bất cứ cái gì cả. Bất cứ chỗ nào, bất cứ lúc nào nó cũng hiện diện. Nó thấm nhuần vạn pháp, mọi chúng sinh. Nó mới là cái Ta thật sự, là cái Tâm thật sự. Nó chẳng phải là cái thân xác vô thường, chẳng phải là cái tâm lăng xăng hàng ngày. Nó là chân ngã, chân tâm.”(2)

Thành ra, với nghĩa nào, câu thơ của Nguyễn Hải Thệ cũng có thể được hiểu là một lời trần tình tha thiết về một lẽ nhân sinh

Nhưng có lẽ sau những chuyến đi hoang như lời tác giả tự thuật trong bài thơ “Ngâm Ngủ” để rồi trở về làng cũ với “gió bụi đường bạc phêch hồn phiêu lãng”:

“Chào ta một kiếp đi hoang
Về đây dừng gót lang thang tang bồng”

Nguyễn Hải Thệ có cái chung tình với làng quê Long Sơn và bè bạn cũ. Và dường như đó chính là cái tâm không tan không diệt, không đổi không dời của một ông giáo vốn là chàng thanh niên hơn năm mươi năm trước đã làm thơ ca tụng những cuộc tình đã đi qua đời với chất men đắm say lãng mạn một thời...

Chúng tôi xin mời các bạn ngồi bên tách trà nóng toả hương thơm ngào ngạt hoa lái, khói bay nghi ngút và thả hồn theo âm điệu mấy vần thơ của tác giả để nhớ lại những ngày chơi giỡn sân trường :

“Đêm nay cửa khép thiên niên kỷ
Bay về một chiếc lá trăm năm
Dưới đèn giờ lại “Lưu Bút Ngày Xanh”
Nhớ có một thời xa nhỏ dại
Cánh phượng hồng ép khô bỏ lại
Màu máu tim cảnh hoa học trò
Đỏ tẩm lòng chị gái năm xưa
Đỏ nụ cười lặng yên rung rúc
Đỏ mắt nhìn nghiêng nghiêng muốn khóc
Dấu thời gian lớp lớp hoen mờ ...”
(Ngậm ngùi)

Thơ Nguyễn Hải Thệ dù là thơ kỷ niệm. Kỷ niệm tuổi thanh xuân. Kỷ niệm một dòng sông, một bến nước. Kỷ niệm những ngày phiêu bồng, những ngày về làng cũ, quê cũ. Kỷ niệm về bè bạn, về thầy cô và kỷ niệm về những phút giây quạnh quẽ bên đời trôi chảy mãi... Nhưng đó cũng chính là những kỷ niệm của bao người ... Bài thơ “Đem theo” là một ví dụ . Dù tác giả để tặng anh chị Đoàn

Đông & Lộc Tường vào một buổi chia tay sau mấy mươi năm gặp lại, nhưng tác giả làm tôi chột đứng lại một ngày vui để ngẫm lại những bước chân lang thang của mình qua nỗi niềm của tác giả :

“Chiều nay ngồi bên sông Cái Vừng
Trùng trùng sương trắng bờ lau sậy
Con đò về lênh đênh nước nổi
Ta lơ thơ ngó đất trời mệnh mông
(Đất trời biết có ngó ta không?)
Ta ngồi chờ đợi không chờ đợi
Con đường đang lên tiếng gọi
Những dòng sông cũng đã mang mang
Những đứa con của mặt đất lang thang
Dẫn khách quê người thân lữ thứ
Con tim nương dâu chôn tình cổ xứ
Tại chốn xưa như ở trên đường
Ba mươi năm bắt ngờ gặp lại
Thoáng bồi hồi nhìn nhau bạc tóc
Tiếng cười ngọc vỡ vẫn long lanh đáy mắt
Rồi mai em trở lại Boston
Nguồn cội mịt mờ. Bàn chân viễn phương
Có tiếng tiêu, sáo ai bên sông vắng ?
Con nước rì rào. Đôi bờ tịch lặng
Đám lau già quạnh quẽ âm thầm
Một chút sương bay vương khói lam
Một chút hoàng hôn tan bằng bạc
Một chút ngậm ngùi. Lầu Hoàng Hạc
Một chút tình đau. Cối phủ vân
Một chút tàn phai vát tóc phong trần
Một chút phơi pha hoa vàng mùa cũ
Một chút băng khuâng bóng mây cổ độ
Một chút rung rung hồn thu không
Đêm chơi vơi rung giọt hồ cầm
Âm sắc vỡ chân không tĩnh mịch

Rỗng rảnh thái hư. Chẳng sinh chẳng diệt
Đường như chẳng có. Đường như chẳng không
Chẳng phải hiểu qua. Chẳng phải vô thường
Chẳng phải hồ nghi. Chẳng phải suy nghĩ
Chẳng phải thu phân. Chẳng phải hạ chí
Trôi chảy đi. Khúc “Lưu thủy hành vân”
Trong ngôi nhà đồ Thái Thanh hát “Tình hoài hương”
Những vô thanh rạo rực hồn viễn xứ
Làm rúng động con tim cổ thổ
Tắm lòng đêm lầy bầy ánh trắng
Một thoáng quê nhà. Em trở lại Boston
Đem theo hồn tiếng gà trưa xao xác
Một chút mây trắng đỉnh Thất Sơn xanh ngắt
Một chút mai hồng lấp lánh sông xưa
Bình yên cho đôi cánh chim giang hồ
(Đem theo, Long Sơn, ngày sương gió)

Qua những vần thơ vừa ghi lại cùng các bạn, riêng tôi cảm nhận ra rằng, Nguyễn Hải Thệ không chỉ gửi tặng anh chị Đoàn Đông & Lộc Tường, mà còn gửi tặng cho anh, cho chị, cho tôi và cho các thế hệ mai sau của những người xa cố hương mịt mù trời nước... Mỗi lần đọc lại mấy mươi câu thơ trên, lòng kẻ già và xa quê như tôi, tôi rung rung muốn khóc... Thơ mà làm người đọc cảm động là thơ đạt đến nghệ thuật tuyệt diệu rồi vậy !

Thật thế, chúng ta thử ngồi nhìn ngắm lại từng chữ từng chữ cùng khéo léo và chính xác của tác giả, chúng ta không khỏi ngỡ phục một tài thơ đang lẫn khuất giữa rừng tre làng Long Sơn bên bờ Cửa Long sóng vỗ rì rào ... Những chữ “lên đênh”, “lơ thơ”, “mang mang”, “lữ thứ”, “cổ xứ”, “long lanh”, “mịt mờ”, “viễn phương”, “sông vắng”, “đám lau già quạnh quẽ”, “khói lam”, “hoàng hôn tan bâng bạc”, “Lâu Hoàng hạc”, “phù vân”, “vát”, “phong trần”, “mùa cũ”, “giọt hồ cầm”, “tĩnh mạch”, “rỗng rảnh”, “thái

hư”, “hồ nghi”, “suy nghĩ”, “Lưu thủy hành vân”, “hồn viễn xứ”, “cổ thổ”, “lầy bầy”, “tiếng gà trưa xa xác”, “xanh ngắt”, “lấp lánh sông xưa”, “cánh chim giang hồ”, tất cả làm thành một tấu khúc vừa bịn rịn vừa thương yêu mà trao cho những người thân rời dòng sông cũ trôi với lời chúc lành không kèm được giọt nước mắt mặn đang lăn trong khóe mắt

Thơ Nguyễn Hải Thệ còn nhiều bài hay như thế, những bài thơ phải trải một dòng sông với gần bảy mươi năm sống hết mình với đời, với thơ như hơi thở một kiếp người... Dù nay tuổi đời của ông đã cao, sức khoẻ lại mỗi mòn, ánh mắt trời cho cũng đã mờ vì thể nhân và tuổi tác (do chứng bệnh “mắt cườm nước”) nhưng tác giả vẫn sống một đời an phận với vài chun rượu giải sầu mỗi buổi chiều về. Thi nhân lấy cái vui của thân nhân, gia đình làm lẽ sống, lấy cảm thông của bằng hữu làm niềm vui, lấy thiên nhiên làm chất liệu giải bày tâm sự. Ấu đó cũng là một tài thơ bạc phận giữa bao mùa mưa nắng chốn cố hương... Xin được có mấy dòng từ một nơi xa xôi này của một người không còn trẻ trung gì và cũng đã nhiều bận đi qua làng Long Sơn, Long Phú, Long Thuận với con sông Tiền chảy qua Tân Châu vào những mùa nước nổi như một lời cảm ơn và chia sẻ với tác giả với lòng nể phục vô bờ... Và, dịp này, cũng xin phép như một lời hồi đáp để trả lời một câu hỏi của nhà văn Nam Dao cách nay gần một năm, đại ý : “Sao miệt vườn không thấy ai làm thơ giống như thơ Lục Vân Tiên mà cứ bắt chước miệt ngoài ?” Xin thưa: Ở miệt vườn Long Sơn (Tân Châu) ngày nay có một người làm thơ như thế : thi sĩ Nguyễn Hải Thệ, một ông giáo già nhà quê đã làm thơ hơn năm mươi năm và tuổi đời xấp xỉ bảy mươi . Ông làm thơ không cầu danh mà chỉ cầu an, không mong có nhiều người đọc mà chỉ để một mình mình đọc, như một chút gì còn lại ở tuổi xế chiều hầu an ủi tuổi già vào những ngày sống âm thầm

lặng lẽ dưới rừng tre xanh rì rào của xã Long Sơn (Tân Châu), một chỗ quê hương từ lúc mới chào đời cho đến ngày bạc tóc, không rời xa được !!!

Houston ngày 04 tháng 12 năm 2007

Phụ Chú:

(1) *Tất cả các câu thơ trích dẫn trong bài viết này được trích từ tập thơ “Áo Ảnh” của Nguyễn Hải Thệ, bản điện tử trên trang nhà “thatsonchaudoc.com”*

(2) *Theo Phật Giáo Yếu Lược của Giáo sư Nguyễn Văn Phú, Tổ đình Từ Quang xuất bản, Montréal, Québec, Canada, năm 2000, trang 15.*

LTS:.

Ngỵ Do Thái là một bút hiệu rất quen thuộc trước năm 1975. Thơ anh thường xuất hiện trên tạp chí Văn, Văn Đẻ, Khởi Hành, Thời Tập. Trong khi sưu tập thơ thời chiến miền Nam, chúng tôi đã sưu tầm một số bài của Ngỵ Do Thái. Những bài này không tìm thấy trong tập Áo Ảnh của tác giả. Có lẽ tác giả đã đánh mất chúng sau 4-1975 chẳng. Chúng tôi xin được đăng lại 3 bài lục bát như là một món quà văn nghệ về người thơ của vùng Thất Sơn Châu Đốc, và để bạn đọc có dịp thưởng ngoạn thi tài Ngỵ Do Thái Nguyễn Hải Thệ lúc ông còn trẻ.

Thơ sưu tập

Ngỵ Do Thái

Mùa mưa dầm ở Phú Lâm

Mưa nghiêng lá biếc thăm thì
qua con lộ thấp chân đi chân chừ
hình như cũng chút riêng tư

so vai đã thấy sầu dư vóc phiền
cõi nào đâu cõi tịnh yên
nghĩ lòng cũng rộng trăm miền mưa qua

Đưa em

trời thừa gió nhẹ mưa bay
chân mây chợt thấp gót ngày khẻ lên
tuổi em ngoan đĩnh mắt hiền
chắc trùng dương cũng ngủ mền áo xanh

gót son bùn cũng không đành
đưa em lá biết dỗ dành chân qua

Buổi sáng

ngồi trong lớp học nghe mưa
hồn đau lắng giọt âm thừa qua đây
thân cao ghé thấp rêu đây
ba mươi năm một cõi này vô minh.

(trích thơ Miền Nam trong thời chiến tập I)

TQBT

GIỚI THIỆU SÁCH

(TQBT sẽ lần lượt giới thiệu những sách báo, tạp chí văn học gởi đến chúng tôi. Mục đích để phổ biến những tác phẩm văn học ở hải ngoại đến với độc giả.)

Trong tháng ba, năm 2008 TQBT chúng tôi nhận được:

Thềm Đá Rêu Xanh: Tiểu thuyết tình cảm xã hội của nhà văn **Thảo Trường**. Sách dày 262 trang. Do Đầm Sét xuất bản lần thứ nhất tại California-USA-năm 2007. Không thấy ghi giá bán. Ông là một nhà văn thành danh trước 1975 ở Sài Gòn. Tập truyện ngắn đầu tay của ông là: Thử Lửa, xuất bản năm 1962. Và, những năm sau: Chạy Trốn, Người Đàn bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp, Vuốt Mất Chung Cuộc...v..v..

Ra Hải Ngoại ông tiếp tục sáng tác và xuất bản: Tiếng Thi Thầm Trong Bụi Tre Gai, Đá Mực, Tầm Xa Cũ Bẩn Hiệu Quả...v..v...và, Thềm Đá Rêu Xanh. Được biết, theo lời nhà xuất bản, Thềm Đá Rêu Xanh ông bắt đầu viết vào năm 1972 và hoàn tất vào 18-1-2007 tại Huntington Beach, CA.

Sở dĩ có sự gián đoạn quá lâu như vậy, là vì ông đã bị chính quyền CS giam giữ khá lâu trong tù sau năm 1975. Bản thảo TĐRX cất dấu rồi chuyển ra nước ngoài đã bị mất vài chương nên ông phải viết lại.

TĐRX viết về một cô gái sống trong nội trú và một lần trốn khỏi nội trú. Nhưng với ngoài viết của ông đã dẫn người đọc đi từ chỗ thích thú này đến chỗ thích thú khác khi đọc tác phẩm TĐRX.

Xin trích một đoạn văn ngắn nơi bìa sau để giới thiệu: “*Cô gái đã một lần trốn ra khỏi trường nội trú. Cô cũng đã một lần tìm trở lại trường nội trú đó. Ai giám quả quyết là cô sẽ không trốn ra một lần nữa. Mấy bậc thềm đá đỏ ngăn cách trong và ngoài. Bên trong là một thế giới trật tự nền nếp kín bưng và buồn thảm. Bên ngoài chiến tranh khốc liệt, cuộc sống nhiều nhurong. Từ trong muốn vượt ra ngoài. Ở ngoài muốn tìm trở lại vào trong. Bước qua bước lại mấy bậc thềm đá, cũng chỉ là những bước loanh quanh, bối rối, tuyệt vọng ở cõi đời này...”*

TQBT xin giới thiệu với độc giả TĐRX của nhà văn Thảo Trường.

Vũ Trụ Thơ I và II: Thư Ấn Quán vừa mới phát hành 2 tập: Vũ Trụ Thơ I và II của nhà phê bình văn học Đặng Tiến vào tháng 3 năm 2008. Đây là hai tập *Tiểu luận về Thơ Ca* của anh.

* Vũ Trụ Thơ in lần thứ nhất tại Sài Gòn. NXB Giao Điểm, vào năm 1972. Thư Ấn Quán in lại từ bản điện tử Talawas với sự đồng ý của anh Đặng Tiến trong Tủ sách Di Sản Văn Chương Miền Nam.

(Do in tiếp tập II, Vũ Trụ Thơ, nên mới có cái tên là Vũ Trụ Thơ I và II)

Vũ Trụ Thơ I gồm : Nguyễn Du- Bà Huyện Thanh Quan- Tân Đà- Hàn Mặc Tử- Đinh Hùng.

Tranh bìa: Nguyễn Gia Trí. Sách dày 156 trang.

Trong lời trần tình khi tái bản lần thứ II, anh viết (xin trích):

Cuốn Vũ Trụ Thơ đầu sách duy nhất của tôi, được nhà xuất bản Giao Điểm in năm 1972, tại Sài Gòn, là do nhiệt tình của người bạn vong niên Trần Phong Giao (1932-2005), tự ý chủ động chọn bài và in ấn.

Tôi bắt đầu viết bài điểm sách từ 1960 cho báo sinh viên. Trần Phong Giao đọc được và yêu cầu tôi viết thường xuyên cho nguyệt san **Tin sách**, do anh phụ trách tòa soạn. sau đó tôi viết phê bình, tiểu luận cho các báo **Văn, Mai** và **Bách Khoa**.

....

Mới đây, nhà văn Trần Hoài Thư chủ trương xuất bản Thư Ấn Quán và tạp chí Thư Quán Bản Thảo “ *bắt chước Trần Phong Giao*” *mạn phép tác giả, tự động góp lại những bài tác giả gửi đến Thư Quán bản Thảo, cộng thêm một số bài khác có liên quan đến hệ lụy chiến tranh, để in thành một tập*” với *Vũ Trụ Thơ II, Thơ Trong Thời Chiến* nhờ vậy mà tôi có tác phẩm thứ hai.

Lần này tôi còn vui mừng hơn lần trước, vì hoàn cảnh đổi khác: tình hình in ấn, phát hành ở hải ngoại bây giờ khó khăn hơn thời Sài Gòn 1972. Còn về mặt tinh thần thì người đọc ngày nay, trong hay ngoài nước, chưa chắc gì đã có tâm nhìn và tâm lòng rộng rãi hơn thời Sài Gòn 1972...

Trần Hoài Thư đã xuất bản sách tôi “*như lời tạ tình*” , ý muốn cảm ơn tôi lúc nào cũng sẵn sàng đáp ứng lời kêu gọi của *Thư Quán Bản Thảo* khi có dự án giới thiệu một tác giả thuộc thế hệ bất hạnh trước 1975...(hết trích)

Rõ ràng với Vũ Trụ Thơ II gồm những bài đã đi trên TQBT và một số bài khác có hệ lụy đến chiến tranh trước 1975, nay tập hợp lại để in thành sách. Gồm: Thơ Miền nam Trong Thời Chiến- Đời Và Nhạc Trịnh Công Sơn- Trịnh Công Sơn Tiếng hát Hòa Bình- Độc Cô Thanh Tâm Tuyên- Vũ Hữu Định Tình ca Lữ Vận- Thơ Học Trò Nguyễn Nho Sa Mạc- Nguyễn Bắc Sơn- Từ Thế Mộng Một Đời Thường- Thái Tuấn Họa Sĩ Thi Nhân- Bùi Giáng- Bùi Giáng .Nguồn Xuân- Vũ Hoàng Chương- Thơ Vũ Hoàng Chương- Độc Thơ Nguyễn Xuân Thiệp.

Tranh bìa : Thái Tuấn.

Sách dày 258 trang.

Hai tập Vũ Trụ Thơ I và II là một công trình biên soạn tỷ mỉ. Đáng có trong tủ sách người đọc hôm nay.

Một Thời Lục Bát: Do Thư Ấn Quán xuất bản tháng 3 năm 2008, trong tủ sách: Di Sản văn Chương Miền Nam. Sách dày 604 trang. In đẹp và dãn dị. Giá bán 25 mỹ kim, ngoài nước Mỹ thêm 5 Mỹ kim. Gồm 227 nhà thơ. Có nhà thơ chỉ có 1 bài, nhưng cũng có nhà thơ có 5,7 bài. Từ năm 1960 đến 1975.

Cái mốc tháng 4 năm 1975 là một giai đoạn nghiệt ngã, khó quên. Với 227 nhà thơ trong tập **Một Thời Lục Bát** này đã sưu tầm được hầu hết là những quân nhân, có nhiều khi đưa con tinh thần của họ gởi đi đăng báo, họ chưa thấy thì đã hi sinh ngoài chiến trường. Nếu còn sống thì cũng đã nhìn thấy sự tiêu hủy trong ngọn lửa từ cái mốc tháng 4 năm ấy; mà xã hội đương đại gọi là “văn Hóa đòi Trục”.

Hơn hàng trăm bài thơ Lục bát tìm thấy được để hình thành tập thơ LỤC BÁT hôm nay, theo nhà xuất bản cho biết là công rất lớn của **nhà thơ Thành Tôn** đã tìm kiếm được và ghi chép lại từ các báo cũ ở vỉa hè Sài Gòn sau năm 1975. Và, những bài thơ tìm thấy được trong thư viện Hoa Kỳ và bạn bè lưu giữ.

Có những nhà thơ một thời tên tuổi như Hải Phương, Viên Linh, Viêm Tịnh, Tuệ Sĩ, Tuệ Mai, Từ Kế Tường...Nhưng cũng

có những nhà thơ mới nghe qua một lần. Vì là một tập thơ sưu tầm, cho nên khi đọc xuyên suốt hơn 600 trang, không thấy có bài thơ nào dở. Đáng đọc và đáng được lưu trong tủ sách của những người yêu văn học nghệ thuật.

(TQBT sẽ lần lượt giới thiệu những sách báo, tạp chí văn học gửi đến chúng tôi. Mục đích để phổ biến những tác phẩm văn học ở hải ngoại đến với độc giả TQBT.)

Giữa TQBT Với Độc Giả

* Anh **Nguyễn Kim Lộc**: Chúng tôi đã nhận bài: Người Bạn Từ Và Gió Quyện Hương Đồng của anh gửi đến. Mong nhận những sáng tác khác của anh. Chúc khỏe.

* **Nhà thơ Huỳnh Hữu Võ: (phan rí- Vn)**: Đã những ngừng sáng tác của bạn gửi ra, nhưng báo đã lên khuôn. Đề đi vào sổ sau bạn nhé. Cho gửi lời thăm đến các anh Tô Duy Thạch và Hàn Sa.

* **Nhà thơ Nguyễn Dương Quang (Đà Lạt)**: Bạn nói gửi bài qua, nhưng TQBT chưa thấy. Bạn làm ăn quá phải không? Khi nào về VN, nhớ dành cho tôi một phòng đấy nhé. Thân

* **Nhà thơ Hoàng Ngọc Châu (Lâm Đồng)**: Đã giới thiệu anh với độc giả TQBT trong số này. Hơn 40 năm mới gặp anh lại, nhưng cũng chỉ qua điện thoại. Vẫn giọng nói rặc Huế như ngày nào. Truyện ngắn: Con Người Dã Thú của anh, bạn quá, chưa đánh máy được. Cố gắng xử dụng vì tính cho quen, để còn liên lạc với nhau chứ? Chúc khỏe.

* **Nhà văn Hoài Ziang Duy (Hoa kỳ)**: Cảm ơn anh đã gửi bài. Đi trong số này. Bây giờ thì không còn “đứng xa” nữa đấy nhé. Thân.

* **Nhà thơ Dương Quân (Hoa kỳ)**: TQBT đã nhận bài thơ: Gánh Trầu Mỹ Hội của anh. Đọc cảm động lắm. Nhưng, vì báo đã lên khuôn. đành để vào số sau vậy. Thân.

Nhắn tin chung: TQBT không là tạp chí riêng của Nhóm.

Các bạn gửi bài về: tranhoaitu@verizon.net

Đa tạ.

- * Bài vở gửi cho TQBT xin đừng gửi cho báo nào khác. Dù trên mạng hay dưới đất.
- * TQBT chỉ nhận qua email hay cd. Không nhận bài viết tay gửi qua bưu điện.
- * Xin gửi về địa chỉ:
tranhoaitu@verizon.net

Địa chỉ liên lạc để nhận TQBT

Trần Hoài Thư

P.O.Box 58

South Bound Brook

NJ 08880